

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM, TRUNG CẤP SƯ PHẠM NĂM HỌC 2021-2022

(Kèm theo Công văn số /ĐHKT-ĐBCLGD ngày tháng năm 2022 của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội)

A. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ QUY MÔ ĐÀO TẠO

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	130	1021	4243					
1	Khối ngành III	64	714	1856					
2	Khối ngành VII	66	307	2387					

B. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ TỶ LỆ SINH VIÊN CÓ VIỆC LÀM SAU 01 NĂM TỐT NGHIỆP

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	Trung bình	
	Tổng số						
1	Khối ngành III	360	1,7%	40,0%	56,4%	1,9%	96.49
2	Khối ngành VII	512	5,5%	43,0%	49,4%	2,1%	100.0

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: (SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)*100

C. CÔNG KHAI CÁC HỌC PHẦN HỌC PHẦN CỦA TỪNG KHÓA HỌC, CHUYÊN NGÀNH

C1. KHOA KINH TẾ CHÍNH TRỊ

1. Tiến sĩ Kinh tế chính trị (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Các học phần bắt buộc (6TC)				
1.	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao	Nghiên cứu chuyên sâu quá trình phát sinh, phát triển và chuyển hóa của các tư tưởng và học thuyết kinh tế lớn như học thuyết giá trị, giá trị thặng dư và phân phối thu nhập, học thuyết tái sản xuất và khủng hoảng kinh tế, học thuyết về tiền tệ, học thuyết về thể chế kinh tế, các giá trị cốt lõi của học thuyết kinh tế Mác - Lênin, quan niệm về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế... Bước đầu, học phần cũng giới thiệu những nét khái quát về lịch sử tư tưởng kinh tế của Việt Nam.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2.	Kinh tế Chính trị của sự phát triển	- Cung cấp cho người học các mô hình phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu: mô hình phát triển tuần tự, mô hình phát triển rút ngắn, mô hình Xô Viết... - Nghiên cứu quá trình phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam dưới tác động của các nhân tố: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, hội nhập... từ đó làm rõ hơn các quy luật và các xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong giai đoạn hiện đại. - Trang bị cho người học không chỉ những tri thức mà cả phương pháp luận để xem xét, phân tích, đánh giá quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam; đề xuất những giải pháp nhằm phát triển đất nước nhanh và bền vững.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
II	Học phần tự chọn (3/9TC)				
3.	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các	Cung cấp cho người học các khái niệm, cách đo lường và phân tích nghèo đói và bất bình đẳng, mối quan hệ giữa bất bình đẳng và nghèo đói, các nhân tố tác động tới nghèo đói và bất bình đẳng và vai trò của chính phủ	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
	nước kém phát triển	trong giảm nghèo và bất bình đẳng nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao thu nhập và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế - xã hội.			
4.	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tìm hiểu tác động của những thay đổi trong cấu trúc đương đại của nền kinh tế chính trị toàn cầu đối với các mối quan hệ nhà nước-thị trường, về mức độ, phạm vi và quyền hạn của nhà nước đối với các quá trình làm chính sách và các công cụ mà qua đó chính sách công được thực thi. Căn cứ vào những vấn đề rút ra từ việc nghiên cứu, học phần góp phần gợi mở một số khuyến nghị cho Việt Nam về việc giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5.	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao	Phân tích làm rõ những đặc điểm riêng của từng chính sách: tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế, tài chính - tiền tệ, chính sách lao động - việc làm, ... và đưa ra những gợi ý để người học có thể vận dụng trong quá trình tham gia hoạch định, phân tích và tổ chức thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội; đánh giá tác động của các chính sách đến các đối tượng khác nhau của chính sách.	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
III	Chuyên đề (6TC)				
6.	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Cung cấp những kiến thức về phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh tế và kinh doanh. NCS có thể vận dụng kiến thức được học vào hoạt động nghiên cứu (từ cách thiết kế nghiên cứu, soạn bộ câu hỏi đến thực hiện phân tích tương quan và hồi qui, phương pháp phân tích đa biến, viết báo cáo đánh giá ...).	2	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
7	Phân tích kinh tế về các thể chế chính trị	Nghiên cứu sinh nắm được những nội dung chủ yếu của học phần phân tích kinh tế thể chế chính trị theo các mức độ như: mức 1 - có khả năng tái hiện; mức 2 - có khả năng tái tạo; mức 3 - có khả năng lập luận; mức 4 - có khả năng sáng tạo.	2	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
8	Kinh tế chính trị hiện đại	Cung cấp cho người học những cách tiếp cận mới, sâu sắc hơn dựa trên những phân tích, đánh giá đa chiều, khả năng nhận biết, lượng hóa xu thế phát triển của các nhân tố trong lĩnh vực kinh tế chính trị hiện đại như lợi ích nhóm, chính phủ và chính sách công, phát triển kinh tế và các vấn đề xã hội, thể chế kinh tế trong nền kinh tế toàn cầu...Cụ thể, học phần giúp người học đạt được các nội dung chính như: i) Nắm được các cách tiếp cận của khoa học kinh tế chính trị hiện đại (<i>cấp độ 2</i>); ii) Nhận biết được bản chất của các hiện tượng, các quá trình kinh tế dưới góc nhìn của kinh tế chính trị hiện đại (<i>cấp độ 2</i>); iii) Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc của kinh tế chính trị hiện đại vào phân tích đánh giá các vấn đề kinh tế đương đại nhất là các vấn đề thực tiễn nảy sinh trong nền kinh tế Việt Nam (<i>cấp độ 3</i>).	2	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Tiểu luận: 20% Thi cuối kỳ: 60%
IV	Các học phần tự chọn (6/9TC)				
9	Quản lý nhà nước kinh tế nâng cao	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về Kinh tế và quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Quy luật kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế; Các phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế; Các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế; ...	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
10	Kinh tế thế giới hiện đại	Cung cấp cho người học các kiến thức về: các đặc điểm, động thái, xu thế phát triển của kinh tế thế giới, những thay đổi cơ cấu trong nền kinh tế thế giới; chuyển biến trong tư duy về phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế; xu hướng chuyển dịch sang nền kinh tế mới, toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế và xu thế xu thế biến đổi các thể chế kinh tế toàn cầu; ...	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
11	Hoạch định phát triển	Trang bị cho người học các phương pháp tiếp cận hình thành hệ thống công cụ hoạch định phát triển kinh tế - xã hội (các công cụ này hiện nay đang được sử dụng phổ biến ở Việt Nam), đó là: Chiến lược phát triển, Quy hoạch phát triển, Kế hoạch phát triển. Việc đề cập các công cụ này được tiếp cận theo góc độ: các công cụ hình thành một quy trình thực hiện tuần tự, mỗi công cụ sau phải dựa trên yêu cầu, nội dung đặt ra của công cụ trước thành một logic nội dung có mối quan hệ mật thiết với nhau.	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%

2. Tiến sĩ Quản lý Kinh tế (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Các học phần bắt buộc (6TC)				
1	Quản lý nhà nước kinh tế nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	3	Học kỳ:1,2	
2	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	3	Học kỳ:1,2	
II	Học phần tự chọn (3/9TC)				
3	Quản lý công và lãnh đạo	Cung cấp cho người học các kiến thức như: Vai trò, cơ cấu và những đặc điểm cơ bản của quản lý trong khu vực công; Đặc điểm tổ chức và hoạt động của các tổ chức công (đặc biệt là các tổ chức nhà nước); Vai trò chức năng và cơ cấu thực hiện chức năng của hành chính công trong quản lý xã hội; Quản lý công theo cách tiếp cận mới với việc áp dụng những bài học thành công trong quản lý của khu vực tư, các mô hình quản lý	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		công, các xu hướng cải cách khu vực công trên thế giới và liên hệ với thực tiễn Việt Nam, ...			
4	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội	Cung cấp cho người học các kiến thức như: các nguyên tắc, mục tiêu, yêu cầu, quy trình và các nội dung cần thực hiện của hoạt động phân tích chính sách trong toàn bộ quá trình chính sách: hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh các chính sách kinh tế - xã hội. Các nội dung nghiên cứu được gắn với việc phân tích các tình huống cụ thể.	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn	Giúp người học có hiểu biết về nội dung chính sách xã hội, các chính sách xã hội cơ bản; lựa chọn ưu tiên các chính sách xã hội phù hợp với từng thời kỳ, từng vùng, từng địa phương nhằm góp phần phát triển bền vững.	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
III	Các chuyên đề (6TC)				
6	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	2	Học kỳ:1,2	
7	Các lý thuyết quản lý kinh tế hiện đại	Giúp người học hình thành các kỹ năng: - Phân tích, tổng hợp và đánh giá những ưu thế, hạn chế của từng học thuyết quản lý và sự phù hợp của mỗi học thuyết thực tiễn quản lý gắn với từng giai đoạn phát triển của xã hội và bối cảnh cụ thể của tổ chức. - Thuyết phục (bằng lời nói, bằng văn bản), thuyết trình, nêu vấn đề và có thể xử lý một vấn đề thực tiễn quản lý với các kiến thức khoa học của các lý thuyết quản lý.	2	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
8	Quản lý công trong điều kiện toàn cầu hóa	Giúp người học nhận biết được đặc trưng, các biểu hiện mới của quá trình toàn cầu hoá kinh tế và những cơ hội, thách thức đối với quản lý công trong bối cảnh toàn cầu hoá; Phân biệt được quản lý công với nghĩa là quản lý trong khu vực công và quản lý công với nghĩa là một các tiếp cận mới trong hành chính công, ...	2	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thảo luận: 10% Thi hết học phần: 60%
IV Các học phần tự chọn (6/9TC)					
9	Tư duy phản biện	Giúp người học hiểu, làm rõ bản chất, đặc trưng, các tiêu chuẩn của tư duy và các vấn đề căn bản của logic hình thức và logic biện chứng; Hiểu và biết cách phân tích các khía cạnh khác nhau của những vấn đề kinh tế - xã hội, từ đó có tầm nhìn khái quát trước các vấn đề nghiên cứu hoặc thực tiễn đặt ra, làm cơ sở cho việc ra quyết định; Vận dụng các kiến thức trên, biết cách lập luận để biện minh cho cách nhìn nhận và đánh giá các vấn đề quản lý kinh tế - xã hội của riêng mình dựa trên những minh chứng thuyết phục và quan điểm đa chiều đã tham khảo và chọn lọc.	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
10	Quản trị và phát triển	Giúp người học hiểu, làm rõ bản chất, các khái niệm và lý thuyết về quản trị và mối quan hệ giữa quản trị với phát triển; Hiểu và phân tích được các khía cạnh khác nhau của quản trị tốt bao gồm hệ thống hành chính, dân chủ, sự tham gia và vai trò của xã hội dân sự; Vận dụng các kiến thức để phân tích và đưa ra các quan điểm riêng về vai trò của quản trị đối với phát triển tại các nước đang phát triển.	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
11	Quản lý tri thức	Cung cấp những vấn đề cơ bản về quản lý tri thức: quan niệm, lịch sử hình thành và vai trò của quản lý tri thức; chu trình quản lý tri thức, nội dung cũng như các mô hình quản lý tri thức truyền thống và các mô hình hiện hành; các vấn đề quản lý cơ bản trong việc sáng tạo, chia sẻ và ứng dụng tri thức; nhận diện tình hình quản lý tri thức ở Việt Nam giai đoạn gần đây.	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%

3. Thạc sĩ Kinh tế chính trị

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khởi kiến thức chung		8		
1	Triết học	Cung cấp các kiến thức về những vấn đề chung và cơ bản của con người, thế giới quan và vị trí của con người trong thế giới quan, những vấn đề có kết nối với chân lý, sự tồn tại, kiến thức, giá trị, quy luật, ý thức, và ngôn ngữ; giúp người học giải quyết những vấn đề nhân sinh quan trên cơ sở phê phán, duy lý trong việc lập luận.	4	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Tiếng Anh cơ bản	Được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên và được đánh giá ở bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương IELTS 4.5.	4	Học kỳ: 1	(không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy)
II	Kiến thức chuyên ngành		47		
	Các học phần bắt buộc		21		
3	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Trang bị cho học viên kiến thức và các kỹ năng cần thiết để tiến hành thực hiện một hay nhiều nghiên cứu độc lập.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%

4	Lý thuyết kinh tế vi mô	Hình thành hệ thống lý thuyết kinh tế vi mô theo cách tiếp cận hiện đại; Hiểu rõ cách phát triển mối liên kết của lý thuyết vi mô theo các chủ đề riêng biệt trong các lĩnh vực có liên quan đến kinh tế học; Phân tích lý thuyết kinh tế theo các mô hình của kinh tế vi mô theo các chủ đề và cách tiếp cận hiện đại; rèn luyện cho người học khả năng tư duy hệ thống thông qua phát triển các mối liên hệ lý thuyết từ kinh tế học vi mô sang một số lĩnh vực có liên quan.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
5	Lý thuyết kinh tế vĩ mô	Hiểu rõ mục tiêu bao quát của kinh tế vĩ mô nghiên cứu về những biến động kinh tế ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế dài hạn; Hiểu được một số thành tố quan trọng quyết định GDP; Nhận thức được những khó khăn thách thức trong việc thi hành những chính sách vĩ mô của chính phủ nhằm điều tiết hoạt động của nền kinh tế.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
6	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế chính trị (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	3	Học kỳ: 2	
7	Kinh tế chính trị Việt Nam	Cung cấp cho người học các tri thức kinh tế chính trị chuyên sâu về các vấn đề kinh tế - xã hội cấp thiết Việt Nam. Người học hiểu được những vấn đề lý luận chung nhất về các vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách; Biết sử dụng các tri thức lý luận để phân tích thực tiễn ở nước ta hiện nay; Phân tích, đánh giá được những thành tựu, hạn chế và các vấn đề Kinh tế chính trị cấp thiết ở nước ta hiện nay và đưa ra được khuyến nghị các chính sách cho những năm tới.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
8	Kinh tế chính trị của sự phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	3	Học kỳ: 2	
9	Lịch sử kinh tế Việt Nam	Có kiến thức chung một cách có hệ thống về lịch sử kinh tế Việt nam và những vấn đề cơ bản về mô hình phát triển kinh tế của một số giai đoạn phát triển. Trên cơ sở những bài học kinh nghiệm của Việt Nam trong	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15%

		quá trình xây dựng và phát triển kinh tế có thể phân tích một số vấn đề kinh tế trong lịch sử.			Thi hết học phần: 60%
10	Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế	Hiểu, làm rõ khái niệm, (i) bản chất, đặc trưng, các biểu hiện mới và cơ hội, thách thức của quá trình toàn cầu hoá. (ii) đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị quốc tế; Hiểu rõ một số lý thuyết cơ bản trong kinh tế chính trị quốc tế. Phân tích được một số vấn đề về toàn cầu hoá và kinh tế chính trị quốc tế hiện nay; Vận dụng các kiến thức trên vào phân tích tác động của quá trình toàn cầu hoá đối với Việt Nam và các phản ứng chính sách của Việt Nam trước các vấn đề kinh tế chính trị quốc tế hiện nay.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
Các học phần tự chọn			26		
11	Kinh tế chính trị Mác-xít	Trang bị cho người học các phương pháp tiếp cận hiện đại để hình thành tư duy phân tích và đánh giá chuyên sâu các vấn đề về kinh tế chính trị Mác-xít; <i>Hiểu và biết phân tích, đánh giá</i> lý luận cũng như thực tiễn những vấn đề KTCT dưới góc độ duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trên nền tảng những kiến thức cơ bản và hệ thống về Kinh tế chính trị Mác-xít. Từ đó có thể <i>vận dụng</i> được những kiến thức được trang bị vào việc tìm hiểu, phân tích, đánh giá sự vận động của nền kinh tế thị trường hiện đại nói chung, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam nói riêng.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
12	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	3	Học kỳ: 3	
13	Chính trị và phát triển	Hiểu rõ các phạm trù, nội dung cơ bản của chính trị học phát triển; vai trò, những nhân tố chính trị tác động đến các quá trình phát triển xã hội. Trên cơ sở đó, hình thành khả năng phân tích, đánh giá sự tác động của các yếu tố chính trị đến sự phát triển xã hội; hình thành kỹ năng tham gia chính trị.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%

14	Môi trường và phát triển	<p>Cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường, gắn kết những vấn đề môi trường và phát triển, tạo cơ sở để nghiên cứu những lĩnh vực khác như quản lý khoa học - công nghệ và môi trường, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn.</p> <p>Hiểu được các mối liên kết giữa các vấn đề khác nhau về môi trường và tài nguyên thiên nhiên và các hoạt động kinh tế ảnh hưởng lên môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Biết cách sử dụng các công cụ kinh tế phù hợp để giải quyết các vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên và cải cách vấn đề quyền sở hữu/thể chế.</p>	2	Học kỳ: 3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Thảo luận: 15%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>
15	Công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển	<p>Cung cấp cho người học (i) các kiến thức cơ bản và hệ thống về công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển. (ii) phương pháp tiếp cận hiện đại để hình thành tư duy phân tích, đánh giá chuyên sâu các vấn đề liên quan đến công nghiệp hóa tại các nước đang phát triển trên thế giới và Việt Nam.</p>	3	Học kỳ: 2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Thảo luận: 15%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>
16	Nông nghiệp trong phát triển kinh tế	<p>Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nông nghiệp, đánh giá vai trò của nông nghiệp, vai trò của công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, tầm quan trọng của chính sách nông nghiệp. Vận dụng kiến thức phân tích, tổng hợp và đánh giá vị trí, vai trò của nông nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế.</p>	3	Học kỳ: 3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Thảo luận: 15%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>
17	Tăng trưởng phát triển và sự chuyển đổi kinh tế	<p>Cung cấp cho học viên những kiến thức về tăng trưởng kinh tế trong một nền kinh tế chuyển đổi dựa trên những luận cứ khoa học và tư duy kinh tế chính trị.</p> <p>Phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề kinh tế chính trị về tăng trưởng và chuyển đổi kinh tế, trong đó có Việt Nam.</p>	2	Học kỳ: 3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Thảo luận: 15%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>

18	Kinh tế chính trị về nền kinh tế tri thức	Có kiến thức cơ bản về một nền kinh tế tri thức, những điều kiện để phát triển nền kinh tế tri thức, phân tích được những điểm mạnh, điểm yếu đối với một quốc gia khi đặt mục tiêu hướng tới một nền kinh tế tri thức, đồng thời vận dụng kiến thức đã học để phân tích khả năng phát triển nền kinh tế tri thức ở Việt Nam dưới góc độ Kinh tế chính trị.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
19	Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người	Cung cấp cho người học một cách tiếp cận chuyên sâu về quá trình tăng trưởng kinh tế và phát triển con người. Cụ thể: i) Hiểu rõ các quan niệm và bản chất của quá trình phát triển con người; ii) Nhận biết được sự tương tác giữa quá trình tăng trưởng kinh tế và quá trình phát triển con người; iii) Hiểu và vận dụng được các chính sách hướng tăng trưởng kinh tế đến mục tiêu phát triển con người; iv) Nhận biết được một số quá trình tăng trưởng kinh tế vì mục tiêu phát triển con người ở một số quốc gia trên thế giới; v) Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc của quá trình tăng trưởng vì mục tiêu phát triển con người vào quá trình tăng trưởng kinh tế hiện thực ở Việt Nam.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
20	Toàn cầu hóa và chính sách công	<p>- Phản biện, phân tích được (i) khái niệm, đặc trưng và biểu hiện mới của toàn cầu hóa với tính cách là xu hướng, khuôn khổ phát triển mới của nền kinh tế thế giới. (ii) đặc trưng, quy trình hoạch định, đánh giá Chính sách công và Chính sách công ở một số nước trên thế giới.</p> <p>- Phân tích đánh giá được (i) các chiều hướng tiến triển, tác động của toàn cầu hóa đến Chính sách công trên các cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu. (ii) vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi trong xây dựng và thực hiện Chính sách công của VN trong tiến trình toàn cầu hóa.</p>	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%

21	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	3	Học kỳ: 3	
22	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	3	Học kỳ: 1	
23	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động	Cung cấp cho học viên những công cụ phân tích kinh tế về hoạt động của thị trường lao động; những kiến thức về các thể chế và chính sách công để đánh giá hiệu lực của hợp đồng, điều khoản và điều kiện do người lao động và doanh nghiệp thỏa thuận trên thị trường lao động; Có kiến thức chung về những xu hướng, sự phát triển của thị trường lao động và những vấn đề thời sự trên thị trường lao động.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
24	Quản lý khoa học công nghệ	Có kiến thức cơ bản về khoa học và công nghệ và quản lý khoa học và công nghệ. Hiểu rõ chiến lược phát triển cũng như những nội dung quản lý về (1) hoạt động khoa học và công nghệ; (2) các nguồn lực khoa học và công nghệ cũng như về (3) thị trường khoa học và công nghệ. Có thể đánh giá tình hình thực tế phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam cũng như tình hình quản lý khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
25	Quản lý công và Lãnh đạo	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%

26	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	3	Học kỳ: 2	
27	Thương mại quốc tế	Có kiến thức về các lý thuyết thương mại quốc tế, đặc biệt những vấn đề mới và có liên quan đến các nước đang phát triển trong buôn bán quốc tế một cách có hệ thống. Hiểu rõ những nguyên tắc được vận dụng trong chính sách thương mại quốc tế, và những vấn đề đang đặt ra trong quá trình tự do hoá thương mại toàn cầu để giải thích, đánh giá chính sách và động thái thương mại quốc tế và của VN. Vận dụng các lý thuyết và Chính sách thương mại quốc tế để triển khai và thực hiện các nghiên cứu liên quan đến Thương mại quốc tế, đưa ra giải pháp và kiến nghị.	3	Học kỳ: 3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Thảo luận: 15%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>
28	Tài chính tiền tệ quốc tế	<p>- Hiểu được các lý thuyết về: Cán cân thanh toán quốc tế; Những nhân tố tác động tới tỷ giá hối đoái; Hoạt động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế mở; Các nguyên tắc hoạt động của hệ thống tiền tệ quốc tế và chính sách kinh tế vĩ mô quốc tế; Khủng hoảng tài chính - tiền tệ...</p> <p>- Hiểu được các quan hệ kinh tế tổng thể có tính tương tác lẫn nhau như tăng trưởng, thất nghiệp, lạm phát, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán và sự phối hợp các chính sách kinh tế vĩ mô quốc tế cũng như tính phức tạp, đa chiều và đa quan điểm về những vấn đề này để có thể phân tích và đánh giá một cách độc lập và có tính phê phán đối với các vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn.</p>	3	Học kỳ: 2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Thảo luận: 15%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>

29	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô	Có khả năng nhận biết và phân biệt được các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô mà chính phủ có thể sử dụng được để can thiệp vào nền kinh tế; Hiểu rõ nội dung cũng như các ưu điểm, nhược điểm và điều kiện áp dụng của từng công cụ quản lý kinh tế vĩ mô từ đó có thể vận dụng phân tích tình huống thực tế tại Việt Nam; Có khả năng lập luận, phân tích, đánh giá các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô mà chính phủ đã sử dụng để can thiệp vào nền kinh tế trong tình hình cụ thể của đất nước...	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
30	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống thông tin; Cơ sở công nghệ thông tin của hệ thống thông tin; Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
	Luận văn thạc sĩ		9	Học kỳ: 4	

4. Thạc sĩ Quản lý Kinh tế

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		8		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT thạc sĩ Kinh tế Chính trị.				
II	Khối kiến thức chuyên ngành		47		
	Các học phần bắt buộc				
1	Quản lý công và lãnh đạo	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	3	Học kỳ: 1	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
2	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	3	Học kỳ: 3	
3	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	3	Học kỳ: 1	
4	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	Mục tiêu cần đạt tới của học phần này là hiểu một cách có hệ thống kiến thức quản lý nhà nước về kinh tế và bước đầu vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế vi mô và vĩ mô.	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
5	Quản trị chiến lược trong các tổ chức công	Học viên sẽ nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị chiến lược trong tổ chức công và các tổ chức hoạt động kinh doanh như tập đoàn kinh tế nhà nước, doanh nghiệp. Các kiến thức chuyên sâu là những kiến thức thực tiễn để ứng dụng vào quản trị chiến lược vào tổ chức như xây dựng bản đồ chiến lược, xác định các chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động, các loại hình chiến lược cạnh tranh sẽ được truyền tải đến học viên thông qua các bài giảng ứng dụng thực tiễn.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
6	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	2	Học kỳ: 1	
7	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	3	Học kỳ: 1	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
8	Phân tích các vấn đề về tiền tệ và ngân hàng	Người học được cung cấp phương pháp tiếp cận hiện đại để hình thành tư duy phân tích, đánh giá chuyên sâu các hoạt động của thị trường tài chính nói chung, hệ thống ngân hàng nói riêng trong bối cảnh kinh tế hiện đại. Trên cơ sở đó, người học có được năng lực nghiên cứu độc lập, khả năng phân tích thực tiễn và vận dụng lý thuyết vào giải quyết những vấn đề nóng bỏng trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng của thế giới và Việt Nam trong bối cảnh hội nhập ngày nay.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
9	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	3	Học kỳ: 2	
Các học phần tự chọn			22/44		
10	Toàn cầu hóa và chính sách công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	2	Học kỳ: 3	
11	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế	Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về (i) tài chính quốc tế; những đặc điểm và bản chất những vấn đề cơ bản của tài chính quốc tế như cán cân thanh toán, các thị trường tài chính quốc tế (Thị trường ngoại hối, thị trường Đô la Châu Âu và thị trường trái phiếu Châu Âu), hệ thống tiền tệ quốc tế, nợ quốc tế. ... (ii) thị trường ngoại hối Việt Nam và chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam. Hiểu được các yếu tố tác động tới tỷ giá hối đoái và một số nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và bảo hiểm rủi ro tỷ giá hối đoái.	2	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
12	Quản lý khoa học công nghệ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	3	Học kỳ: 1	
13	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	3	Học kỳ: 2	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
14	Quản lý tài nguyên và môi trường	Cung cấp các kiến thức đa chiều về các loại hình tài nguyên và yếu tố môi trường; cơ sở lý luận và phương pháp luận quản lý tài nguyên và môi trường; một số văn bản quản lý tài nguyên và môi trường chủ yếu của Việt Nam. Cụ thể: i) kiến thức về bản chất tài nguyên và yếu tố môi trường; ii) các nguyên lý và phương pháp quản lý các dạng tài nguyên thiên nhiên cơ bản; iii) nguyên lý và các công cụ quản lý môi trường chủ yếu.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
15	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	3	Học kỳ: 2	
16	Quản lý tài chính công	Cung cấp (i) cơ sở lý thuyết và thực tiễn về vai trò của khu vực công trong nền kinh tế thị trường hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hóa và xu hướng dịch chuyển sang nền kinh tế tri thức. (ii) cơ sở hình thành các chính sách chi tiêu và thuế khóa của nhà nước và tác động của các kiểu loại chính sách này đến nền kinh tế, đến người sản xuất và tiêu dùng trên cơ sở các mục tiêu (tăng trưởng, hiệu quả, công bằng) mà các chính sách này theo đuổi. Hiểu rõ các xu hướng tranh luận về chính sách công, đặc biệt ở các nước đang phát triển.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
17	Đàm phán và quản lý xung đột	Có thể dựng và triển khai (i) chiến lược đàm phán trong nhiều tình huống khác nhau; (ii) xây dựng chiến lược, thuyết phục các cá nhân và nhóm lợi ích trong giải quyết xung đột. (iii) nhận diện xung đột và giải quyết xung đột.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
18	Quản trị tài chính dành cho các nhà hoạch định chính sách	Cung cấp cho học viên (i) hệ thống lý thuyết cơ bản và các vấn đề chính của quản trị tài chính dành cho các nhà quản lý các nhà hoạch định chính sách. (ii) các công cụ phân tích, đánh giá tình hình tài chính để ra quyết định trong đầu tư công. (iii) vận dụng các kiến thức lý thuyết và các công cụ phân tích tài chính vào giải quyết các vấn đề thực tế trong quản lý tài chính công. (iv) giải quyết một số bài toán của quản trị tài chính như dự toán vốn đầu tư, phân tích báo cáo tài chính phần mềm máy tính.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
19	Kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực công	Cung cấp hệ thống lý thuyết và thực tiễn về vai trò của khu vực công trong nền kinh tế thị trường hiện đại và tính đặc thù của vấn đề gắn với điều kiện của các nước đang phát triển. Hiểu được cơ sở hình thành các chính sách chi tiêu và thuế khóa của nhà nước và tác động của các kiểu loại chính sách này đến nền kinh tế, đến người sản xuất và tiêu dùng trên cơ sở các mục tiêu (tăng trưởng, hiệu quả, công bằng) mà các chính sách này theo đuổi. Nắm được các xu hướng tranh luận về chính sách công, đặc biệt ở các nước đang phát triển.	2	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
20	Quản lý an ninh kinh tế	Học viên có những kiến thức cơ bản về (i) an ninh kinh tế, nội hàm của an ninh kinh tế, các nguy cơ đe dọa đến an ninh kinh tế ở nước ta hiện nay, (ii) công tác quản lý về an ninh kinh tế, công tác tổ chức lực lượng, phương tiện, biện pháp quản lý về an ninh kinh tế ở nước ta hiện nay. (iii) quản lý về an ninh tài chính, ngân hàng, quản lý về an ninh công nghiệp, năng lượng, ... (iv) hiểu và vận dụng trong công tác phối hợp lực lượng nhằm tổ chức tốt công tác quản lý về an ninh trên các lĩnh vực này một cách hiệu quả.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
21	Phụ nữ trong quản lý tổ chức công	Cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về (i) vai trò, vị trí của phụ nữ trong các tổ chức công cũng như những vấn đề cơ bản về giới tính, các nhân tố ảnh hưởng đến quyền nữ giới và cách mạng bình đẳng giới. (ii) kỹ năng và khả năng lãnh đạo để phát huy quyền lực của phụ nữ trong kinh doanh, trong xã hội dân sự, đặc biệt trong các tổ chức công và những mâu thuẫn và thách thức của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
22	Lý thuyết kinh tế vi mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	3	Học kỳ: 1	
23	Lý thuyết kinh tế vĩ mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	3	Học kỳ: 1	
24	Quản lý kho bạc nhà nước	Học viên hiểu được một số vấn đề cơ bản về hoạt động nghiệp vụ Kho bạc nhằm thực hiện chính sách tài khóa; phân tích chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn KBNN; sơ đồ hóa tổ chức bộ máy của KBNN; mô tả các quy trình nghiệp vụ Kho bạc chủ yếu: thu, chi NSNN, phát hành trái phiếu chính phủ, quản lý ngân quỹ nhà nước, tổng kế toán nhà nước, ...	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Thảo luận: 20% Thi hết học phần: 60%
25	Quản lý ngân sách nhà nước	Học viên hiểu được những vấn đề cơ bản về ngân sách nhà nước, phân tích vai trò ngân sách nhà nước; sơ đồ hóa hệ thống ngân sách nhà nước gắn với nguồn thu, nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý ngân sách nhà nước trong chu trình ngân sách nhà nước; nắm được các nhân tố ảnh hưởng đến thu, chi, bội chi ngân sách nhà nước, lựa chọn được các giải pháp hiệu quả quản lý thu, chi, cân đối ngân sách nhà nước trong các điều kiện hoàn cảnh cụ thể gắn quản lý ngân sách nhà nước với quản lý nợ và tiền tệ, tín dụng, ...	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Thảo luận: 20% Thi hết học phần: 60%
	Luận văn thạc sĩ		9	Học kỳ: 4	

5. Cử nhân Kinh tế

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I. Khối kiến thức chung			27		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác-Lênin thông qua bộ phận cơ bản cấu thành của nó là Triết học Mác - Lênin. Xây dựng nền tảng lý luận để tiếp cận các nội dung còn lại của Chủ nghĩa Mác - Lênin (Kinh tế chính trị học và CNXHKKH) xác lập cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn để tiếp cận nội dung của các khoa học cụ thể.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Cung cấp cho sinh viên nội dung những kiến thức cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin thông qua bộ phận cơ bản cấu thành của nó là Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Xác lập cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn để tiếp cận nội dung của các khoa học cụ thể.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nắm được khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nắm được phương pháp và phương pháp luận của chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc nhận thức và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của dân tộc và nhân loại. Hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh. Hiểu được một cách có thể hệ thống nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta.	2	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về: (i) Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam; (ii) Những kiến thức cơ bản và có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ cách	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.			
5	Tin học cơ sở	Cung cấp các kiến thức cơ bản về (i) thông tin, công cụ xử lý thông tin, mạng truyền thông, một số phần mềm ứng dụng, (ii) “hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ”: kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ, kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ.	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
6	Tiếng Anh cơ sở 1	Người học có thể (i) Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. (ii) Miêu tả một cách đơn giản về bản thân, các hoạt động và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống của mình.	4	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 20% Kiểm tra 1 (Nghe, đọc, viết): 10% Kiểm tra 2 (Nói): 10% Thi cuối kỳ: 60%
7	Tiếng Anh cơ sở 2	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp một cách rõ ràng, thành thạo trong giao tiếp hàng ngày theo văn phong phù hợp với văn cảnh; Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống. Có thể trình bày các nội dung thông tin đơn giản bằng tiếng anh.	5	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 20% Kiểm tra 1 (Nghe, đọc, viết): 10% Kiểm tra 2 (Nói): 10% Thi cuối kỳ: 60%
8	Tiếng Anh cơ sở 3	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu theo chuyên ngành. Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống và học thuật. Tạo các phát ngôn tương đối dài, phức tạp và phù hợp với chuyên ngành học. Có thể trình bày các nội dung thông tin tương đối phức tạp bằng tiếng anh.	5	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 20% Kiểm tra 1 (Nghe, đọc, viết): 10% Kiểm tra 2 (Nói): 10% Thi cuối kỳ: 60%
9	Giáo dục thể chất	Học phần do các đơn vị trong ĐHQGHN phụ trách		Học kỳ: 2	
10	Giáo dục quốc phòng an ninh	Học phần do các đơn vị trong ĐHQGHN phụ trách		Học kỳ: 2	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
11	Kỹ năng bổ trợ	Trang bị những kiến thức cơ bản về vai trò, tầm quan trọng cũng như hiệu quả của các kỹ năng bổ trợ trong học tập, trong công việc và trong đời sống; Hình thành và rèn luyện cho người học các kỹ năng bổ trợ quan trọng như kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian hiệu quả, phỏng vấn tìm việc thành công, soạn thảo văn bản, giao tiếp hiệu quả và kỹ năng thuyết trình ấn tượng.		Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
II. Khối kiến thức theo lĩnh vực			10		
12	Toán cao cấp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Toán cao cấp để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu kinh tế. Sinh viên được tiếp cận các kiến thức cơ bản về phương trình vi phân và sai phân, nhất là lớp phương trình vi phân, sai phân tuyến tính; có thể áp dụng kiến thức vào phân tích các mô hình kinh tế.	4	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
13	Xác suất thống kê	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê: bản chất của xác suất, các tính chất cũng như các phương pháp tính xác suất một cách khoa học, hiểu được khái niệm biến ngẫu nhiên, phân phối của biến ngẫu nhiên, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và một số phân phối hay gặp trong thực tế; hiểu được cách giải các bài toán cơ bản của thống kê như bài toán tương quan và hồi quy...; có thể ứng dụng vào giải quyết các bài toán thống kê trong nghiên cứu như luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14	Toán kinh tế	Cung cấp cho sinh viên một số nguyên lý về kinh tế học và các phương pháp phân tích hệ thống kinh tế để xây dựng mô hình toán kinh tế.	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
III	Khối kiến thức theo khối ngành		16		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>14</i>		
15	Nhà nước và pháp luật đại cương	Nhận diện được đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu khoa học nhà nước và pháp luật đại cương. Hiểu những khái niệm, phạm trù học phần và vận dụng được những tri thức và phương pháp của học phần để giải các vấn đề cụ thể của các khoa học pháp lý chuyên ngành.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
16	Kinh tế vi mô	Cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kinh tế học vi mô xét trên góc độ phân tích thị trường và hành vi của người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp tham gia trên các thị trường đầu vào và đầu ra, và vai trò của Chính phủ nhằm điều tiết thị trường.	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
17	Kinh tế vĩ mô	Hiểu rõ mục tiêu bao quát của kinh tế vĩ mô nghiên cứu về những biến động kinh tế ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế dài hạn. Lý giải các biến động và khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay có ảnh hưởng như thế nào đến tăng trưởng kinh tế của các nước.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
18	Nguyên lý thống kê kinh tế	Hiểu rõ được quá trình nghiên cứu thống kê các hiện tượng kinh tế xã hội. Nắm vững các phương pháp điều tra, tổng hợp, phân tích các hiện tượng kinh tế xã hội, từ đó xác định được tính quy luật về mặt lượng của hiện tượng, phát hiện và xác định các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của chúng đến hiện tượng nghiên cứu.	3	Học kỳ: 3	Điểm Bài tập cá nhân tuần: 10% Điểm Tiểu luận học phần: 10% Điểm Kiểm tra: 20% Điểm thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
19	Kinh tế lượng	Hiểu rõ bản chất hợp nhất của lý thuyết kinh tế, công cụ toán học, và phương pháp luận thống kê của kinh tế lượng. Hiểu rõ cách thức và các bước cơ bản tiến hành một nghiên cứu thực nghiệm qua việc ứng dụng phương pháp cơ bản của kinh tế lượng là phân tích hồi quy. Trên cơ sở những kiến thức cơ bản, sinh viên có thể tiếp tục nghiên cứu những chương trình mở rộng hơn nữa lý thuyết và ứng dụng của kinh tế lượng trong nghiên cứu kinh tế và dự báo chính sách.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
Các học phần tự chọn			2/8		
20	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Hiểu được các khái niệm cơ bản về làm việc nhóm, điểm mạnh điểm yếu trong triển khai làm việc nhóm; Có thể xây dựng và quản lý nhóm làm việc hiệu quả; Phương thức đánh giá hiệu quả làm việc của nhóm; Các biện pháp đào tạo và phát triển nhóm; Các kỹ năng hỗ trợ nhằm tăng hiệu quả nhóm làm việc.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Điểm bài tập nhóm: 20% Thi cuối kỳ: 60%
21	Lịch sử văn minh thế giới	Cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về những thành tựu văn hóa, văn minh nhân loại. Được trang bị các phương pháp và những lý thuyết nghiên cứu cơ bản về văn hóa, văn minh.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
22	Xã hội học đại cương	Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của xã hội học, các khái niệm, phạm trù và nguyên lý cơ bản của xã hội học, các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, một số lý thuyết và phương pháp xã hội học. Hình thành một số kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong phần phương pháp nghiên cứu xã hội học...	2	Học kỳ: 1	Bài tập cá nhân: 25% Thảo luận nhóm: 15% Thi cuối kỳ: 60%
23	Logic học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức tồn tại của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng	2	Học kỳ: 1	Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		minh và các quy luật lô gíc hình thức cơ bản của tư duy như : Luật đồng nhất; Luật cấm mâu thuẫn; Luật bài trung; Luật lý do đầy đủ. Từ đó sinh viên hình dung được một cách cụ thể vai trò và tác động của tư duy lô gích trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi lô gích của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác chặt chẽ, khoa học.			Bài tập lớn: 20% Thi cuối kỳ: 60%
IV. Khối kiến thức theo nhóm ngành			20		
<i>Các học phần bắt buộc</i>			17		
24	Luật kinh tế	Có những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại, về hợp đồng. Vận dụng lý thuyết để (i) giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp...; (ii) đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.	2	Học kỳ: 3	Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài tập lớn: 20% Thi cuối kỳ: 60%
25	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế học. Thông qua học phần sinh viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, biết được mục đích nghiên cứu là gì cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, sinh viên sẽ nắm được các bước trong quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
26	Kinh tế vi mô chuyên sâu	Củng cố và hoàn thiện và phát triển những vấn đề chủ yếu về lý thuyết kinh tế học vi mô: (i) Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành, phát triển của công cụ lý thuyết hành vi kinh tế trong việc ra quyết định chính sách	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<p>của các tổ chức, công ty và chính phủ; qua đó hiểu rõ xu hướng vận động của nền kinh tế trong khung cảnh hiện đại.</p> <p>(ii) vận dụng các công cụ và phương pháp phân tích những vấn đề kinh tế vi mô chủ yếu để nắm vững những mô hình chủ yếu trong chương trình các học phần kinh tế học ngành và có thể sử dụng khung phân tích đó để giải quyết những bài toán cụ thể trong lĩnh vực khoa học kinh tế ngành.</p>			
27	Kinh tế vi mô chuyên sâu	<p>Cung cấp cái nhìn khách quan về các quan điểm của các trường phái kinh tế về các vấn đề kinh tế học vi mô. Giúp người học: (i) Hiểu khái niệm, mục tiêu nghiên cứu và những vấn đề liên quan đến chu kỳ kinh doanh (hay những dao động kinh tế ngắn hạn) và tăng trưởng kinh tế dài hạn. (ii) Biết cách vận dụng những mô hình nền kinh tế đóng và mở phù hợp để xác định và lý giải nguyên nhân của biến động sản lượng, việc làm và lạm phát trong ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. (iii) Có thể phân tích và lý giải tác động của các chính sách vi mô đối với những mục tiêu kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.</p>	3	Học kỳ: 4	<p>Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20%</p> <p>Thi cuối kỳ (thi viết): 60%</p>
28	Kinh tế phát triển	<p>Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phát triển: tăng trưởng và phát triển kinh tế; những lý thuyết khái quát về sự phát triển; những kinh nghiệm lịch sử của các quốc gia trong quá trình phát triển; những đặc điểm căn bản hiện nay của các nước đang phát triển; những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển và các giải pháp cho nó.</p> <p>Giúp người học tiếp cận những chính sách kinh tế và xã hội của chính phủ để khởi động, thúc đẩy, và đảm bảo cho quá trình phát triển bền vững.</p>	3	Học kỳ: 5	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thuyết trình nhóm: 10%</p> <p>Dự án học phần: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
29	Lịch sử các học thuyết kinh tế	<p>Hiểu rõ về sự hình thành, phát sinh và phát triển của các học thuyết kinh tế trong lịch sử. Mô tả được sự chuyển hóa của các học thuyết kinh tế. So sánh và đánh giá các học thuyết kinh tế.</p> <p>Vận dụng các học thuyết kinh tế để lý giải các hiện tượng, các quá trình kinh tế đã và đang diễn ra.</p>	3	Học kỳ: 3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi cuối kỳ: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
Các học phần tự chọn			3/12		
30	Nguyên lý kế toán	Hiểu được bản chất và vai trò của kế toán; các nguyên tắc kế toán chung và sự vận dụng chúng vào công tác kế toán một cách đơn giản. Hiểu được đối tượng và phương pháp của kế toán; các yếu tố cấu thành bộ máy kế toán : chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi cuối kỳ: 60%
31	Nguyên lý quản trị kinh doanh	Hiểu được các khái niệm, vai trò chức năng căn bản của hoạt động quản trị kinh doanh của một doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Nắm được các vấn đề căn bản mà các nhà quản trị doanh nghiệp phải thấu hiểu và phải làm khi tiến hành các hoạt động kinh doanh.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
32	Nguyên lý Marketing	Hiểu biết về thị trường và nhu cầu của khách hàng; nhận biết và dự đoán được những cơ hội và đe dọa từ phía môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
33	Quản trị học	Cung cấp các kiến thức về: các hoạt động quản trị và các công việc của nhà quản trị trong một tổ chức; có khả năng phân tích, khái quát các hiện tượng thực tế.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
V. Khối kiến thức ngành			62		
Các học phần bắt buộc			21		
34	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về chính sách kinh tế - xã hội và phân tích chính sách kinh tế - xã hội.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
35	Kinh tế chính trị học	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về Kinh tế chính trị; từ đó góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và tư duy kinh tế. Trên cơ sở đó, người học có thể tiếp thu các kiến thức chuyên ngành; có khả năng nhận thức được những vấn đề kinh tế hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
36	Kinh tế công cộng	Cung cấp cho người học cơ sở kinh tế của vai trò chính phủ trong nền kinh tế thị trường ở cấp độ tái tạo. Vận dụng được kiến thức về lý thuyết cũng như một số công cụ phân tích hiệu quả của chi tiêu công cộng; bản chất của thuế, sự phân phối gánh nặng thuế, và tác động của chính sách thuế đến hiệu quả ở cấp độ tái tạo và lập luận. Áp dụng phân tích các vấn đề hiệu quả trong lựa chọn công cộng và tác động của các nhân tố kinh tế chính trị đến sự vận động của khu vực công.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần:10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
37	Kinh tế quốc tế	Được cung cấp các kiến thức về (i) lý thuyết thương mại quốc tế cơ bản, cổ điển và hiện đại; (ii) các công cụ và tác động của chính sách thương mại quốc tế; (iii) bản chất và đặc điểm của thị trường ngoại hối, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán, tác động của cơ chế hoạt động của các hệ thống tiền tệ quốc tế đối với nền kinh tế của mỗi quốc gia và nền kinh tế toàn cầu. Có thể vận dụng được các mô hình lý thuyết cơ bản trong việc giải thích xu thế vận động của các nguồn lực và tác động của chúng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu.	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần:10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
38	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về (i) tiền tệ, hoạt động hệ thống ngân hàng trong một quốc gia; vai trò của ngân hàng thương mại và NHTW đối với quá trình điều tiết và kiểm soát lượng tiền trong nền kinh tế mở. (ii) phương pháp phân tích thị trường để hình thành tư duy về vấn đề sử dụng vốn tiền tệ có hiệu quả trong kinh tế thị trường hiện đại.	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần:10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
39	Kinh tế môi trường	Hình thành khả năng lập luận và sáng tạo về các vấn đề liên quan đến kinh tế môi trường, cụ thể: (i) Xác định các vấn đề môi trường, giải thích mối quan hệ giữa dân số, môi trường và tăng trưởng kinh tế, sự tương tác giữa hệ kinh tế và hệ môi trường, lý giải được nguyên nhân kinh tế của tình trạng ô nhiễm, suy thoái	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần:10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<p>môi trường và biến đổi khí hậu; xác định tổng giá trị kinh tế, đánh giá giá trị hàng hóa, dịch vụ môi trường.</p> <p>(ii) Xác định vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế trong việc bảo vệ môi trường, ứng dụng các biện pháp kinh tế nhằm làm chậm lại, chấm dứt hoặc đảo ngược tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường; phân tích, so sánh ưu nhược điểm của các công cụ kinh tế dùng để kiểm soát ô nhiễm.</p> <p>Đề xuất các giải pháp kinh tế nhằm quản lý và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; áp dụng các quy tắc khai thác tài nguyên bền vững vào thực tiễn; gợi ý các chiến lược, hành động ứng phó với ô nhiễm, suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu.</p>			
40	Lịch sử kinh tế	<p>Có hệ thống kiến thức chung về (i) lịch sử kinh tế của một số nước và nền kinh tế Việt Nam. (ii) Mô hình phát triển kinh tế của một số nước. (iii) bài học kinh nghiệm của các nước và của Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế.</p> <p>Hình thành tư duy xem xét đánh giá các vấn đề kinh tế từ góc độ lịch sử kinh tế.</p>	3	Học kỳ: 4	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 20%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10%</p> <p>Kiểm tra cuối kỳ: 60%</p>
Các học phần tự chọn theo nhóm			30/51		
Các học phần chuyên sâu về kinh tế học thể chế			12		
41	Kinh tế học thể chế	<p>Cung cấp cho người học các kiến thức căn bản về (i) Kinh tế học thể chế, (ii) Các lý luận và mô hình chủ yếu của kinh tế học thể chế mới. Trên cơ sở các mô hình và lý luận này, kinh tế học thể chế tập trung phân tích các hệ thống và chế độ kinh tế, quản trị doanh nghiệp, giám sát tài chính,...</p> <p>Có thể sử dụng kiến thức được học để phân tích các hiện tượng chính trị, cấu trúc thị trường của khu vực chính trị; các hành động tìm kiếm chênh lệch về lợi ích thông qua các cơ quan chính phủ; và phân tích các tác động và ảnh hưởng của các nhóm lợi ích và các hành vi của các tổ chức khác nhau đối với các thay đổi trong chính sách kinh tế.</p>	3	Học kỳ: 6	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 20%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10%</p> <p>Kiểm tra cuối kỳ: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
42	Kinh tế học về chi phí giao dịch	Học phần cung cấp cho người học cách tiếp cận chuyên sâu về kinh tế học thể chế từ những chi phí nảy sinh trong các giao dịch kinh tế. Cụ thể, học phần giúp người học đạt được các nội dung chính như: i) Hiểu rõ bản chất của các hợp đồng giao dịch kinh tế (<i>cấp độ 1</i>); ii) Nhận biết được nguồn gốc, bản chất và tác động của chi phí giao dịch trong các thỏa ước kinh tế (<i>cấp độ 1</i>); iii) Hiểu được cấu trúc hành vi của các chủ thể giao dịch - các hãng và vai trò của nhà nước (<i>cấp độ 1</i>); iv) Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc kiểm soát các chi phí giao dịch (<i>cấp độ 2</i>); v) Hiểu được cách tiếp cận các chi phí giao dịch trong môi trường toàn cầu (<i>cấp độ 1</i>).	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
43	Chính phủ và chính sách công	Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về vai trò của chính phủ trong xây dựng, quyết định, thực thi và đánh giá chính sách công. Cụ thể, học phần giúp người học đạt được các nội dung chính như: i) Hiểu rõ các khái niệm và vai trò của chính phủ đối với các loại chính sách công (<i>cấp độ 1</i>); ii) Hiểu rõ vai trò của chính sách công và chu trình của chính sách công; iii) Nhận biết được các nhân tố tác động đến vai trò của chính phủ trong xây dựng, quyết định, thực thi và đánh giá chính sách công (<i>cấp độ 2</i>); iv) Hiểu được đặc điểm xây dựng, quyết định, thực thi và đánh giá chính sách công của chính phủ theo các mô hình tổ chức nhà nước khác nhau (<i>cấp độ 2</i>); v) Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc xây dựng, quyết định, thực thi và đánh giá chính sách công của chính phủ Việt Nam (<i>cấp độ 3</i>).	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
44	Thể chế kinh tế Việt Nam	<p>Nhận biết và trình bày được những nội dung chủ yếu của học phần Thể chế Kinh tế Việt Nam. Mô tả được những đặc trưng cơ bản về thể chế kinh tế ở Việt Nam.</p> <p>Phân tích và đánh giá được những chuyển biến cơ bản về cải cách thể chế kinh tế ở Việt Nam trước và sau đổi mới kinh tế.</p> <p>Đánh giá được xu hướng và triển vọng của nền kinh tế dưới tác động của những thay đổi về thể chế kinh tế theo hướng kinh tế thị trường Định hướng XHCN ở Việt Nam.</p>	3	Học kỳ: 7	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 15%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Kiểm tra cuối kỳ: 60%</p>
<i>Các học phần chuyên sâu về kinh tế chính trị</i>			12		
45	Kinh tế chính trị quốc tế	<p>Giúp người học hiểu rõ khái niệm cơ bản của kinh tế chính trị quốc tế.</p> <p>Giúp người học nắm bắt được nội dung cơ bản của các trường phái lý thuyết chính về kinh tế chính trị quốc tế. Giúp người học nắm bắt được một số vấn đề kinh tế chính trị quốc tế nổi bật hiện nay.</p>	3	Học kỳ: 6	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Kiểm tra cuối kỳ: 60%</p>
46	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi	<p>Hiểu được thực chất của mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung (dựa trên nền tảng sở hữu công cộng), căn nguyên đưa đến sự chuyển đổi từ kế hoạch hoá tập trung sang mô hình kinh tế thị trường. Hiểu được logic và phân tích được những nội dung cơ bản, những con đường khác nhau của tiến trình chuyển sang kinh tế thị trường ở các nền kinh tế chuyển đổi trong đó có Việt Nam.</p> <p>Những kiến thức được trang bị giúp cho người học nhận thức được những vấn đề kinh tế chính trị nổi bật đang đặt ra đối với các nền kinh tế chuyển đổi, từ đó hiểu và đánh giá được những thách thức của quá trình chuyển đổi - nhất là đối với Việt Nam trên con đường tiếp tục đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững, phân tích và đánh giá được chiến lược cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô hiện hành.</p>	3	Học kỳ: 6	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Kiểm tra cuối kỳ: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
47	Lợi ích kinh tế và quan hệ phân phối	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lợi ích kinh tế, từ bản chất, nội dung, các hình thức, vai trò... của lợi ích kinh tế; quan hệ giữa lợi ích kinh tế và phân phối thu nhập, các hình thức phân phối thu nhập; việc thực hiện các lợi ích kinh tế và phân phối thu nhập ở Việt Nam trong những năm qua. Trên cơ sở đó, người học có thể phân tích, lập luận, tranh luận... những vấn đề liên quan đến lợi ích kinh tế và phân phối thu nhập.	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
48	Những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam	Người học có các kiến thức chuyên sâu về Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay: nền kinh tế thị trường ở Việt Nam; doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; vai trò nhà nước trong nền kinh tế thị trường Việt Nam; hội nhập quốc tế của Việt Nam; Phát triển bền vững ở Việt Nam. Suy luận, bổ sung, hoàn thiện những kiến thức đó gắn với những điều kiện cụ thể của Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển.	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
Các học phần bổ trợ			18/27		
49	Thế chế chính trị thế giới	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về (i) cấu trúc, bản chất và các loại hình thể chế chính trị thế giới. (ii) chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan hành pháp, lập pháp và tư pháp cũng như việc xây dựng luật. Hình thành kiến thức nền tảng để tiếp tục nghiên cứu các học phần khác cũng như có nhận thức và liên hệ với đời sống chính trị trong nước và trên thế giới trên cơ sở nghiên cứu một số hệ thống đảng phái chính trị hiện nay.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
50	Mô hình nhà nước phúc lợi	Người học có các kiến thức cơ bản, hệ thống về (i) Mô hình nhà nước phúc lợi; từ đó góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận và tư duy khoa học kinh tế chính trị và kinh tế thể chế. (ii) Nhận biết các mô hình nhà nước phúc lợi thông qua các đặc trưng cơ bản của từng mô hình. (iii) Phân loại các quốc gia vào mô hình nhà nước phúc lợi theo các tiêu	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		chí đã xác định. (iv) So sánh các mô hình nhà nước phúc lợi, đánh giá ưu, nhược điểm của từng mô hình và gợi mở khả năng vận dụng mô hình nhà nước phúc lợi ở Việt Nam.			
51	Nông nghiệp, nông dân và nông thôn	Có các kiến thức cơ bản, từ những khái niệm, đặc điểm, vai trò... của nông nghiệp, nông thôn, nông dân và quan hệ giữa chúng để có thể suy luận, nhận biết những điều kiện cụ thể của Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
52	Kinh tế chính trị Mỹ	Giúp người học hình thành hệ thống kiến thức cơ bản về: (i) lịch sử phát triển và một số vấn đề nổi bật của kinh tế Mỹ nhìn từ góc độ chính trị. (ii) những đặc điểm và yếu tố cơ bản chi phối quá trình hoạch định chính sách kinh tế - xã hội ở Mỹ. Trên cơ sở kiến thức nền tảng, người học hiểu được hoạt động và vai trò giữa các chủ thể cơ bản của hệ thống kinh tế và chính trị Mỹ như Nhà nước, các đảng phái, các công ty, nghiệp đoàn, phương tiện thông tin đại chúng, các nhóm vận động... và mối quan hệ qua lại giữa các chủ thể này.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
53	Kinh tế học về những vấn đề xã hội	Cung cấp các kiến thức cơ bản như các khái niệm, các loại hình, nguyên nhân và tác động của các vấn đề xã hội dưới góc độ kinh tế học. Người học có thể sử dụng các công cụ kinh tế học để phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội hiện nay của Việt Nam; Trao đổi, tranh luận, phản biện và đưa ra một số khuyến nghị chính sách cho các vấn đề trong thời gian tới.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
54	Mô hình kinh tế thị trường ở Việt Nam	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản, hệ thống về mô hình kinh tế thị trường; quá trình hình thành, những nhân tố chủ yếu chi phối và những đặc trưng cơ bản của mô hình kinh tế thị trường Việt Nam.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Trên cơ sở đó, người học có thể hiểu được bản chất, những đặc trưng, xu hướng vận động, phát triển của kinh tế thị trường ở Việt Nam; bước đầu tìm tòi, suy nghĩ để đưa ra những khuyến nghị về chính sách nhằm xây dựng, hoàn thiện mô hình kinh tế thị trường Việt Nam.			
55	Kinh tế chính trị về cải cách kinh tế ở Trung Quốc	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế và chính trị về cải cách, mở cửa kinh tế ở Trung Quốc. Trên cơ sở kiến thức đó, người học có thể (i) phân tích và so sánh được những chuyển biến cơ bản về kinh tế và chính trị trong công cuộc cải cách, mở cửa kinh tế ở Trung Quốc. (ii) Đánh giá được xu hướng phát triển của nền kinh tế Trung Quốc dưới góc độ kinh tế chính trị. Đồng thời biết liên hệ với thực tiễn.	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
56	Kinh tế chính trị về phát triển kinh tế xã hội Nhật Bản	Cung cấp cho người học những tri thức Kinh tế chính trị về phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản: những nhân tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Nhật Bản; các xu hướng và quy luật chủ yếu chi phối quá trình đó...	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
57	Kinh tế chính trị về nền kinh tế khu vực Đông Nam Á	Cung cấp cho người học những tri thức Kinh tế chính trị về nền kinh tế khu vực Đông Nam Á: những nhân tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến quá trình phát triển nền kinh tế khu vực; các xu hướng và quy luật chủ yếu chi phối quá trình đó...	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
Thực tập thực tế và niên luận			5		
58	Thực tập thực tế	Thông qua học phần, sinh viên nắm được các kiến thức thực tiễn về các khía cạnh kinh tế cơ bản (cấp độ 2) như: Môi trường thể chế kinh tế chính trị xã hội ở Việt Nam mà các tổ chức kinh tế đang hoạt động. Tác động của toàn cầu hóa đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Nhận diện được các nguồn lực tăng trưởng của nền kinh tế Việt	2	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 30% Báo cáo thực tập: 70%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Nam nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam nói chung và của các doanh nghiệp nói riêng. Các cách thức lựa chọn hướng đến sự tăng trưởng bền vững cho nền kinh tế Việt Nam nói chung hay định hướng phát triển cho các doanh nghiệp nói riêng.			
59	Niên luận	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên học phần để thực hiện một vấn nghiên cứu trong thực tiễn.	3	Học kỳ: 6	Đánh giá điểm bài viết
	Khóa luận tốt nghiệp		6		
60	Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên học phần để thực hiện một vấn nghiên cứu trong thực tiễn.	6	Học kỳ: 8	
	(Hoặc) Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		6		
61	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	Người học có thể: (i) Hiểu được khái niệm, đặc trưng và phân tích biểu hiện mới của toàn cầu hoá với tính cách là xu hướng, khuôn khổ phát triển mới của nền kinh tế thế giới. (ii) Hiểu được khái niệm, một số lý thuyết về phát triển kinh tế và phân tích được những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế. (iii) Hiểu, phân tích được các chiều hướng tiên triển, tác động của toàn cầu hoá đến phát triển kinh tế trên các cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu. (iv) Hiểu, phân tích được vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi trong phát triển kinh tế của Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa.	3	Học kỳ: 8	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
62	Quản lý nhà nước về kinh tế	Hình thành hệ thống kiến thức quản lý nhà nước về kinh tế và bước đầu vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế vi mô và vĩ mô.	3	Học kỳ: 8	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

6. Cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo Thông tư 23

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		21		
1	Triết học Mác - Lênin	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của triết học Mác - Lênin; Xác lập cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn để tiếp cận nội dung của các khóa học cụ thể.	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Giúp người học hiểu được các vấn đề về Kinh tế chính trị Mác - Lênin, từ lịch sử hình thành, phát triển đến đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng...; những vấn đề cơ bản về kinh tế thị trường: hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể kinh tế tham gia thị trường; những vấn đề cơ bản nhất học thuyết giá trị thặng dư - hòn đá tảng của học thuyết kinh tế C. Mác, bao gồm nguồn gốc, bản chất, các hình thức biểu hiện... của giá trị thặng dư; độc quyền, quan hệ cạnh tranh và độc quyền, độc quyền nhà nước, tác động hai mặt của chúng trong nền kinh tế thị trường; ...	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	Học kỳ: 3	
6	Tiếng Anh B1	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu theo chuyên ngành; Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống và học thuật. Tạo các phát ngôn	5	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 20% Kiểm tra 1 (Nghe, đọc, viết): 10% Kiểm tra 2 (Nói): 10% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		trương đối dài, phức tạp và phù hợp với chuyên ngành học. Trình bày các nội dung thông tin tương đối phức tạp bằng tiếng anh.			
7	Tiếng Anh B2	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu theo chuyên ngành; Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống và học thuật. Tạo các phát ngôn tương đối dài, phức tạp và phù hợp với chuyên ngành học. Trình bày các nội dung thông tin tương đối phức tạp bằng tiếng anh.	5	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
8	Giáo dục thể chất	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.			
9	Giáo dục Quốc Phòng - an ninh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.			
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		13		
10	Toán cao cấp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	4	Học kỳ: 1	
11	Xác suất thống kê	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 2	
12	Toán kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
13	Tin học cơ sở 2	Cung cấp các kiến thức cơ bản về: (i) thông tin, công cụ xử lý thông tin, mạng truyền thông, một số phần mềm ứng dụng.	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		(ii) “hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ”: kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ, kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ .			
III	Khối kiến thức theo khối ngành		18		
III.1	Các học phần bắt buộc		16		
14	Nhà nước và pháp luật đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	Học kỳ: 2	
15	Kinh tế vi mô	Cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kinh tế học vi mô xét trên góc độ phân tích thị trường và hành vi của người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp tham gia trên các thị trường đầu vào và đầu ra, và vai trò của Chính phủ nhằm điều tiết thị trường.	4	Học kỳ: 1	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
16	Kinh tế vĩ mô	Hiểu rõ mục tiêu bao quát của kinh tế vĩ mô nghiên cứu về những biến động kinh tế ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế dài hạn. Lý giải các biến động và khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay có ảnh hưởng như thế nào đến tăng trưởng kinh tế của các nước.	4	Học kỳ: 2	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
17	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
18	Kinh tế lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 4	
III.2	Các học phần tự chọn		2/8		
19	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	Học kỳ: 3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
20	Lịch sử văn minh thế giới	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	Học kỳ: 3	
21	Xã hội học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	Học kỳ: 3	
22	Logic học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	Học kỳ: 3	
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		25		
IV.1	Các học phần bắt buộc		22		
23	Luật kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	Học kỳ: 3	
24	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
25	Kinh tế vi mô chuyên sâu	Củng cố và hoàn thiện và phát triển những vấn đề chủ yếu về lý thuyết kinh tế học vi mô: (i) Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành, phát triển của công cụ lý thuyết hành vi kinh tế trong việc ra quyết định chính sách của các tổ chức, công ty và chính phủ; qua đó hiểu rõ xu hướng vận động của nền kinh tế trong khung cảnh hiện đại. (ii) vận dụng các công cụ và phương pháp phân tích những vấn đề kinh tế vi mô chủ yếu để nắm vững những mô hình chủ yếu trong chương trình các học phần kinh tế học ngành và có thể sử dụng khung phân tích đó để giải quyết những bài toán cụ thể trong lĩnh vực khoa học kinh tế ngành.	4	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
26	Kinh tế vĩ mô chuyên sâu	Cung cấp cái nhìn khách quan về các quan điểm của các trường phái kinh tế về các vấn đề kinh tế học vĩ mô. Giúp người học: (i) Hiểu khái niệm, mục tiêu nghiên cứu và những vấn đề liên quan đến chu kỳ kinh doanh (hay những dao động kinh tế ngắn hạn) và tăng trưởng kinh tế dài hạn; (ii) Biết cách vận dụng những mô hình nền kinh tế đóng và mở phù hợp để xác định và lý giải nguyên nhân của biến động sản lượng, việc làm và lạm phát trong ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế trong dài hạn; (iii) Có thể phân tích và lý giải tác động của các chính sách vĩ mô đối với những mục tiêu kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.	4	Học kỳ: 4	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%
27	Kinh tế phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	.3	Học kỳ: 5	
28	Kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
29	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Hiểu rõ về sự hình thành, phát sinh và phát triển của các học thuyết kinh tế trong lịch sử. Mô tả được sự chuyển hóa của các học thuyết kinh tế. So sánh và đánh giá các học thuyết kinh tế; Vận dụng các học thuyết kinh tế để lý giải các hiện tượng, các quá trình kinh tế đã và đang diễn ra.	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi cuối kỳ: 60%
IV.2	Các học phần tự chọn		3/12		
30	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 4	
31	Nguyên lý quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
32	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 4	
33	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 4	
V	Khối kiến thức ngành		65		
V.1	Các học phần bắt buộc		21		
34	Kinh tế học thể chế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 5	
35	Chính phủ và chính sách công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 7	
36	Kinh tế chính trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 6	
37	Thương mại quốc tế	Khóa học cung cấp cho sinh viên những lý thuyết và thực hành cơ bản liên quan đến lĩnh vực thương mại quốc tế; các lý thuyết thương mại để phân tích lý do tại sao các quốc gia tham gia vào thương mại quốc tế, ...	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
38	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 5	
39	Kinh tế môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 6	
40	Kinh tế công cộng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 4	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
V.2	<i>Các học phần tự chọn</i>		30/69		
41	Kinh tế chính trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
42	Thế chế kinh tế Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
43	Những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
44	Lợi ích kinh tế và quan hệ phân phối	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
45	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
46	Thế chế chính trị thế giới	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
47	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
48	Kinh tế chính trị Mỹ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
49	Kinh tế chính trị về cải cách kinh tế ở Trung Quốc	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
50	Kinh tế chính trị về phát triển kinh tế xã hội Nhật Bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
51	Kinh tế chính trị về nền kinh tế khu vực Đông Nam Á	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
52	Lịch sử kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
53	Kinh tế học về những vấn đề xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
54	Kinh tế học báo chí truyền thông	Người học có thể vận dụng vào việc phân tích, đánh giá, phản biện các vấn đề về thị trường truyền thông, các ngành công nghiệp và thực tế tại các tổ chức báo chí truyền thông. Ngoài ra, học phần còn phân tích các chủ thể và nhân tố đa dạng đang tạo ra những tác động và ảnh hưởng đối với lĩnh vực kinh tế báo chí truyền thông như công nghệ, toàn cầu hoá, thể chế. Các vấn đề về xu hướng mới, đặc biệt là sự phát triển nhanh chóng của các ngành công nghiệp truyền thông xã hội cũng sẽ được đề cập trong nội dung học phần.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
55	Mô hình nhà nước phúc lợi	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
56	Nông nghiệp, nông dân và nông thôn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
57	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
58	Kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	3	Học kỳ: 3	
59	Ngoại giao kinh tế - chính trị	Cung cấp cho sinh viên cả quan điểm học thuật và thực hành về ngoại giao kinh tế - chính trị thông qua việc phân tích các case study; các vấn đề của nghiệp vụ ngoại giao về kinh tế - chính trị, đi sâu vào công tác lễ tân ngoại giao, lãnh sự.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
60	Thương mại điện tử	Người học sẽ có được sự hiểu biết về các công nghệ dựa trên Internet làm nền tảng cho việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ thông qua một dự án phát triển ứng dụng tương tác thực hành.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 5% Bài tập về nhà: 5% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
61	Quản lý nhà nước về kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
62	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
63	Quản lý thị trường bất động sản	Trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về bất động sản và quản lý thị trường bất động sản; Cơ sở khoa học của quản lý thị trường bất động sản; Quản lý thị trường bất động sản tại một số nước trên thế giới; Pháp luật về bất động sản; Kinh doanh bất động sản; Quản lý Nhà nước đối với thị trường bất động sản ở Việt Nam; ...	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
64	Quản lý và Phát triển cộng đồng	Cung cấp cho người học kiến thức về nội dung về lịch sử và diễn tiến của phát triển cộng đồng; Những lý luận cơ bản về quản lý cộng đồng và phát triển cộng đồng; Các phương pháp và Công cụ trong quản lý và phát triển cộng đồng; Tổ chức phát triển cộng đồng; Cán bộ quản lý và phát triển cộng đồng.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
65	Quản lý thị trường khoa học - công nghệ	Trang bị kiến thức tổng quan về hoạt động Quản lý thị trường khoa học - công nghệ; Hệ thống tổ chức hoạt động khoa học - công nghệ; Quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ; Thực trạng quản lý thị trường khoa học công nghệ Việt Nam; Giải pháp đổi mới cơ chế quản lý thị trường khoa học - công nghệ Việt Nam; Thực tiễn quản lý thị trường khoa học công nghệ ở các cấp ở Việt Nam.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
66	Kinh tế học về chi phí giao dịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
V.3 Thực tập thực tế và niên luận			7		
67	Thực tập thực tế	Thông qua các hoạt động thực tiễn tại các cơ sở thực tập, làm việc, tiếp cận cơ sở thực tập như một thành viên không chính thức, học phần cung cấp cho sinh viên các thông tin thực tế về các khía cạnh khác nhau của nền kinh tế nói chung và cơ sở thực tập nói riêng: môi trường tăng trưởng và phát triển, môi trường cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu, các nguồn lực tăng trưởng bao gồm cả nguồn lực thể chế, các bất cập định hướng phát triển trong các mô hình tăng trưởng, các mô hình kinh doanh.	4	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 30% Báo cáo: 70%
68	Niên luận	Người học vận dụng những kiến thức chuyên học phần để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	3	Học kỳ: 6	Báo cáo: 100%
V.4 Khóa luận tốt nghiệp			7		
69	Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên học phần để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn.	7	Học kỳ: 8	Bài khóa luận: 100%

C2. KHOA KINH TẾ VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ**1. Cử nhân hệ chuẩn Kinh tế quốc tế**

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	Khối kiến thức chung (không tính số tín chỉ kỹ năng bổ trợ)		27		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		10		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.				
III	Khối kiến thức theo khối ngành		16		
III.1	Các học phần bắt buộc		14		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.				
III.2	Các học phần tự chọn		2		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.				
IV.	Khối kiến thức theo nhóm ngành		20		
IV.1	Học phần bắt buộc		17		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.				
IV.2	Các học phần tự chọn		3		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.				
V.	Khối kiến thức theo ngành		51		
V.1	Các học phần bắt buộc				
1	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23.	3	HK5	
2	Đầu tư quốc tế	Cung cấp kiến thức tổng quát về đầu tư quốc tế và các tập đoàn xuyên quốc gia cho sinh viên; Có thể phân tích tình hình, xu hướng của FDI và tác động của FDI ở một nước chủ nhà và chính sách FDI của các nước chủ nhà.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra 10 phút: 10% Bài thuyết trình nhóm: 20%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Bài kiểm tra cuối khóa: 60%
3	Tài chính quốc tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mặt lý thuyết và thực tế về hoạt động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở, hệ thống tiền tệ quốc tế và xác định tỷ giá hối đoái trong ngắn hạn và dài hạn. Xây dựng hệ thống lý thuyết và các vấn đề thực tiễn đối với các vấn đề kinh tế và chính sách hiện tại của Việt Nam.	3	HK5	Chuyên cần: 5% Thảo luận: 5% Bài tập nhóm: 10% Bài thuyết trình nhóm: 20% Bài kiểm tra cuối khóa: 60%
4	Quản trị quốc tế, quản trị đa văn hóa và xuyên quốc gia	Cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về quản trị quốc tế và trang bị cho sinh viên kỹ năng ứng dụng quản trị trong môi trường đa văn hóa.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thuyết trình nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
5	Kinh doanh quốc tế	Người học hiểu và nắm được bản chất, xu thế phát triển và các nguyên nhân tăng trưởng của kinh doanh quốc tế. - Hiểu được (i) thực chất và các nhân tố cấu thành nên môi trường kinh doanh quốc gia và quốc tế; tác động của các nhân tố này tới hoạt động kinh doanh của các công ty. (ii) thực chất của quá trình hoạch định và thực hiện các chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty. - Biết vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh doanh quốc tế để hiểu và có những đánh giá về những thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty. Thông qua các nghiên cứu tình huống xây dựng kỹ năng xử lý vấn đề đặt ra trong hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty. - Xây dựng kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng viết, trình bày một bài luận hoặc một vấn đề khoa học.	3	HK5	Điểm chuyên cần.: 10 % Điểm bài tập cá nhân / tuần: 15% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 15 % Điểm thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
V.2	Các học phần tự chọn		36/57		
6	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	Hiểu rõ (i) những đặc điểm phát triển cơ bản của nền kinh tế thế giới hiện đại ảnh hưởng đến phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam.(ii) những kiến thức cơ bản về kinh tế đối ngoại như: Cơ sở phát triển kinh tế đối ngoại, quá trình đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại, quan điểm chính sách cơ bản về phát triển kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam; các hình thức cơ bản về phát triển kinh tế đối ngoại và sự tham gia của Việt Nam vào các tổ chức kinh tế quốc tế; một số vấn đề trong phát triển kinh tế đối ngoại hiện nay và chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam...	3	HK5	Chuyên cần : 10% Bài kiểm tra tuần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
7	Công ty xuyên quốc gia	Giúp người học: Hiểu rõ các khái niệm, bản chất, đặc điểm và chiến lược hoạt động của các TNCS; các lý thuyết truyền truyền thống giải thích sự hình thành TNCs và các tác động của TNCs đối với tăng trưởng kinh tế thế giới trên bốn lĩnh vực: thúc đẩy thương mại, Đầu tư quốc tế, chuyển giao và phát triển công nghệ, tạo việc làm và phát triển nguồn nhân lực. Thông qua học tập, thảo luận trên lớp và tự nghiên cứu, học phần giúp người học hiểu rõ về mặt lý thuyết cũng như thực tiễn các tác động của TNCs đối với nền kinh tế thế giới nói chung và đối với phát triển kinh tế ở Việt Nam nói riêng ở bốn lĩnh vực trên.	3	HK6	Chuyên cần : 10% Bài kiểm tra cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
8	Các vấn đề chính sách	Biết các vấn đề chính sách kinh tế quốc tế từ hai góc độ lý thuyết và thực tiễn về hệ thống kinh tế quốc tế và chính sách kinh tế quốc tế liên quan; Hình thành kỹ năng thu thập thông tin, phân tích và đánh giá, xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện công việc được phân công; có đủ kiến thức để người học phân tích hệ thống và	3	HK5	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhiều chiều cạnh về chính sách và thay đổi chính sách trong nền kinh tế quốc tế; ...			
9	Toàn cầu hóa và khu vực hóa trong nền kinh tế quốc tế	<p>Giúp người học:</p> <p>(i) Hiểu được khái niệm, đặc trưng và biểu hiện mới của toàn cầu hoá và khu vực hóa kinh tế với tính cách là xu hướng, khuôn khổ phát triển mới của nền kinh tế thế giới.</p> <p>(ii) Hiểu được các chiều hướng tiến triển, tác động của toàn cầu hoá và khu vực hóa kinh tế đến nền kinh tế thế giới trên các cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu.</p> <p>(iii) Hiểu được vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi của Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế thế giới.</p> <p>(iv) Hình thành được khung khổ phân tích hệ thống và nhiều chiều cạnh về toàn cầu hoá và khu vực hóa kinh tế, trên cơ sở đó nhận diện được tọa độ của Việt Nam và đánh giá được các lựa chọn chính sách của Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế thế giới.</p>	3	HK5	<p>Chuyên cần : 10%</p> <p>Bài kiểm tra/bài tập: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
10	Thương mại điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23.	3	HK7	
11	Logistics	Hiểu bản chất và vai trò của Logistics trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng; Hiểu về sự cần thiết và giải thích được tầm quan trọng của Logistics đối với tổ chức.	3	HK6	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Trình bày bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Kiểm tra cuối kỳ: 60%</p>
12	Quản trị tài chính quốc tế	Hiểu rõ những khái niệm cơ bản về tài chính quốc tế như các thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái; các hệ thống tỷ giá hối đoái. Nắm bắt được ảnh hưởng của biến động tỷ giá đến các hoạt động của công ty đa quốc gia; các biện pháp quản trị rủi	3	HK7	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Các bài kiểm tra ngắn: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ro tỷ giá. Ngoài ra, sinh viên còn hiểu được cách thức quản trị tài sản và nợ trong dài hạn.			Thi kết thúc học phần: 60%
13	Thanh toán quốc tế	Cung cấp những kiến thức cơ bản về thanh toán quốc tế như bản chất, đặc điểm, vai trò của thanh toán quốc tế. Hiểu rõ quy trình, nội dung và cách thức thanh toán quốc tế, từ đó ứng dụng vào thực tế để lựa chọn các phương tiện, hình thức thanh toán phù hợp với từng thương vụ cụ thể trong hoạt động thương mại quốc tế.	3	HK6	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14	Quản lý nợ nước ngoài	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nợ nước ngoài của một quốc gia; Hình thành kiến thức khoa học để lý giải về sự cần thiết của vay nợ nước ngoài cùng các biện pháp tháo gỡ khi một nước con nợ mắc nợ quá nhiều, tạo điều kiện cho người học có thể vận dụng những kiến thức lý luận chung về quản lý nguồn vốn ODA, vay nợ nước ngoài vào điều kiện thực tiễn cuộc sống để giải quyết các tình huống cụ thể liên quan vay, sử dụng, trả nợ nước ngoài.	3	HK7	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
15	Phân tích chi phí và lợi ích	Cung cấp cho người học một cách tiếp cận phù hợp trong việc đánh giá tính kinh tế của các dự án hay chính sách công được sử dụng. Ngoài ra, học phần sẽ rèn luyện kỹ năng và thái độ cho sinh viên đạt cấp độ 2.	3	HK7	Chuyên cần: 10% Tham gia thảo luận, bài tập: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16	Quản trị chuỗi cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại các mô hình quản trị chuỗi cung ứng, các nội dung về xây dựng chiến lược hậu cần, cách thức xây dựng kế hoạch cung ứng. - Áp dụng các mô hình quản trị chuỗi cung ứng vào một tình huống mới, triển khai vận hành một kế hoạch cung ứng cho doanh nghiệp. - Phân tích và so sánh việc tổ chức quy trình sản xuất trong quản lý chuỗi cung ứng, các kỹ thuật tối ưu hoá mạng lưới cung ứng, các hệ thống cung ứng, và các chiến lược phân phối. 	3	HK7	Chuyên cần: 10% Trình bày bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập ứng dụng, câu hỏi tự luận, bài tập tình huống: 60%
17	Kinh tế môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK7	
18	Marketing quốc tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động marketing trên thị trường quốc tế; trên cơ sở đó có thể ứng dụng vào hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp.	3	HK6	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ (trình bày bài tập nhóm): 10% Thi cuối kỳ: 60%
19	Quản trị dự án quốc tế	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, thực hiện và vận hành dự án quốc tế; các chức năng và hoạt động cốt yếu trong quản lý điều hành một dự án; những căn cứ cơ sở để ra các quyết định có ý nghĩa then chốt của các chủ thể tham gia quản trị dự án. Phương pháp tư duy, xử lý số liệu cơ bản để trực tiếp tham gia hoặc tổ chức soạn thảo lập dự án; đọc hiểu, phân tích đánh giá, thẩm định, lựa chọn dự án tài trợ theo các tiêu chuẩn phổ biến; khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, khả năng làm việc theo nhóm khi tham gia quản lý điều hành dự án theo các giai đoạn và tiến độ dự án.	3	HK7	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20	Phân tích rủi ro quốc gia	Trang bị cho sinh viên nhận thức cơ bản về tầm quan trọng của phân tích rủi ro quốc gia đối với các quyết định trong quan hệ kinh tế quốc tế; Cung cấp các thông tin về những tổ chức phân tích, xếp hạng phân tích rủi ro quốc gia có uy tín trên thế giới; nắm bắt các quy trình, cách thức phân tích rủi ro quốc gia của các tổ chức này; Liên hệ, áp dụng phân tích rủi ro quốc gia Việt Nam: đánh giá, phản biện chỉ số xếp hạng Việt Nam của một số tổ chức hiện hành; thảo luận tìm giải pháp hạ thấp chỉ số rủi ro quốc gia; Hiểu, phân biệt và sử dụng được các chỉ số phân tích rủi ro quốc gia của các tổ chức phân tích rủi ro quốc gia khác nhau; lựa chọn và sử dụng được một số phương pháp phân tích, đánh giá, xếp loại rủi ro quốc gia phù hợp; vận dụng phân tích rủi ro quốc gia vào thực tiễn việc giải quyết các vấn đề kinh tế và kinh doanh quốc tế.	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10 %. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
21	Kinh tế tiền tệ ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK 6	
22	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	Sinh viên hiểu và nắm bắt được những kiến thức cơ bản về rủi ro và các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh quốc tế. Sinh viên được trang bị một số công cụ phân tích đánh giá rủi ro trong kinh doanh quốc tế; Hình thành cách thức giải quyết bài bản cho sinh viên khi gặp phải những vấn đề phức tạp như rủi ro trong kinh doanh quốc tế; ...	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 5% Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
23	Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	Cung cấp những kiến thức về cơ bản về nghiệp vụ thuê phương tiện để chuyên chở hàng hóa XNK, quy trình nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa trong giao dịch thương mại quốc tế. Hiểu được xu hướng phát triển của hoạt động kinh doanh vận tải, dịch vụ bảo hiểm của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Vận dụng các dịch vụ vận tải và bảo hiểm trong giao dịch thương mại quốc tế ứng dụng vào thực tế để thực hiện các công việc như lựa chọn các	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>phương thức thuê tàu để chuyên chở hàng hóa XNK, lựa chọn các điều kiện bảo hiểm trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu.</p> <p>Hình thành phương pháp nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn một cách khoa học.</p>			
24	Hệ thống thông tin kinh tế	<p>Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về các hệ thống thông tin quản lý trong kinh tế.</p> <p>Người học có được kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại; Hiểu rộng và cập nhật về công nghệ phần cứng, phần mềm, quản trị dữ liệu, mạng và truyền thông, bảo mật và an toàn dữ liệu ứng dụng trong hệ thống thông tin; Nắm vững kiến thức cơ bản về phân tích và quản trị các hệ thống thông tin trong quản lý, kinh doanh của các công ty, tổ chức, ...</p>	3	(Tự chọn)	<p>Chuyên cần: 10%.</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
25	Thực tập thực tế	Mỗi sinh viên sau khi thực tập phải viết báo cáo tổng hợp về các nội dung kiến thức, thực tiễn thu được tại đơn vị thực tập. Sinh viên thực tập sẽ được sự hướng dẫn của cán bộ tại đơn vị đến thực tập và của giáo viên hướng dẫn.	2	HK7	<p>Chuyên cần: 40%</p> <p>Báo cáo: 60%</p>
26	Niên luận	Sinh viên thực hiện bài nghiên cứu tổng hợp.	3	HK 7	Báo cáo: 100%
27	Giao dịch thương mại quốc tế (Học phần thay thế khóa luận)	Hiểu rõ (i) bản chất, đặc điểm và các phương thức giao dịch thương mại quốc tế. (ii) các yếu tố quyết định việc sử dụng phương thức nào để đẩy mạnh phát triển xuất khẩu; (iii) các điều kiện giao dịch quốc tế; (iv) bản chất và nội dung của hợp đồng thương mại quốc tế, soạn thảo, kí kết và thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, các chứng từ cần có khi thực hiện hợp đồng.	3	HK 8	<p>Chuyên cần: 10%.</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
28	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế (Học phần thay thế khóa luận)	Cung cấp những kiến thức chung cơ bản về đàm phán kinh doanh quốc tế, hiểu rõ được các yếu tố sách lược, các phương thức, các kiểu của đàm phán, nắm được những vấn đề cơ bản của giao tiếp đàm phán, hiểu được đặc điểm tâm lý và những điều cần chú ý khi đàm phán với đối tác nước ngoài.	3	HK 8	Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra tuần: 5% Bài kiểm tra tháng: 5% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
29	Khóa luận tốt nghiệp	Sau khi tích lũy đủ tín chỉ sinh viên thực hiện bài khóa luận	6	HK8	Bài khóa luận: 100%

2. Cử nhân chất lượng cao theo Thông tư 23 Kinh tế quốc tế

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I.	Khối kiến thức chung		21		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23.			
II	Kiến thức theo lĩnh vực		13		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23.			
III.	Kiến thức theo khối ngành		18		
III.1	Học phần bắt buộc		16		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23.			
	Học phần tự chọn		2		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23.			
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		25		
	Học phần bắt buộc		22		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23			
	Các học phần tự chọn		3		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23			

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
V	Kiến thức theo ngành		68		
V.1	Học phần bắt buộc		15		
1.	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23.	3	HK5	
2.	Đầu tư quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	
3.	Tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK5	
4.	Quản trị quốc tế, quản trị đa văn hóa và xuyên quốc gia	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	
5.	Kinh doanh quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK5	
V.2	Các học phần tự chọn		36/72		
6.	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK5	
7.	Công ty xuyên quốc gia	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	
8.	Các vấn đề chính sách trong nền kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9.	Toàn cầu hóa và khu vực hóa trong nền kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK5	
10.	Thương mại điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23.	3	HK7	
11.	Logistics	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	
12.	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK7	
13.	Thanh toán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	
14.	Kế toán quốc tế ***	<p>- Cung cấp cho người học nội dung các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận và hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế cũng như các mô hình vận dụng hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế.</p> <p>- Có kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán.</p> <p>- Có kiến thức đầy đủ về hệ thống kế toán Mỹ - từ chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, xử lý số liệu đến xây dựng hệ thống báo cáo tài chính. Hiểu được sự khác nhau cơ bản về kế toán trong các loại hình doanh nghiệp của Mỹ.</p>	3	HK7	<p>Bài tập cá nhân (2 bài): 20%</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%.</p>
15.	Giao dịch thương mại quốc tế ***	Cung cấp cho người học nội dung bản chất, đặc điểm và các phương thức giao dịch thương mại quốc tế. Nắm được các yếu tố quyết định	3	HK6	<p>Đi học đầy đủ: 5%</p> <p>Bài tập cá nhân (1 bài): 5%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc sử dụng phương thức nào để đẩy mạnh phát triển xuất khẩu; các điều kiện giao dịch quốc tế; hiểu được bản chất và nội dung của hợp đồng thương mại quốc tế, soạn thảo, kí kết và thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, các chứng từ cần có khi thực hiện hợp đồng; và ứng dụng incoterms vào thực tiễn; ...			Bài tập nhóm (1 bài): 15% Kiểm tra đánh giá giữa kì: 15% Bài thi kết thúc học phần: 60%
16.	Quản lý nợ nước ngoài	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK7	
17.	Phân tích chi phí và lợi ích	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	
18.	Quản trị chuỗi cung ứng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK7	
19.	Kinh tế môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK7	
20.	Marketing quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	
21.	Quản trị dự án quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	(Tự chọn)	
22.	Kinh tế tiền tệ ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK 6	
23.	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	(Tự chọn)	
24.	Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	(Tự chọn)	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25.	Hệ thống thông tin kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	(Tự chọn)	
26.	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	(Tự chọn)	
27.	Kinh doanh ngoại hối	Cung cấp và trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh doanh ngoại hối. Thông qua học phần, người học sẽ hiểu và áp dụng được các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối hiện nay như nghiệp vụ giao ngay, nghiệp vụ kỳ hạn, nghiệp vụ hoán đổi, nghiệp vụ tương lai và nghiệp vụ quyền chọn, ...	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Thương mại và phát triển	Cung cấp cho người học hệ thống các lý luận và kiến thức thực tiễn về tác động của thương mại quốc tế đến các khía cạnh phát triển bao gồm kinh tế, môi trường và văn hoá - xã hội; Hệ thống hoá các vấn đề cơ bản về thương mại quốc tế gồm các nguyên lý kinh tế của thương mại quốc tế, chính sách thương mại quốc tế, tính kinh tế chính trị của việc hoạch định chính sách thương mại quốc tế và cập nhật cho người học những nhìn nhận sâu sắc về bối cảnh, thực tiễn, xu hướng và các thách thức trong phát triển thương mại quốc tế; ...	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Công nghệ mới trong kinh doanh quốc tế	Đem lại cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ mới và hiểu về những tiềm năng ứng dụng trong hoạt động kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng.	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
Thực tập thực tế và niên luận			7		
30.	Thực tập thực tế	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức.	3	HK7	Chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch thực tế: 90%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
31.	Niên luận	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế.	4	HK7	Bài Niên luận: 100 %
Khóa luận tốt nghiệp			7		
32.	Khóa luận tốt nghiệp	Tổng hợp, phân tích, nghiên cứu, vận dụng các kiến thức trong toàn khóa học để hoàn thành bài niên luận và trình bày báo cáo trước hội đồng.	7	HK8	Bài Khóa luận: 100 %

3. Thạc sĩ Kinh tế quốc tế

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
I.	Kiến thức chung		8		
	Tương tự chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế				
	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		42		
1.	Thương mại quốc tế: Chính sách và thực tiễn	Cung cấp các kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết thương mại quốc tế và có thể ứng dụng các lý thuyết này vào giải quyết các vấn đề chính sách nảy sinh trong bối cảnh thương mại toàn cầu; Thực hiện phân tích đánh giá các lợi ích thu được từ thương mại - yếu tố quan trọng nhất trong các phân tích thương mại.	3	HK3	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
2.	Quản trị tài chính quốc tế	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính quốc tế dưới góc độ vi mô nhằm giúp người học hiểu rõ những vấn đề cơ bản về môi trường tài chính quốc tế và những yếu tố tác động đến các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường quốc tế gồm các công ty đa quốc gia và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.	3	HK4	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
3.	Đầu tư quốc tế: Chính sách và thực tiễn	Hiểu rõ được bản chất, đặc điểm và các hình thức hoạt động của ĐTQT. Nắm được các yếu tố quyết định lưu chuyển ĐTQT; biết được	3	HK3	Bài tập cá nhân tuần: 10%

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
		<p>những tác động của ĐTQT đối với nền kinh tế thế giới và các nước tham gia đầu tư, trong đó đặc biệt đối với Việt Nam.</p> <p>Vận dụng các kiến thức lý thuyết cũng như thực tiễn về ĐTQT để triển khai và thực hiện các nghiên cứu liên quan, đưa ra giải pháp và kiến nghị.</p> <p>Biết được cách thức xây dựng các giả định, lập luận có cơ sở khoa học trong giải thích và dự đoán các hiện tượng ĐTQT; biết cách tổ chức, hợp tác trong nhóm nghiên cứu để giải quyết vấn đề khoa học; biết cách phản biện và bảo vệ quan điểm cá nhân trước tập thể.</p>			<p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>
4.	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	<p>Học phần giới thiệu cho người học những vấn đề của Kinh doanh quốc tế trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu như: giải thích tại sao các quốc gia có sự khác biệt; tổng hợp các yếu tố kinh tế và chính trị của thương mại và đầu tư quốc tế; giải thích hệ thống tiền tệ, tài chính toàn cầu; cung cấp các kiến thức chuyên sâu về chiến lược và cấu trúc của các công ty kinh doanh quốc tế; đánh giá vai trò, chức năng của các hoạt động kinh doanh quốc tế.</p>	3	HK2	<p>Điểm chuyên cần: 10%</p> <p>Điểm bài tập nhóm: 10%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: 60%</p>
5.	Chuỗi cung ứng: Lý thuyết và ứng dụng	<p>Chuỗi cung ứng là một mạng lưới các nhà cung cấp, sản xuất, lắp ráp, phân phối và các cơ sở hậu cần để phục vụ các hoạt động chức năng của việc mua bán nguyên vật liệu, chuyển đổi chúng thành bán thành phẩm, thành phẩm, và phân phối tới khách hàng. Học phần sẽ cung cấp cho học viên kiến thức tổng thể về Quản trị chuỗi cung ứng với các chủ đề chính sau: Tổng quan về chuỗi cung ứng; Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng; Thiết lập mô hình quản trị chiến lược chuỗi cung ứng - Mô hình SCOR; Điều phối & đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng.</p>	3	HK3	<p>Điểm chuyên cần: 10%</p> <p>Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 10%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Điểm thi cuối kỳ: 60%</p>

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
6.	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng	<p>Cung cấp cho người học: (i) lý thuyết phân tích thương mại điện tử và vận dụng các mô hình thương mại điện tử hiện nay vào kinh doanh toàn cầu để có cái nhìn toàn diện về kinh doanh trực tuyến; (ii) kiến thức về các hệ thống G2B đang hiện hành tại Việt nam (Hệ thống Hải quan điện tử, Kế khai thuế trực tuyến...); (iii) các công cụ E-marketing được sử dụng trong thương mại điện tử hiệu quả nhất. Giúp người học có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan tới thương mại điện tử bao gồm nhận biết và phân tích vấn đề giúp đưa ra các kiến nghị và giải pháp cho từng trường hợp cụ thể. - Ứng dụng có hệ thống, toàn diện, tìm ra các vấn đề trong thương mại điện tử và sự tương tác giữa chúng. - Ứng dụng một số các hệ thống hỗ trợ thương mại điện tử trong doanh nghiệp. 	3	HK2	<p>Điểm chuyên cần: 10%</p> <p>Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 15%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Điểm thi cuối kỳ: 60%</p>
7.	Công ty xuyên quốc gia: Chuyển giao công nghệ và phát triển	<p>Học phần giúp người học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ tác động của TNCs đối với phát triển kinh tế-xã hội: thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm, chuyển giao và phát triển công nghệ, tác động tới vấn đề môi trường và văn hóa. - Nắm vững những vấn đề lý luận chung về TNCs bao gồm bản chất, đặc điểm, chiến lược phát triển của các TNCs, và một số lý thuyết giải thích sự hình thành TNCs. - Vận dụng lý thuyết dự báo xu hướng phát triển của TNCs thuộc các nhóm nước và ở Việt Nam. - Xây dựng các giả định, lập luận có cơ sở khoa học trong giải thích và dự đoán sự ra đời và phát triển của các TNCs. 	2	HK3	<p>Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Điểm thi cuối kỳ: 60%</p>

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
		- Phân tích định tính/định lượng trong nghiên cứu các tác động của TNCs đối với phát triển kinh tế và xã hội.			
8.	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình toàn cầu hóa và liên kết kinh tế quốc tế - một trong những xu hướng trong phát triển kinh tế thế giới đương đại, các điều kiện hình thành và tham gia vào khối kinh tế thương mại. Trên cơ sở đó, xác định chính sách kinh tế cần điều chỉnh; ...	3	HK3	Chuyên cần và bài tập: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ : 60%
9.	Kinh tế thế giới hiện đại	<p>Học viên có kiến thức cơ bản về (i) các đặc điểm cơ bản, xu thế phát triển, các vấn đề đang đặt ra của nền kinh tế thế giới hiện đại, và những ảnh hưởng của chúng đến Việt Nam. (ii) các cách tiếp cận, kỹ năng phân tích và đánh giá các đặc điểm cơ bản, xu thế phát triển, các vấn đề đang đặt ra của nền kinh tế thế giới hiện đại.</p> <p>Học viên có thể (i) đề xuất các ý tưởng và triển khai thực hiện các ý tưởng nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến các xu thế phát triển của kinh tế thế giới hiện đại. (ii) Bước đầu dự báo được các xu thế phát triển của nền kinh tế thế giới, đánh giá được các tác động của chúng đến Việt Nam.</p> <p>Hình thành năng lực tự nghiên cứu, phân tích và đánh giá các công trình nghiên cứu, trình bày, thảo luận của học viên về các vấn đề liên quan đến kinh tế thế giới hiện đại.</p>	3	HK4	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Báo cáo nhóm (tính vào điểm kiểm tra tháng): 15%</p> <p>Viết tiểu luận (tính điểm kiểm tra giữa kỳ): 15%</p> <p>Thi hết học phần : 60%</p>
10.	Quản lý dự án quốc tế	Cung cấp cho người học kiến thức tổng thể về (i) chu trình dự án: các bước của quá trình quản lý dự án, nghiên cứu tình huống về một số dự án cụ thể. (ii) các kỹ năng và công cụ xây dựng một dự án phát triển quốc tế như kỹ năng xây dựng cây vấn đề, cây mục tiêu, nắm được phương pháp tham gia, phương pháp tiến cận hệ thống mang tính logic	3	HK4	<p>Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Điểm thi cuối kỳ: 60%</p>

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
		(LFA) để từ đó xây dựng các tài liệu dự án. Có khả năng áp dụng các kiến thức đã học vào quản lý một dự án quốc tế.			
11.	Nợ nước ngoài của các nước đang phát triển	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nợ nước ngoài của một quốc gia, các tiêu chí đánh giá nợ (mức độ nợ), các biện pháp xử lý nợ; kinh nghiệm quản lý, vay nợ nước ngoài của một số nước để vận dụng vào thực tiễn quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam, xây dựng bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong khâu huy động, sử dụng và trả nợ nước ngoài. Có khả năng lý giải một cách có cơ sở khoa học về sự cần thiết của vay nợ nước ngoài của các nước đang phát triển và các biện pháp tháo gỡ khi một nước mắc nợ quá nhiều, Có thể vận dụng những kiến thức lý luận chung về nợ, vay nợ vào điều kiện thực tiễn cuộc sống để giải quyết các tình huống cụ thể liên quan tới nợ nước ngoài.	3	HK1	Điểm chuyên cần: 10% Điểm bài tập cá: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
12.	Kinh tế Đông Á	<p>Giúp người học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và phân tích được vai trò, vị trí, đặc trưng của Đông Á và Đông Nam Á trong nền kinh tế thế giới và những nhân tố quy định xu hướng phát triển kinh tế của Đông Á và Đông Nam Á. - Hiểu và phân tích được các chiều hướng phát triển, tác động của kinh tế Đông Á và Đông Nam Á đến nền kinh tế thế giới trên các cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu. - Hiểu và phân tích được vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi của Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế Đông Á và Đông Nam Á. - Hình thành được khung khổ phân tích hệ thống và nhiều chiều cạnh về kinh tế Đông Á và Đông Nam Á, trên cơ sở đó phân tích thực trạng kinh tế Việt Nam và đánh giá được các lựa chọn chính sách của Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế Đông Á và Đông Nam Á. 	3	HK2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm bài tập cá: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
		- Xác lập được năng lực tư duy và phương pháp tiếp cận hiện đại về kinh tế Đông Á và Đông Nam Á.			
13.	Tài chính và tiền tệ quốc tế	<p>Cung cấp các kiến thức có liên quan đến tài chính quốc tế, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm và tác động của việc biến động và sai lệch tỷ giá hối đoái. - Các mô hình xác định tỷ giá hối đoái. Xác định cố định có thể cải thiện kỷ luật kinh tế vĩ mô hay không <p>Hình thành năng lực đánh giá về các vấn đề tỷ giá hối đoái, các điều kiện tiên quyết và hậu quả của đồng tiền chung, các tác động kinh tế của các liên minh tiền tệ.... trên cơ sở vận dụng những lý thuyết cơ bản của tài chính quốc tế để phân tích và đánh giá được các nghiên cứu chuyên sâu, các báo cáo có liên quan đến tài chính quốc tế của các chính phủ, các tổ chức tài chính quốc tế (IMF, WB, BIS....) hay các ấn phẩm của các tổ chức tài chính tư nhân (như The Wall Street Journal, Tạp chí The Economist...), các bình luận, đánh giá về các vấn đề có liên quan đến tài chính quốc tế trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo viết hàng ngày, đài, TV...</p>	3	HK3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập nhóm và thuyết trình nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>
14.	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	<p>Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về hệ thống thông tin kinh tế, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của hệ thống và công nghệ thông tin các doanh nghiệp sử dụng để đạt được các mục tiêu kinh doanh. Hình thành cho người học (i) khả năng xác định, phân tích và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh bằng hệ thống thông tin quản lý; (ii) ứng dụng phần mềm và các giải pháp quản lý hệ thống để tìm ra các vấn đề trong quá trình áp dụng các hệ thống thông tin quản lý kinh tế.</p>	3	HK3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thuyết trình và làm việc nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
	Luận văn		15	HK4	Điểm bảo vệ: 100%

4. Tiến sỹ Kinh tế Quốc tế

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
1.	Lý thuyết Đầu tư quốc tế	Cung cấp một cách hệ thống (i) các lý thuyết đầu tư quốc tế, các yếu tố (đặc biệt về thể chế, chính sách ở cấp độ quốc tế và quốc gia) quyết định sự di chuyển của các dòng vốn Đầu tư trực tiếp nước ngoài và tác động của nó tới các nền kinh tế liên quan nói chung và đối với Việt Nam nói riêng. (ii) các xu hướng vận động của đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện nay, từ đó có thể vận dụng để đánh giá, tư vấn về chính sách hoặc đưa ra được cách tiếp cận mới cho các vấn đề liên quan tới các vấn đề về Đầu tư trực tiếp nước ngoài cả trên phương diện lý thuyết và thực tiễn.	2	HK1	Điểm chuyên cần: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ (điểm báo cáo nhóm): 30% Kiểm tra - đánh giá định kỳ Đánh giá hết học phần: Viết tiểu luận theo chủ đề do giảng viên hướng dẫn: 60%
2.	Lý thuyết thương mại quốc tế	Cung cấp cho nghiên cứu sinh (NCS) (i) hệ thống các lý thuyết về Thương mại Quốc tế, bao gồm từ Cổ điển, Tân Cổ điển và hiện đại; đồng thời nghiên cứu sự phát triển của các lý thuyết đó. (ii) những xu hướng phát triển của thương mại quốc tế hiện nay và giải thích mối quan hệ giữa các lý thuyết và chính sách thương mại với các xu hướng phát triển của thương mại quốc tế. Vận dụng các lý thuyết và các phương pháp khoa học để đánh giá, tư vấn về chính sách hoặc đưa ra được cách tiếp cận mới cho các vấn đề liên quan tới TMQT.	2	HK1	Chuyên cần và tham gia thảo luận trên lớp: 20% Kiểm tra - đánh giá định kỳ Thuyết trình (giữa kỳ): 20% Tiểu luận (cuối kỳ): 60%
Học phần tự chọn (6/9TC)					
3.	Các Hiệp định thương mại tự do	Học viên nắm vững và luận giải được các lý luận, lý thuyết và phương pháp đánh giá tác động của hội nhập kinh tế quốc tế và Hiệp định thương mại tự do. Bên cạnh đó, NCS hiểu, phân tích và đánh giá được thực tiễn cũng như xu hướng phát triển của Hiệp định thương mại tự do trên thế giới, từ đó vận dụng sáng tạo và linh hoạt vào bối cảnh của	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận trên lớp: 10% Thuyết trình và phản biện bài tập cá nhân

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
		<p>Việt Nam để góp phần giúp Việt Nam hội nhập hiệu quả hơn vào thương mại quốc tế.</p> <p>Học viên có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết và làm chủ các công cụ đánh giá tác động để phân tích thực tiễn và xu hướng phát triển của các Hiệp định thương mại tự do trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Đồng thời, NCS thành thạo kỹ năng nghiên cứu khoa học độc lập, kỹ năng viết và trình bày các chuyên đề nghiên cứu khoa học.</p>			<p>(tính điểm kiểm tra giữa kỳ): 20%</p> <p>Tiểu luận học phần: 60%</p>
4.	Kinh doanh quốc tế trong một thế giới đang thay đổi	<p>Cung cấp các kiến thức chuyên sâu về chiến lược và cấu trúc của các công ty kinh doanh quốc tế. Trên cơ sở kiến thức thu được, đánh giá vai trò, chức năng của các hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu và giải thích sự khác biệt của các yếu tố kinh tế và chính trị, hệ thống tiền tệ, tài chính toàn cầu...trong các hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế.</p>	3	HK3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận trên lớp: 10%</p> <p>Thuyết trình và phản biện bài tập cá nhân (tính điểm kiểm tra giữa kỳ): 20%</p> <p>Tiểu luận học phần : 60%</p>
5.	Lý Thuyết và Chính sách tài chính tiền tệ quốc tế	<p>Học phần này trang bị cho người học một hệ thống các kiến thức chuyên sâu về các vấn đề tài chính và tiền tệ quốc tế cả trên phương diện lý thuyết và thực tiễn như cán cân thanh toán quốc tế; tỷ giá hối đoái; hội nhập tài chính và tiền tệ quốc tế; khủng hoảng tài chính tiền tệ quốc tế. Kết thúc học phần, người học có khả năng: (1) Hiểu các lý thuyết và cách tiếp cận cán cân thanh toán quốc tế, các lý thuyết và mô hình xác định tỷ giá hối đoái, các lý thuyết hội nhập tài chính và tiền tệ quốc tế. (2) Hiểu và áp dụng các lý thuyết về tỷ giá hối đoái để giải thích sự vận động của tỷ giá hối đoái trong thực tiễn và sự lựa chọn chế độ tỷ giá của các nước trên thế giới. (3) Hiểu quá trình hội</p>	3	HK3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận trên lớp: 10%</p> <p>Thuyết trình và phản biện bài tập cá nhân (tính điểm kiểm tra giữa kỳ): 20%</p> <p>Tiểu luận học phần: 60%</p>

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
		nhập tài chính và tiền tệ của các nước và các khu vực. (4) Phân tích và đánh giá thực tiễn, xu hướng hội nhập tài chính và tiền tệ ở các nước và khu vực. (5) Hiểu và đánh giá được tiến trình hội nhập tài chính và tiền tệ của Việt Nam.			
6.	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	Cung cấp các kiến thức chuyên sâu về chiến lược và cấu trúc của các công ty kinh doanh quốc tế; Trên cơ sở kiến thức thu được, đánh giá vai trò, chức năng của các hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu và giải thích sự khác biệt của các yếu tố kinh tế và chính trị, hệ thống tiền tệ, tài chính toàn cầu...trong các hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm và thuyết trình nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi hết học phần: 60%
7.	Tài chính và tiền tệ quốc tế	Cung cấp các kiến thức có liên quan đến tài chính quốc tế, gồm: - Các khái niệm và tác động của việc biến động và sai lệch tỷ giá hối đoái. - Các mô hình xác định tỷ giá hối đoái. Xác định cố định có thể cải thiện kỷ luật kinh tế vĩ mô hay không Hình thành năng lực đánh giá về các vấn đề tỷ giá hối đoái, các điều kiện tiên quyết và hậu quả của đồng tiền chung, các tác động kinh tế của các liên minh tiền tệ.... trên cơ sở vận dụng những lý thuyết cơ bản của tài chính quốc tế để phân tích và đánh giá được các nghiên cứu chuyên sâu, các báo cáo có liên quan đến tài chính quốc tế của các chính phủ, các tổ chức tài chính quốc tế (IMF, WB, BIS....) hay các ấn phẩm của các tổ chức tài chính tư nhân (như The Wall Street Journal, Tạp chí The Economist...), các bình luận, đánh giá về các vấn đề có liên quan đến tài chính quốc tế trên các phương tiện thông tin đại chúng chúng như báo viết hàng ngày, đài, TV...	3	HK4	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm và thuyết trình nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi hết học phần: 60%

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
Học phần tự chọn (3/9TC) ngành gần					
8.	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình toàn cầu hóa và liên kết kinh tế quốc tế - một trong những xu hướng trong phát triển kinh tế thế giới đương đại, các điều kiện hình thành và tham gia vào khối kinh tế thương mại. Trên cơ sở đó, xác định chính sách kinh tế cần điều chỉnh; ...	3	HK3	Chuyên cần và bài tập: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
9.	Nợ nước ngoài của các nước đang phát triển	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nợ nước ngoài của một quốc gia, các tiêu chí đánh giá nợ (mức độ nợ), các biện pháp xử lý nợ; kinh nghiệm quản lý, vay nợ nước ngoài của một số nước để vận dụng vào thực tiễn quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam, xây dựng bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong khâu huy động, sử dụng và trả nợ nước ngoài. Có khả năng lý giải một cách có cơ sở khoa học về sự cần thiết của vay nợ nước ngoài của các nước đang phát triển và các biện pháp tháo gỡ khi một nước mắc nợ quá nhiều, Có thể vận dụng những kiến thức lý luận chung về nợ, vay nợ vào điều kiện thực tiễn cuộc sống để giải quyết các tình huống cụ thể liên quan tới nợ nước ngoài.	3	HK1	Điểm chuyên cần: 10% Điểm bài tập cá: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
10.	Kinh tế Đông Á	Giúp người học: - Hiểu và phân tích được vai trò, vị trí, đặc trưng của Đông Á và Đông Nam Á trong nền kinh tế thế giới và những nhân tố quy định xu hướng phát triển kinh tế của Đông Á và Đông Nam Á. - Hiểu và phân tích được các chiều hướng phát triển, tác động của kinh tế Đông Á và Đông Nam Á đến nền kinh tế thế giới trên các cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu. - Hiểu và phân tích được vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi của Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế Đông Á và Đông Nam Á.	3	HK2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm bài tập cá: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
		<p>- Hình thành được khung khổ phân tích hệ thống và nhiều chiều cạnh về kinh tế Đông Á và Đông Nam Á, trên cơ sở đó phân tích thực trạng kinh tế Việt Nam và đánh giá được các lựa chọn chính sách của Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế Đông Á và Đông Nam Á.</p> <p>- Xác lập được năng lực tư duy và phương pháp tiếp cận hiện đại về kinh tế Đông Á và Đông Nam Á.</p>			

C3. KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

1. Cử nhân Tài chính - ngân hàng

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		27		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.				
II	Kiến thức theo lĩnh vực		10		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.				
III	Kiến thức theo khối ngành		16		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.				
IV.	Kiến thức theo nhóm ngành		20		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
IV.1	Các học phần bắt buộc		14		
1	Luật kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2		
2	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3		
3	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK4	
4	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK4	
5	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK4	
IV.2	Các học phần tự chọn				
6	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	Có kiến thức chung về (i) văn hóa kinh doanh và đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. (ii) các nguyên tắc, hình thức thực hành đạo đức kinh doanh vào thực thi trách nhiệm xã hội trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp và của các địa phương của Việt Nam. Trên cơ sở kiến thức về nội dung, vai trò, tác dụng của học phần, xây dựng các chương trình hành động và quản trị việc áp dụng và phát huy chúng trong thực tế hoạt động của doanh nghiệp, doanh nhân.	3	HK4	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
7	Kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK4	
8	Kinh tế phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK4	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
9	Quản trị nguồn nhân lực	<p>Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong nền kinh tế thị trường hiện đại.</p> <p>Giúp người học hoàn thành cơ sở phương pháp luận trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động QTNNL trong các doanh nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện đang xây dựng một nền kinh tế thị trường có định hướng XHCN.</p> <p>Vận dụng các triết lý cơ bản của quản trị nguồn nhân lực để đưa ra các quyết định có hiệu quả trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp. Đồng thời biết cách phân tích, đánh giá thị trường lao động ở Việt Nam; góp phần hoàn thiện kỹ năng viết, trình bày một bài luận hay một vấn đề khoa học.</p>	3	HK7	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
V	Khối kiến thức ngành		62		
V.1	Các học phần bắt buộc				
10	Các thị trường và định chế tài chính	<p>Nắm rõ các khái niệm về lãi suất và những yếu tố tác động tới các mức lãi suất; yếu tố thuế, vỡ nợ, đường cong lợi suất chuẩn và ứng dụng của nó.</p> <p>Nắm được bản chất, cấu trúc và những yếu tố tác động tới quá trình vận hành của thị trường tiền tệ, thị trường cổ phiếu và trái phiếu; thị trường khoản vay thế chấp nhà (mortgages).</p> <p>Hiểu chức năng, vai trò của thị trường các công cụ phái sinh trong các hoạt động đầu cơ và hạn chế tổn thất của các cá nhân và định chế tài chính.</p> <p>Hiểu chức năng, vai trò, và sự tương tác trong hệ thống tài chính của những định chế Tài chính - ngân hàng và phi ngân hàng, như ngân hàng thương mại, các hãng bảo hiểm, công ty tài chính, quỹ hưu bổng, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán.</p>	3	HK5	<p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Bài tập về nhà (bao gồm bài tập cá nhân và bài tập nhóm): 10%</p> <p>Kiểm tra nhanh: 5%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
11	Phân tích tài chính	<p>Nhận biết, nhắc lại các nội dung phân tích, phương pháp phân tích về các vấn đề tài chính cụ thể của doanh nghiệp;</p> <p>Tổng hợp các tài liệu, thông tin được cung cấp để xác định vấn đề tồn tại của doanh nghiệp;</p> <p>Phân tích, đánh giá dữ liệu thứ cấp và sơ cấp nhằm đưa ra khuyến nghị, giải pháp cụ thể cho vấn đề tồn tại của doanh nghiệp;</p> <p>Xây dựng và thiết kế các tình huống hoặc đưa thêm vào các giả định để cải thiện tình hình tài chính, kinh doanh hiện nay của doanh nghiệp.</p>	3	HK5	<p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Bài tập cá nhân và bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra nhanh: 5%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
12	Quản lý đầu tư	<p>Cung cấp cho người học các kiến thức về:</p> <p>(i) Các khái niệm cơ bản liên quan đến các công cụ đầu tư, quy trình giao dịch, lợi suất, rủi ro, đa dạng hóa, đường CAL, đường SML, CAPM, thị trường hiệu quả;</p> <p>(ii) Bản chất của các loại rủi ro tài chính trong hoạt động đầu tư, các loại lợi suất, tương quan giữa rủi ro và lợi suất, cách thức và ý nghĩa đa dạng hóa đầu tư, phân tích, định giá trái phiếu, cổ phiếu, chứng khoán phái sinh và có khả năng vận dụng vào các hoạt động đầu tư tài chính cụ thể;</p> <p>- Ứng dụng các kiến thức được học để (i) giải quyết các vấn đề quản trị rủi ro, phân tích đầu tư; kỹ năng tính toán, trình bày chính xác và mạch lạc. (ii) ứng dụng quy trình phân tích, lựa chọn, định giá cổ phiếu, trái phiếu. Dự báo được những thông số cần thiết cho quá trình này; Tính được các thông số lợi suất dự tính, phương sai, độ lệch chuẩn của một chứng khoán, một danh mục đầu tư đơn giản, trên một kỳ đầu tư xác định.</p> <p>- Bước đầu tiếp cận tới kỹ năng quản trị danh mục đầu tư: Phân biệt được rủi ro cá biệt và rủi ro hệ thống; hiểu mối quan hệ giữa lợi suất</p>	3	HK5	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập cá nhân và bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		dự tính và rủi ro; hiểu khái niệm vòng đời hạn bình quân (Duration) và những ứng dụng của nó trong lựa chọn đầu tư và quản trị rủi ro; áp dụng một số công cụ phái sinh trong quản trị rủi ro đầu tư.			
13	Tài chính doanh nghiệp	Cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản và các vấn đề chính có liên quan đến tài chính doanh nghiệp, các phương pháp phân tích đánh giá giúp người quản lý đưa ra quyết định đúng dựa trên phân tích và đánh giá chi phí, lợi nhuận và rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Hiểu rõ các rủi ro trong kinh doanh và áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro. Nhận thức rõ vai trò của quản lý rủi ro và có thể giải quyết các vấn đề trên kiến thức nền tảng.	3	HK5	Điểm bài tập cá nhân tuần: 10% Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ : 20% Thi hết học phần: 60%
14	Tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK5	
15	Tài chính công	Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản thuộc lĩnh vực tài chính công; Nắm được nội dung và kỹ năng cơ bản hoạch định, quản lý nguồn thu, chi của quỹ tài chính công và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách gắn với các quy định hiện hành của Việt Nam.	3	HK5	Điểm danh: 5% Bài tập cá nhân và bài tập nhóm: 10% Kiểm tra nhanh: 5% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
16	Thẩm định tài chính dự án	Cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao, các phương pháp và công cụ để phân tích, đánh giá dự án đầu tư trên cả 3 góc độ: chủ sở hữu, ngân hàng và dự án. Trên cơ sở các kiến thức cơ bản có liên quan trong học phần tài chính doanh nghiệp 1, người học sẽ được cung cấp các kiến thức chuyên sâu về thẩm định tài chính dự án, đặc biệt về các công cụ và mô hình phân tích rủi ro dự án.	3	HK5	Chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân và bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Học phần tăng cường khả năng thực hành của người học trên cơ sở cung cấp các tình huống (case study) thực tế, từ đó người học có thể đưa ra các quyết định tư đầu tư dự án hoặc lựa chọn phương thức tài trợ có lợi nhất cho dự án. Sử dụng Excel cũng như một số phần mềm thông dụng trong phân tích tài chính dự án.			
17	Pháp luật Tài chính - ngân hàng	Cung cấp cho người học (i) các vấn đề lý thuyết về pháp luật tài chính, pháp luật ngân hàng và pháp luật tài chính doanh nghiệp. (ii) các kiến thức chung, cơ bản và chủ yếu về tài chính doanh nghiệp; hoạt động của ngân hàng như tiền tệ, tín dụng ngân hàng, thanh toán, ngoại hối, đầu tư. Trên cơ sở kiến thức nền, có thể phân tích và vận dụng được các quy định của hệ thống pháp luật điều chỉnh về hoạt động tài chính doanh nghiệp và ngân hàng để giải quyết được các tình huống phát sinh trong thực tiễn hoạt động Tài chính - Ngân hàng theo các quy định của pháp luật.	3	HK5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
18	Quản trị ngân hàng thương mại	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về quản lý ngân hàng thương mại, bao gồm: (i) tổng quan về quản lý ngân hàng thương mại; (ii) báo cáo tài chính và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại về hiệu quả kinh tế, rủi ro, phát triển bền vững; (iii) quản lý cơ bản các khoản tiền gửi ngân hàng đặc biệt bao gồm quản lý rủi ro lãi suất, thanh khoản và quản lý dự trữ, tiền gửi và quản lý tiền gửi, quản lý cho vay, v.v ... Sử dụng các kỹ thuật và mô hình để đo lường rủi ro, đánh giá lãi suất, tỷ suất lợi nhuận, hiệu quả quản lý rủi ro.	3	HK5	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Có thể áp dụng các mô hình kinh tế vào ngân hàng (tức là các chỉ số về âm thanh tài chính, Z-score, CAMELS, RAROC, v.v.)			
19	Tín dụng ngân hàng	Cung cấp cho người học: (i) Tổng quan về hoạt động tín dụng ngân hàng bao gồm những khái niệm cơ bản về tín dụng, tín dụng ngân hàng và hoạt động tín dụng ngân hàng; các quan hệ tín dụng ngân hàng và vai trò của tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế hội nhập; (ii) Các nguồn huy động vốn của ngân hàng thương mại gồm có vốn huy động tiền gửi của dân chúng và phát hành giấy tờ có giá; các kênh huy động vốn từ thị trường liên ngân hàng, từ NHTW và các tổ chức tài chính quốc tế; (iii) Các hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại đối với nền kinh tế gồm có tín dụng ngân hàng đối với khu vực doanh nghiệp; tín dụng ngân hàng đối với cá nhân, bảo lãnh tín dụng của ngân hàng thương mại; (iv) Cung cấp các phương pháp, kỹ năng áp dụng cũng như quá trình cải tiến những công cụ phòng ngừa đối với các loại hình rủi ro tín dụng.	3	HK5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V.2	Các học phần tự chọn		21		
20	NHTW và Chính sách tiền tệ	Cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, mô hình tổ chức và quản lý, các chức năng của NHTW, cũng như các công cụ chính của chức năng quan trọng nhất của NHTW là xây dựng và điều hành CSTT. Trên cơ sở hệ thống những lý thuyết cơ bản về mục tiêu và cơ chế hoạt động của chính sách tiền tệ, tăng cường cho người học kỹ năng phân tích và đánh giá được tác động của chính sách tiền tệ đối với nền kinh tế của Việt Nam và so sánh thực trạng Việt Nam với những thông lệ quốc tế.	3	HK6	Chuyên cần: 6% Bài tập học phần: 12% (3 bài tập; 4%/bài tập) Tham gia làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận: 7% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi cuối kỳ: 60%
21	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	Cung cấp (i) các kiến thức căn bản nhằm phục vụ cho việc phân tích các vấn đề căn bản về ngân hàng đầu tư và nghiệp vụ ngân hàng đầu	3	HK6	Chuyên cần: 10%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<p>tu, bao gồm hoạt động định giá, mua bán và sáp nhập, mua bán và sáp nhập bằng vốn vay (LBOs), tạo lập giá trị của ngân hàng đầu tư thông qua dịch vụ tư vấn, cung cấp giải pháp theo yêu cầu của khách hàng.</p> <p>(ii) các phương pháp và kỹ thuật sử dụng trong việc định giá đối với trường hợp định giá doanh nghiệp; mua lại, sáp nhập doanh nghiệp; mua lại và sáp nhập bằng vốn vay;</p> <p>(iii) các tình huống thực tế để người học tiếp cận, nâng cao khả năng phân tích và ứng dụng vào thực tiễn.</p>			<p>Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
22	Kế toán ngân hàng thương mại	<p>Cung cấp lý thuyết cơ bản và các nguyên tắc, các phương pháp kế toán cơ bản đối với các hoạt động điển hình của một ngân hàng thương mại; hướng tới việc giới thiệu được những chuẩn mực và thông lệ quốc tế tốt nhất hiện hành trong kế toán ngân hàng, khả năng vận dụng những chuẩn mực và thông lệ này ở VN, các phương pháp và cách thức hạch toán đang được áp dụng ở VN.</p> <p>Trên cơ sở kiến thức cơ bản, có khả năng lập các BCTC dạng đơn giản cho một ngân hàng; có khả năng đọc và phân tích khái quát BCTC của một ngân hàng.</p>	3	HK6	<p>Chuyên cần: 7,5%</p> <p>Bài tập cá nhân: 7,5%</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Bài thi cuối kỳ: 60%</p>
23	Marketing ngân hàng	<p>Giúp người học:</p> <p>Có phương thức nghiên cứu thị trường thông qua tìm hiểu môi trường kinh doanh của ngân hàng, đánh giá phân đoạn thị trường hiệu quả nhằm xác định thị trường mục tiêu. Trên cơ sở đó, xây dựng đồng bộ chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối, chiến lược xúc tiến hỗn hợp.</p> <p>Nắm vững lý luận để có thể phân tích thảo luận và bình luận về chiến lược marketing mà các NHTM Việt Nam đang sử dụng.</p>	3	HK6	<p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Bài tập cá nhân: 5%</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Kiểm tra cuối kỳ: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
24	Tài chính cá nhân căn bản	Cung cấp (i) các kiến thức về lập kế hoạch tài chính cá nhân, quản lý tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng, quản lý tin dụng tiêu dùng, bảo hiểm nhân thọ, đầu tư tài sản tài chính, thị trường tài chính v.v... (ii) cách thức nghiên cứu môi trường đầu tư, phân biệt hai khía cạnh cơ bản trong đầu tư là lợi nhuận và rủi ro, khả năng kiểm soát và dự liệu tài chính tương lai của từng cá nhân. Hình thành khả năng so sánh và sử dụng các phương tiện thanh toán, sản phẩm ngân hàng một cách thông minh, có trách nhiệm.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
25	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Cung cấp (i) các lý thuyết hiện đại về quản lý tài chính doanh nghiệp và các chủ đề mới về tài chính doanh nghiệp. sinh viên sẽ có kiến thức toàn diện và có hệ thống về tài chính doanh nghiệp. (ii) hình thành các kỹ năng phân tích các trường hợp tài chính doanh nghiệp và đánh giá các vị trí tài chính của các công ty có thể áp dụng các kiến thức và công cụ đã học để giải quyết các vấn đề thực tế về quản lý tài chính. (iii) sử dụng các phần mềm, đặc biệt là Excel, trong việc giải quyết các vấn đề về tài chính doanh nghiệp và có thể giải quyết các vấn đề quản lý tài chính khác nhau trong các doanh nghiệp.	3	HK6	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi hết học phần: 60%
26	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	Cung cấp (i) kiến thức cơ bản và thực hiện phân tích các vấn đề chính của Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính; (ii) các công cụ phân tích, đánh giá tình hình tài chính để ra quyết định trong đầu tư, tài trợ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên cơ sở sử dụng các phương pháp định lượng trong tài chính; Ứng dụng các phương pháp toán học và các phần mềm máy tính để giải quyết các bài toán quản trị tài chính dựa trên các mô hình Tài chính doanh nghiệp.	3	HK6	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài) 20% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
27	Định giá doanh nghiệp	<p>Có hệ thống hóa các khái niệm, mô hình lý thuyết về định giá doanh nghiệp</p> <p>Hiểu rõ bản chất, quy trình của các phương pháp định giá doanh nghiệp và những điều kiện phù hợp để vận dụng từng phương pháp trên cơ sở nhận thức sâu hơn, đầy đủ hơn về các khái niệm có liên quan như rủi ro, tỷ suất chiết khấu, tỷ lệ tăng trưởng, dòng tiền tự do, giá trị thanh lý...</p> <p>Có phương pháp lập và trình bày báo cáo định giá một cách chuyên nghiệp; và áp dụng được các phương pháp định giá vào bài thực hành định giá một doanh nghiệp thực tế trong điều kiện ở Việt Nam.</p>	3	HK6	<p>Bài tập cá nhân: 20%</p> <p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>
28	Thanh toán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK7	
29	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK7	
30	Tài chính trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	<p>Cung cấp các kiến thức cơ bản trong hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp.</p> <p>Hiểu rõ các vấn đề tài chính trong M&A, cách thức thu xếp và cấu trúc tài chính trong một thương vụ.</p> <p>Vận dụng lý thuyết để phân tích các yếu tố lợi nhuận, rủi ro, điểm mạnh và điểm yếu của các thương vụ M&A và giải quyết các vấn đề tài chính hậu M&A.</p>	3	HK7	<p>Bài tập cá nhân: 20%</p> <p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
31	Thuế	<p>Cung cấp những kiến thức cơ bản về (i) thuế và hệ thống thuế của một quốc gia; vai trò của thuế đối với quá trình điều tiết kinh tế vĩ mô và huy động nguồn lực tài chính cho Nhà nước (mức 1); (ii) các sắc thuế áp dụng cho doanh nghiệp.</p> <p>Phân tích đánh giá các yếu tố cấu thành của một sắc thuế và các cách phân loại thuế; các tiêu thức cần thiết để xây dựng hệ thống thuế và chính sách thuế (mức 2).</p> <p>Vận dụng lý thuyết để tính toán xác định nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp trong từng trường hợp cụ thể (mức 3).</p> <p>Nắm được xu hướng sửa đổi, bổ sung các Luật Thuế của Việt Nam trong giai đoạn 2010-2020; trên cơ sở đó có sự so sánh với hệ thống thuế của một số nước trong khu vực (mức 2).</p> <p>Kết hợp lý thuyết với thực hành thông qua quá trình nghiên cứu nội dung, quy trình đăng ký và kê khai một số sắc thuế chủ yếu tại doanh nghiệp. Biết lập Bản kê khai nộp thuế, lập Báo cáo thuế và Quyết toán thuế...</p>	3	HK7	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
32	Kiểm toán căn bản	<p>Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản tổng quát về (i) lý thuyết kiểm toán. (ii) các bước xây dựng và thực hiện công tác kiểm toán và bước đầu biết thiết kế chương trình kiểm toán trong lập kế hoạch kiểm toán. (iii) cách phân loại hoạt động kiểm toán.</p> <p>Phân tích, so sánh nội dung và phạm vi ứng dụng của hai phương pháp kiểm toán chứng từ và kiểm toán ngoài chứng từ. Phương pháp chọn mẫu kiểm toán; kiểm toán khoản mục cơ bản trên bảng cân đối kế toán: Tiền, Doanh thu - Phải thu.</p> <p>Xây dựng và và thiết kế một số thủ tục kiểm toán nhằm phát hiện các sai sót khi kiểm toán khoản mục Tiền, Doanh thu - Phải thu.</p>	3	HK7	<p>Điểm chuyên cần hàng ngày (0,5%/buổi): 7,5%</p> <p>Bài tập cá nhân: 7,5%</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Bài thi cuối kỳ: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
33	Kế toán tài chính	Cung cấp có hệ thống những kiến thức chuyên ngành về các nguyên tắc và phương pháp kế toán, các nghiệp vụ trong kế toán tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp. Vận dụng sáng tạo các phương pháp nghiệp vụ kế toán/chuẩn mực kế toán vào giải quyết tình huống thực tế tại doanh nghiệp, đánh giá ảnh hưởng của việc thay đổi phương pháp kế toán đến kết quả kinh doanh (lợi nhuận) của doanh nghiệp và tư vấn cho nhà quản trị doanh nghiệp.	3	HK7	Điểm chuyên cần hàng ngày (0,5%/buổi): 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
34	Kế toán quản trị	Có kiến thức chung nhất về kế toán quản trị và sự khác biệt giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính. Biết cách phân loại chi phí sản xuất kinh doanh; Các phương pháp xác định chi phí, phân bổ chi phí và phân tích sự biến động của các loại chi phí sản xuất kinh doanh. Phân tích mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận và ứng dụng mối quan hệ này trong việc ra các quyết định quản lý. Vận dụng kiến thức của kế toán quản trị trong việc ra các loại quyết định ngắn hạn, quyết định đầu tư dài hạn - theo từng trường hợp cụ thể. Biết cách lập dự toán sản xuất kinh doanh.	3	HK7	Điểm chuyên cần hàng ngày (0,5%/buổi): 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
35	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK2	
Thực tập và niên luận			5		
36	Thực tập thực tế và niên luận	Nâng cao tính thực tiễn trong kiến thức và kỹ năng của sinh viên được thực hiện thí điểm bằng việc tổ chức cho sinh viên của ngành Tài chính - Ngân hàng tiếp xúc với thực tế tại ngân hàng và các công ty;	5	HK7	Điểm niên luận: 100%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Học tập trải nghiệm và hình thành kỹ năng nghề với các chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng các doanh nghiệp, ngân hàng, công ty chứng khoán, các định chế tài chính...			
V.4	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế		6		
34	Khóa luận tốt nghiệp		6	HK8	Điểm khóa luận: 100%
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
37	Quản trị rủi ro	Học phần quản trị rủi ro giới thiệu những vấn đề cơ bản về rủi ro nói chung của doanh nghiệp và định chế tài chính, trong đó đi sâu vào các loại rủi ro chính như: rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro biến động giá. Các loại rủi ro sẽ được nhận dạng, đo lường và quản trị bằng phương pháp quản trị rủi ro hiện đại. Học phần đồng thời cũng sẽ giúp sinh viên tìm hiểu tình hình thực tế trong việc phòng ngừa rủi ro chính của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.	3	HK7, 8	Bài tập cá nhân :10 % Bài tập nhóm: 10 % Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi hết học phần: 60%
38	Ngân hàng quốc tế	Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản và vai trò của ngân hàng quốc tế đối với nền kinh tế thế giới. Xác định rõ sự khác biệt giữa các loại hình ngân hàng quốc tế và hệ thống tài chính với ngân hàng khác nhau của các ngân hàng trong nền kinh tế. Hiểu rõ về các quy định NHTW và ngân hàng quốc tế, trong đó có thiết lập khung tổng thể về các hoạt động ngân hàng quốc tế. Trên cơ sở thực tiễn, xem xét vai trò của các ngân hàng quốc tế trong khủng hoảng và các chính sách có thể rút ra từ đó.	3	HK7, 8	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%

2. Cử nhân Tài chính - ngân hàng chất lượng cao

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Kiến thức chung		32		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	HK1,2	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2		3	HK 1,2	
3	Tư tưởng HCM		2	HK 1,2	
4	Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	HK 1,2	
5	Tin học cơ sở 2		3	HK 1,2	
6	Tiếng Anh cơ sở 1		4	HK 1,4	
7	Tiếng Anh cơ sở 2		5	HK 1,4	
8	Tiếng Anh cơ sở 3		5	HK 1,4	
9	Tiếng Anh cơ sở 4		Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người mới bắt đầu, những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm, các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu.	5	HK 1,4

10	Giáo dục thể chất	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.			
11	Giáo dục quốc phòng an ninh				
12	Kỹ năng bổ trợ				
II	Kiến thức theo lĩnh vực		10		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.				
III	Kiến thức theo khối ngành		18		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.				
IV.	Kiến thức theo nhóm ngành		21		
IV.1	Các học phần bắt buộc		15		
13	Luật kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2		
14	Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3		
15	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng* (Tiếng Anh)	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tiền tệ, hoạt động hệ thống ngân hàng trong một quốc gia; vai trò của ngân hàng thương mại và NHTW đối với quá trình điều tiết và kiểm soát lượng tiền trong nền kinh tế mở. Có phương pháp phân tích thị trường để hình thành tư duy về vấn đề sử dụng vốn tiền tệ có hiệu quả trong kinh tế thị trường hiện đại.	4	HK4	Chuyên cần, kiểm tra: 20% Thảo luận, tiểu luận: 20% Thi cuối kỳ: 60%
16	Nguyên lý kế toán* (Tiếng Anh)	Hiểu được bản chất và vai trò của kế toán; các nguyên tắc kế toán chung và sự vận dụng vào công tác kế toán một cách đơn giản. Hiểu được đối tượng và phương pháp của kế toán. Nắm được các yếu tố cấu thành bộ máy kế toán: chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo.	3	HK4	Điểm chuyên cần (0,5%/buổi): 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%

17	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK4	Kiểm tra cuối kỳ 60%
IV.2	Các học phần tự chọn		15		
18	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3		
19	Kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3		
20	Kinh tế phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3		
21	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK4	
V	Khối kiến thức ngành		69		
22	Các thị trường và định chế tài chính (Tiếng Anh)	Nắm rõ các khái niệm về lãi suất và những yếu tố tác động tới các mức lãi suất; yếu tố thuế, vỡ nợ, đường cong lợi suất chuẩn và ứng dụng của nó. Nắm được bản chất, cấu trúc và những yếu tố tác động tới quá trình vận hành của thị trường tiền tệ, thị trường cổ phiếu và trái phiếu; thị trường khoản vay thế chấp nhà (mortgages). Hiểu chức năng, vai trò của thị trường các công cụ phái sinh trong các hoạt động đầu cơ và hạn chế tổn thất của các cá nhân và định chế tài chính. Hiểu chức năng, vai trò, và sự tương tác trong hệ thống tài chính của những định chế Tài chính - ngân hàng và phi ngân hàng, như ngân hàng thương mại, các hãng bảo hiểm, công ty tài chính, quỹ hưu bổng, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán.	3	HK5	Chuyên cần: 5% Bài tập về nhà (bao gồm bài tập cá nhân và bài tập nhóm): 10% Kiểm tra nhanh: 5% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
23	Phân tích tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3		
24	Quản lý đầu tư		3		

25	Tài chính doanh nghiệp (Tiếng Anh)	Cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản và các vấn đề chính có liên quan đến tài chính doanh nghiệp, các phương pháp phân tích đánh giá giúp người quản lý đưa ra quyết định đúng dựa trên phân tích và đánh giá chi phí, lợi nhuận và rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Hiểu rõ các rủi ro trong kinh doanh và áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro. Nhận thức rõ vai trò của quản lý rủi ro và có thể giải quyết các vấn đề trên kiến thức nền tảng.	3	HK5	Điểm bài tập cá nhân tuần: 10% Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ : 20% Thi hết học phần: 60%
26	Tài chính quốc tế (Tiếng Anh)	Cung cấp các kiến thức (cả về lý thuyết và thực tế) về tài chính quốc tế, bao gồm các khái niệm về cán cân thanh toán, lý thuyết tỷ giá hiện đại, lý thuyết và mô hình kinh tế vĩ mô mở, sự phát triển của hệ thống tiền tệ quốc tế, phong trào vốn quốc tế và thị trường vốn toàn cầu, tài chính và khủng hoảng tiền tệ và các vấn đề chính sách đối với các nước đang phát triển. Ngoài các vấn đề lý thuyết, học phần cũng thảo luận về các vấn đề chính sách có liên quan đến Việt Nam để tạo thuận lợi cho sự hiểu biết về các lý thuyết.	3	HK5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
27	Tài chính công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3		
28	Thẩm định tài chính dự án		3		
29	Pháp luật Tài chính - ngân hàng		3	HK5	

30	Quản trị ngân hàng thương mại (Tiếng Anh)	<p>Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về quản lý ngân hàng thương mại, bao gồm: (i) tổng quan về quản lý ngân hàng thương mại; (ii) báo cáo tài chính và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại về hiệu quả kinh tế, rủi ro, phát triển bền vững; (iii) quản lý cơ bản các khoản tiền gửi ngân hàng đặc biệt bao gồm quản lý rủi ro lãi suất, thanh khoản và quản lý dự trữ, tiền gửi và quản lý tiền gửi, quản lý cho vay, v.v ...</p> <p>- Sử dụng các kỹ thuật và mô hình để đo lường rủi ro, đánh giá lãi suất, tỷ suất lợi nhuận, hiệu quả quản lý rủi ro.</p> <p>- Có thể áp dụng các mô hình kinh tế vào ngân hàng (tức là các chỉ số về âm thanh tài chính, Z-score, CAMELS, RAROC, v.v.)</p>	3	HK5	<p>Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Thuyết trình nhóm: 10%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
31	Tín dụng ngân hàng (Tiếng Anh)	<p>Cung cấp cho người học: (i) Tổng quan về hoạt động tín dụng ngân hàng bao gồm những khái niệm cơ bản về tín dụng, tín dụng ngân hàng và hoạt động tín dụng ngân hàng; các quan hệ tín dụng ngân hàng và vai trò của tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế hội nhập; (ii) Các nguồn huy động vốn của ngân hàng thương mại gồm có vốn huy động tiền gửi của dân chúng và phát hành giấy tờ có giá; các kênh huy động vốn từ thị trường liên ngân hàng, từ NHTW và các tổ chức tài chính quốc tế; (iii) Các hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại đối với nền kinh tế gồm có tín dụng ngân hàng đối với khu vực doanh nghiệp; tín dụng ngân hàng đối với cá nhân, bảo lãnh tín dụng của ngân hàng thương mại; (iv) Cung cấp các phương pháp, kỹ năng áp dụng cũng như quá trình cải tiến những công cụ phòng ngừa đối với các loại hình rủi ro tín dụng.</p>	3	HK5	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
32	Ngân hàng quốc tế (Tiếng Anh)	<p>(Học phần tự chọn). Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản và vai trò của ngân hàng quốc tế đối với nền kinh tế thế giới. Xác định rõ sự khác biệt giữa các loại hình ngân hàng quốc tế và hệ thống</p>	3	HK5	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		<p>tài chính với ngân hàng khác nhau của các ngân hàng trong nền kinh tế.</p> <p>Hiểu rõ về các quy định NHTW và ngân hàng quốc tế, trong đó có thiết lập khung tổng thể về các hoạt động ngân hàng quốc tế.</p> <p>Trên cơ sở thực tiễn, xem xét vai trò của các ngân hàng quốc tế trong khủng hoảng và các chính sách có thể rút ra từ đó.</p>			
33	Quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ ***	<p>Cung cấp những kiến thức cơ bản về (i) vai trò và hoạt động của bộ phận quản lý, kinh doanh vốn và ngoại hối trong ngân hàng thương mại; (ii) Vai trò và các nghiệp vụ chính của bộ phận quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ trong ngân hàng thương mại, Quản lý dự trữ và thanh khoản, Quản lý khe hở lãi suất, Quản lý trạng thái ngoại hối, Quản lý giá trị ròng ngân hàng, Công cụ phái sinh, Quản lý rủi ro trong Bộ phận quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ.</p>	3	HK6	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
V.2	Các học phần tự chọn		18		
34	NHTW và Chính sách tiền tệ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
35	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
36	Kế toán ngân hàng thương mại	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
37	Marketing ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
38	Tài chính cá nhân căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
39	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu (Tiếng Anh)	Cung cấp (i) các lý thuyết hiện đại về quản lý tài chính doanh nghiệp và các chủ đề mới về tài chính doanh nghiệp. sinh viên sẽ có kiến thức toàn diện và có hệ thống về tài chính doanh nghiệp. (ii) hình thành các	3	HK6	<p>Bài tập cá nhân: 20%</p> <p>Chuyên cần: 10%</p>

		kỹ năng phân tích các trường hợp tài chính doanh nghiệp và đánh giá các vị trí tài chính của các công ty có thể áp dụng các kiến thức và công cụ đã học để giải quyết các vấn đề thực tế về quản lý tài chính. (iii) sử dụng các phần mềm, đặc biệt là Excel, trong việc giải quyết các vấn đề về tài chính doanh nghiệp và có thể giải quyết các vấn đề quản lý tài chính khác nhau trong các doanh nghiệp.			Bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi hết học phần: 60%
40	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
41	Định giá doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
42	Quản trị rủi ro	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
43	Thanh toán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK7	
44	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK7	
45	Tài chính trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK7	
46	Thuế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK7	
47	Kiểm toán căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK7	
48	Kế toán tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK7	

49	Quản trị nguồn nhân lực	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK7	
50	Kế toán quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK7	
V.3	Thực tập thực tế và niên luận		8		
51	Thực tập thực tế và niên luận	Nâng cao tính thực tiễn trong kiến thức và kỹ năng của sinh viên được thực hiện thí điểm bằng việc tổ chức cho sinh viên của ngành Tài chính - Ngân hàng tiếp xúc với thực tế tại ngân hàng và các công ty; Học tập trải nghiệm và hình thành kỹ năng nghề với các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng các doanh nghiệp, ngân hàng, công ty chứng khoán, các định chế tài chính...	8	HK7	Điểm niên luận: 100%
V.4	Khóa luận tốt nghiệp		7	HK7	Điểm khóa luận: 100%

3. Cử nhân Tài chính - ngân hàng chất lượng cao theo thông tư 23

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		21		
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo Thông tư 23.			
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		13		
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo Thông tư 23.			
III	Khối kiến thức theo khối ngành		18		
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo Thông tư 23.			

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		20		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng Chất lượng cao.				
V	Khối kiến thức ngành		72		
1	Các thị trường và định chế tài chính (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng chất lượng cao.	3	HK5	
2	Phân tích tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK5	
3	Quản lý đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK5	
4	Tài chính doanh nghiệp (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng chất lượng cao.	3	HK5	
5	Tài chính quốc tế (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng chất lượng cao.	3	HK5	
6	Tài chính công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK5	
7	Thẩm định tài chính dự án	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK5	
8	Quản lý ngân hàng điện tử*** (Tiếng Anh)	Học phần bao gồm 4 chương với sự kết hợp giữa các bài giảng và các cuộc thảo luận trường hợp. Chương 1 sẽ giới thiệu cho sinh viên cái nhìn tổng quan về quản lý ngân hàng điện tử và quản lý ngân hàng điện tử, bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, sự tiến hóa và xu	2	HK5	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		hướng thực sự trong ngân hàng điện tử, các hình thức ngân hàng điện tử; quan điểm quản lý của ngân hàng điện tử cũng như các mối lo ngại về rủi ro liên quan đến các mạng ngân hàng điện tử. Chương 2 đưa ra các loại sản phẩm ngân hàng điện tử khác nhau sử dụng internet và mạng lưới các nhà cung cấp điện thoại dựa trên khuôn khổ để phân tích các mô hình kinh doanh cho ngân hàng điện tử. Chương 3 tập trung vào các vấn đề liên quan đến an ninh trong ngân hàng điện tử dựa trên các nghiên cứu cụ thể về hệ thống máy tính, virus và tội phạm trong ngân hàng điện tử. Chương cuối cùng (Chương 4) đề cập đến quản lý rủi ro chiến lược trong ngân hàng điện tử, trong đó học sinh sẽ xác định các vấn đề liên quan đến công nghệ, rào cản pháp lý, môi trường cạnh tranh của kinh doanh ngân hàng; tìm ra các mạng lưới lập kế hoạch và kết nối chiến lược trong tổ chức ngân hàng liên quan đến ngân hàng điện tử cũng như các nền tảng và giải pháp cho rủi ro ngân hàng điện tử.			Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
9	Quản trị ngân hàng thương mại (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng chất lượng cao.	3	HK5	
10	Tín dụng ngân hàng (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng chất lượng cao.	3	HK5	
11	Ngân hàng quốc tế (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng chất lượng cao.	3	HK5	
12	NHTW và Chính sách tiền tệ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
	<i>Các học phần tự chọn</i>		18		
13	Tài chính vi mô***	Tài chính vi mô là các dịch vụ tài chính cung cấp cho người nghèo và người có thu nhập thấp và là một công cụ quan trọng trong xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống cho người nghèo ở các nước đang phát triển. Học phần bắt đầu từ việc giới thiệu tổng quan thị trường tài chính vi mô, những hạn chế khiến cho khách hàng tài chính vi mô khó tiếp cận với dịch vụ tài chính thông thường và đặc điểm của sản phẩm tài chính vi mô giúp vượt qua những hạn chế này. Học phần cũng giới thiệu về các định chế tài chính chủ yếu cung cấp dịch vụ tài chính vi mô trên thị trường về sở hữu, cơ cấu vốn, quản trị, quản lý hoạt động và rủi ro, kết quả hoạt động và tác động kinh tế, xã hội của dịch vụ tài chính vi mô. Cuối cùng, người học sẽ tìm hiểu về hệ thống tài chính vi mô Việt Nam và so sánh những điểm tương đồng và khác biệt của hệ thống này với các thông lệ quốc tế.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14	Pháp luật Tài chính - ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
15	Kế toán ngân hàng thương mại	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
16	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
17	Quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ***	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng chất lượng cao.	3	HK6	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
18	Marketing ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
19	Tài chính cá nhân căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
20	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng chất lượng cao.	3	HK6	
21	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
22	Định giá doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
23	Quản trị rủi ro	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	HK6	
24	Thanh toán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK7	
25	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK7	
26	Tài chính trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	HK7	
27	Thuế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	HK7	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
28	Kiểm toán căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	HK7	
29	Kế toán tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	HK7	
30	Quản trị nguồn nhân lực	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	HK7	
31	Kế toán quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	HK7	
32	Quản trị dòng tiền***	Học phần Quản trị dòng tiền sẽ trang bị các kiến thức cần thiết cho các nhà quản trị tương lai, để có thể tổ chức, điều hành, kiểm soát và ra quyết định cho các hoạt động về dòng tiền hàng ngày, cũng như đưa ra các dự đoán quan trọng liên quan đến tương lai của doanh nghiệp.. Quản trị dòng tiền chủ yếu bàn về các khái niệm, phân loại, phương pháp xác định, cách phân bổ, phân tích và đánh giá... về cách thức lưu chuyển của dòng tiền. Dựa trên nền tảng kiến thức cơ bản này, người học sẽ được trang bị các kiến thức, phương pháp và kỹ năng cần thiết để quản trị. Trên cơ sở đó giúp người học nắm được cách thức áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn công tác quản trị cũng như tiếp tục nghiên cứu các học phần chuyên ngành ở bậc cao hơn.	3	HK7	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
V.3	Thực tập thực tế và niên luận		12		
33	Kiến tập		2	HK7	Điểm báo cáo: 100%
34	Thực tập thực tế 1		3	HK7	Điểm báo cáo: 100%
35	Thực tập thực tế 2		3	HK7	Điểm báo cáo: 100%
36	Niên luận		4	HK7	Điểm niên luận: 100%
V.4	Khóa luận tốt nghiệp		7	HK8	Điểm khóa luận: 100%

4. Thạc sỹ Tài chính - ngân hàng (định hướng ứng dụng)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Kiến thức chung		8		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế Chính trị				
II	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47		
II.1	Các học phần bắt buộc		26		
1	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lý thuyết và thực tiễn	Cung cấp (i) các lý thuyết liên quan đến lĩnh vực tiền tệ-ngân hàng và thị trường tài chính; (ii) phương pháp tiếp cận hiện đại để hình thành tư duy phân tích, đánh giá chuyên sâu các hoạt động của thị trường tài chính nói chung, hệ thống ngân hàng nói riêng trong bối cảnh kinh tế hiện đại. Sử dụng các lý thuyết cơ bản được trang bị để phân tích, đánh giá tác động tác động chính sách tiền tệ, chính sách tài chính đến hoạt động của hệ thống ngân hàng và đến nền kinh tế.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Tiểu luận, 1 bài kiểm tra giữa kỳ, 1 bài kiểm tra hết học phần: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Trên cơ sở vận dụng kiến thức, hình thành (i) năng lực nghiên cứu độc lập, khả năng phân tích thực tiễn và vận dụng lý thuyết vào giải quyết những vấn đề nóng bỏng trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng của thế giới và Việt Nam trong bối cảnh hội nhập ngày nay. (ii) năng lực dự báo những vấn đề của Việt Nam và thế giới trong lĩnh vực Tài chính - ngân hàng.			
2	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	Cung cấp hệ thống kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ quản trị của NHTM. Vận dụng kiến thức lý luận vào giải quyết những vấn đề thực tiễn nảy sinh trong lĩnh vực quản trị NHTM hiện đại. Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá chuyên sâu về quản trị NHTM, phân tích, ra các quyết định về quản trị trong ngân hàng thương mại hiện đại.	3	HK1	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Điểm Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ: 60%
3	Ngân hàng quốc tế nâng cao	Cung cấp (i) các kiến thức về nghiệp vụ ngân hàng quốc tế cơ bản như tín dụng quốc tế, tài trợ thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế, quản trị và kinh doanh quốc tế... (ii) các công cụ để bình luận và phân tích được những cơ chế, chính sách và quy định quản trị hoạt động ngân hàng quốc tế, phân tích, bình luận nguyên nhân và tác động của các vấn đề có ảnh hưởng đến xu hướng phát triển ngân hàng... Vận dụng thành thạo những nghiệp vụ ngân hàng quốc tế cơ bản như tín dụng quốc tế và tài trợ thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế, quản trị và kinh doanh vốn quốc tế ...; Phân biệt các hình thức rủi ro thường phát sinh trong hoạt động ngân hàng quốc tế và vận dụng thành thạo các biện pháp khắc phục rủi ro;	3	HK1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Bình luận và phân tích được (i) những cơ chế, chính sách và quy định quản trị hoạt động ngân hàng quốc tế; (ii) nguyên nhân và tác động của các vấn đề có ảnh hưởng đến xu hướng phát triển ngân hàng quốc tế			
3	Tài chính cá nhân	Học phần trang bị cho học viên kiến thức về việc lập kế hoạch tài chính cá nhân, quản lí tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng, quản lí tín dụng tiêu dung, bảo hiểm nhân thọ. Trang bị kiến thức cơ bản cho người học về đầu tư tài sản tài chính, thị trường tài chính, cách nghiên cứu môi trường đầu tư, phân biệt hai khía cạnh cơ bản trong đầu tư: lợi nhuận và rủi ro. Khả năng kiểm soát và dự liệu tương lai tài chính của từng cá nhân. Chương trình còn giúp người học khả năng so sánh và sử dụng các phương tiện thanh toán, sản phẩm ngân hàng một cách thông minh, có trách nhiệm.	2	HK1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
4	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	Hiểu rõ về các yếu tố cấu thành nền tảng của các quyết định đầu tư, đặc biệt là quyết định chiến lược danh mục đầu tư; các chiến lược đặc thù trong quản trị danh mục đầu tư; phân biệt được các chiến lược chủ động, thụ động; các quy trình quản trị danh mục đầu tư và các phương pháp đánh giá hoạt động của danh mục. Có kiến thức nâng cao về lý thuyết đầu tư hiện đại, bao gồm các quyết định phân bổ tài sản, mô hình định giá tài sản vốn; các mô hình định giá chứng khoán. Thành thạo các phép tính lợi suất, giá cả, rủi ro của từng công cụ riêng lẻ và của danh mục đầu tư. Có khả năng phân tích môi trường kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích từng công ty để làm cơ sở cho việc xây dựng và quản trị danh mục đầu tư; Có khả năng lựa chọn, thiết kế những danh mục đầu tư phù hợp với từng chiến lược, mục tiêu cụ thể.	3	HK1	Bài tập cá nhân: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15 % x 2 = 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Vận dụng được quy trình đánh giá hoạt động của danh mục đầu tư, từ đó có thể điều chỉnh danh mục để đạt được những mục tiêu đầu tư.			
5	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	Có kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết hiện đại của tài chính công ty (tài chính doanh nghiệp). Vận dụng các công cụ phân tích, các phương pháp quản lý tài chính tại các doanh nghiệp vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Phân tích các tình huống và ra quyết định. Sử dụng phần mềm máy tính (Excel) để giải quyết một số bài toán quản lý tài chính.	3	HK1	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân tuần :15% Kiểm tra giữa kỳ + cuối kỳ: 20% Thi hết học phần: 60%
6	Tài chính công nâng cao	Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản thuộc lĩnh vực tài chính công Hình thành kỹ năng cơ bản hoạch định, quản lý nguồn thu, chi của quỹ tài chính công và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách gắn với các quy định hiện hành của Việt Nam.	3	HK1	Chuyên cần và bài tập cá nhân:20% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%
7	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	2	HK2	
8	Thực tập thực tế	Học viên thực tập một nội dung chuyên học phần tại một cơ sở thực tập thực tế là tổ chức tài chính hoặc doanh nghiệp. Học viên cần phát hiện một/một số vấn đề thực tế, cách giải quyết vấn đề tại nơi thực tập và trình bày quan điểm của học viên.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
II.2	Các học phần tự chọn		21		
9	Quản trị tài chính ngắn hạn	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản trị tài chính ngắn hạn: Các phương pháp rút ngắn chu kỳ chuyển đổi tiền mặt nhằm gia tăng giá trị của công ty; các nguyên lý, mô hình, phương pháp quản trị tồn quỹ, tồn kho, khoản phải thu; khoản phải trả; các phương pháp để hình	3	HK2	Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		thành hoặc thay đổi chính sách tín dụng; phương pháp lựa chọn, quyết định đầu tư ngắn hạn; phương pháp lựa chọn và quyết định tài trợ ngắn hạn.			Điểm thi hết học phần: 60%
10	Phân tích đầu tư bất động sản	Cung cấp kiến thức chung về bất động sản và thị trường bất động sản, những yếu tố tác động đến thị trường bất động sản và giá của bất động sản; những phương pháp cơ bản để xác định giá của bất động sản. Trên cơ sở kiến thức về kinh tế và bất động sản có thể phân tích các tình huống để đưa ra các quyết định liên quan đến bất động sản. Áp dụng những phương pháp cơ bản để xác định giá của bất động sản.	2	HK2	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 25% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 15% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%
11	Phân tích tài chính nâng cao	Cung cấp (i) những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp, trên cơ sở phân tích 3 hoạt động tài chính cơ bản của doanh nghiệp: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư, từ đó thấy được mối liên hệ giữa các hoạt động tài chính của doanh nghiệp, và đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp. (ii) hệ thống các chỉ tiêu tài chính được sử dụng để phân tích bao gồm: chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán, hiệu quả hoạt động, khả năng cân đối vốn và khả năng sinh lời. Xây dựng đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện tình hình tài chính, từ đó, xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn và dự báo BCTC.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân, kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
12	Quản trị rủi ro trong các tổ chức tài chính	Giúp người học: (i) nhận diện được các rủi ro chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung: rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro tỷ giá, rủi ro về giá. (ii) có phương thức đo lường hay lượng hóa rủi ro. Vận dụng các phương pháp quản trị rủi ro vào tình huống quản trị cụ thể.	3	HK2	Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
13	Tài chính phát triển	Học phần được chia làm bốn phần. Phần đầu , học phần sẽ đề cập tới các thành tố cấu thành của hệ thống tài chính, chức năng của hệ thống tài chính. Phần hai trình bày về các hoạt động ở bản của các định chế tài chính và thị trường tài chính trong hệ thống tài chính, phần này cũng đề cập tới các công cụ tài chính và nghiên cứu vấn đề cơ bản về lãi suất và tác động của nó tới hoạt động của hệ thống tài chính nói riêng và đến tăng trưởng kinh tế nói chung. Phần ba tập trung phân tích vai trò dòng vốn nước ngoài, bao gồm cả vốn viện trợ và vốn đầu tư trực tiếp, đến sự phát triển của hệ thống tài chính và tăng trưởng kinh tế. Phần bốn phân tích vai trò điều tiết của Chính phủ đối với hệ thống tài chính thông qua nghiên cứu cơ sở hạ tầng tài chính - một thành tố quan trọng trong hệ thống tài chính và hoạt động của NHTW.	3	HK2	Chuyên cần: 5% Điểm bài tập cá nhân tuần :15% Kiểm tra giữa kỳ + cuối kỳ: 20% Thi hết học phần: 60%
14	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	Có kiến thức chuyên sâu về thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái; các hệ thống tỷ giá hối đoái, các mô hình dự báo tỷ giá hối đoái, các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái, phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ thương mại quốc tế. Giải thích được ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến tình hình hoạt động của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và các công ty đa quốc gia, phân tích quản trị dòng tiền, các kỹ thuật để tối ưu hóa dòng tiền. Xác định những cơ hội và rủi ro mà các công ty hoạt động trên thị trường quốc tế có thể gặp phải, dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá. Vận dụng các phương tiện, phương thức thanh toán phù hợp với từng thương vụ cụ thể trong thương mại quốc tế.	2	HK2	Chuyên cần: 5% Bài tập nhỏ, Kiểm tra giữa kỳ + cuối kỳ: 35% Thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Hình thành kỹ năng quản trị để tối ưu hóa dòng tiền cho doanh nghiệp hoạt động trên thị trường quốc tế.			
15	Thuế quốc tế	Thuế quốc tế là học phần thuộc phần kiến thức chuyên ngành, được thiết kế gồm 7 chương, nghiên cứu những vấn đề về chính sách thuế trong thương mại và đầu tư quốc tế: các nguyên tắc thuế quốc tế, đánh thuế trùng và các biện pháp xử lý hiện tượng đánh thuế trùng, chuyển giá trong thuế quốc tế, hiệp định tránh đánh thuế trùng, thuế quốc tế với vấn đề bán phá giá.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
16	Giám sát hệ thống tài chính	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về giám sát hệ thống tài chính. Đây là những kiến thức mới, luôn thay đổi theo các thông lệ quốc tế nhằm đạt sự an toàn tài chính trong môi trường kinh tế hội nhập và đầy bất ổn. Học viên được trang bị những kiến thức mới nhất về các quy định của Ủy ban Base 2, Basel 3, các lý luận về giám sát tài chính vĩ mô, giám sát tài chính vi mô, các kinh nghiệm quốc tế về thực thi giám sát hệ thống tài chính có hiệu quả.	2	HK2	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết học phần: 60%
17	Các công cụ có thu nhập cố định	Có kiến thức về các công cụ có thu nhập cố định, đặc biệt là một số công cụ mới như khoản vay cầm cố, trái phiếu kèm quyền chọn và trái phiếu chuyển đổi. Hiểu rõ các quy trình lý thuyết định giá các chứng khoán có thu nhập cố định, tính toán các chỉ tiêu lợi suất, rủi ro, độ nhạy cảm của giá đối với thay đổi lãi suất của các công cụ có thu nhập cố định; bản chất và các yếu tố tác động tới giá cả, lợi suất của những công cụ này; các chiến lược thông dụng trong xây dựng và quản trị danh mục đầu tư với các công cụ có thu nhập cố định.	3	HK2	Bài tập cá nhân: 20%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Sử dụng thành thạo các phép tính lợi suất, giá cả, rủi ro của một số công cụ có thu nhập cố định quan trọng; Có khả năng lựa chọn, thiết kế những công cụ phù hợp với mục tiêu và chiến lược; Có khả năng đưa ra các ý tưởng thiết kế cũng như thực thi quản trị danh mục đầu tư có thu nhập cố định.			
18	Các công cụ phái sinh	Cung cấp cho học viên những hiểu biết về các công cụ tài chính phái sinh và các ứng dụng vào công tác quản trị chiến lược và quản trị rủi ro cho doanh nghiệp. Xây dựng mô hình, định giá các công cụ phái sinh, đánh giá nguy cơ rủi ro thông qua tình huống và đưa ra các cách giải quyết tình huống khác nhau, áp dụng cho các thị trường phái sinh khác nhau. Vận dụng cho thực tiễn Việt Nam và thiết lập các yếu tố phát triển thị trường phái sinh trong tương lai.	2	HK2	Bài tập, điểm danh: 20%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi kết thúc học phần: 60%
19	Tài chính sáp nhập và mua lại nâng cao	Cung cấp kiến thức cơ bản trong hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp Hiểu rõ các vấn đề tài chính trong M&A, cách thức thu xếp và cấu trúc tài chính trong một thương vụ. Vận dụng lý thuyết để giải thích, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề tình huống trong M&A.	2	HK2	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 20% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết học phần: 60%
20	Kế toán quản trị nâng cao	Kế toán quản trị là học phần trang bị các kiến thức cần thiết cho các nhà quản trị tương lai, để có thể tổ chức, điều hành, kiểm soát và ra quyết định cho các hoạt động hàng ngày, cũng như đưa ra các dự đoán quan trọng liên quan đến tương lai của doanh nghiệp.	3	HK2	Chuyên cần: 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
21	Kế toán tài chính nâng cao	Học phần cung cấp hệ thống những kiến thức khái quát nhất về kế toán tài chính áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp và các ngành đặc	3	HK2	Chuyên cần: 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<p>thù, các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán, phát hiện các bất cập và xu hướng hoàn thiện, Phương pháp lập các Báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính...</p> <p>Xác định rõ các chuẩn mực kế toán Quốc tế và chuẩn mực kế toán Việt Nam về kế toán tài sản cố định, kế toán các nghiệp vụ đầu tư tài chính, kế toán thuế TNDN, các nghiệp vụ liên quan đến tỷ giá hối đoái và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>Trên cơ sở định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các phần hành kế toán nói trên, hiểu rõ về BCTC.</p> <p>Phân tích và đánh giá ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản cố định, đầu tư tài chính và tỷ giá hối đoái đến các chỉ tiêu trên BCTC của doanh nghiệp, tổng hợp xác định kết quả sản xuất kinh doanh và xác định số thuế doanh nghiệp phải nộp trong kỳ theo quy định hiện hành, đồng thời vận dụng các nguyên tắc và cơ sở lập BCTC để lập các BCTC tổng hợp của doanh nghiệp.</p>			<p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Bài thi cuối kỳ: 60%</p>
22	Ngân hàng điện tử E - banking	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về ngân hàng điện tử và các nghiệp vụ giao dịch có liên quan. Học phần này đề cập lý thuyết cơ bản liên quan đến các nghiệp vụ ngân hàng thông qua kênh giao dịch điện tử, hệ thống corebanking cũng như hiểu biết chung về xu hướng phát triển công nghệ ngân hàng, quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng gắn với xu hướng phát triển này.	2	HK2	<p>Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ (2 bài): 20%</p> <p>Thuyết trình nhóm: 10%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
23	Dịch vụ ngân hàng ưu tiên	Người học (i) hiểu rõ về các loại hình dịch vụ tài chính cá nhân cao cấp tại các ngân hàng trên thế giới, được trang bị thêm các kiến thức nâng cao và mới chưa được học trong chương trình cử nhân Tài chính - ngân hàng. (ii) các công cụ phân tích, các phương pháp và biết vận dụng vào giải quyết	2	HK2	<p>Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		những vấn đề thực tiễn trong quản trị các dịch vụ tài chính cá nhân cao cấp trong ngân hàng. Phân tích các tình huống và ra quyết định trong quản trị ngân hàng, tập trung vào các vấn đề liên quan tới dịch vụ ngân hàng cao cấp hay việc quản lý tài chính cá nhân .			Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
24	Quản trị Marketing nâng cao	Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về: (1) hoạch định marketing trong doanh nghiệp; (2) quản lý thương hiệu; (3) quản lý mối quan hệ với khách hàng; (4) quản trị marketing quốc tế; (5) quản trị phát triển sản phẩm mới; (6) những xu hướng mới trong quản trị marketing. Hình thành tư duy toàn cục, phát triển tầm nhìn và xử lý các tình huống có thật cũng như giả định về quản trị marketing của doanh nghiệp.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
25	Quản trị chiến lược nâng cao	Cung cấp những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về quản trị chiến lược trong doanh nghiệp; Phân tích chiến lược, chọn lựa chiến lược, thực thi chiến lược của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh bất định và toàn cầu.	3	HK2	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 20% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết học phần: 60%
26	Kinh tế học quản lý	Cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô và ứng dụng của nó trong việc đưa ra quyết định của doanh nghiệp, từ đó áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh doanh; Sử dụng các kiến thức kinh tế vi mô để cải thiện việc ra quyết định trong doanh nghiệp; Có thể phân tích, lý giải một cách có khoa học các vấn đề nảy sinh, lựa chọn và ứng dụng những nguyên lý kinh tế phù hợp vào từng tình huống cụ thể.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
III.	Luận văn		9		

5. Tiến sỹ Tài chính - ngân hàng

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
1.1. Dành cho NCS chưa có bằng Thạc sỹ					
1	Triết học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế Chính trị.	4	HK 1,2	
2	Tiếng Anh cơ bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế Chính trị.	4	HK1	
3	Tiếng Anh học thuật	Theo quy định chung của ĐHQGHN.	3	HK2	Theo quy định chung của ĐHQGHN
4	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế Chính trị.	2	HK1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
6	Quản trị Marketing nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK 1,2	
7	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa cung cấp những kiến thức chuyên sâu như: các trường phái quản trị nguồn nhân lực và hoàn cảnh ra đời, tiếp cận hiện đại về quản trị nguồn nhân lực; hoạt động tìm kiếm và tuyển chọn nhân sự của các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh về nhân lực ngày càng tăng và mở rộng phạm vi toàn cầu; công tác bố trí, sử dụng nguồn nhân lực theo tiếp cận đa trí tuệ, dụng nhân như dụng mộc; tạo dựng mô hình doanh nghiệp học tập	3	HK 1,2	Tham gia học tập trên lớp: 5%. Thảo luận và bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		thông qua đào tạo và phát triển nhân sự nội bộ; chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua đãi ngộ nhân sự.			Bài thi kết thúc học phần: 60%
8	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lý thuyết và thực tiễn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK 3,4	
9	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK 3,4	
10	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	HK 3,4	
11	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK 3,4	
12	Các công cụ có thu nhập cố định	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK 3,4	
13	Các phương pháp định lượng dùng trong quản trị tài chính	Học phần trang bị các kiến thức về sử dụng Excel và các công cụ định lượng áp dụng trong việc giải quyết các bài toán của tài chính doanh nghiệp. Đồng thời cũng cung cấp các kỹ năng tính toán giúp cho các chuyên gia và các nhà quản lý ra quyết định trong quản trị tài chính. Nội dung chính của học phần bao gồm các chủ đề trình bày về các công cụ của Excel và các hàm tài chính ứng dụng để giải quyết các vấn đề như: 1. Xác định giá trị hiện tại và tương lai của tiền tệ 2. Định giá	3	HK 3,4	Chuyên cần và bài tập: 20% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		chứng khoán; 3. Xác định chi phí vốn; 4. Phân tích tài chính dự án; 5.Ước tính hệ số beta; 6. Danh mục đầu tư; 7. Định giá quyền chọn. Học phần nhấn mạnh đến việc sử dụng Excel như là một công cụ tính toán mạnh và hữu hiệu hỗ trợ cho việc giải quyết các bài toán thực tế và phức tạp của tài chính doanh nghiệp.			
14	Kế toán tài chính nâng cao	Học phần Kế toán tài chính nâng cao nhằm trang bị có hệ thống cho học viên cao học những kiến thức khái quát nhất về kế toán tài chính áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp và các ngành đặc thù. Đặc biệt, học phần Kế toán tài chính nâng cao sẽ đặt trọng tâm nghiên cứu cơ sở khoa học của các chế độ kế toán hiện hành cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán, phát hiện các bất cập và xu hướng hoàn thiện. Phương pháp lập các Báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính sẽ được quan tâm, nhằm giúp người học phát huy được hiệu quả của học phần trong thực tiễn quản lý kinh tế tài chính.	3	HK 3,4	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Điểm Kiểm tra giữa kỳ (2 bài): 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
15	Kế toán quản trị nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK 3,4	
16	Quản trị rủi ro trong các định chế tài chính	Học phần cung cấp kiến thức liên quan tới quản trị các loại rủi ro điển hình của các định chế tài chính, các phương pháp nhận diện và đo lường các loại rủi ro, bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro các hoạt động ngoại bảng, rủi ro ngoại hối, rủi ro thanh khoản; phương pháp quản trị rủi ro liên quan tới những hoạt động thường xuyên của định chế tài chính. Áp dụng phương pháp, công cụ phù hợp để quản trị rủi ro trong từng tình huống cụ thể trên cơ sở đo lường các loại rủi ro của các định chế tài chính.	3	HK 3,4	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Điểm Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
17	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	2	HK 3,4	
18	Phân tích tài chính	Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp, trên cơ sở phân tích 3 hoạt động tài chính cơ bản của doanh nghiệp: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư, từ đó thấy được mối liên hệ giữa các hoạt động tài chính của doanh nghiệp, Có thể đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp trên cơ sở các nghiên cứu tình huống, ứng dụng các phần mềm hiện đại trong phân tích tài chính doanh nghiệp cụ thể.	3	HK 3,4	Chuyên cần: 10% Tiểu luận, 1 bài kiểm tra giữa kỳ, 1 bài kiểm tra hết học phần: 30% Thi cuối kỳ: 60%
19	Phân tích đầu tư bất động sản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	2	HK 5,6	
20	Ngân hàng quốc tế nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK 5,6	
21	Các công cụ phái sinh	Học phần cung cấp cho học viên những hiểu biết về các công cụ tài chính phái sinh và các ứng dụng vào công tác quản trị chiến lược và quản trị rủi ro cho doanh nghiệp. Học phần giúp học viên phân biệt giữa việc sử dụng công cụ phái sinh để quản trị rủi ro với mục tiêu để đầu cơ. Học phần cũng giới thiệu các công cụ toán học cần thiết để phân tích, thiết kế, định giá và giao dịch các chứng khoán phái sinh trên thị trường. Các chủ đề chính được nghiên cứu bao gồm hợp đồng tương lai, quyền chọn và hợp đồng hoán đổi, vấn đề rào chắn rủi ro, hoạt động ác bit và các mô hình định giá chứng khoán phái sinh. Thông qua các bài tập tình huống và thảo luận, học viên học	2	HK 5,6	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		cách xây dựng mô hình, định giá các công cụ phái sinh và đánh giá nguy cơ rủi ro.			
22	Tài chính sáp nhập và mua lại nâng cao	Học phần trang bị kiến thức cho NCS trong các lĩnh vực tư vấn dịch vụ M&A, công ty quản lý quỹ, ở các doanh nghiệp thường xuyên có các hoạt động đầu tư chiến lược hoặc thoái đầu tư xoay quanh 5 nội dung chính bao gồm: giới thiệu tổng quan về hoạt động và môi trường M&A, quy trình thực hiện M&A, thiết kế cấu trúc giao dịch và định giá, cấu trúc tài trợ M&A, và một số chiến lược hậu M&A. Kết thúc học phần, NCS có khả năng nắm vững kiến thức và vận dụng các kiến thức được trang bị vào việc thực hiện các thương vụ mua bán và hợp nhất doanh nghiệp.	2	HK 5,6	Điểm chuyên cần hàng ngày (0,5%/buổi): 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
23	Kinh tế học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK 5,6	
24	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp).	2	HK 5,6	
25	Thống kê kinh tế nâng cao	Học phần cung cấp cho NCS các chủ đề liên quan đến thống kê mô tả, phân tích các giả thuyết thống kê, kiểm định trung bình, tương quan, hồi quy và các kỹ thuật thống kê khác. NCS sẽ sử dụng phần mềm thống kê SPSS khi phân tích các số liệu thống kê. Việc đánh giá khoá học sẽ dựa trên các bài tập được thiết kế để minh hoạ cho các kỹ thuật thống kê và các bài tập phân tích dữ liệu. Học phần còn trau dồi cho	2	HK 5,6	Bài tập cá nhân: 20%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		NCS những kỹ năng thống kê cơ bản để sử dụng phân tích dữ liệu cho luận án tiến sĩ.			
26	Lý thuyết Tiền tệ Ngân hàng chuyên sâu	Học phần cung cấp cho NCS những kiến thức chuyên sâu về tiền tệ, thị trường tài chính, các định chế tài chính, hoạt động hệ thống ngân hàng và các trung gian tài chính trong một quốc gia, vai trò của NHTW đối với quá trình điều tiết và kiểm soát lượng tiền trong nền kinh tế mở. Kết thúc học phần, NCS có thể lựa chọn các chủ đề nghiên cứu hẹp trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng nói trên để phân tích, đánh giá, và bình luận.	2	HK 5,6	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết học phần: 60%
27	Lý thuyết Tài chính chuyên sâu	Học phần trang bị cho NCS những kiến thức tổng hợp về lĩnh vực đầu tư - tài chính. NCS sẽ được nghe từ 3-5 chủ đề về: mô hình kinh tế lượng ứng dụng trong tài chính, xu hướng phát triển hệ thống tài chính; các công cụ tài chính mới; các vấn đề của thị trường chứng khoán Việt Nam; M&A ở Việt Nam. Trên cơ sở đó sẽ viết một báo cáo thu hoạch theo một chủ đề được lựa chọn. Trên cơ sở những kiến thức được cung cấp, NCS sẽ tham gia thảo luận theo các chủ đề, từ đó gợi mở, hoàn thiện và phát triển các hướng nghiên cứu của cá nhân.	2	HK7	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
28	Quản trị công ty trong các tổ chức tài chính	Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về quản trị công ty trong ngân hàng theo tiêu chuẩn của OECD và các nguyên tắc quản trị rủi ro của Basel, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu trong quản trị công ty của ngân hàng; qua đó NCS hiểu sâu hơn về các lý thuyết hiện đại của tài	2	HK7	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		chính công, nắm vững các công cụ phân tích, các phương pháp và biết vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong quản lý tài chính tại các doanh nghiệp. NCS có được các khả năng về phân tích các tình huống và ra quyết định trong quản trị công ty trong NH.			
29	Quản trị Marketing trong các tổ chức tài chính	Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về Quản trị chiến lược Marketing trong ngân hàng, giới thiệu phương pháp đánh giá quản trị marketing của ngân hàng, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu trong quản trị thương hiệu, sản phẩm của ngân hàng; qua đó giúp NCS hiểu sâu hơn về các lý thuyết hiện đại của quản trị chiến lược marketing các tổ chức tài chính, các khả năng về phân tích các tình huống và ra quyết định trong quản trị chiến lược marketing và thương hiệu trong ngân hàng.	2	HK7	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
30	Kỹ thuật tài chính	Kỹ thuật tài chính là học phần liên quan việc ứng dụng các công cụ toán học để giải quyết các vấn đề của quản lý rủi ro tài chính bằng các phương pháp khác nhau. Các chủ đề được giới thiệu trong học phần bao gồm: các vấn đề căn bản của kỹ thuật tài chính, hợp đồng kỳ hạn và tương lai, công cụ phái sinh lãi suất, kỹ thuật hoán đổi, chiến lược thị trường Repo, hợp đồng quyền chọn, các công cụ định giá, kỹ thuật tài chính với các công cụ có thu nhập cố định, công cụ phái sinh tín dụng.	3	HK7	Chuyên cần: 10% Điểm Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31	Tiếng Anh học thuật nâng cao	Theo quy định chung của ĐHQGHN.	3	HK 7,8	Theo quy định chung của ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<p>1.2. Dành cho NCS có bằng Thạc sỹ chuyên ngành gần NCS sẽ tham gia học các học phần thuộc mục 5.1 có số thứ tự: 8, 10, 17, 19, 21, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30.</p>					
<p>1.3. Dành cho NCS có bằng Thạc sỹ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp NCS sẽ tham gia học các học phần thuộc mục 5.1 có số thứ tự: 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30.</p>					

C4. KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**1. Cử nhân Kế toán**

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	Khối kiến thức chung		27		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		10		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
III	Khối kiến thức theo khối ngành		16		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		21		
IV.1	Các học phần bắt buộc		18		
24	Luật kinh tế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	
25	Nguyên lý quản trị kinh doanh		3	HK3	
26	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng		3	HK3	
27	Tài chính doanh nghiệp		3	HK3	
28	Nguyên lý kế toán	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	
29	Nguyên lý Marketing		3	HK3	
IV.2	Các học phần tự chọn		3/6		

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
30	Định giá doanh nghiệp	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK5	
31	Quản lý đầu tư		3	HK5	
V	Khối kiến thức ngành		61		
V.I	Các học phần bắt buộc		33		
32	Kế toán tài chính	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK7	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân/ tuần: 10% Bài tập nhóm/tháng: 10% Bài tập lớn/học kỳ: 15% Thi cuối kỳ: 60%
33	Kế toán tài chính chuyên sâu 1	Mục tiêu cụ thể: trang bị có hệ thống cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về các nguyên tắc và phương pháp kế toán các nghiệp vụ: TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư, Nợ phải trả, kế toán xác định và phân phối kết quả, Lập và đọc BCTC. Trong mỗi nội dung kế toán, các nghiệp vụ cụ thể, người học sẽ được trang bị lý thuyết và, các chuẩn mực kế toán, quy định của chế độ kế toán, phương pháp hạch toán trên các tài khoản và làm các bài tập vận dụng cũng như giải quyết các tình huống. Trên cơ sở đó sinh viên hiểu và nắm được quy trình xử lý các nghiệp vụ kế toán phát sinh làm tiền đề cho việc học Thực hành kế toán tài chính, các học phần kiểm toán hoặc các học phần chuyên ngành thuộc các chuyên ngành kinh tế.	3	HK7	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn: 60%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
34	Kế toán tài chính chuyên sâu 2	Mục tiêu cụ thể: trang bị có hệ thống cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về các nguyên tắc và phương pháp kế toán các nghiệp vụ: TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư, Nợ phải trả, kế toán xác định và phân phối kết quả, Lập và đọc BCTC. Trong mỗi nội dung kế toán, các nghiệp vụ cụ thể, người học sẽ được trang bị lý thuyết và các chuẩn mực kế toán, quy định của chế độ kế toán, phương pháp hạch toán trên các tài khoản và làm các bài tập vận dụng cũng như giải quyết các tình huống. Trên cơ sở đó sinh viên hiểu và nắm được quy trình xử lý các nghiệp vụ kế toán phát sinh làm tiền đề cho việc học Thực hành kế toán tài chính, các học phần kiểm toán hoặc các học phần chuyên ngành thuộc các chuyên ngành kinh tế.	3	HK6	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn: 60%
35	Kế toán quản trị	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK7	
36	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
37	Thuế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK4	
38	Hạch toán môi trường	Học phần cung cấp những kiến thức về các hoạt động liên quan đến môi trường của doanh nghiệp, phân loại các chi phí và doanh thu liên quan đến môi trường hoạt động. Học phần nghiên cứu các nguyên tắc và phương pháp kế toán nhằm ghi chép và cung cấp thông tin trợ giúp các nhà quản lý sử dụng các thông tin kế toán để triển khai và đánh giá các hoạt động môi trường của doanh nghiệp.	3	HK6	Đánh giá chuyên cần: 10% Trình bày nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi kết thúc học phần: 60%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
39	Kế toán ngân hàng thương mại	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK4	
40	Phân tích tài chính	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK3	
41	Kiểm toán căn bản	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
42	Phân tích hoạt động kinh doanh	Xây dựng ý thức tự giác, kích thích trí tò mò, say mê học hỏi, nghiên cứu; hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài, tích cực đối thoại với giáo viên, phản biện lại các vấn đề gây tranh cãi, chủ động tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu để hoàn thành bài tập và xử lý tình huống trên lớp, chủ động và tự tin khi chuẩn bị và thuyết trình nhóm. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo thông qua bài tập nhóm (dưới hình thức chuẩn bị bài viết và thuyết trình). Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp chuyên học phần đối với nghề nghiệp kế toán kiểm toán và đáp ứng các yêu cầu công việc kế toán, kiểm toán và phân tích.	3	HK7	Đánh giá chuyên cần :5% Đánh giá khả năng làm việc cá nhân : 5% Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm : 10%. Đánh giá giữa kỳ : 20% Đánh giá cuối kỳ : 60%
V.2	Các học phần tự chọn		15/36		
43	Những vấn đề hiện tại của kế toán	Các vấn đề hiện tại của kế toán được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết sâu sắc hơn về chức năng của kế toán trong môi trường kinh doanh phức tạp ngày nay. Học phần mở rộng thêm kiến thức hiện tại về mô hình kế toán và giới thiệu cho sinh viên vai trò của lý thuyết trong việc xác định tác động của kế toán trong môi trường kinh tế. Quá trình học tập phản ánh những thông lệ kế toán hiện hành và các vấn đề chưa được giải quyết từ đó xác định vai trò của quan điểm	3	HK5	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương: 10% Thuyết trình nhóm: 10%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lý thuyết trong việc gia tăng sự hiểu biết và hướng dẫn sự thay đổi trong lĩnh vực kế toán.			Bài tập lớn: 60%
44	Đàm phán trong kinh doanh	Học phần Đàm phán trong kinh doanh giúp sv trang bị những kiến thức cơ bản về đàm phán, đặc biệt là đàm phán trong kinh doanh; sinh viên nhận thức đúng về tầm quan trọng, vai trò của đàm phán trong kinh doanh; rèn luyện kỹ năng của đàm phán như các bước tiến hành của đàm phán, kỹ năng thỏa hiệp, kỹ năng hợp tác; có khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng về đàm phán trong cuộc sống, học tập, và công việc kinh doanh đạt hiệu quả hơn.	3	HK6	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập về nhà : 10% Kiểm tra nhanh: 5% Kiểm tra giữa kì: 20% Thi cuối kỳ (Bài tập lớn): 60%
45	Các thị trường và định chế tài chính	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng	3	HK6	
46	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK5	
47	Hệ thống thông tin kế toán	Sinh viên cần nắm được việc sử dụng thông tin kế toán và các thông tin khác nhằm phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp. Sinh viên cần nắm được việc sử dụng các thông tin phù hợp cho công tác kế toán và quản lý tài chính doanh nghiệp. Sinh viên cần nắm được các rủi ro liên quan trong việc quản lý và khai thác hệ thống thông tin kế toán. Giải quyết được các bài tập tình huống về hệ thống thông tin kế toán.	3	HK5	Đánh giá chuyên cần: 7,5% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài kiểm tra tự luận): 15% Bài tập cá nhân): 7,5% Bài tập nhóm và Thuyết trình trên lớp theo nhóm: 10% Thi cuối kỳ : 60%
48	Thanh toán quốc tế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK5	

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
49	Kế toán quốc tế	Hiểu rõ các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận và hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế cũng như các mô hình vận dụng hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế. Nắm được kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán. Nắm được kiến thức đầy đủ về hệ thống kế toán Mỹ - từ chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, xử lý số liệu đến xây dựng hệ thống báo cáo tài chính. Hiểu được sự khác nhau cơ bản về kế toán trong các loại hình doanh nghiệp của Mỹ.	3	HK3	Bài tập cá nhân (2 bài): 20% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi cuối kỳ: 60%.
50	Thực hành kế toán tài chính	Học phần nhằm trang bị có hệ thống cho sinh viên kỹ năng lập chứng từ kế toán; kỹ thuật làm sổ kế toán chi tiết và tổng hợp theo thông tư số 200/2014/TT-BTC (bao gồm mở sổ, ghi sổ, khóa sổ). Từ đó, tập hợp số liệu trên các sổ kế toán để lập báo cáo tài chính.	3	HK5	Tham gia học tập trên lớp: 10% Bài tập cá nhân: 15% Thực hành: 15% Bài tập lớn: 60%
51	Kế toán thuế	Học phần Kế toán thuế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, tổng quát về Thuế, kế toán thuế và quản thuế nói chung. Ngoài ra sau khóa học người học sẽ nắm đc nội dung cơ bản của các chính sách thuế hiện hành ở VN, biết tính toán chính xác các loại thuế phải nộp của doanh nghiệp, đồng thời biết lập bản kê khai thuế, vào sổ kế toán thuế, lập báo cáo thuế và quyết toán thuế.	3	HK6	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn: 60%
52	Kiểm toán tài chính	Xây dựng ý thức tự giác, cần cù chịu khó trong quá trình học tập: hăng hái phát biểu ý kiến tham gia xây dựng bài giảng, tích cực đối thoại với giáo viên, chủ động và sáng tạo trong bài trình bày nhóm, và các bài tập về nhà. Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo thông qua bài tập nhóm (trình bày + bài viết). Hiểu rõ chức năng, vai trò, nội dung của kiểm toán tài chính và các yêu cầu công việc trong một cuộc kiểm toán tài chính.	3	HK6	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn: 60%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
53	Kiểm toán nội bộ	Xây dựng ý thức tự giác, kích thích trí tò mò, say mê học hỏi, nghiên cứu: hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài, tích cực đối thoại với giáo viên, phản biện lại các vấn đề gây tranh cãi, chủ động tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu để hoàn thành bài tập và xử lý tình huống trên lớp, chủ động và tự tin khi chuẩn bị và thuyết trình nhóm. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo thông qua bài tập nhóm (dưới hình thức chuẩn bị bài viết và thuyết trình). Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp chuyên học phần đối với kiểm toán viên nội bộ và đáp ứng các yêu cầu công việc kiểm toán nội bộ.	3	HK6	Đánh giá chuyên cần: 5% Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: 15%. Đánh giá giữa kỳ: 20% Đánh giá cuối kỳ: 60%
54	Thực hành kiểm toán tài chính	Cung cấp các kiến thức cơ bản và bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm toán, các loại kiểm toán, các khái niệm và quy trình cơ bản sử dụng trong việc chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán trong các loại hình kiểm toán khác nhau.	3	HK6	Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: 20%. Đánh giá giữa kỳ: 20% Đánh giá cuối kỳ: 60%
V.3 Thực tập và niên luận			7		
55	Thực tập thực tế 1	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch thực tế: 90%
56	Thực tập thực tế 2	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch thực tế: 90%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
57	Niên luận	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với kiến thức thực tế.	3	HK7	Bài niên luận: 100 %
V.4	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế				
58	Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên học phần để thực hiện một vấn nghiên cứu trong thực tiễn.	6		
59	Kế toán công	Học phần nhằm trang bị có hệ thống cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về kế toán công như: giới thiệu hệ thống chuẩn mực kế toán công quốc tế, tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, xử lý và tổng hợp thông tin về nguồn kinh phí; tình hình quản lý, sử dụng các loại vật tư, tài sản ở đơn vị; kỷ luật thanh toán và các chế độ khác; kiểm soát tình hình phân phối kinh phí cho các đơn vị cấp dưới... Đồng thời học phần giới thiệu các chuẩn mực kế toán công quốc tế đối với hàng tồn kho, tài sản cố định.	3	HK8	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Bài tập lớn: 60%
60	Kiểm toán dự án	Học phần kiểm toán dự án nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về kiểm toán dự án. Mục tiêu của kiểm toán dự án là nhằm xác minh và bày tỏ ý kiến về các thông tin trên các báo cáo tài chính của dự án dựa trên các thước đo là tính trung thực, tính hợp lý và sự tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Bên cạnh đó, kiểm toán dự án cũng xem xét và đánh giá tính hiệu quả, tính kinh tế và hiệu lực trong quá trình thực hiện một dự án. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về nội dung, trình tự và các phương pháp kiểm toán cần thực hiện khi kiểm toán các khoản mục cơ bản trên báo cáo tài chính dự án như chi phí đầu tư, nguồn vốn đầu tư, các tài sản bàn giao...	3	HK8	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Bài tập lớn: 60%

2. Cử nhân Kế toán chất lượng cao theo Thông tư 23

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	Khối kiến thức chung		21		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23.				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		14		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23.				
III	Khối kiến thức theo khối ngành		18		
III.1	Các học phần bắt buộc		14		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23.				
III.2	Các học phần tự chọn		4/8		
1	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	HK2	
2	Lịch sử kinh tế Việt Nam	Học phần Lịch sử kinh tế Việt Nam nghiên cứu sự phát triển của các nền kinh tế ở Việt nam như nền kinh tế tự nhiên, nền kinh tế hàng hoá, nền kinh tế thuộc địa, nền kinh tế dân tộc độc lập, nền kinh tế nguyên thủy, nền kinh tế phong kiến...từ thời kỳ lập nước cho đến nay. Vạch rõ sự vận động phát triển của các kết cấu kinh tế, chủ yếu là các kết cấu kinh tế ngành, kết cấu kinh tế vùng, kết cấu các thành phần kinh tế và các kết cấu kinh tế khác, trong đó kết cấu kinh tế - xã hội là quyết định nhất, khái quát hoá thành các xu hướng, khuynh hướng phát triển của nó, tổng kết thành các bài học kinh nghiệm (từ thời kì nguyên thủy, thời kì dựng nước, thời kì phong kiến, thời kì Pháp thuộc, thời kì nhà nước	2	HK2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Việt Nam dân chủ cộng hoà, thời kì nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam).			
3	Lịch sử văn minh thế giới	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	HK2	
4	Logic học	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	HK2	
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		21		
IV.1	Các học phần bắt buộc		15		
5	Luật doanh nghiệp	Có những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại, về hợp đồng.. Vận dụng lý thuyết để (i) giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp...; (ii) đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.	3	HK3	Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài tập lớn: 20% Thi cuối kỳ: 60%
6	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	
7	Quản trị học	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK5	
8	Tài chính doanh nghiệp	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK5	
9	Nguyên lý kế toán	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
IV.2	Các học phần tự chọn		6/12		
10	Nguyên lý Marketing*	Học phần nguyên lý Marketing cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của Marketing; phân tích các các yếu tố môi trường Marketing; hệ thống thông tin Marketing; công tác nghiên cứu thị trường; quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện kế hoạch Marketing; hành vi mua của khách hàng đến quản trị các nhóm công cụ Marketing, cụ thể như: sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp...	3	HK3	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 5% Bài tập lớn: 5% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
11	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23.	3	HK4	
12	Kinh tế quốc tế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK5	
13	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	
V	Khối kiến thức ngành		69		
V.I	Các học phần bắt buộc		30		
14	Kế toán tài chính doanh nghiệp ***	Kế toán tài chính doanh nghiệp là học phần cung cấp những kiến thức chung về kế toán tài chính DN; hướng dẫn sinh viên vận dụng các nguyên lý kế toán cơ bản để thực hiện việc kế toán đối với các hoạt động của doanh nghiệp như: Kế toán hàng tồn kho; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; kế toán vốn bằng tiền; kế toán doanh thu và xác định kết quả.	3	HK6	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân/ tuần: 10% Bài tập nhóm/tháng: 10%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Học phần này còn trang bị cho người học cả kiến thức và kỹ năng lập các báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp thực tế.			Bài tập lớn/học kỳ: 15% Thi cuối kỳ: 60%
15	Kế toán quản trị doanh nghiệp***	Thông tin quản lý đóng vai trò quan trọng nhất trong hệ thống quản lý của bất kỳ tổ chức nào. Học phần này nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cơ bản về thông tin quản lý và kế toán quản trị và phương pháp luận trong việc phân tích và đánh giá các vấn đề liên quan. Đồng thời sẽ cung cấp định nghĩa và bản chất của thông tin quản lý, các vấn đề đạo đức trong kế toán quản trị, các phương pháp tính chi phí như thứ tự công việc, chi phí quy trình, chi phí tiêu chuẩn và hệ thống chi phí dựa trên hoạt động, định giá, lập ngân sách, phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận, đầu tư vốn phân tích và ra quyết định.	4	HK5	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân/ tuần: 10% Bài tập nhóm/tháng: 10% Bài tập lớn/học kỳ: 15% Thi cuối kỳ: 60%
16	Thực hành kế toán 1***	Học phần Thực hành kế toán 1 trang bị cho người học kiến thức và thực hành kế toán trên các phần mềm kế toán - đang trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả và chính xác nhất. Các phần mềm kế toán giúp các doanh nghiệp xử lý thông tin nhanh, an toàn; cung cấp các báo cáo kế toán kịp thời, hiệu quả. Tuy nhiên, để khai thác và phát huy hết những tiện ích của các phần mềm kế toán đòi hỏi người sử dụng, bên cạnh nghiệp vụ kế toán vững vàng còn cần có các kỹ năng sử dụng phần mềm, phải hiểu biết và sử dụng một cách thành thục. Học phần bao gồm Tổng quan về phần mềm kế toán; Mở sổ kế toán của doanh nghiệp bằng phần mềm kế toán; Kế toán vốn bằng tiền; Kế toán mua hàng và công nợ phải trả; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán bán hàng và công nợ phải thu; Kế toán tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.	3	HK6	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn: 60%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
17	Thực hành kế toán 2***	<p>Học phần Thực hành kế toán 2 tiếp tục trang bị cho người học kiến thức và thực hành kế toán trên các phần mềm kế toán. Với sự phát triển ngày càng nhanh của khoa học công nghệ, việc sử dụng thành thạo phần mềm kế toán để xử lý các nghiệp vụ khó và phức tạp phát sinh ngày càng trở nên quan trọng đối với người làm nghề kế toán. Học phần bao gồm Kế toán bán hàng và công nợ phải thu; Kế toán tổng hợp và lập báo cáo tài chính; Sửa chữa các nhầm lẫn, sai sót kế toán; Khóa sổ kế toán và lưu trữ thông tin trên phần mềm.</p>	2	HK6	<p>Đánh giá chuyên cần: 5%</p> <p>Bài tập cá nhân: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 10%.</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Bài tập lớn: 60%</p>
18	Kiểm toán***	<p>Học phần Kiểm toán nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản tổng quát về lý thuyết kiểm toán. Học phần giới thiệu những vấn đề chung cũng như những khái niệm cơ bản thuộc nội dung kiểm toán; các loại kiểm toán; gian lận và sai sót, bằng chứng kiểm toán, báo cáo và hồ sơ kiểm toán, các phương pháp và thủ tục kiểm toán; tổ chức công tác kiểm toán. Học phần cũng giới thiệu tổng quan về tổ chức công tác kiểm toán, bao gồm lập kế hoạch kiểm toán, tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, phương pháp chọn mẫu kiểm toán, thực hiện và kết thúc kiểm toán. Đồng thời học phần cũng giúp người học vận dụng lý thuyết để thực hành kiểm toán đối với một số chu trình và khoản mục chủ yếu của báo cáo tài chính doanh nghiệp.</p>	4	HK7	<p>Đánh giá chuyên cần: 5%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ : 15%</p> <p>Bài tập cá nhân: 10%</p> <p>Bài tập nhóm và Thuyết trình trên lớp theo nhóm: 10%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Kiểm toán nội bộ***	<p>Xây dựng ý thức tự giác, kích thích trí tò mò, say mê học hỏi, nghiên cứu: hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài, tích cực đối thoại với giáo viên, phản biện lại các vấn đề gây tranh cãi, chủ động tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu để hoàn thành bài tập và xử lý tình huống trên lớp, chủ động và tự tin khi chuẩn bị và thuyết trình nhóm.</p> <p>Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo thông qua bài tập nhóm (dưới hình thức chuẩn bị bài viết và thuyết trình). Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp chuyên học phần đối với kiểm toán viên nội bộ và đáp ứng các yêu cầu công việc kiểm toán nội bộ.</p>	4	HK6	<p>Đánh giá chuyên cần: 5%</p> <p>Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm : 15%.</p> <p>Đánh giá giữa kỳ: 20%</p> <p>Đánh giá cuối kỳ: 60%</p>
20	Phân tích hoạt động kinh doanh***	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán.	3	HK7	
21	Thuế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK4	
22	Tài chính và kế toán trong kinh doanh***	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về quá trình vận hành một doanh nghiệp và vai trò của nguồn tài chính và kế toán để đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp. Sinh viên sẽ hiểu được bản chất, đặc điểm, ưu nhược điểm của các hình thức kinh doanh và cơ cấu tổ chức. Họ có thể giải thích vai trò của các chức năng kế toán, tài chính và quản trị doanh nghiệp đối với hoạt động kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu kinh doanh; và có thể đánh giá tác động của môi trường kinh tế đến hoạt động của doanh nghiệp.</p>	4	HK5	<p>Đánh giá chuyên cần: 10%</p> <p>Trình bày nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kì: 20%</p> <p>Bài thi kết thúc học phần: 60%</p>

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
V.2	Các học phần tự chọn		24/54		
41	Phân tích tài chính	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK3	
42	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng chất lượng cao.	3	HK6	
43	Quản lý hiệu quả hoạt động ***	Học phần Quản lý hiệu quả hoạt động xây dựng dựa trên kiến thức thu được trong Kế toán Quản trị và tìm cách kiểm tra sự hiểu biết của sinh viên về cách quản lý hiệu quả hoạt động của một doanh nghiệp. Học phần bắt đầu bằng việc giới thiệu thêm các chủ đề chuyên ngành kế toán quản trị. Mục tiêu ở đây là đảm bảo sinh viên có kiến thức nền tảng rộng hơn về kỹ thuật kế toán quản trị. Sau đó, nó xem xét việc ra quyết định. Học sinh cần đánh giá cao các vấn đề xung quanh nguồn tài nguyên khan hiếm, giá cả và quyết định mua hoặc bán, và điều này liên quan như thế nào đến việc đánh giá kết quả hoạt động. Thứ ba, Lập ngân sách là một khía cạnh quan trọng trong cuộc sống của nhiều kế toán viên. Giáo trình khám phá các kỹ thuật lập ngân sách khác nhau và các vấn đề vốn có trong chúng. Các khía cạnh hành vi của lập ngân sách rất quan trọng đối với các kế toán viên phải hiểu, và giáo trình bao gồm việc xem xét cách các cá nhân phản ứng với ngân sách. Giáo trình kết thúc với các hệ thống quản lý hiệu suất, đo lường và kiểm soát. Đây là một lĩnh vực chính của giáo trình. Kế toán viên cần hiểu cách thức quản lý và kiểm soát doanh nghiệp cũng như cách sử dụng hệ thống thông tin để hỗ trợ việc này.	3	HK6	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương: 10% Thuyết trình nhóm: 10% Bài tập lớn: 60%
44	Kế toán thuế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán.	3	HK6	

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Kế toán công	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán.	3	HK8	
46	Kế toán ngân hàng thương mại	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK4	
47	Kế toán các ngành đặc thù	Học phần Kế toán các doanh nghiệp đặc thù cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và riêng biệt nhất trong các doanh nghiệp: thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu, xây lắp, nông nghiệp và công ty cổ phần. Những điểm khác biệt về đặc điểm của các doanh nghiệp này đối với các doanh nghiệp công nghiệp và chi phối tới công tác kế toán như thế nào. Việc tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp này cũng như quá trình xác định kết quả cũng là một nội dung của học phần.	3	HK6	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương: 10% Thuyết trình nhóm: 10% Bài tập lớn: 60%
48	Hệ thống thông tin kế toán	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán.	3	HK5	
49	Những vấn đề hiện tại của kế toán	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán.	3	HK5	
50	Hạch toán môi trường	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán.	3	HK6	
51	Kiểm toán tài chính tài chính	Xây dựng ý thức tự giác, cần cù chịu khó trong quá trình học tập: hăng hái phát biểu ý kiến tham gia xây dựng bài giảng, tích cực đối thoại với giáo viên, chủ động và sáng tạo trong bài trình bày nhóm, và các bài tập về nhà. Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo thông qua bài tập nhóm (trình bày + bài viết). Hiểu rõ chức năng, vai trò, nội dung của kiểm toán tài chính và các yêu cầu công việc trong một cuộc kiểm toán tài chính.	3	HK6	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn: 60%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
52	Kiểm toán dự án	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán.	3	HK6	
53	Luật vương quốc Anh ***	Học phần giúp sinh viên hiểu rõ tác động của luật dân sự đến kinh doanh và dịch vụ nghề nghiệp, công ty và luật mất khả năng thanh toán. Tác động của luật hình sự đối với kinh doanh và dịch vụ nghề nghiệp và tác động tổng thể của luật trong bối cảnh nghề nghiệp.	3	HK6	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương: 10% Thuyết trình nhóm: 10% Bài tập lớn: 60%
54	Thuế vương quốc Anh***	Học phần giúp sinh viên hiểu các mục tiêu chung của thuế và tính thuế thu nhập, đóng góp bảo hiểm quốc gia, thuế lợi tức vốn, thuế doanh nghiệp và thuế VAT trong các tình huống đơn giản. Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể: giải thích các mục tiêu chung của thuế, những ảnh hưởng đến hệ thống thuế của Vương quốc Anh, các loại thuế khác nhau ở Vương quốc Anh và nhận ra các vấn đề đạo đức phát sinh trong quá trình thực hiện công việc thuế; xác định các nghĩa vụ mà hệ thống thuế của Vương quốc Anh áp dụng đối với người nộp thuế và các tác động của việc không tuân thủ. Nó bao gồm thuế thu nhập, thuế lợi tức vốn, thuế doanh nghiệp, thuế VAT.	3	HK6	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương: 10% Thuyết trình nhóm 10% Bài tập lớn: 60%
55	Thanh toán quốc tế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	
56	Quản trị rủi ro	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK7	

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
57	Quản trị nguồn nhân lực	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK6	
58	Marketing điện tử	Marketing điện tử là một học phần mới được hình thành và phát triển song hành với quá trình của hoạt động thương mại điện tử. Marketing điện tử chú trọng đến việc nghiên cứu sự thay đổi hành vi mua hàng của người dùng internet và các cách thức Doanh nghiệp có thể gia tăng khả năng cạnh tranh thông qua việc tiếp cận, hiểu và ứng dụng internet như là một công cụ tiên hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây là một khía cạnh đặc biệt quan trọng trong hoạt động quản trị Marketing với mục đích làm thế nào để mỗi người tiêu dùng cũng như các doanh nghiệp có thể tự tìm đến, liên kết và phát triển các hoạt động trao đổi nhằm tối ưu hóa mô hình kinh doanh của mình. Hiểu biết về Marketing điện tử sẽ cung cấp nền tảng cho những chiến lược marketing, như việc định vị sản phẩm, phân khúc thị trường, phát triển sản phẩm mới, những áp dụng thị trường mới, marketing toàn cầu, những quyết định marketing mix, và những hoạt động marketing và sự điều chỉnh bởi những tổ chức phi lợi nhuận và các cơ quan chính phủ. Mỗi hoạt động marketing chủ yếu này sẽ hiệu quả hơn khi được đặt trên cơ sở sự hiểu biết sâu sắc về Marketing điện tử.	3	HK7	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương: 10% Thuyết trình nhóm: 10% Bài tập lớn: 60%
V.3	Thực tập và niên luận, khóa luận tốt nghiệp		15		
59	Thực tập thực tế ***	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức.	4	HK7	Chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch thực tế: 90%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
60	Niên luận	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với kiến thức thực tế.	4	HK7	Bài Niên luận: 100%
61	Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên học phần để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn.	7	HK8	Bài Khóa luận: 100%

3. Thạc sĩ Kế toán

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		8		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.				
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47		
II.2	Các học phần bắt buộc		25		
1	Kế toán quốc tế nâng cao	Giới thiệu cho người học những vấn đề kế toán phát sinh khi các doanh nghiệp tham gia các hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế; Phương pháp kế toán các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu trong đầu tư và thương mại quốc tế, gồm kế toán các giao dịch ngoại tệ, hoạt động đầu tư tài chính và kế toán tập đoàn.	2	HK1	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
2	Phân tích hoạt động kinh doanh nâng cao	Trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm phân tích chiến lược, phân tích kế toán, phân tích và dự báo tài chính doanh nghiệp, đồng thời thực hành phân tích phương sai để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; tiếp cận và xử lý các tình huống thực tế tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo cơ sở cho người học áp dụng linh hoạt các kiến thức và kỹ năng đã học vào phân tích hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam.	3	HK1	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
3	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	Học viên sẽ nắm được các vấn đề tổng quan của kiểm toán báo cáo tài chính như bản chất, đối tượng, mục tiêu, nội dung, quy trình kiểm toán... và các chương trình kiểm toán đối với các phần hành chủ yếu trong cuộc kiểm toán báo cáo tài chính.	3	HK2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
4	Kế toán thuế nâng cao	Cung cấp kiến thức cho người học về kế toán thuế trong doanh nghiệp gồm: Quản lý nhà nước về thuế; kế toán thuế trong các doanh nghiệp và các vấn đề hiện tại về kế toán thuế. Với các nội dung này, người học được trang bị kiến thức tổng hợp về kế toán thuế để có thể có thể xử lý các tình huống trong doanh nghiệp, đồng thời tiếp tục nghiên cứu sâu và rộng hơn.	3	HK2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
5	Đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán	Giúp học viên nắm được các vấn đề chuyên sâu về đạo đức nghề nghiệp và tính tất yếu khách quan về yêu cầu chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; nghiên cứu, sử dụng các mô hình để nhận diện các nguy cơ và ứng dụng xử lý xung đột khi nguy cơ xảy ra.	3	HK2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
6	Kế toán tài chính nâng cao	Trang bị có hệ thống cho học viên những kiến thức khái quát nhất về kế toán tài chính áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp và các ngành đặc thù.	3	HK3	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
7	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK3	
8	Quản trị chi phí chiến lược	Cung cấp cho học viên các kiến thức về vấn đề chuyên sâu về quản trị chi phí chiến lược liên quan đến nội dung và tầm quan trọng của quản trị chi phí trong doanh nghiệp, nguyên tắc cơ bản trong quản trị chi phí và nguyên tắc được chấp nhận chung khác được áp dụng trong các mô hình quản trị chi phí hiện đại, thiết kế và thực hiện các mô hình quản trị chi phí trong các doanh nghiệp hiện đại, ...	3	HK2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
9	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	2	HK2	
II.2	Các học phần tự chọn		22		
10	Kế toán công nâng cao	Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản sau: - Khái quát về việc tổ chức công tác kế toán ở đơn vị công (thuộc lĩnh vực hoạt động Nhà nước); (Hành chính sự nghiệp). - Kế toán một số nội dung cơ bản: tài sản, thu - chi, xác định kết quả ở đơn vị công (thuộc lĩnh vực hoạt động Nhà nước); (Hành chính sự nghiệp). - Kế toán một số đơn vị đặc thù. - Lập và phân tích Báo cáo tài chính của đơn vị công.	2	HK2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
11	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	Trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về quá trình thiết kế, duy trì và phát triển hệ thống thông tin trong công tác kế toán nhằm hỗ trợ cho các chu trình hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản của doanh nghiệp, ...	2	HK2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Bài tập lớn: 60%
12	Kế toán quản trị nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
13	Kiểm toán nội bộ nâng cao	Trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về kiểm toán nội bộ, bao gồm kiến thức về quản trị công ty và khung kiểm soát nội bộ, các phương pháp tiếp cận của kiểm toán nội bộ, lập kế hoạch chiến lược dựa trên rủi ro, thực hiện kiểm toán nội bộ và lập báo cáo kiểm toán nội bộ; chuẩn mực thực hành nghề nghiệp kiểm toán nội bộ và Sổ tay kiểm toán nội bộ Quốc tế,	2	HK3	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
14	Những vấn đề hiện tại của kế toán nâng cao	Cung cấp cho học viên kiến thức sâu sắc hơn về chức năng của kế toán trong môi trường kinh doanh phức tạp ngày nay. Học phần mở rộng thêm kiến thức hiện tại về những thực hành kế toán, một số vấn đề chưa được giải quyết và giới thiệu cho học viên vai trò của một số lý thuyết kế toán trong việc xác định các thực hành kế toán và quyết định quản trị trong các doanh nghiệp hiện nay.	3	HK3	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
15	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	2	HK3	
16	Thuế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK3	
17	Tài chính công nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK2	
18	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lý thuyết và thực tiễn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK2	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
19	Quản trị rủi ro	Trang bị cho các học viên về ngành quản trị kinh doanh với các kiến thức chủ yếu sau: hiểu thế nào là quản trị rủi ro trong hoạt động điều hành kinh doanh, các nguyên tắc của quản trị rủi ro trong hệ thống tổ chức, định dạng các loại rủi ro thường xảy ra trong quản lý, phân tích và đánh giá rủi ro và các quyết định đưa ra xử lý các rủi ro tiềm năng trong điều kiện các thông tin bất đối xứng, tổ chức và phòng ngừa rủi ro trong các tổ chức kinh doanh.	3	HK3	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
20	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK2	
21	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng.	3	HK2	
22	Quản trị công ty nâng cao	Học phần tập trung vào phân tích các nội dung của quản trị công ty trong môi trường đại chúng hoá công ty, cụ thể: (i) Phân tích các khía cạnh pháp lý liên quan đến quản trị doanh nghiệp như Luật doanh nghiệp (2005), các chuẩn mực quản trị công ty của OECD; (ii) Minh định vai trò của Hội đồng quản trị công ty và mối quan hệ của Hội đồng quản trị với ban giám đốc điều hành, ban kiểm soát và cổ đông của công ty; (iii) Cụ thể hoá các hoạt động quản trị công ty như kiểm soát nội bộ, định hướng chiến lược, quản trị rủi ro cũng như phát triển một nền nếp văn hoá công ty lành mạnh và các giá trị đạo đức quản trị mang tính phổ quát; (iv) Đề xuất một số tiêu chí đánh giá hoạt động quản trị công ty.	3	HK3	
23	Quản trị Marketing nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
24	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK2	
25	Phân tích tài chính nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK3	
III.	Luận văn thạc sĩ		9		

C5. KHOA KINH TẾ PHÁT TRIỂN**1. Cử nhân Kinh tế phát triển Chương trình đào tạo chuẩn**

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	Khôi kiến thức chung (Không tính các học phần 7-8)		16		
1	Triết học Mác - Lênin 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin 2		2	HK1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	HK1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	HK1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	HK3	Chuyên cần: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
6	Tiếng Anh B1		5	HK 5,6	Chuyên cần: 20% Kiểm tra 1 (Nghe, đọc, viết): 10% Kiểm tra 2 (Nói): 10% Thi cuối kỳ: 60%
7	Giáo dục thể chất		4		
8	Giáo dục quốc phòng an ninh		8		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		13		
9	Tin học cơ sở 2	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK1	
10	Toán cao cấp		4	HK1	
11	Xác suất thống kê		3	HK2	
12	Toán kinh tế		3	HK4	
III	Khối kiến thức theo khối ngành		16		
III.1	Các học phần bắt buộc		14		
13	Nhà nước và pháp luật đại cương	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	HK1	
14	Kinh tế vi mô	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK1	
15	Kinh tế vĩ mô		3	HK2	
16	Nguyên lý thống kê kinh tế		3	HK2	
17	Kinh tế lượng		3	HK4	
III.2	Các học phần tự chọn		2/8		
	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.				
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		23		
IV.1	Các học phần bắt buộc		17		
18	Luật kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	HK3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	
20	Kinh tế vi mô chuyên sâu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK2	
21	Kinh tế vĩ mô chuyên sâu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	
22	Kinh tế phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK4	
23	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	
IV.2	Các học phần tự chọn		6/12		
28	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK2	
29	Nguyên lý quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK2	
30	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK2	
31	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK2	
V	Khối kiến thức ngành		59		
V.1	Các học phần bắt buộc		24		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
32	Kinh tế phát triển chuyên sâu	Kinh tế học phát triển chuyên sâu cung cấp cho người học những bằng chứng thực nghiệm và kinh nghiệm phát triển của các quốc gia, từ đó làm sáng tỏ định hướng chiến lược phát triển của Việt Nam. Sinh viên được rèn luyện ở về đạo đức nghề nghiệp (trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy), có kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc, nhận thức và bắt kịp với bối cảnh nền kinh tế thế giới mới. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện về sự linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình và say mê công việc, có tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, khám phá và học hỏi từ cuộc sống, tinh thần tự tôn, có các kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực, kỹ năng học và tự học, kỹ năng sử dụng máy tính.	3	HK5	Tham dự/chuyên cần (5%). Đóng góp trên lớp (thảo luận, hỏi và đáp, tổng kết lại chương, tranh luận...): (10%). Thuyết trình theo nhóm (15%): Tiêu chí đánh giá cho điểm gồm: Kiểm tra giữa kỳ (20%): Bài kiểm tra cuối học phần (50%)
33	Kinh tế công cộng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK5	
34	Kinh tế môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK5	
35	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo Thông tư 23.	3	HK5	
36	Phân tích chi phí và lợi ích	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK5	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
37	Kinh tế thể chế	Trang bị cho người học các kiến thức căn bản về Kinh tế học thể chế. Thông qua học phần này, sinh viên được phát triển và bồi dưỡng các kỹ năng nghề nghiệp liên quan tới ngành kinh tế phát triển nói chung và thể chế nói riêng. Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.	3	HK5	Thuyết trình theo nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài kiểm tra cuối học phần: 60%
38	Tăng trưởng xanh	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức lí thuyết đại cương về tăng trưởng kinh tế cần thiết cho việc hiểu khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng tới tăng trưởng xanh cùng với các chính sách nhằm kích thích tăng trưởng xanh. Cung cấp cho sinh viên các kĩ năng cần thiết để áp dụng lí thuyết cơ bản cùng với khả năng thảo luận về các vấn đề liên quan tới tăng trưởng xanh hình thành thái độ khoa học cho sinh viên trước các vấn đề về tăng trưởng kinh tế nói chung và tăng trưởng xanh nói riêng.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thuyết trình trên lớp theo nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài thi viết): 15% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
39	Phân tích năng suất hiệu quả	<p>Cung cấp một cách toàn diện các phương pháp hiện đại nhằm phân tích năng suất và hiệu quả của các đơn vị ra quyết định (decision-making units) khác nhau như cá nhân, doanh nghiệp, ngành công nghiệp, khu vực, nền kinh tế.</p> <p>Hiểu rõ các giả định khác nhau liên quan tới công nghệ, thị trường và hành vi của các doanh nghiệp có thể được sử dụng để hướng đến xây dựng chỉ số năng suất.</p> <p>Phân tích các chỉ số năng suất này được triệt để thành các chỉ số đo lường sự thay đổi công nghệ, thay đổi môi trường và các loại thay đổi về hiệu quả khác.</p> <p>Cung cấp phương pháp ước lượng các yếu tố trên bằng các phương pháp Phân tích màng dữ liệu (Data Envelopment Analysis - DEA), phương pháp phân tích biên xác định (Deterministic Frontier Analysis - DFA), phương pháp phân tích biên ngẫu nhiên (Stochastic Frontier Analysis - SFA). Qua đó, có thể ước lượng các yếu tố trên là tối quan trọng trong hoạch định chính sách công.</p> <p>Phân tích các dữ liệu đa dạng thông qua sử dụng các phần mềm như DPIN, DEAP, FRONTIER, EVIEWS và LIMDEP.</p>	3	HK6	<p>Chuyên cần:10%</p> <p>Bài tập về nhà: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
V.2	Các học phần tự chọn		24		
	V.2.1. Các học phần chuyên sâu		12/36		
	V.2.1.1. Các học phần chuyên sâu về Chính sách công		12		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
40	Chính sách công	<p>Cung cấp cho người học kiến thức về nhận diện, phân loại và vai trò của chính sách công với chức năng là công cụ quản lý Nhà nước đối với mọi mặt đời sống kinh tế xã hội của đất nước.</p> <p>Hình thành năng lực tư duy và phương pháp tiếp cận hiện đại, đa ngành và liên ngành về chính sách công. Hình thành cho người học năng lực lập luận và sáng tạo áp dụng kiến thức, thực tiễn trên thế giới vào việc phân tích, xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động hoạch định chính sách của khu vực công ở Việt Nam trong điều kiện đang chuyển sang nền kinh tế thị trường, hội nhập và mở cửa hiện nay. Hình thành cho người học thái độ khoa học trước những vấn đề của đời sống thực tiễn.</p>	3	HK6	<p>Điểm danh: 10%</p> <p>Bài tập nhóm và thuyết trình: 30%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>
41	Phân tích chi tiêu công	<p>Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu; Khung khổ phân tích chi tiêu công vĩ mô; các phương pháp phân tích hiệu quả phân bổ trong một và một số lĩnh vực chi tiêu cơ bản; và phân tích các nhân tố thể chế có tác động chi phối đến hiệu quả chi tiêu công; Các phương pháp phân tích chi phí - lợi ích, phương pháp phân tích hiệu quả phân bổ để có thể áp dụng phân tích hiệu quả phân bổ trong một lĩnh vực hoặc phân bổ giữa các lĩnh vực chi tiêu công cơ bản.</p>	3	HK6	<p>Chuyên cần : 5%</p> <p>Bài tập nhóm và Thuyết trình trên lớp theo nhóm: 15%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ : 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
42	Lựa chọn công cộng	<p>Cung cấp cho người học kiến thức về quá trình hình thành và thực hiện các quyết định công cộng dưới tác động của các nhân tố chính trị - xã hội dưới góc độ của kinh tế học. Trang bị cho người học các kỹ năng sử dụng kiến thức đã học vào đánh giá, lý giải các vấn đề xã hội liên quan tới lựa chọn công cộng. Hình thành tư duy hệ thống, khả năng làm việc nhóm và làm việc độc lập trong quá trình phát hiện vấn đề, tìm kiếm thông tin và nguồn tài liệu, đánh giá một số lựa chọn công cộng trong bối cảnh cụ thể. Hình thành thái độ khoa học cho sinh viên trước các vấn đề về lựa chọn công cộng.</p>	3	HK6	<p>Đi học đầy đủ & hoàn thành tốt các bài tập cá nhân/nhóm: 20% Kiểm tra giữa kì: 20% Bài thi kết thúc học phần: 60%</p>
43	Quản lý dự án phát triển	<p>Trang bị cho người học một cách hệ thống và cụ thể những kiến thức và kỹ năng quản lý các dự án phát triển: Đặc điểm và vai trò của dự án phát triển, các mục tiêu và nội dung quản lý dự án phát triển; Phương pháp lập dự án phát triển dựa vào khung logic và phương pháp thẩm định dự án phát triển; Phương pháp và các chỉ số phân tích hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế xã hội dự án phát triển; Hoạt động quản lý dự án phát triển được tiếp cận từ hai góc độ: (1) theo quá trình quản lý, bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá; (2) theo chức năng quản lý, bao gồm quản lý chi phí, quản lý nhân sự, quản lý thời gian, quản lý chất lượng.</p> <p>Phát triển kỹ năng đấu thầu và tài trợ cho dự án phát triển; kỹ năng quản lý dự án phát triển xuyên suốt quá trình học tập học phần này.</p>	3	HK7	<p>Điểm danh và bài tập về nhà: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thuyết trình theo nhóm: 15% Bài kiểm tra cuối học phần: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
V.2.1.2. Các học phần chuyên sâu về Môi trường và phát triển bền vững			12		
44	Quản lý môi trường	Học phần giúp sinh viên hiểu được bối cảnh quản lý môi trường trong thế giới hiện đại, đồng thời trang bị những kiến thức cơ bản về cơ sở khoa học, khái niệm, nguyên tắc quản lý môi trường, chủ thể quản lý môi trường; trong đó đặc biệt nhấn mạnh các công cụ quản lý được các chủ thể sử dụng để đạt được các mục tiêu quản lý đề ra.	3	HK6	Chuyên cần & hoàn thành tốt các bài tập cá nhân/nhóm: 20% Kiểm tra giữa kì: 20% Bài thi kết thúc học phần: 60%
45	Hạch toán môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán.	3	HK6	
46	Phát triển bền vững	Cung cấp cho sinh viên khái niệm phát triển bền vững, sự ra đời của khái niệm này, các thách thức, nội dung, quan điểm và nguyên tắc của phát triển bền vững; các thách thức, tiêu chí và các giải pháp có thể thực hiện nhằm mục tiêu phát triển bền vững trên cả ba trụ cột về kinh tế, xã hội và môi trường theo hướng phân tích chuyên sâu. Hiểu rõ về việc thực thi phát triển bền vững trên quy mô toàn cầu đặc biệt là vai trò hợp tác quốc tế và luật quốc tế đối với thực thi phát triển bền vững để có thể phân tích. Giới thiệu chung về định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam và thực trạng thực thi phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.	3	HK7	Chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Dự án học phần: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
47	Nhập học phần kinh tế học về Biến đổi khí hậu	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về biến đổi khí hậu tác động tới các quốc gia như thế nào; phân tích tổn thất do biến đổi khí hậu trong so sánh với chi phí nhằm giảm thiểu hoặc thích nghi với biến đổi khí hậu ra sao; các chính sách kinh tế trong việc khống chế phát thải khí nhà kính; và vai trò của cộng đồng quốc tế cùng hành động để đối phó với biến đổi khí hậu.	3	HK6	Đánh giá chuyên cần: 10% Đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Trình bày nhóm: 10% Đánh giá cuối kỳ: 60%
V.2.1.3 Các học phần chuyên sâu về Kinh tế học			12		
48	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK6	
49	Kinh tế lượng chuyên sâu	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về một số mô hình kinh tế lượng hiện đại, là một sự phát triển tiếp tục của các mô hình kinh tế lượng cơ bản đã được giới thiệu trong học phần Kinh tế lượng trước đó.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Bài tập nhóm: 20% Thi cuối kỳ: 60%
50	Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế	Trang bị các hiểu biết cần thiết về ý nghĩa, vai trò, nguồn gốc và các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, những mô hình tăng trưởng kinh tế cơ bản thuộc trường phái tăng trưởng ngoại sinh và nội sinh, phương pháp phân tích tác động của các chính sách vĩ mô đối với những mục tiêu tăng trưởng kinh tế.	3	HK6	Thảo luận/bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
51	Kinh tế nhân lực	Học phần cung cấp cho học viên bản chất và các hình thức của cầu về lao động gắn với những yêu cầu của một nền kinh tế thị trường đồng thời lý giải được bản chất của cầu lao động trong những điều kiện khác nhau, từ cấu trúc thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền mua, ... Các hình thái chuyển hóa của cầu lao động gắn với những hoạt động của các định chế thị trường như chính phủ, công đoàn cũng được phân tích một cách có hệ thống. Về mặt cung của lao động, học phần tiếp tục phân tích đặc điểm và cơ sở lý luận và thực tiễn của nguồn cung lao động trong toàn bộ nền kinh tế và trong các ngành riêng biệt.	3	HK6	Thảo luận/bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V.2.2 Các học phần bổ trợ			12/18		
52	Lịch sử kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK7	
53	Kinh tế học về chi phí giao dịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK7	
54	Nông nghiệp, nông dân và nông thôn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK7	
55	Kinh tế học về những vấn đề xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK7	
56	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK7	
57	Tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK7	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
V.3	Thực tập thực tế và niên luận		5		
58	Thực tập thực tế	Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực phát triển.	2	HK6	Điểm chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch: 90%
59	Niên luận	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên học phần để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn.	3	HK6	Đánh giá điểm bài viết
V.4	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế		6		
60	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên học phần để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn.	6	HK8	
61	Hoạch định chính sách phát triển	<p>Hoạch định CSPT là học phần thuộc khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp, giúp người học liên kết kiến thức và kỹ năng đã học trong chương trình đào tạo cử nhân ngành kinh tế phát triển để có thể nghiên cứu việc hoạch định chính sách phát triển nói chung, và tham gia một số công việc trong quá trình hoạch định chính sách phát triển tại Việt Nam nói riêng.</p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức về vai trò, ý nghĩa, các công cụ, nguyên tắc, phương thức hoạch định chính sách phát triển và các nhân tố chi phối quá trình hoạch định. Trên cơ sở đó, học phần đi sâu về hoạch định các chính sách phát triển gắn với ba nhân tố cơ bản là: Lao động, vốn và công nghệ.</p>	3	HK8	Điểm chuyên cần: 10% Bài tập nhóm và thuyết trình: 30% Bài thi tự luận: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
62	Tài chính cho phát triển	Hiểu rõ tầm quan trọng của tài chính với phát triển; Cấu trúc của hệ thống tài chính, bao gồm các thị trường, định chế tài chính; Những vấn đề đặt ra trong quá trình xây dựng hệ thống tài chính và huy động nguồn lực nội địa ở các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng; Khái niệm, thực trạng dòng vốn quốc tế tới các nước đang phát triển, bao gồm vốn đầu tư tư nhân trực tiếp và gián tiếp, vốn hỗ trợ phát triển chính thức; Những vấn đề đặt ra cho Việt Nam trong việc huy động và sử dụng nguồn vốn nước ngoài; Đặc điểm của một số cuộc khủng hoảng tài chính điển hình trên thế giới và những những cảnh báo và bài học rút ra từ các cuộc khủng hoảng đó....	3	HK8	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi hết học phần: 60%

2. Cử nhân Kinh tế phát triển Chương trình đào tạo Chất lượng cao theo Thông tư 23

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	Khôi kiến thức chung (Không tính các học phần 8-9)		21		
1	Triết học Mác - Lênin	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo Thông tư 23.	3	HK2	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo Thông tư 23	2	HK3	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	HK3	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	HK4	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		2	HK5	
6	Tiếng Anh B1		5	HK1	
7	Tiếng Anh B2		5	HK2	
8	Giáo dục thể chất		4		
9	Giáo dục quốc phòng an ninh		8		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		13		
10	Tin học cơ sở 2	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK1	
11	Toán cao cấp		4	HK1	
12	Xác suất thống kê		3	HK2	
13	Toán kinh tế		3	HK4	
III	Khối kiến thức theo khối ngành		18		
III.1	Các học phần bắt buộc		16		
14	Nhà nước và pháp luật đại cương	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	HK1	
15	Kinh tế vi mô	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	4	HK1	
16	Kinh tế vĩ mô	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	4	HK2	
17	Nguyên lý thống kê kinh tế	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	
18	Kinh tế lượng	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK4	
III.2	Các học phần tự chọn		2/8		
19	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	HK1	
20	Lịch sử văn minh thế giới	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	HK1	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
21	Xã hội học đại cương	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	HK1	
22	Logic học	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	HK1	
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		22		
IV.1	Các học phần bắt buộc		19		
23	Luật kinh tế	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	HK4	
24	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	
25	Kinh tế vi mô chuyên sâu	The objective of this course is to cover microeconomic theory at the intermediate level. This course's aim is to ensure that all students can take standard microeconomic problems and correctly analyze them. This course builds basic microeconomic tools, e.g., supply and demand curves, from fundamental concepts. The primary goal is to teach you how to apply economic reasoning in a careful, systematic way, to economic issues you will confront in subsequent university courses and in your post-university careers. The course is also important to any student who plans to go on to study economics at the graduate level. It is best seen as a course that provides the foundations of economic analysis and thereby opens the doors to other economics courses, both applied and theoretical.	4	HK4	Attendance; Homework Assignments: 10% Group Presentation: 10% Midterm Exam: 20% Final Exam: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
26	Kinh tế vĩ mô chuyên sâu	The objective of this course is to cover macroeconomic theory at the intermediate level This course's aim is to ensure that all students can take standard macroeconomic problems and correctly analyze them. This course builds basic macroeconomic tools, e.g., macroeconomic model, from fundamental concepts. The primary goal is to teach you how to apply economic reasoning in a careful, systematic way, to economic issues you will confront in subsequent university courses and in your post-university careers. The course is also important to any student who plans to go on to study economics at the graduate level. It is best seen as a course that provides the foundations of economic analysis and thereby opens the door to other economics courses, both applied and theoretical.	4	HK5	Attendance; Homework Assignments: 10% Group Presentation: 10% Midterm Exam: 20% Final Exam: 60%
27	Kinh tế phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế phát triển.	3	HK3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
28	Kinh tế quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - The overall objective of the course is to provide students with fundamentals of international economics, and methodology of assessing international economic related issues with some application to Vietnam's context. - Upon the completion of the course, students are expected to grasp of the following issues: <ul style="list-style-type: none"> - Basis and gains of trade, pattern of trade between nations, and nature and impact of international trade policy instruments. - Forms of, motives for and welfare effect of the international movement of resources. - Characteristics and function of the foreign exchange market, exchange rate determinants, concept and structure of balance of payment, and different international monetary systems. 	3	HK4	The components: 40% Final Exam: 60%
IV.2	<i>Các học phần tự chọn</i>		<i>3/12</i>		
29	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK2	
30	Nguyên lý quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK2	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
31	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK2	
32	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK2	
V	Khối kiến thức ngành		68		
V.1	Các học phần bắt buộc		21		
33	Kinh tế phát triển chuyên sâu	The course aims at deepening the student's theoretical and methodological knowledge of development economics. The point of departure is that economies are low-income because of a lack of economic growth. This in turn depends on low integration in the global economy, low investment and a lack of efficient institutions.	3	HK5	Homework Assignments: 10% Group Presentation: 5% Midterm Exam: 30% Final Exam: 50% Attendance and Discussion/ participation: 5%
34	Kinh tế môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế phát triển	3	HK3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	Kinh tế công cộng	<p>The course of economic geography provides knowledge on human's economic activities under varying sets of conditions which is associated with production, location, distribution, consumption, exchange of resources, and spatial organization of economic activities across the world and Vietnam-wide. Subjects deals with the economic geography in theory (location theory, economies of agglomeration, transportation, international trade, development, real estate, gentrification, ethnic economies, gendered economies, core-periphery theory, the economics of urban form, the relationship between the environment and the economy, and globalization) and in practices in Vietnam (sectorial geography and regional geography of Vietnam).</p> <p>The course of public economics helps learners understand, reproduce, reason and apply creativity to a certain extent the knowledge and analytical skills related to: The economic basis of the role of government in the market economy; Scale, process and efficiency criteria of public spending; The nature of tax, the distribution of the tax burden, the impact of taxes on efficiency; Theories about public choice and the impact of political and economic factors in the public sector. After completing the course, students can understand specialized research reports on the issues and obtain the ability to analyze, interpret, evaluate and come up with policy recommendations to address relevant issues of the public sector.</p>	3	HK5	<p>Attendance & Participation: 10% Group presentation: 20% Individual homework: 10% Final Exam: 60%</p>
36	Kinh tế thể chế	<p>Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế phát triển</p>	3	HK5	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
37	Địa lý kinh tế	<p>* Knowledge: Understand concepts of economic geography; be able to use spatial analytical tools to analyze development issues; be able to recommend solutions for socio - economic development.</p> <p>* Skills</p> <p>a. Professional skills: Be able to discuss/communicate on economic geography issues, have skills for problem solving on development issues.</p> <p>b. Complementary skills: Skills for communication, teamwork.</p> <p>* Ethic qualities: Be aware of and responsible for sustainable development, have social responsibility.</p>	3	HK6	<p>Participation: 10%</p> <p>Group work: 15%</p> <p>Mid-term exam: 15%</p> <p>Final exam: 60%</p>
38	Kinh tế học phát triển bền vững	<p>* Knowledge: Understand concepts of economics of sustainable development; be able to use economic tools to analyze sustainable development issues; be able to recommend solutions for sustainable development.</p> <p>* Skills</p> <p>a. Professional skills: Be able to discuss/communicate on economics of sustainable development issues, have skills for problem solving on sustainable development issues.</p> <p>b. Complementary skills: Skills for communication, teamwork.</p> <p>* Ethic qualities: Be aware of and responsible for sustainable development, have social responsibility.</p>	3	HK6	<p>Participation: 10%</p> <p>Group work: 15%</p> <p>Mid-term exam: 15%</p> <p>Final exam: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
39	Các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu kinh tế phát triển	<p>- Kiến thức: Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp, công cụ và kỹ thuật để thực hiện các nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế phát triển.</p> <p>- Kỹ năng: Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập; kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp.</p> <p>- Thái độ: có thái độ nghiêm cẩn, trung thực trong nghiên cứu khoa học.</p>	3	HK7	(i) Chuyên cần 10%; (ii) Kiểm tra tiến độ 30%; (iii) Đánh giá kết quả nghiên cứu 60%.
V.2	Các học phần tự chọn		30/84		
V.2.1	Các học phần chuyên sâu		12/48		
V.2.1.1	Các học phần chuyên sâu về Chính sách công và phát triển		12		
40	Chính sách công	The course is aimed at providing learners with theoretical and practical knowledge to identify, classify the role of public policy as a tool of State management on all socio-economic aspects. After the course, the learners can understand the process, principles, and tools of public policy design; find out the problems, conduct research and propose policy solutions for some types of public policy, apply theoretical knowledge to clarify practical issues in 02 basic case studies related to economic policies and social policies.	3	HK7	Participation: 10% Group work: 15% Mid-term exam: 15% Final exam: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
41	Phân tích chi tiêu công	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu; Khung khổ phân tích chi tiêu công vĩ mô; các phương pháp phân tích hiệu quả phân bổ trong một và một số lĩnh vực chi tiêu cơ bản; và phân tích các nhân tố thể chế có tác động chi phối đến hiệu quả chi tiêu công; Các phương pháp phân tích chi phí-lợi ích, phương pháp phân tích hiệu quả phân bổ để có thể áp dụng phân tích hiệu quả phân bổ trong một lĩnh vực hoặc phân bổ giữa các lĩnh vực chi tiêu công cơ bản.	3	HK6	Chuyên cần: 5% Bài tập nhóm và Thuyết trình trên lớp theo nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
42	Lựa chọn công cộng	Cung cấp cho người học kiến thức về quá trình hình thành và thực hiện các quyết định công cộng dưới tác động của các nhân tố chính trị-xã hội dưới góc độ của kinh tế học. Trang bị cho người học các kỹ năng sử dụng kiến thức đã học vào đánh giá, lí giải các vấn đề xã hội liên quan tới lựa chọn công cộng. Hình thành tư duy hệ thống, khả năng làm việc nhóm và làm việc độc lập trong quá trình phát hiện vấn đề, tìm kiếm thông tin và nguồn tài liệu, đánh giá một số lựa chọn công cộng trong bối cảnh cụ thể. Hình thành thái độ khoa học cho sinh viên trước các vấn đề về lựa chọn công cộng.	3	HK6	Đi học đầy đủ & hoàn thành tốt các bài tập cá nhân/nhóm: 20% Kiểm tra giữa kì: 20% Bài thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Quản lý dự án phát triển	<p>Trang bị cho người học một cách hệ thống và cụ thể những kiến thức và kỹ năng quản lý các dự án phát triển: Đặc điểm và vai trò của dự án phát triển, các mục tiêu và nội dung quản lý dự án phát triển; Phương pháp lập dự án phát triển dựa vào khung logic và phương pháp thẩm định dự án phát triển; Phương pháp và các chỉ số phân tích hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế xã hội dự án phát triển; Hoạt động quản lý dự án phát triển được tiếp cận từ hai góc độ: (1) theo quá trình quản lý, bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá; (2) theo chức năng quản lý, bao gồm quản lý chi phí, quản lý nhân sự, quản lý thời gian, quản lý chất lượng.</p> <p>Phát triển kỹ năng đấu thầu và tài trợ cho dự án phát triển; kỹ năng quản lý dự án phát triển xuyên suốt quá trình học tập học phần này.</p>	3	HK7	<p>Điểm danh và bài tập về nhà 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ 15%</p> <p>Thuyết trình theo nhóm 15%</p> <p>Bài kiểm tra cuối học phần : 60%</p>
<i>V.2.1.2. Các học phần chuyên sâu về Kinh tế môi trường và phát triển bền vững</i>			12		
44	Quản lý môi trường	<p>Học phần Quản lý môi trường trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về quản lý môi trường, hệ thống quản lý môi trường và các bộ công cụ được sử dụng trong quản lý môi trường. Các nội dung được đề cập bao gồm: (i) Khái niệm, các nguyên lý cơ bản và nâng cao về quản lý môi trường và hệ thống quản lý môi trường; (ii) Công cụ hành chính trong quản lý môi trường; (iii) Công cụ đánh giá và quy hoạch trong quản lý môi trường; (iv) Công cụ kinh tế môi trường trong quản lý môi trường; (v) Sản xuất sạch hơn trong quản lý môi trường của doanh nghiệp.</p>	3	HK6	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Báo cáo dự án học phần: 15%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Kinh tế tài nguyên	At the end of the course, students must be able to: Remember basic concepts of NRE; Understand the nature and issues related to recruitment; Apply methods for performance appraisal; Examine the issues and concerns that belong to the realm of natural resource economics; and Apply economic concepts and tools in analyzing natural resource policies and problems.	3	HK7	Participation: 10% Group work: 15% Mid-term exam: 15% Final exam: 60%
46	Kinh tế sinh thái	Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức lý luận và thực tiễn để nghiên cứu sự tương tác giữa các hệ thống kinh tế và hệ thống sinh thái trong bối cảnh biến đổi toàn cầu hiện nay.	3	HK7	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ cá nhân hoặc tiểu luận nhóm: 30% Thi hết học phần: 60%
47	Kỹ thuật phân tích kinh tế tài nguyên và môi trường	<i>Kiến thức:</i> Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản liên quan đến hạch toán môi trường, hạch toán môi trường vi mô và hạch toán môi trường vĩ mô, giới thiệu các phương pháp hạch toán môi trường vi mô, đặc biệt là hạch toán dòng nguyên liệu và năng lượng, hạch toán chi phí môi trường. <i>Kỹ năng:</i> Học phần yêu cầu sinh viên thực hiện các phương pháp hạch toán môi trường ở cấp độ vi mô. <i>Thái độ:</i> Học phần nhằm nâng cao ý thức của sinh viên trong việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu chất thải.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ cá nhân hoặc tiểu luận nhóm: 30% Thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
V.2.1.3. Các học phần chuyên sâu về Kinh tế học			12		
48	Kinh tế giáo dục	This course provides a broad introduction to the applications of economic theory, methods, and data for the study of education. The course can help students understand the justifications for and likely consequences of education policies and interventions, and be able estimate the associated costs and benefits. Thus, students gain knowledge to understand why individuals and societies invest in education, as well as how this education is “produced.” The course also draws specific attention to inequities both inside and outside of education, and considering the limitations of the economic approach in addressing these inequities.	3	HK6	Assignments: 20% Mid-term test: 20% End-term test: 60%
49	Kinh tế y tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, khái niệm về kinh tế y tế, hiệu quả, hiệu suất hiệu lực và công bằng, những tính chất đặc thù của thị trường dịch vụ y tế, vai trò của nhà nước trong quản lý thị trường y tế, các kiến thức cơ bản về đánh giá kinh tế y tế và ý nghĩa của các nghiên cứu phân tích chi phí y tế trong quá trình ra quyết định về chính sách y tế.	3	HK6	Điểm kiểm tra làm bài tập trong học kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
50	Kinh tế lao động	Trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về quan hệ lao động giữa doanh nghiệp, người lao động và chính phủ xét trên góc độ phân tích thị trường và quản lý vĩ mô. Từ đó, người học có khả năng phân tích đánh giá sự vận hành của thị trường lao động hành vi ứng xử của doanh nghiệp và người lao động, tìm hiểu các vấn đề liên quan đến thị trường lao động như tiền lương, việc làm - thất nghiệp, di chuyển lao động và các chính sách quản lý trên thị trường lao động.	3	HK7	Điểm kiểm tra làm bài tập trong học kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
51	Quản trị nhân lực	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Quản trị nhân lực. Ghi nhớ các khái niệm cơ bản về QTNNL. Hiểu bản chất và các vấn đề liên quan đến tuyển dụng. Áp dụng các phương pháp để đánh giá kết quả thực hiện công việc. Phân tích nhu cầu đào tạo và phát triển. Phân tích tình trạng hiện tại để chọn phương pháp đào tạo và phát triển phù hợp. Đánh giá mức độ phù hợp của chế độ trả lương.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi kết thúc học phần: 60%
<i>V.2.1.4. Các học phần chuyên sâu về Phân tích dữ liệu kinh tế và chính sách phát triển</i>			12		
52	Thống kê doanh nghiệp	Học phần giúp cung cấp cho sinh viên các kiến thức trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị cơ sở; nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ mật thiết với mặt chất của hiện tượng kinh tế số lớn trong phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	3	HK6	Điểm kiểm tra làm bài tập trong học kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
53	Thống kê xã hội	Học phần TKXH cung cấp cho sinh viên ngành CTXH những kiến thức cơ bản: các khái niệm thường dùng trong thống kê; có loại số tương đối, số tuyệt đối, số bình quân và các phương pháp phân tích biến động theo thời gian được sử dụng trong phân tích thống kê; các hệ thống chỉ tiêu thống kê xã hội thường được sử dụng trong giáo dục và đào tạo, y tế, hôn nhân và gia đình, văn hóa thể thao và du lịch, an sinh xã hội, mức sống dân cư...	3	HK6	Điểm kiểm tra làm bài tập trong học kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54	Phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh	<p>Học phần Phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh cung cấp một cách có hệ thống các kỹ năng cần thiết khi phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh, bao gồm: cách thức thu thập dữ liệu, xây dựng phiếu điều tra khảo sát, phân tích nhân tố, phân tích tương quan và hồi quy,... trình bày kết quả nghiên cứu. Bên cạnh đó, sinh viên được thực hành phân tích dữ liệu trên phần mềm thống kê.</p>	3	HK6	<p>Đánh giá chuyên cần: 10%</p> <p>Điểm bài tập làm ở nhà (cá nhân, nhóm): 10%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Đánh giá cuối kỳ: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
55	Kinh tế lượng chuyên sâu	<p>Knowledge</p> <ul style="list-style-type: none"> - Know the basic econometric models, the time series analysis models, the arrayed and aggregated data models and estimation methods of each model types. - Know how to read and understand the results of available models. - Know the analysis and evaluation of the results of the estimates, tests and forecasts received. <p>Skill</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Professional skills</i>: Establish the scientific spirit and research ethics of scientific people. Developing skills of researching economic, social and business issues. Develop general skills, analysis and decision making. Raise the sense of independence in research, gain more confidence in understanding and solving problems. Skilled in building a quantitative scientific research in economics. - <i>Complementary skills</i>: development skills for communication and group networking. <p>Ethic qualities: Serious, diligent, thorough at work. Having an objective and honest attitude in science.</p>	3	HK7	<p>Attendance: 10%</p> <p>Teamworks: 10%</p> <p>Mid-term exam: 20%</p> <p>Final exam: 60%</p>
V.2.2. Các học phần bổ trợ			18/33		
56	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK3	
57	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Kinh doanh quốc tế	<p>Học phần giới thiệu cho người học những vấn đề cơ bản nhất của Kinh doanh quốc tế. Với cách tiếp cận như trên, học phần xem xét những vấn đề chủ yếu sau: Bản chất của kinh doanh quốc tế; môi trường kinh doanh quốc tế. Phần tiếp theo của học phần thảo luận về hoạt động của các doanh nghiệp trong môi trường toàn cầu trên. Các chủ đề được đề cập bao gồm: hoạch định và thực hiện chiến lược kinh doanh quốc tế; chiến lược tổ chức và những nhân tố quy định việc lựa chọn cơ cấu tổ chức; chiến lược sản xuất; chiến lược Marketing quốc tế; chiến lược quản trị nguồn nhân lực. Các nghiên cứu tình huống được sử dụng trong suốt khóa học giúp sinh viên phân tích và vận dụng các quan điểm, kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tế.</p>	3	HK3	<p>Đi học đầy đủ và tích cực tham gia thảo luận trong lớp: 5%</p> <p>Bài tập cá nhân tuần: 5%</p> <p>Thuyết trình nhóm: 15%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Bài thi kết thúc học phần: 60%</p>
59	<p>Nhập học phần kinh tế học về Biến đổi khí hậu</p>	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về biến đổi khí hậu tác động tới các quốc gia như thế nào; phân tích tổn thất do biến đổi khí hậu trong so sánh với chi phí nhằm giảm thiểu hoặc thích nghi với biến đổi khí hậu ra sao; các chính sách kinh tế trong việc khống chế phát thải khí nhà kính; và vai trò của cộng đồng quốc tế cùng hành động để đối phó với biến đổi khí hậu.</p>	3	HK4	<p>Đánh giá chuyên cần: 10%</p> <p>Đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Trình bày nhóm: 10%</p> <p>Đánh giá cuối kỳ: 60%</p>
60	Tài chính doanh nghiệp	<p>Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.</p>	3	HK4	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
61	Quản lý nhà nước về kinh tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về Kinh tế và quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Quy luật kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế; Các phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế; Các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế; ...	3	HK3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
62	Thương mại điện tử	Ngày nay, hầu hết các tổ chức tồn tại nhờ vào khả năng cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mang lại nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng. Kênh phân phối hàng hóa và dịch vụ qua internet và các phương tiện công nghệ thông tin đang tạo ra một ngành công nghiệp hoàn toàn mới cũng như tái cấu trúc những ngành đang tồn tại. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và ứng dụng trong thương mại điện tử. Sinh viên sẽ hiểu được bản chất của sự phát triển của thương mại điện tử, các mô hình B2B và B2C trong thương mại điện tử, E-Marketing và thanh điện tử E-payment. Cuối cùng, sinh viên sẽ có thể ứng dụng những điều họ đã học vào trong dự án làm việc nhóm ở cuối khóa học.	3	HK3	Chuyên cần: 5% Bài tập về nhà: 5% Bài tập nhỏ: 10% Bài tập nhóm: 20% Thi cuối kỳ: 60%
63	Tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK3	
64	Tài chính cho phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Phát triển.	3	HK5	
65	Hoạch định chính sách phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Phát triển.	3	HK5	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
66	Các mô hình ra quyết định	<p>Học phần tập trung vào việc giới thiệu các vấn đề liên quan đến các mô hình ra quyết định, bao gồm: các mô hình ra quyết định dạng tuyến tính và phi tuyến... Vai trò của dùng mô hình trong việc ra quyết định của nhà quản trị trong môi trường kinh doanh ngày nay. Học phần sẽ tập trung vào 3 phần như sau: Phần 1: Các mô hình phân tích tổng quát. Phần này tập trung vào trang bị các kiến thức cơ bản về lập mô hình và ra quyết định từ các mô hình này, lựa chọn mô hình phù hợp cho việc ra quyết định quản trị, sử dụng các kỹ thuật cụ thể cho các áp dụng thực tế trong quản lý sản xuất & dịch vụ cũng như các lĩnh vực khác.. Phần 2 tập trung vào giúp các nhà ra quyết định chọn lựa các phương án dựa trên các tiêu chuẩn định lượng; Phần 3 hướng dẫn cho sinh viên cách thức đưa ra quyết định trong bối cảnh thông tin không chắc chắn hoặc khi cần quyết định trong sự hạn chế về thời gian. Nó cho sinh viên thấy sự tương phản của việc nhiều nhà quản trị thường ra quyết định như thế nào? Việc sử dụng nhiều ví dụ thực tế và các bài tập tình huống trong quá trình giảng dạy cũng sẽ rèn luyện kỹ năng ra quyết định của các sinh viên.</p>	3	HK3	<p>Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập nhóm: 10% Thi hết học phần: 60%</p>
V.3	Thực tập thực tế và niên luận		10		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
67	Thực tế năm thứ 1	<p>Học phần thực tập thực tế cung cấp cho sinh viên kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kinh tế phát triển; tạo điều kiện cho sinh viên hệ CLC năm thứ nhất của Khoa Kinh tế Phát triển có những tiếp cận đầu tiên với hệ thống tổ chức kinh doanh hoặc quản lý nhà nước tại Hà Nội và vùng lân cận trong các lĩnh vực kinh tế và phát triển. Học phần sẽ giúp sinh viên thực hành một số kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, bước đầu thực hành kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá về một trong số các vấn đề phát triển tại Việt Nam. Trên đó, sinh viên hình thành định hướng nghiên cứu và học tập trong năm học tới cũng như sau khi ra trường.</p>	2	HK2	<p>Điểm chuyên cần: 30% Báo cáo thu hoạch: 70%</p>
68	Thực tập cơ sở năm thứ 2	<p>Học phần thực tập thực tế cung cấp cho sinh viên kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kinh tế phát triển; tạo điều kiện cho sinh viên hệ chất lượng cao năm thứ 2 của Khoa Kinh tế Phát triển có những tiếp cận đầu tiên với tổ chức, cơ quan quản lý Nhà nước, các viện nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp/doanh nghiệp xã hội, có cơ hội làm việc với các nhà quản lý, các chuyên gia trong lĩnh vực phát triển. Học phần sẽ giúp sinh viên thực hành một số kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, bước đầu thực hành kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá về một trong số các vấn đề phát triển tại Việt Nam. Trên đó, sinh viên hình thành định hướng nghiên cứu và học tập trong năm học tới cũng như sau khi ra trường.</p>	2	HK4	<p>Điểm chuyên cần: 30% Báo cáo thu hoạch: 70%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
69	Thực tập chuyên ngành năm thứ 3	Học phần thực tập thực tế cung cấp cho sinh viên kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kinh tế phát triển; tạo điều kiện cho sinh viên hệ chất lượng cao năm thứ 3 của Khoa Kinh tế Phát triển có những tiếp cận đầu tiên với tổ chức, cơ quan quản lý Nhà nước, các viện nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp/doanh nghiệp xã hội, có cơ hội làm việc với các nhà quản lý, các chuyên gia ở nước ngoài trong lĩnh vực phát triển. Học phần sẽ giúp sinh viên thực hành một số kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, thực hành kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá về một trong số các vấn đề phát triển tại các nền kinh tế mới nổi khu vực Đông Nam Á. Trên đó, sinh viên hình thành định hướng nghiên cứu và học tập trong năm học cuối cùng cũng như sau khi ra trường.	2	HK6	Điểm chuyên cần: 30% Báo cáo thu hoạch: 70%
70	Niên luận	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên học phần để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn.	4	HK6	Đánh giá điểm bài viết
V.4	Khóa luận tốt nghiệp		7		
71	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên học phần để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn.	7	HK8	

3. Thạc sĩ Chính sách công và phát triển

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
I	Khôi kiến thức chung		8		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị				
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47		
II.1	Các học phần bắt buộc		26		
1	Lý thuyết kinh tế vi mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Lý thuyết kinh tế vĩ mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
4	Kinh tế học khu vực công	Nội dung học phần tập trung vào bốn mảng vấn đề cơ bản của khu vực công, gồm có: Cơ sở kinh tế của vai trò chính phủ trong nền kinh tế thị trường; Tiêu chí về hiệu quả của việc chi tiêu công cộng; Thuế và tác động của thuế đến hiệu quả; Lựa chọn công cộng và tác động qua lại của các nhân tố kinh tế, chính trị đến sự lựa chọn công cộng. Có phương pháp luận và công cụ phân tích về hiệu quả áp dụng xuyên suốt trong các chương, mục của học phần.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
5	Thế chế và Tổ chức lãnh đạo khu vực công	Cung cấp cho người học các nội dung bao quát từ tổng quan học phần, các vấn đề về sự lãnh đạo và nhà lãnh đạo, cho đến bối cảnh và nhân tố tác động đến hoạt động lãnh đạo. Tổng quan học phần bao gồm khái niệm, phân loại, quan điểm về việc lãnh đạo khu vực công; và phương pháp tiếp cận nghiên cứu học phần. Các vấn đề lãnh đạo khu vực công	3	HK1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		tập trung vào hai nội dung chính về việc lãnh đạo, và con người lãnh đạo. Các nhân tố tác động được trình bày thành hai nội dung gồm các nhân tố từ nội bộ, và các nhân tố ngoại cảnh.			
6	Chiến lược và Chính sách công cho phát triển	Học phần Chiến lược và Chính sách công cho Phát triển tập trung vào những nội dung quyết định làm hoặc không làm của chính phủ vì mục tiêu tăng trưởng và phát triển theo hướng bền vững. Hình thành phương pháp nghiên cứu, hướng đến (i) Quy trình thiết kế chính sách công; (ii) Các công cụ thiết kế chính sách; (iii) Thực hiện và điều chỉnh chính sách; (iv) Quản trị thực hiện chính sách. Người học còn được trang bị những kiến thức về môi trường và các nhân tố chi phối chất lượng các chính sách công cho phát triển, đặc biệt là môi trường thể chế và mô hình tổ chức của bộ máy nhà nước.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
7	Phân tích và hoạch định chính sách công	Trang bị cho học viên kiến thức về vai trò, ý nghĩa, phương thức, mức độ tác động của chính sách phát triển; các quy trình, cách thức và công cụ của việc hoạch định chính sách. Học viên có khả năng kết hợp các kiến thức được học với các công cụ và kỹ năng phân tích, lý giải, đánh giá để có thể đưa ra các khuyến nghị điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới chính sách phục vụ cho mục tiêu phát triển.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
8	Chính sách tăng trưởng xanh	Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức lí thuyết đại cương về tăng trưởng kinh tế cần thiết cho việc hiểu khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng tới tăng trưởng xanh cùng với các chính sách nhằm kích thích tăng trưởng xanh.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
9	Quản lý, giám sát và đánh giá dự án công	Cung cấp những kiến thức về dự án công và quản lý dự án; cấu trúc tổ chức của dự án, cấu trúc sản phẩm và phân chia công việc trong dự án; đề xuất dự án và việc lập kế hoạch và lịch trình thực hiện một dự án; quá trình tổ chức thực hiện dự án như quản lý nhân sự, quản lý mua sắm, đánh giá tác động tới môi trường, quản lý tài chính và kế toán của dự án. HV có thể vận dụng kiến thức để thực hiện giám sát, đánh giá và kết thúc/báo cáo của một dự án.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
II.2 Các học phần tự chọn			21/45		
10	Chiến lược, chính sách phát triển của các tổ chức khu vực và quốc tế.	Học phần này nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức về vai trò và hoạt động của các tổ chức quốc tế chính trong thế kỷ 21: triết lý và nguyên lý của các tổ chức quốc tế cũng như các vấn đề mà các tổ chức này giải quyết; nguồn gốc lịch sử, bản chất và các chức năng của các tổ chức quốc tế; Một số vấn đề chung về các tổ chức khu vực và quốc tế như lịch sử hình thành, các tổ chức quốc tế được hình thành trong thế kỷ 19, sự cần thiết của các tổ chức quốc tế. Các tổ chức quốc tế được giảng dạy trong học phần này gồm có: Các tổ chức của Liên hợp quốc, Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, Tổ chức thương mại thế giới, Các tổ chức phi chính phủ quốc tế, Các tổ chức khu vực. Ngoài ra học phần cũng sẽ thảo luận về tương lai của các tổ chức quốc tế.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
11	Kinh tế học về biến đổi khí hậu	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về biến đổi khí hậu tác động tới các quốc gia như thế nào; phân tích tổn thất do biến đổi khí hậu trong so sánh với chi phí nhằm giảm thiểu hoặc thích nghi với biến đổi khí hậu ra sao; các chính sách kinh tế trong việc không chế phát thải khí	3	HK2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		nhà kính; và vai trò của cộng đồng quốc tế cùng hành động để đối phó với biến đổi khí hậu.			
12	Phân tích chi phí lợi ích và thẩm định dự án đầu tư	<p>Trong điều kiện nguồn lực khan hiếm, các quyết định chính sách của chính phủ cần được thẩm định bằng phương pháp Phân tích chi phí - lợi ích (expanded CBA) nhằm xác định xem chúng có sử dụng hiệu quả các nguồn lực hay không. So với đánh giá các dự án tư, sử dụng CBA để đánh giá chính sách công ở hai khó khăn. Thứ nhất, xem xét tính hiệu quả của chính sách công liên quan tới liên quan tới chi phí và lợi ích của nhiều đối tượng khác trong xã hội chứ không chỉ các đối tượng liên quan trực tiếp (ví dụ: ô nhiễm, thuế, v.v). Thứ hai, chi phí và lợi ích xã hội của một chính sách không phải lúc nào cũng dễ dàng biểu diễn bằng đơn vị tiền tệ (ví dụ: môi trường, sức khỏe, v..v).</p> <p>Mở rộng cung cấp cho học viên các kiến thức lí luận và thực tiễn cùng với đó là các kĩ năng cần thiết trong tính toán chi phí chính sách, đánh giá tác động bằng giá thị trường, lượng giá các chi phí lợi ích phi thị trường và các vấn đề liên quan tới rủi ro và mạo hiểm.</p>	3	HK2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Bài tập lớn: 60%</p>
13	Phân tích Thống kê cho chính sách công	<p>Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức và kĩ năng cần thiết trong phân loại, xử lí, mô tả và phân tích dữ liệu giúp ích cho phân tích tác động của chính sách công và ra quyết định chính sách.</p> <p>Ứng dụng các khái niệm và phương pháp thống kê định lượng trong phân tích các vấn đề của chính sách công, đồng thời chỉ ra các vấn đề hạn chế của phương pháp này. Các nội dung chính của học phần này bao gồm: xử lí số liệu, phương pháp thống kê mô tả, phương pháp hồi quy đơn biến và đa biến và các mô hình kinh tế lượng.</p>	3	HK2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Bài tập lớn: 60%</p>
14	Phân cấp và quản trị địa phương	Cung cấp các khái niệm, phạm vi và ý nghĩa của phân cấp, đặc biệt là phân cấp trong quản lý kinh tế, tài chính công và dịch vụ công; Lý luận	3	HK3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		phân cấp là nội dung cốt lõi của học phần, được đặt trên cơ sở lý thuyết của kinh tế học về hiệu quả phát triển và chi phí giao dịch; Phân cấp được nhận diện, đánh giá từ góc độ thực tiễn phát triển thông qua cách phân tích quá trình cải cách phát triển của một số quốc gia, một số nhóm nước trên thế giới; Các vấn đề nêu trên cần được rút ra bài học kinh nghiệm để liên hệ với thực tiễn phân cấp và phát triển tại Việt Nam.			Bài tập lớn: 60%
15	Chính sách Phát triển vùng	Cung cấp lý thuyết căn bản cũng như kinh nghiệm thực tế của các nước trên thế giới khái quát về phát triển vùng như mục tiêu phát triển vùng, các mô hình phát triển vùng, những bài học thành công và thất bại khi áp dụng các mô hình phát triển vùng trên thế giới. Áp dụng kiến thức để phân tích mô hình phát triển vùng hiện tại của Việt Nam và có thể đề xuất ra những giải pháp điều chỉnh mô hình cũng như là những chính sách về phát triển vùng của Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
16	Quản lý tài chính công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	3	Học phần tự chọn	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
17	Cải cách dịch vụ công	cung cấp cho học viên lý luận cơ bản về dịch vụ công, các đặc trưng của dịch vụ công, làm rõ phạm vi và trách nhiệm của Nhà nước trong việc cung ứng các dịch vụ công. Phân tích thực trạng cung ứng các loại dịch vụ công quan trọng và cơ bản nhất đối với đời sống xã hội hiện nay như giáo dục, y tế, giao thông công cộng cũng như các dịch vụ công của cơ quan hành chính nhà nước như cấp đăng ký kinh doanh, thu thuế, cấp giấy phép đầu tư nước ngoài. Phân tích kinh nghiệm của các nước trên thế giới, học phần giúp học viên tiếp cận phương hướng đổi mới và các	3	HK3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		phương pháp cải tiến cụ thể nhằm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công cộng và dịch vụ hành chính công.			
18	Bất bình đẳng và phát triển	Cung cấp cho người học các nội dung bao quát từ tổng quan học phần, khái niệm, thước đo nghèo đói, cho đến các nguyên nhân và giải pháp xóa đói, giảm nghèo nhằm bảo đảm sự phát triển. Hiểu rõ mối quan hệ tương tác nhân quả giữa nghèo đói và phát triển, đồng thời đi sâu hiểu rõ nội dung từng nhóm giải pháp khắc phục căn nguyên dẫn đến nghèo đói từ phía cá nhân, và từ phía xã hội. Từ góc độ cá nhân, nghèo đói có thể khắc phục từ giải pháp giáo dục, y tế và trợ cấp. Từ góc độ xã hội, nghèo đói được khắc phục từ việc hoàn thiện thị trường đầy đủ và tự do, tránh được tác động bất lợi từ khiếm khuyết của thị trường và tình trạng dân số biến động bất hợp lý.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
19	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	HK3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
20	Ra quyết định đa tiêu chuẩn trong kinh tế và quản trị	Học phần sẽ cung cấp kiến thức cơ bản về các phương pháp, công cụ ra quyết định đa tiêu chuẩn, cụ thể phương pháp TOPSIS, phân tích thứ bậc (AHP), mô hình triển khai chức năng chất lượng (QFD), và các mô hình ra quyết định khác. Đặc biệt, học phần cũng sẽ cung cấp kiến thức cơ bản về tập mờ, số mờ và sự mở rộng của các mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn trong giải quyết các bài toán ra quyết định trong môi trường thông tin không hoàn hảo, đầy đủ. Ứng dụng của các mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn trong lĩnh vực kinh tế và quản trị cũng được giới thiệu trong học phần.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
21	Phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm cho phân tích định tính	Phát triển kỹ năng phỏng vấn, thảo luận nhóm và làm báo cáo thực địa. Cung cấp các phương pháp tiếp cận khác nhau để phân tích dữ liệu phỏng vấn, bao gồm cả việc sử dụng các phần mềm được phát triển cho mục đích phân tích dữ liệu định tính từ phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
22	Công cụ bảng hỏi cho phân tích định lượng	Nghiên cứu khảo sát là phổ biến và hữu ích khi chúng ta đang quan tâm đến việc phân phối các thông số đặc trưng cho xã hội (cộng đồng). Học phần công cụ này tất nhiên giới thiệu một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan đến việc thiết kế và thực hiện một cuộc khảo sát, dựa trên việc sử dụng một bảng câu hỏi trong phân tích định lượng. Bài tập thực hành bao gồm các bước cơ bản trong nghiên cứu khảo sát, chẳng hạn như hiện thực hoá một câu hỏi nghiên cứu, thực hành lấy mẫu, thiết kế bảng câu hỏi, thực hiện điều tra, nhập dữ liệu và phân tích cũng như các trình bày kết quả nghiên cứu.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
23	Quản lý và phát triển đô thị	Học phần này sẽ giới thiệu các lý thuyết tổng quan về quy luật hình thành và phát triển đô thị. Học phần cũng nghiên cứu xây dựng các mối quan hệ quản lý trong việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực của đô thị và của nền kinh tế cho phát triển đô thị. Ngoài ra học phần sẽ đưa ra các giải pháp, chính sách cho phát triển đô thị và các vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển các đô thị như tắc nghẽn giao thông, đất đai và nhà ở đô thị, nghèo đói đô thị.....	3	HK3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
24	Môi trường kinh doanh và phát triển doanh nghiệp	Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về khái niệm, đặc điểm; nhân tố kinh tế, thể chế, văn hoá và tự nhiên có ảnh hưởng tới chất lượng môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế. Những phân tích và đánh giá các cơ hội và thách thức từ môi trường kinh doanh tới sự hình thành, xây dựng và phát triển doanh nghiệp tư nhân.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	Luận văn		9		

C6. VIỆN QUẢN TRỊ KINH DOANH**1. Chương trình cử nhân****1.1. Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh chất lượng cao theo Thông tư 23**

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	Khối kiến thức chung		21		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23.			
II	Khối kiến thức chung theo lĩnh vực		10		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23.			
III	Khối kiến thức theo khối ngành		18		
III.1	Các học phần bắt buộc		16		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23.			
III.2	Tự chọn		2/6		
1.	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23.	2	HK1	
2.	Lịch sử kinh tế Việt Nam	Học phần Lịch sử kinh tế Việt Nam nghiên cứu sự phát triển của các nền kinh tế ở Việt Nam như nền kinh tế tự nhiên, nền kinh tế hàng hoá, nền kinh tế thuộc địa, nền kinh tế dân tộc độc lập, nền kinh tế nguyên thủy, nền kinh tế phong kiến...từ thời kỳ lập nước cho đến nay. Vạch rõ sự vận động phát triển của các kết cấu kinh tế, chủ yếu là các kết cấu kinh tế ngành, kết cấu kinh tế vùng, kết cấu các thành phần kinh tế và các kết cấu kinh tế khác, trong đó kết cấu kinh tế - xã hội là quyết định nhất, khái quát hoá thành các xu hướng, khuynh hướng phát triển của nó, tổng kết thành các bài học kinh nghiệm (từ thời kì nguyên thủy, thời kì dựng nước, thời kì phong kiến, thời kì Pháp thuộc, thời kì nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, thời kì nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam).	2	Chưa được lựa chọn	Chuyên cần:10% Bài tập cá nhân tuần: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết học phần:60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3.	Lịch sử văn minh thế giới***	Học phần giới thiệu sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày các nền văn minh tiêu biểu như (1) văn minh Ai cập; (2) văn minh Lưỡng Hà; (3) văn minh Trung Hoa; (4) văn minh Ấn Độ; (5) văn minh Ả Rập; (6) văn minh Đông Nam Á; (7) văn minh Hy Lạp - La mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX. So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa các nền văn minh mà thế giới đã trải qua. Trong mỗi nền văn minh sẽ giới thiệu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội - văn hóa tới sự hình thành và phát triển của các nền văn minh. Ngoài ra, học phần cũng trình bày khái quát những nét chủ yếu của tiến trình văn minh và những đóng góp tiêu biểu về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, tôn giáo.	2	Chưa được lựa chọn	Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi hết học phần: 60%
IV	Khối kiến thức chung theo nhóm ngành		21		
IV.1	Các học phần bắt buộc		15		
4.	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	Học phần tập trung vào việc giới thiệu các nội dung, vai trò, tác dụng của văn hóa kinh doanh và đạo đức kinh doanh như một nguồn lực phát triển kinh tế và kinh doanh, trên cơ sở đó xây dựng các chương trình hành động và quản trị việc áp dụng và phát huy chúng trong thực tế hoạt động của doanh nghiệp, doanh nhân thiệu về khái niệm, nội dung của đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Đưa ra các nguyên tắc, hình thức thực hành đạo đức kinh doanh vào thực thi trách nhiệm xã hội trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp và của các địa phương của Việt Nam.	3	HK3	Chuyên cần, tham gia thảo luận trên lớp: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập nhóm: 15% Thi hết học phần: 60%
5.	Luật doanh nghiệp***	Luật doanh nghiệp là học phần cần thiết đối với sinh viên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh và các ngành học liên quan đến lĩnh vực kinh tế ở các bậc đại học. Học phần này trình bày những vấn đề cơ bản về luật	3	HK4	Bài tập cá nhân tuần: 10% Bài tập nhóm/tháng: 10% Bài tập lớn/học kỳ: 20%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kinh doanh trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ khoa học pháp lý cũng như đòi hỏi của môi trường kinh doanh trong thực tiễn hiện nay ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, nội dung của học phần gồm những nội dung chính như: những quy định chung về doanh nghiệp, pháp luật đầu tư, giải quyết tranh chấp trong thương mại.			Thi hết học phần: 60%
6.	Quản trị học*	<p>Cung cấp và hình thành kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê và mô tả các lý thuyết quản lý chính được thể hiện thông qua lịch sử của những suy nghĩ về Quản lý Modern. - Xác định và mô tả các chức năng lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát của quản lý. - Mô tả môi trường bên trong và bên ngoài của quản lý. - Thể hiện kỹ năng giao tiếp bằng văn bản phù hợp với nghề quản lý. - Thảo luận về đạo đức và trách nhiệm xã hội trong bối cảnh quản lý. - Giải thích khái niệm quản lý. <p>Hình thành các kỹ năng và thuộc tính cá nhân và chuyên nghiệp: kỹ năng phân tích, kỹ năng chuyển nhượng dự án về ý tưởng kinh doanh) và áp dụng kiến thức trong suốt khóa học....., kỹ năng quản lý thời gian và tài nguyên, học và tự học, tự quản lý và thuyết trình, lãnh đạo (truyền đạt tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu; lựa chọn, triển khai, thúc đẩy, đánh giá thành viên), truyền thông....</p>	3	HK3	<p>Chuyên cần, tham gia thảo luận trên lớp: 5%</p> <p>Bài tập nhóm: 15%</p> <p>Kỳ thi giữa kì: 20%</p> <p>Thi cuối kì: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7.	Nguyên lý Marketing*	<p>Khóa học này cung cấp kiến thức cơ bản về tiếp thị cho phép sinh viên đánh giá, mô tả và thiết kế các hoạt động tiếp thị với những hiểu biết thực tế về thế giới thực; hiểu rõ các thuật ngữ, khái niệm và khung được sử dụng bởi các nhà quản lý tiếp thị thực hành.</p> <p>Áp dụng các khung và công cụ chính để phân tích hành vi, đối thủ cạnh tranh và môi trường tiếp thị của khách hàng.</p> <p>Phát triển tư duy phản biện để đánh giá lựa chọn sáng tạo thị trường mục tiêu và các quyết định pha trộn liên quan đến sản phẩm, giá cả, khuyến mãi và địa điểm để đáp ứng nhu cầu của thị trường mục tiêu.</p>	3	HK3	<p>Tham dự và đóng góp trong lớp:5%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ:10%</p> <p>Bài tập nhóm:15%</p> <p>Trình bày trường hợp nhóm:10%</p> <p>Kiểm tra cuối cùng:60%</p>
8.	Nguyên lý kế toán	<p>Học phần Nguyên lý kế toán nhằm trang bị cho người học những kiến thức chung về kế toán, vai trò và chức năng của kế toán trong nền kinh tế, tầm quan trọng của việc tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc kế toán chung.</p> <p>Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng, về mặt phương pháp luận trong việc thực hành kế toán từ việc xử lý chứng từ tới việc ghi chép chúng và lập các báo cáo kế toán (ở mức độ đơn giản). Đồng thời cũng giúp người học có cách xử lý các vấn đề phát sinh tại doanh nghiệp từ khâu cung cấp, sản xuất tới tiêu thụ. Bằng việc nhận thức được tầm quan trọng của kế toán trong doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung, người học có thể vận dụng kiến thức vào việc thực hành công tác kế toán và nắm được bản chất của công tác này.</p>	3	HK4	<p>Chuyên cần:7.5%</p> <p>Bài tập cá nhân:7.5%</p> <p>Bài tập nhóm:10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ:15%</p> <p>Thi hết học phần:60%</p>
IV. 2	Các học phần tự chọn		6/12		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9.	Hành vi tổ chức	Quản lý hiệu quả nguồn nhân lực trong các tổ chức yêu cầu các nhà lãnh đạo, quản lý phải có một sự hiểu biết sâu sắc về các quy trình và hành vi của từng cá nhân trong tổ chức. Các nhà quản lý cần phải hiểu lý do tại sao mọi người cư xử như vậy trong đến công việc của cá nhân, trong nhóm làm việc của họ và trong tổ chức của họ. Hiểu biết về nhận thức, thái độ, hành vi và động lực của từng cá nhân sẽ cho phép các nhà quản lý không chỉ hiểu rõ hơn về nhân viên của mình, mà còn có thể áp dụng chính sách quản lý và phong cách lãnh đạo phù hợp để nâng cao hiệu quả của họ.	3	Chưa được lựa chọn	Chuyên cần và thảo luận trên lớp: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập nhóm: 15% Thi hết học phần: 60%
10.	Tài chính doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	HK5	
11.	Quản trị xung đột	(Học phần tự chọn) Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề lý thuyết căn bản về xung đột và giải quyết xung đột trong tổ chức. Từ đó, người học có thể xác định quan điểm tiếp cận hợp lý đối với xung đột và lựa chọn chiến lược phù hợp để giải quyết tận gốc rễ các loại xung đột khác nhau trong tổ chức.	3	Chưa được lựa chọn	Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập nhóm: 20% Thi hết học phần: 60%
12.	Kinh doanh quốc tế*	Khóa học trang bị kiến thức lý thuyết và thực hành trong Kinh doanh quốc tế, cũng như phát triển các kỹ năng và thuộc tính cá nhân, chuyên nghiệp và giữa các cá nhân cho sinh viên.	3	HK5	Lớp học: 5% Chuyên cần: 5% Trình bày trường hợp nhóm: 10% Dự án khóa học: 20% Thi cuối kỳ: 60%
V	Khối kiến thức ngành		69		
V.1	Các học phần bắt buộc		27		
13.	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp*	Cung cấp các kiến thức có liên quan đến các vấn đề: doanh nhân, kế hoạch kinh doanh và các doanh nghiệp phù hợp với các nhà đầu tư tình	3	HK4	Tham dự và tham gia: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thần và / hoặc chuyên nghiệp (đặc biệt là đầu tư mạo hiểm); các milepost và chỉ ra các nguồn lực cần thiết để đạt quản lý . Hiểu rõ bộ tiêu chuẩn để so sánh hiệu suất thực tế có thể được so sánh.			Nhóm dự án & trình bày: 20% Kiểm tra cuối cùng: 60%
14.	Đại cương về phát triển doanh nghiệp***	Học phần trang bị cho người học những nội dung kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và phát triển doanh nghiệp. Hệ thống kiến thức cấu thành nội dung học phần này bao gồm: (i) Các khái niệm cơ bản về phát triển doanh nghiệp, (ii) Các nhân tố quyết định đến sự phát triển doanh nghiệp, (iii) Phát triển các loại hình doanh nghiệp, (iv) Nhà nước và phát triển doanh nghiệp, (v) Phát triển doanh nghiệp quốc tế. Sau khóa học, người học sẽ có được kiến thức nền tảng về các loại hình doanh nghiệp, các yếu tố nền tảng để phát triển doanh nghiệp và từ đó họ có thể vận dụng vào quá trình phát triển doanh nghiệp của bản thân trong tương lai.	3	HK3	Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập nhóm: 20% Thi hết học phần: 60%
15.	Chiến lược kinh doanh***	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chiến lược kinh doanh để các nhà quản trị doanh nghiệp, những người khởi nghiệp kinh doanh có thể phân tích và lựa chọn giải pháp chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp của mình ở từng giai đoạn phát triển khác nhau.	3	HK7	Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập nhóm: 20% Thi hết học phần: 60%
16.	Quản trị nguồn nhân lực*	Dựa trên lý thuyết cổ điển và đương đại và nghiên cứu thực nghiệm, hình thành một phân tích nhân văn và pháp lý của các tổ chức, hiểu rõ các nguyên tắc cơ bản của quản lý nguồn nhân lực: (i) vai trò của quản lý nguồn nhân lực đối với người sáng tạo. của chiến lược tổ chức. (ii) chức năng nguồn nhân lực là một chức năng chiến lược quan trọng trong các tổ chức thành công. (iii) mối quan hệ năng động giữa chiến lược, con người, công nghệ và các quy trình thúc đẩy các tổ chức. Các lĩnh vực chủ đề chính bao gồm: luật việc làm, nhân sự, lương thưởng, phát triển nguồn nhân lực và quản lý hiệu suất.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thảo luận / tham gia: 10% Bài tập về nhà! Bài tập: 10% Kỳ thi giữa kỳ: 10% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
17.	Đại cương về lãnh đạo*	<p>Khóa học tập trung vào việc cung cấp kiến thức của sinh viên về lãnh đạo: sự quan trọng của việc hiểu bản thân và thế giới, tìm hiểu bối cảnh và hiện tượng để dẫn dắt tổ chức; các bước để dẫn dắt nhóm của họ và giải quyết các vấn đề</p> <p>Có thể áp dụng các kỹ năng lãnh đạo tại nơi làm việc của họ một cách hiệu quả.</p> <p>Nghiên cứu về cách tiếp cận để đánh giá nhóm và cách thúc đẩy họ vượt qua khó khăn.</p> <p>Phát triển kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà lãnh đạo.</p>	3	HK5	<p>Điểm danh và đánh giá cá nhân dựa vào thái độ học tập: 10%</p> <p>Thảo luận bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
18.	Quản trị sự thay đổi***	<p>Cung cấp các kiến thức mang tính liên ngành trong quản trị;</p> <p>Có thể áp dụng kiến thức khoa học hành vi để quản trị tổ chức.</p> <p>Hiểu rõ về khả năng cạnh tranh của tổ chức và doanh nghiệp.</p>	3	HK7	<p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Thảo luận/Bài tập nhóm: 15%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Tiểu luận học phần: 60%</p>
19.	Quản trị rủi ro***	<p>Mức 1 (Tái hiện - Biết)</p> <p>Nhớ và tài hiện được các nội dung chính của học phần</p> <p>(1) khái niệm cơ bản về rủi ro và quản trị rủi ro</p> <p>(2) nhận dạng rủi ro</p> <p>(3) phân tích và đánh giá rủi ro</p> <p>(4) đo lường rủi ro</p> <p>(5) kiểm soát và phòng ngừa rủi ro</p> <p>Mức 2&3 (Hiểu biết và áp dụng)</p> <p>Sự hiểu: Hiểu được các nội hàm về rủi ro, cách thức nhận dạng rủi ro, hiểu được phương pháp phân tích, đánh giá đo lường rủi ro.</p> <p>Áp dụng: có khả năng áp dụng được các phương pháp nhận dnagj rủi ro, đo lường và phân tích rủi ro, và khả năng xây dựng được quy trình hệ thống kiểm soát và phòng ngừa rủi ro.</p>	3	HK6	<p>Chuyên cần (Kiểm tra tính chuyên cần):10%</p> <p>Thảo luận, Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Mức 4&5 (Lập luận - Phân tích và đánh giá)</p> <p>Lập luận - Phân tích: phân tích đánh giá được các nguyên nhân gây nên rủi ro, mức độ tác động của các yếu tố gây nên rủi ro cho hoạt động kinh doanh của DN.</p> <p>Đánh giá: đánh giá được các tác động của rủi ro tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó đưa ra các giải pháp phòng ngừa hiệu quả.</p> <p>Mức (Sáng tạo).</p> <p>Có khả năng phân tích, phân biện và vận dụng kiến thức của học phần vào trong việc xây dựng hệ thống kiểm soát và phòng ngừa rủi ro do DN.</p> <p>Có cách tiếp cận khoa học, hiện đại vận dụng các phương pháp kiểm soát và phòng ngừa rủi ro vào trong DN.</p>			
20.	Quản trị chiến lược*	<p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát tình hình kinh doanh, sự tương tác giữa các lĩnh vực chức năng khác nhau như nguyên tắc quản lý, tiếp thị, quản lý vận hành, tài chính và kế toán.</p> <p>Người học hiểu rõ: quy trình quản lý chiến lược của các công ty trong môi trường cạnh tranh.</p>	3	HK5	<p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Thảo luận/ tham gia: 5%</p> <p>Bài tập về nhà/ Bài tập: 15%</p> <p>Kỳ thi giữa kỳ: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
21.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*	<p>Cung cấp và hình thành kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - hiểu biết về phạm vi của các vấn đề CSR. - phát triển quan điểm nhiều bên liên quan trong việc xem xét các vấn đề CSR. - khám phá các kết nối giữa chiến lược và CSR. - so sánh và đối chiếu nhiều quan điểm và sự đánh đổi tồn tại trong khu vực của CSR. - phân tích các vấn đề phức tạp mà các nhà lãnh đạo tổ chức phải đối mặt khi họ phát triển các chương trình CSR của họ. - đánh giá mức độ cam kết với CSR của các tổ chức khác nhau và giải thích làm thế nào nó có thể là một nguồn lợi thế cạnh tranh. - hiểu biết về các vấn đề phức tạp đang đối mặt với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và xã hội. 	3	HK6	<p>Tham dự lớp học, đóng góp trong lớp và thảo luận: 10%</p> <p>Thuyết trình nhóm, dự án khóa học: 10%</p> <p>Kỳ thi giữa kỳ: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
V.2	Các học phần tự chọn		27/69		
22.	Đàm phán thương mại quốc tế***	<p>Học phần cung cấp cho người học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những nghiên cứu các vấn đề cơ bản trong đàm phán thương mại quốc tế bao gồm những đặc điểm của đàm phán thương mại quốc tế, các kiểu đàm phán thương mại quốc tế, một số mô hình đàm phán. - Nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đàm phán thương mại quốc tế. - Giới thiệu các chiến lược, các phương pháp tiếp cận và các kỹ thuật trong đàm phán thương mại quốc tế cũng như quá trình tổ chức đàm phán trong thương mại quốc tế từ việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kết thúc và kiểm tra quá trình đàm phán... 	3	Học phần chưa chọn lựa	<p>Chuyên cần:5%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ:15%</p> <p>Bài tập nhóm:20%</p> <p>Thi hết học phần:60%</p>
23.	Quản trị thành tích và thù lao lao động	<p>Mức 1 (Nhớ)</p> <p>Nhớ và tái hiện được các nội dung chính của học phần</p> <p>(1) tổng quan về quản trị thành tích và thù lao lao động,</p>	3	Học phần chưa chọn lựa	<p>Điểm danh: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>(2) xây dựng hệ thống đánh giá thành tích cầu người lao động</p> <p>(3) kỹ thuật xây dựng thang bảng lương</p> <p>(4) một số hình thức đãi ngộ và thù lao lao động khác</p> <p>(5) định hướng đổi mới hệ thống tiền lương và đánh giá thành tích của người lao động</p> <p>Mức 2&3 (Hiểu và áp dụng)</p> <p>SỰ hiểu: hiểu được các nội hàm về thù lao lao động, cách thức phân loại thù lao lao động trong doanh nghiệp, hiểu được cách quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp, hiểu được cách thức đánh giá thành tích thù lao lao động, và khả năng xây dựng được hệ thống đánh giá thành tích của người lao động và kỹ thuật xây dựng thang bảng lương trong doanh nghiệp.</p> <p>Mức 4&5 (Phân tích và đánh giá)</p> <p>Lập luận - Phân tích: Phân tích đánh giá các loại thù lao lao động, cách thức xây dựng hệ thống đánh giá và kỹ thuật xây dựng thang bảng lương trong doanh nghiệp.</p> <p>Đánh giá: đánh giá được các tác động ảnh hưởng tới việc xây dựng hệ thống đánh giá và kỹ thuật xây dựng thang bảng lương trong doanh nghiệp.</p>			<p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
24.	Đào tạo và phát triển nhân lực	<p>Mức 1 (Nhớ)</p> <p>- Nhớ được các khái niệm cơ bản về đào tạo và phát triển nhân lực.</p> <p>Mức 2&3 (Hiểu và áp dụng).</p> <p>- Hiểu được bản chất của các vấn đề liên quan đến đánh giá nhu cầu đào tạo, thiết kế chương trình đào tạo.</p> <p>- Áp dụng được phương pháp để đánh giá được hiệu quả đào tạo.</p> <p>Mức 4&5 (Phân tích và đánh giá)</p> <p>- Phân tích được nhu cầu đào tạo và phát triển nhân lực.</p>	3	HK7	<p>Đánh giá thái độ học tập đối với học phần: 10%</p> <p>Đánh giá năng lực làm việc theo nhóm. Đánh giá khả năng thu nhập, trình bày và trả lời câu hỏi: 30%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được bối cảnh cụ thể để chọn được phương pháp đào tạo, phát triển nhân lực phù hợp. - Đánh giá được hiệu quả của một chương trình đào tạo. 			Đánh giá sinh viên đạt được bao nhiêu phần trăm mục tiêu về kiến thức ở cấp độ 1,2 và 3: 60%
25.	Các mô hình ra quyết định	<p>Học phần tập trung vào việc giới thiệu các vấn đề liên quan đến các mô hình ra quyết định, bao gồm: các mô hình ra quyết định dạng tuyến tính và phi tuyến... Vai trò của dùng mô hình trong việc ra quyết định của nhà quản trị trong môi trường kinh doanh ngày nay; sự tương phản của việc nhiều nhà quản trị thường ra quyết định.</p> <p>Rèn luyện kỹ năng ra quyết định thông qua thực tế và các bài tập tình huống trong quá trình giảng dạy.</p>	3	HK6	Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập nhóm: 10% Thi hết học phần: 60%
26.	Nghiên cứu Marketing	<p>Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong việc xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu của một cuộc nghiên cứu Marketing; thiết kế các mô hình nghiên cứu; phê chuẩn dự án nghiên cứu; xác định loại thông tin cần thu thập, các phương pháp thu nhập thông tin; cách đo lường và đánh giá trong nghiên cứu Marketing; phân tích và diễn giải các dữ liệu; Hình thành năng lực viết báo cáo và trình bày dự án nghiên cứu.</p>	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài tập, thảo luận: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi hết học phần: 60%
27.	Quản trị thương hiệu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Quản trị Kinh doanh.	3	HK5	
28.	Hành vi người tiêu dùng*	<p>Hình thành cho người học có cách nhìn tổng quan về hành vi người tiêu dùng, đánh giá mức độ tin cậy của khách hàng; Nhận diện về các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng; quá trình ra quyết định mua sắm của người tiêu dùng, các phương pháp thu hút và nỗ lực giữ khách hàng, đánh giá độ trung thành và tạo mối quan hệ thân thiện với khách hàng;</p> <p>Hình thành năng lực ra quyết định đúng đắn trên cơ sở các chính sách Marketing.</p>	3	HK7	Bài tập nhóm/cá nhân: 15% Câu đố: 5% Đóng góp trong lớp: 5% Tham dự: 5% Kiểm tra cuối cùng: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29.	Marketing quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	Học phần chưa chọn lựa	
30.	Marketing dịch vụ	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản tổng quan về kinh tế dịch vụ, bản chất sản phẩm dịch vụ và Marketing dịch vụ, quá trình nhận thức và quản trị chất lượng dịch vụ; xác định các mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp định giá trong sản phẩm dịch vụ; xây dựng hệ thống kênh và những quyết định trong phân phối dịch vụ; Nhận biết bản chất của xúc tiến hỗn hợp trong dịch vụ, các yêu cầu, nội dung công tác quảng cáo, xúc tiến bán hàng, quan hệ với công chúng trong dịch vụ. Xác định được vị trí, vai trò của yếu tố con người trong cung ứng dịch vụ, như: Bản chất giao tiếp trong dịch vụ, giao tiếp cá nhân, chính sách giao tiếp giữa công ty và khách hàng trong Marketing dịch vụ, những yếu tố chi phối và chính sách dịch vụ khách hàng.... trên cơ sở kiến thức nền tảng.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập, thảo luận: 15% Thi hết học phần: 60%
31.	Marketing điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán chất lượng cao theo TT 23.	3	Học phần chưa chọn lựa	
32.	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Quản trị Kinh doanh.	3	HK5	
33.	Quản trị chất lượng	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản và hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng trong doanh nghiệp và các tổ chức. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: các quan niệm về chất lượng trong nền kinh tế thị trường; thực chất và nội dung của quản trị chất	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 10%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lượng; chi phí chất lượng; bản chất và cách áp dụng các hệ thống quản trị chất lượng hiện đại: ISO 9000, TQM; hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng, các công cụ thống kê ứng dụng trong quản trị chất lượng, các phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng...			Thi hết học phần: 60%
34.	Quản trị công ty	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Quản trị Kinh doanh.	3	Học phần chưa chọn lựa	
35.	Quản trị công nghệ***	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có hệ thống về công nghệ và quản trị công nghệ, đặc biệt là các nội dung liên quan đến quản trị yếu tố phần cứng và phần mềm. Nội dung chính của học phần tập trung vào việc giới thiệu các vấn đề liên quan quản trị công nghệ trong doanh nghiệp, bao gồm: Tổng quan về quản trị công nghệ; Chiến lược sử dụng và phát triển công nghệ; Lựa chọn công nghệ và phát triển công nghệ; Quản trị tác nghiệp và các dự án công nghệ; Chuyển giao công nghệ.	3	HK6	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập nhóm: 15% Thi hết học phần: 60%
36.	Quản trị dự án	Học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp và thực tế hàng đầu trong lĩnh vực quản trị dự án. Quản trị dự án là yêu cầu cần có trong rất nhiều ngành nghề nhiều lĩnh vực, nhiều chủ doanh nghiệp hiện nay cho rằng các kỹ năng quản trị dự án là kỹ năng sống còn cho sự thành công của doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi hết học phần: 60%
37.	Quản lý đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	Học phần chưa chọn lựa	
38.	Kế toán quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	HK7	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
39.	Kiểm toán căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	Học phần chưa chọn lựa	
40.	Phân tích tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	Học phần chưa chọn lựa	
41.	Các thị trường và định chế tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	Học phần chưa chọn lựa	
42.	Quản trị tài chính quốc tế****	<p>Khóa học giới thiệu và mở rộng việc ra quyết định tài chính để tối đa hóa giá trị của doanh nghiệp trong bối cảnh quốc tế.</p> <p>Người học có thể giải thích các biến động tỷ giá hối đoái trên cơ sở kiến thức kiểm tra tỷ giá hối đoái, quan sát các tác động và điều tra các yếu tố; xác định các chiến lược để giảm thiểu tác động của thay đổi tỷ giá hối đoái.</p> <p>Hiểu rõ các vấn đề liên quan đến toàn cầu hoá thị trường vốn cũng sẽ được đề cập, bao gồm đầu tư quốc tế, chi phí đa quốc gia về vốn và cơ cấu vốn, lập ngân sách vốn đa quốc gia và tái cơ cấu.</p> <p>Phát triển kỹ năng tài chính quốc tế thông qua nghiên cứu các trường hợp dự án tập đoàn đa quốc gia ...</p>	3	HK7	<p>Hình thức: Trọng số</p> <p>Tham dự và tham gia: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 10%</p> <p>Đề xuất & trình bày nghiên cứu: 20%</p> <p>Kiểm tra cuối cùng: 60%</p>
43.	Thương mại điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23.	3	HK4	
44.	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23.	3	Học phần chưa chọn lựa	
V.3	Thực tập, thực tế và khóa luận tốt nghiệp		15		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45.	Thực tập thực tế 1	Thực tập thực tế 1 là học phần bắt buộc đối với sinh viên từ năm thứ 2 trở đi. Đây là học phần mang tính thực tiễn cao. Sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp theo nhóm trong 04 tuần để tìm hiểu và nghiên cứu về tổ chức của doanh nghiệp và ngành nghề doanh nghiệp kinh doanh. Mỗi nhóm thực tập phải viết báo cáo tổng hợp theo định hướng kiến tạo các ý tưởng khởi nghiệp. Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp được sự hướng dẫn của cán bộ tại doanh nghiệp là các cộng tác viên của Khoa QTKD và Trường ĐHKT - ĐHQGHN. Báo cáo tổng hợp chỉ được nghiệm thu khi có sự đồng ý của người hướng dẫn tại doanh nghiệp.	2	HK4	Chuyên cần: 40% Báo cáo thu hoạch: 60%
46.	Thực tập thực tế 2	Thực tập thực tế 2 là học phần bắt buộc đối với sinh viên từ năm thứ 3 trở đi. Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp theo nhóm trong 06 tuần để nghiên cứu thực tiễn và viết một đề án liên quan đến nội dung khởi sự doanh nghiệp của mình. Mỗi nhóm sinh viên sẽ phải bảo vệ đề án trước hội đồng do Khoa QTKD thành lập. Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp được sự hướng dẫn của cán bộ tại doanh nghiệp là các cộng tác viên của Khoa QTKD và Trường ĐHKT - ĐHQGHN. Đề án chỉ được nghiệm thu khi có sự nhất trí thông qua của hội đồng đánh giá.	3	HK6	Chuyên cần: 40% Báo cáo thu hoạch: 60%
47.	Niên luận	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với kiến thức thực tế.	3	HK6	Bài niên luận: 100 %
48.	Khóa luận tốt nghiệp	Tổng hợp, phân tích, nghiên cứu, vận dụng các kiến thức trong toàn khóa học để hoàn thành bài niên luận và trình bày báo cáo trước hội đồng.	7	HK8	

1.2. Cử nhân chuẩn ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	Khối kiến thức chung		16		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế.				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		13		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế.				
III	Khối kiến thức theo khối ngành		16		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế.				
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		17		
IV.1	Bắt buộc		14		
1.	Nguyên lý Quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	
2.	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK2	
3.	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK1	
4.	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK4	
5.	Luật Kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	HK5	
IV.2	Tự chọn		3/9		
6.	Kinh doanh quốc tế	Hiểu và nắm được bản chất, xu thế phát triển và các nguyên nhân tăng trưởng của kinh doanh quốc tế. Hiểu được thực chất và các nhân tố cấu thành nên môi trường kinh doanh quốc gia và quốc tế; tác động của các	3	Học phần chưa lựa chọn	Điểm chuyên cần: 5 % Điểm bài tập cá nhân/ tuần: 15%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>nhân tố này tới hoạt động kinh doanh của các công ty. Nắm được thực chất của quá trình hoạch định và thực hiện các chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty.</p> <p>Biết vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh doanh quốc tế để hiểu và có những đánh giá về những thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty. Thông qua các nghiên cứu tình huống xây dựng kỹ năng xử lý vấn đề đặt ra trong hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty.</p> <p>Xây dựng kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng viết, trình bày một bài luận hoặc một vấn đề khoa học.</p>			<p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: 60%</p>
7.	Đàm phán và giải quyết xung đột	<p>Mức 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được những kiến thức, khái niệm về giải quyết xung đột và đàm phán trong quản trị; - Trình bày được quy trình đàm phán để giải quyết xung đột trong tổ chức. <p>Mức 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các chiến lược và chiến thuật đàm phán để giải quyết xung đột trong tổ chức; - Hiểu được các lựa chọn giải pháp để giải quyết xung đột; - Phân biệt được các lựa chọn để giải quyết xung đột. <p>Mức 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận được các cơ chế phòng ngừa, hạn chế xung đột trong tổ chức; 	3	HK3	<p>Chuyên cần và tham gia vào bài học: 20%</p> <p>Hoạt động nhóm: 20%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng quy trình đàm phán và giải quyết xung đột để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.			
8.	Lý thuyết trò chơi và các quyết định kinh doanh	<p>Mức 1 Nhớ được các khái niệm cơ bản về lý thuyết trò chơi, cấu thành của trò chơi.</p> <p>Mức 2: Hiểu được bản chất của các vấn đề liên quan đến việc phân tích và sàng lọc thông tin trong trò chơi, chiến lược và thế cân bằng trong trò chơi. Hiểu được bài toán đàm phán, sức mạnh đàm phán.</p> <p>Mức 3: Phân tích được một số "luật chơi" và chiến lược chơi trong kinh doanh qua các vấn đề thực tế. Phân tích được thông tin và xác định được vị thế người chơi. Cung cấp các chiến lược đàm phán trên cơ sở phân tích hành vi đối tác, yếu tố tạo nên sức mạnh đàm phán. Đánh giá và lựa chọn phương án tối ưu.</p>	3	Học phần chưa lựa chọn	<p>Điểm danh: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 15%</p> <p>Bài tập kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
V	Khối kiến thức ngành và bổ trợ		65		
V.1	Các học phần bắt buộc		27		
9.	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	
10.	Quản trị chiến lược	Kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản và có hệ thống về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị chiến lược trong doanh nghiệp.	3	HK4	Tham gia học tập trên lớp (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực phát biểu,...): 10%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kỹ năng: Có kỹ năng cơ bản về ra quyết định và xử lý các tình huống phát sinh trong công tác quản trị chiến lược.			Thảo luận và bài tập nhóm: 10% Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: 20% Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: 60%
11.	Quản trị nguồn nhân lực	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK5	
12.	Tài chính doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK5	
13.	Đại cương về lãnh đạo trong tổ chức	Mức 1: Giải thích được các khái niệm cơ bản về lãnh đạo trong tổ chức việc. Mức 2: Làm rõ tầm quan trọng của lãnh đạo trong tổ chức. Phân biệt được mô hình lãnh đạo và các lý thuyết về lãnh đạo. Nhận diện được các cấp độ lãnh đạo trong tổ chức. Nhận thức được nguồn hình thành quyền lực và ảnh hưởng của quyền lực trong tổ chức. Hiểu và áp dụng được các công cụ tạo động lực và quy trình tạo động lực. Hiểu và áp dụng được cách thức tạo dựng quan hệ và truyền đạt thông tin. Nhận thức được xung đột và hướng xử lý. Phân biệt được các mô hình ra quyết định. Nhận diện được các vấn đề phải đối mặt trong quá trình thay đổi. Mức 3:	3	HK5	Điểm danh và đánh giá thái cá nhân dựa vào thái độ học tập: 10% Thảo luận bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Phân tích được các tình huống lãnh đạo trong tổ chức và đề xuất hướng giải quyết.			
14.	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp	Khóa học này là về cách tạo ra một doanh nghiệp kinh doanh. Khóa học này sẽ tập trung vào các doanh nhân, kế hoạch kinh doanh và các doanh nghiệp phù hợp với các nhà đầu tư tinh thần và/ hoặc chuyên nghiệp (đặc biệt là đầu tư mạo hiểm). Nó cũng giúp các nhà doanh nghiệp quản lý một bộ động lực ngày càng tăng và cần thiết phức tạp bằng cách cung cấp các milepost và chỉ ra các nguồn lực cần thiết để đạt được chúng. Cuối cùng, nó cung cấp một bộ tiêu chuẩn để so sánh hiệu suất thực tế có thể được so sánh. Nhưng một kế hoạch tuyệt vời của chính nó là không đảm bảo thành công. Việc khởi động thành công đòi hỏi phải thực hiện không ngừng đối với kế hoạch và tính linh hoạt trong việc đánh giá lại và thay đổi kế hoạch. Xác nhận cuối cùng là các đơn đặt hàng của khách hàng và một doanh nghiệp có thể mở rộng, có thể lặp lại và sinh lợi.	3	HK5	Tham dự và tham gia: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Nhóm dự án & trình bày: 20% Kiểm tra cuối cùng: 60%
15.	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Học phần này giới thiệu tư duy và phương pháp quản trị khoa học bằng cách dùng trí tuệ của con người để cắt giảm tối đa các chi phí lãng phí để mang lại giá trị gia tăng cho doanh nghiệp và tổ chức. Quản trị các hoạt động tác nghiệp sẽ giúp sinh viên có khả năng xây dựng các phương pháp và quy trình làm việc khoa học, học phần có một số module: Mối quan hệ chiến lược giữa hoạt động tác nghiệp với các chức năng khác trong doanh nghiệp, kích cỡ và loại quá trình sản xuất, mua vật liệu đầu vào phù hợp, lập kế hoạch và lịch trình vận động của vật liệu, bản chất và nội dung của tồn kho. Học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp định lượng về tác nghiệp, bao gồm các mô hình dự báo, kiểm soát quá trình và các phương pháp quản lý dự án phù hợp. Học phần cũng	3	HK7	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập nhóm: 10% Thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cung cấp cho sinh viên kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, xem xét các triết lý hiện tại về chuỗi cung ứng như JIT, Lean...			
16.	Quản trị Marketing	Kiến thức: các nội dung cơ bản về lý thuyết và thực tiễn về hoạt động quản trị marketing. Kỹ năng: Xử lý các tình huống cơ bản trong công tác quản trị marketing của doanh nghiệp trên cơ sở vận dụng lý thuyết đã học.	3	HK6	Điểm chuyên cần: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 60%
17.	Quản trị thương hiệu	Quản trị thương hiệu giúp sinh viên nhận biết sâu sắc rằng thương hiệu là một tài sản hết sức to lớn, đem lại sự ổn định và phát triển thị phần, nâng cao lợi thế cạnh tranh, tạo ra danh tiếng và lợi nhuận. Với mục đích đó, nội dung cơ bản của học phần gồm những khía cạnh sau: Nắm được những thuật ngữ chuyên học phần, kiến thức cơ bản nhất về thương hiệu; nắm được những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu; hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu.	3	HK7	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 10% Thi hết học phần: 60%
V.2	Các học phần tự chọn		27/69		
V.2.1	Các học phần chuyên sâu				
V.2.1.1	Các học phần chuyên sâu về Lãnh đạo chiến lược				
18.	Đại cương về chiến lược cạnh tranh	Mỗi doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường đều theo đuổi những chiến lược cạnh tranh dựa trên những hiểu biết của nhà quản lý về thực tiễn môi trường ngành và đối thủ cạnh tranh nhằm duy trì và phát triển vị thế của mình trên thị trường. Học phần đòi hỏi có sự kết hợp kiến thức của các học phần khác như quản trị chiến lược, quản trị	3	HK6	Điểm chuyên cần: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		marketing, quản trị tác nghiệp, quản trị nhân lực, nhằm giúp nhà quản trị nhìn chiến lược cạnh tranh một cách bao quát và hệ thống đồng thời phát huy vai trò của các chiến lược chức năng. Nội dung học phần sẽ bao gồm các cấu phần như: phân tích ngành kinh doanh; phân tích đối thủ cạnh tranh, khách hàng và nhà cung cấp; những chiến lược cạnh tranh tổng quát, và những quyết định chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp.			
19.	Lãnh đạo thay đổi	Ngày nay, hầu hết các tổ chức và doanh nghiệp phải hoạt động trong môi trường liên tục biến động và cạnh tranh quyết liệt, đòi hỏi phải tiến hành những thay đổi liên tục, mang tính hệ thống và có kế hoạch, để thích ứng với những thay đổi của môi trường. Tuy nhiên, rất nhiều các ý tưởng về đổi mới công nghệ, thay đổi văn hóa, tái cơ cấu tổ chức, hoạch định lại chiến lược, hay các chương trình chất lượng, đã không thể tiến hành thành công tại không ít doanh nghiệp. Vì vậy, hiểu được vì sao có sự chững lại thay đổi trong các tổ chức, quy trình các bước tiến hành thay đổi, và làm sao dẫn dắt thay đổi thành công, là yêu cầu cấp thiết với các nhà quản trị, nhất là trong bối cảnh các công nghệ liên tục thay đổi. Quản trị thay đổi trong tổ chức là một học phần mang tính liên ngành trong quản trị, có áp dụng một khối lượng lớn kiến thức khoa học hành vi. Những hiểu biết và kiến thức trong học phần này nhằm giúp các tổ chức và doanh nghiệp chủ động thực hiện các hoạt động thông qua những nỗ lực thay đổi có tính sáng tạo và hiệu quả nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của tổ chức và doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Điểm chuyên cần: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20.	Quản trị đổi mới sáng tạo	<p>Mức 1: Nhớ được các khái niệm cơ bản về đổi mới sáng tạo, quản trị đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, thương mại hóa đổi mới sáng tạo.</p> <p>Mức 2: Hiểu rõ các mô hình chính của đổi mới sáng tạo. Hiểu rõ và hình thành tư duy đổi mới sáng tạo. Áp dụng tư duy đổi mới sáng tạo trong giải quyết các tình huống thực tế. Phân tích và đề xuất được ý tưởng đổi mới sáng tạo và kế hoạch chiến lược sơ bộ thực hiện ý tưởng đó.</p>	3	HK7	<p>Điểm danh: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Viết báo cáo dự án cuối học phần: 20%</p> <p>Bài thi kết thúc học phần: 60%</p>
V.2.1. 2	Các học phần chuyên sâu về Quản trị nhân lực				
21.	Hành vi tổ chức	<p>Mức 1: Nhớ được các khái niệm cơ bản về hành vi tổ chức</p> <p>Mức 2: Hiểu được bản chất của các vấn đề liên quan đến cơ sở hành vi cá nhân và hành vi nhóm. Áp dụng được phương pháp để đánh giá hành vi cấp độ tổ chức.</p> <p>Mức 3: Phân tích được hiện trạng quyền lực, cơ cấu và văn hóa tổ chức. Phân tích được bối cảnh cụ thể để chọn được phương pháp hợp lý để thay đổi và phát triển tổ chức.</p>	3	HK3	<p>Điểm danh: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 15%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Đánh giá được tính hợp lý của một phương án thay đổi và phát triển tổ chức.			
22.	Quản trị thành tích và thù lao lao động	Trong lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý thành tích và thù lao lao động của tổ chức là một trong chức năng quan trọng. Muốn thực hiện tốt chức năng này, các nhà quản lý cần nắm được một số vấn đề quan trọng đó là: phân tích công việc, đánh giá việc thực hiện công việc, khuyến khích động viên nhân viên, hệ thống thù lao lao động, vấn đề tiền lương, tiền thưởng.	3	Học phần chưa lựa chọn	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi hết học phần: 60%
23.	Đào tạo và phát triển nhân lực	Mức 1: Nhớ được các khái niệm cơ bản về đào tạo và phát triển nhân lực. Mức 2: Hiểu được bản chất của các vấn đề liên quan đến đánh giá nhu cầu đào tạo, thiết kế chương trình đào tạo. Áp dụng được phương án để đánh giá được hiệu quả đào tạo. Mức 3: Phân tích được như cầu đào tạo và phát triển nhân lực. Phân tích được bối cảnh cụ thể để chọn được phương pháp đào tạo, phát triển nhân lực phù hợp. Đánh giá được hiệu quả của một chương trình đào tạo và phát triển nhân lực.	3	Học phần chưa chọn lựa	Điểm danh: 10% Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi hết học phần: 60%
24.	Quan hệ lao động	Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức bao gồm: Khái niệm, vai trò, nguyên tắc, đặc trưng và một số lý thuyết của quan hệ lao động; Môi trường quan hệ lao động; Các chủ thể của quan hệ lao động; Cơ chế tương tác trong quan hệ lao động; Các hình thức tương tác trong quan hệ lao động (trao đổi thông tin, tư vấn tham khảo, thương lượng). Học phần tạo cơ sở giúp người học xây dựng	3	Học phần chưa chọn lựa	Đánh giá thường xuyên: 5% bài tập nhóm, thảo luận: 15% bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và duy trì được quan hệ lao động lành mạnh làm cơ sở triển khai các hoạt động quản trị nhân lực khác như tuyển dụng, đánh giá, đãi ngộ và đào tạo nhân lực.			
V.2.1. 3	Các học phần chuyên sâu về Marketing				
25.	Marketing dịch vụ	<p>Kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hiện đại về Marketing dịch vụ, làm cơ sở để đưa ra các quyết định và xây dựng chiến lược kinh doanh thích hợp cho các doanh nghiệp dịch vụ.</p> <p>Kỹ năng: Quá trình học tập học phần Marketing dịch vụ rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích và tổng hợp trong lĩnh vực mà họ được tiếp cận, nghiên cứu.</p> <p>Thái độ: Hình thành và phát triển thái độ khách quan, khoa học, khi nhìn nhận, xem xét, đánh giá các sự vật và các hiện tượng kinh tế, biến động của thị trường; Nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân trước tập thể.</p>	3	Học phần chưa chọn lựa	Đánh giá thường xuyên: 5% Bài tập - thảo luận: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
26.	Hành vi người tiêu dùng	<p>Kiến thức: Hiểu biết sâu sắc và khoa học về hành vi người tiêu dùng nhằm trở thành một nhà quản trị marketing hiệu quả, có được những quyết định marketing tốt hơn.</p> <p>Nâng cao sự hiểu biết chung về một khía cạnh chủ yếu của hành vi con người.</p> <p>Nhận biết các nhân tố tác động đến quá trình ra quyết định mua sắm của người tiêu dùng, và mô hình hoạt động của hành vi người tiêu dùng.</p> <p>Những hưởng của hành vi người tiêu dùng đối với chiến lược marketing.</p> <p>Kỹ năng: Học phần giúp sinh viên rèn kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn đề, kỹ năng điều tra, phỏng vấn, làm việc theo nhóm.</p>	3	HK3	Đánh giá thường xuyên: 5% bài tập nhóm, thảo luận: 15% bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thái độ: Hình thành và phát triển thái độ làm việc, nghiên cứu một cách khoa học, nghiêm túc, cẩn trọng trong khi đánh giá, luôn có ý thức tôn trọng trong những phản ứng của khách hàng, có tinh thần cầu thị, học hỏi, biết lắng nghe những ý kiến phàn nàn của khách hàng. Có tinh thần đổi mới, sáng tạo.			
27.	Nghiên cứu marketing	<p>Kiến thức: Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để thực hiện một cuộc nghiên cứu thị trường, trên cơ sở các kết quả nghiên cứu sẽ ứng dụng vào hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp, làm cơ sở để đưa ra những chiến lược kinh doanh thích hợp.</p> <p>Kỹ năng: Giúp người học biết vận dụng lý thuyết nghiên cứu marketing và nâng cao khả năng ứng xử các tình huống trong hoạt động kinh doanh. Ngoài những mục tiêu chủ yếu trên, quá trình học tập học phần còn rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích và tổng hợp trong lĩnh vực mà họ cần được tiếp cận, nghiên cứu.</p> <p>Thái độ: Hình thành và phát triển thái độ khách quan, khoa học, khi nhìn nhận, xem xét, đánh giá các sự vật và hiện tượng kinh tế, biến động của thị trường. Nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân trước tập thể.</p>	3	Học phần chưa chọn lựa	<p>Đánh giá thường xuyên: 5%</p> <p>bài tập nghiên cứu thảo luận: 15%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
28.	Marketing quốc tế	Học phần Marketing quốc tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về hoạt động marketing quốc tế như: Khái niệm marketing quốc tế và quản trị marketing quốc tế; phân tích môi trường marketing quốc tế; nghiên cứu thị trường thế giới, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị và hoạch định chiến lược thâm nhập thị trường quốc tế; vạch chiến lược và kế hoạch marketing quốc tế; tổ chức thực hiện và kiểm soát hoạt động marketing quốc tế của doanh nghiệp với việc sử dụng các công cụ marketing hỗn hợp: sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.	3	Học phần chưa chọn lựa	<p>Hình thức: Trọng số</p> <p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 10%</p> <p>Bài tập cá nhân: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 15%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29.	Marketing điện tử	Marketing điện tử là một học phần mới được hình thành và phát triển song hành với quá trình của hoạt động thương mại điện tử, cung cấp nền tảng cho những chiến lược marketing, như việc định vị sản phẩm, phân khúc thị trường, phát triển sản phẩm mới, những áp dụng thị trường mới, marketing toàn cầu, những quyết định marketing mix, và những hoạt động marketing và sự điều chỉnh bởi những tổ chức phi lợi nhuận và các cơ quan chính phủ. Mỗi hoạt động marketing chủ yếu này sẽ hiệu quả hơn khi được đặt trên cơ sở sự hiểu biết sâu sắc về Marketing điện tử.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập nhóm: 20% Thi hết học phần: 60%
30.	Marketing thể thao	Học phần Marketing thể thao cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm và đặc điểm của Marketing thể thao; những khái niệm cơ bản và cốt lõi làm nền tảng trong hoạt động marketing thể thao; học phần cũng cung cấp công cụ và những vấn đề cần lưu ý khi tiến hành các hoạt động marketing thể thao; học viên sẽ hiểu rõ tầm quan trọng của việc hiểu hành vi mua của khách hàng tiêu dùng sản phẩm và dịch vụ thể thao đến quản trị các nhóm công cụ Marketing, cụ thể như: sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần, bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập nhóm: 20% Thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
31.	Quản trị bán hàng	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp, bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái niệm và vai trò của Quản trị bán hàng trong doanh nghiệp; Xây dựng kế hoạch bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức mạng lưới bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức lực lượng bán hàng của doanh nghiệp; Kiểm soát bán hàng của doanh nghiệp; Các hoạt động hỗ trợ bán hàng của doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần, bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập nhóm: 20% Thi hết học phần: 60%
V.2.1.4	Các học phần chuyên sâu về Quản trị sản xuất				
32.	Các mô hình ra quyết định	Học phần tập trung vào việc giới thiệu các vấn đề liên quan đến các mô hình ra quyết định, bao gồm: các mô hình ra quyết định dạng tuyến tính và phi tuyến... Vai trò của dùng mô hình trong việc ra quyết định của nhà quản trị trong môi trường kinh doanh ngày nay. Nó cho sinh viên thấy sự tương phản của việc nhiều nhà quản trị thường ra quyết định như thế nào? Việc sử dụng nhiều ví dụ thực tế và các bài tập tình huống trong quá trình giảng dạy cũng sẽ rèn luyện kỹ năng ra quyết định của các sinh viên.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập nhóm: 10% Thi hết học phần: 60%
33.	Quản trị dự án	Học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp và thực tế hàng đầu trong lĩnh vực quản trị dự án. Quản trị dự án là yêu cầu cần có trong rất nhiều ngành nghề nhiều lĩnh vực, nhiều chủ doanh nghiệp hiện nay cho rằng các kỹ năng quản trị dự án là kỹ năng sống còn cho sự thành công của doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi hết học phần: 60%
34.	Quản trị chất lượng	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản và hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng trong doanh nghiệp và các tổ chức. Đây là một trong các học phần khá mới mẻ ở Việt Nam, nhưng rất	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cần thiết đối với các doanh nghiệp, các tổ chức nhằm nâng cao chất lượng quản lý và chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: các quan niệm về chất lượng trong nền kinh tế thị trường; thực chất và nội dung của quản trị chất lượng; chi phí chất lượng; bản chất và cách áp dụng các hệ thống quản trị chất lượng hiện đại: ISO 9000, TQM; hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng, các công cụ thống kê ứng dụng trong quản trị chất lượng, các phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng...			Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 10% Thi hết học phần: 60%
35	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần này cung cấp kiến thức tổng quát về hệ thống thông tin quản lý, tạo tiền đề cho các học phần khác thuộc chuyên ngành. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý; phân tích vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của tổ chức; doanh nghiệp. Giới thiệu công nghệ sử dụng trong hạ tầng công nghệ của hệ thống. Trình bày và giới thiệu các công cụ, phương pháp xây dựng, quan rlys để thấy được vai trò con người trong hệ thống. Khái quát các ứng dụng hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức và doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 10% Thi hết học phần: 60%
V.21.5 Các học phần chuyên sâu về Kế toán					
36	Kế toán quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng.	3	HK7	
37	Kế toán tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng	3	HK7	
38	Kiểm toán căn bản	Học phần Kiểm toán căn bản nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản tổng quát về lý thuyết kiểm toán. Học phần giới thiệu những vấn đề chung cũng như những khái niệm cơ bản thuộc nội dung	3	Học phần chưa chọn lựa	Đánh giá chuyên cần (điểm danh hàng ngày)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiểm toán; các loại kiểm toán; gian lận và sai sót, bằng chứng kiểm toán, báo cáo và hồ sơ kiểm toán, các phương pháp và thủ tục kiểm toán; tổ chức công tác kiểm toán. Học phần cũng giới thiệu tổng quan về tổ chức công tác kiểm toán, bao gồm lập kế hoạch kiểm toán, tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, phương pháp chọn mẫu kiểm toán, thực hiện và kết thúc kiểm toán. Đồng thời học phần cũng giúp người học vận dụng lý thuyết để thực hành kiểm toán đối với một số chu trình và khoản mục chủ yếu của báo cáo tài chính doanh nghiệp.			và đánh giá của nhóm làm việc): 5% Đánh giá khả năng làm việc cá nhân (bài tập cá nhân): 10% Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm (bài tập nhóm): 10%. Đánh giá giữa kỳ (bài kiểm tra giữa kỳ): 15% Đánh giá cuối kỳ (Bài tập lớn): 60%
V.2.1. 6	<i>Các học phần chuyên sâu về Tài chính</i>				
39.	Quản lý đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	Học phần chưa chọn lựa	
40.	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	HK7	
41.	Các thị trường và định chế tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	Học phần chưa chọn lựa	
V.2.2	<i>Các học phần bổ trợ</i>				
42.	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK8	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Thương mại điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK8	
44	Bất động sản	Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về bất động sản. Học phần cung cấp các thông tin/kiến thức trải rộng từ các giao dịch bất động sản đến khám phá các vấn đề liên quan như mua bán, thuê, liên doanh, sử dụng đất... Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên, những người quan tâm đến thực hành các hoạt động liên quan đến bất động sản những kiến thức cần thiết trong lĩnh vực này. Trong bài kiểm tra cuối khóa, sinh viên sẽ được yêu cầu chuẩn bị hồ sơ cho một giao dịch giả định cụ thể như thuê, mua... bất động sản.	3	Học phần chưa lựa chọn	Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập cá nhân: 10% Thi hết học phần: 60%
V.3	Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		11		
V.3.1	Thực tập và niên luận		5		
45	Thực tập thực tế 1	Thực tập thực tế 1 là học phần bắt buộc đối với sinh viên từ năm thứ 2 trở đi. Đây là học phần mang tính thực tiễn cao. Sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp theo nhóm trong 04 tuần để tìm hiểu và nghiên cứu về tổ chức của doanh nghiệp và ngành nghề doanh nghiệp kinh doanh. Mỗi nhóm thực tập phải viết báo cáo tổng hợp theo định hướng kiến tạo các ý tưởng khởi nghiệp. Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp được sự hướng dẫn của cán bộ tại doanh nghiệp là các cộng tác viên của Khoa QTKD và Trường ĐHKT - ĐHQGHN. Báo cáo tổng hợp chỉ được nghiệm thu khi có sự đồng ý của người hướng dẫn tại doanh nghiệp.	2	HK6	
46	Niên luận	Theo quy định về niên luận của Trường ĐHKT - ĐHQGHN.	3	HK6	
V.3.2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương				
47	Khóa luận tốt nghiệp	Tổng hợp, phân tích, nghiên cứu, vận dụng các kiến thức trong toàn khóa học để hoàn thành bài niên luận và trình bày báo cáo trước hội đồng.	7	HK8	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
48.	Quản trị công ty	Học phần tập trung vào phân tích các nội dung của quản trị công ty trong môi trường đại chúng hoá công ty, cụ thể: Phân định khái niệm quản trị công ty và phân biệt với quản trị kinh doanh; làm rõ các thiết chế quản trị công ty như điều lệ công ty, đại hội cổ đông, hội đồng quản trị, ban kiểm soát... và mối quan hệ giữa các đối tượng liên quan đến quản trị công ty. Phân tích các khía cạnh pháp lý liên quan đến quản trị công ty như Luật doanh nghiệp (2005), Luật chứng khoán (2006), các chuẩn mực quản trị công ty của OECD; Tình hình ứng dụng các thông lệ tốt nhất về quản trị công ty ở Việt Nam. Nhận định chức trách chính của Hội đồng quản trị công ty và mối quan hệ nội bộ công ty nhằm phát triển bền vững công ty và tối đa hoá lợi ích của cổ đông.	3	Học phần chưa lựa chọn	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập nhóm: 15% Thi hết học phần: 60%
49.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Tạo ra sự giàu có khi mà hạnh phúc của xã hội phụ thuộc. Khi họ tạo ra sự giàu có đó, hành động của họ tác động đến xã hội, bao gồm rất nhiều bên liên quan. Đổi lại, xã hội định hình các quy tắc và kỳ vọng mà các doanh nghiệp phải điều hướng môi trường bên trong và bên ngoài của họ. Sự tương tác giữa các tập đoàn và xã hội (theo nghĩa rộng nhất) là mối quan tâm của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR). Bất kể quan điểm cá nhân của một người về sự tương tác của doanh nghiệp và xã hội, sự đồng tồn tại của các tổ chức vì lợi nhuận là điều cần thiết. Khóa học này tìm cách khám phá các khía cạnh của tương tác đó từ góc độ đa bên liên quan. Việc thăm dò đó có ý định tương tác, với hành trình thăm dò liên quan đến phân tích các vấn đề liên quan đến CSR và nghiên cứu điển hình qua Internet.	3	Học phần chưa lựa chọn	Mục đánh giá: Trọng số Chăm công: 5% Trình bày trường hợp nhóm: 15% Dự án nhóm: 20% Bài kiểm tra giữa kỳ: 60% Kiểm tra cuối cùng: 100%

2. Chương trình thạc sĩ

2.1. Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	Khối kiến thức chung		8		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47		
II.1	Các học phần bắt buộc		25		
1.	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK1	
2.	Quản trị Marketing nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK2	
3.	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK1	
4.	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, phát triển kinh doanh bền vững và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế. Có kỹ năng phân tích phát triển kinh doanh bền vững và đạo đức trong kinh doanh, áp dụng kiến thức văn hóa doanh nghiệp vào thực tế.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
5.	Lãnh đạo trong tổ chức	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến lãnh đạo, phong cách lãnh đạo, năng lực lãnh đạo... Có kỹ năng phân tích, thuyết trình, thuyết phục và lãnh đạo phục vụ cho việc điều hành và quản trị doanh nghiệp.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thảo luận và Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6.	Thiết kế và nghiên cứu luận văn	Học phần là trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng viết và sử dụng các nguồn tài liệu, giúp cho học viên hoàn thành luận văn thạc sĩ. Hiểu rõ mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh; vai trò cũng như các công cụ khác nhau của kinh tế lượng trong công tác nghiên cứu phân tích và dự báo cũng như kiểm định các lý thuyết kinh tế; bản chất cũng như nội hàm của các giả thiết của mô hình hồi quy cổ điển, các hệ quả đối với các ước lượng tham số, các phương pháp kiểm định các giả thiết cũng như một số trường hợp mở rộng mô hình hồi quy cơ bản thường gặp.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
7.	Quản trị sản xuất và tác nghiệp nâng cao	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị sản xuất và điều hành như phân tích hoạt động sản xuất, quản trị dự án, quản trị hàng tồn kho... Có kỹ năng phân tích các hoạt động sản xuất và tác nghiệp trong điều kiện thực tiễn doanh nghiệp Việt Nam.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
8.	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	Kiến thức: Học viên có thể phân tích các hoạt động tài chính doanh nghiệp và nghiên cứu các lý thuyết tài chính, thực tế về quản lý tài chính trong môi trường hoạt động của các công ty. Các phương pháp đánh giá cơ hội đầu tư và hoạt động tài chính cũng được thảo luận trên lớp. Kỹ năng: Học viên có khả năng phân tích các hoạt động tài chính doanh nghiệp, đánh giá cơ hội đầu tư trong doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9.	Quản trị công ty nâng cao	<p><i>Mức 1 (Có khả năng tái hiện)</i> Giải thích được các khái niệm cơ bản về quản trị công ty.</p> <p><i>Mức 2 (Có khả năng tái tạo)</i> - Hiểu được bản chất, các chức năng và thực tiễn của các vấn đề liên quan đến công ty cổ phần, hội đồng quản trị cùng các bộ phận chức năng giám sát khác trong công ty. - Hiểu được các khía cạnh chính yếu của kiểm soát quản trị: nguyên tắc và thông lệ kiểm soát quản trị; vai trò của hội đồng quản trị: lập chiến lược và chính sách; vai trò giám sát của HĐQT: giám sát ban hành điều hành và tính chịu trách nhiệm; trách nhiệm của HĐQT. - Hiểu những lý thuyết kiểm soát quản trị. - Hiểu quy trình kiểm soát quản trị khác nhau trên thế giới.</p> <p><i>Mức 3 (Có khả năng lập luận)</i> - Phân tích được cấu trúc, hệ thống, quy trình của điều lệ công ty, đại hội cổ đông, hội đồng quản trị bao gồm các ủy ban, chủ tịch, ban điều hành bao gồm Tổng giám đốc, ban kiểm soát và hiệu quả của HĐQT, ban kiểm soát, Ban điều hành.</p> <p><i>Mức 4 (Có khả năng sáng tạo)</i> - Có khả năng xây dựng điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của công ty. - Thiết kế các tài liệu nội bộ về quản trị công ty. - Xác lập quyền và trách nhiệm với thành viên HĐQT. - Xây dựng các quy định kiểm soát nội bộ công ty.</p>	3		Điểm danh & đánh giá cá nhân dựa vào thái độ học tập: 10% bài tập nhóm (đề án nhóm): 20% bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Tiểu luận cuối kỳ: 60%
II.2	Các học phần tự chọn		22/46		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10.	Các lý thuyết quản trị hiện đại	<i>Kiến thức:</i> Học viên nắm vững các học thuyết quản trị hiện đại phương Tây và những tư tưởng quản trị phương Đông. Hiểu rõ những yêu cầu và thách thức đối với công tác quản trị và lãnh đạo trong thế kỷ 21. <i>Kỹ năng:</i> Học viên có khả năng vận dụng lý thuyết quản trị hiện đại vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	2	HK 3	Chuyên cần: 10% Thảo luận, bài tập nhóm: 10% bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
11.	Kinh tế học quản lý	<i>Kiến thức:</i> Học viên nắm vững các nguyên lý kinh tế học vi mô như: phân tích cung cầu thị trường, phân tích hàm sản xuất và chi phí, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư ,v.v.... <i>Kỹ năng:</i> Học viên có khả năng phân tích và vận dụng các nguyên lý kinh tế học vi mô vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	2	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
12.	Các thị trường và định chế tài chính	Học viên được cung cấp những kiến thức về các vấn đề liên quan đến thị trường tài chính và các khái niệm về các định chế tài chính. Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin về thị trường tài chính và cấu trúc của hệ thống tài chính, phân tích và nhận định được các cơ hội đầu tư.	2	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
13.	Kế toán quản trị nâng cao	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến kế toán quản trị, bao gồm: đối tượng, chức năng và các phương pháp dùng trong kế toán quản trị, phân loại chi phí và các phương pháp xác định chi phí. Có kỹ năng phân tích về chi phí, giá bán, hòa vốn, kết cấu mặt hàng, dự toán ngân sách.	2	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Bài thi hết học phần: 60%
14.	Ra quyết định quản trị	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác ra quyết định quản trị như phát hiện vấn đề, các bước giải quyết vấn đề, mô hình ra quyết định... Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin cũng như đánh giá để đưa ra các quyết định nhanh chóng và chính xác trong môi trường kinh doanh bất định.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
15.	Chiến lược cạnh tranh	Hiểu rõ khung phân tích về ngành kinh doanh và đối thủ cạnh tranh, để định vị chiến lược cạnh tranh cho doanh nghiệp. Có kỹ năng thu thập, phân tích và tổng hợp thông tin cũng như đánh giá để chỉ ra những nhân tố quyết định hay những lực lượng cạnh tranh ẩn giấu trong ngành kinh doanh.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
16.	Quan hệ công chúng	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến quan hệ công chúng, giao tiếp trong PR, và hoạt động quan hệ công chúng của doanh nghiệp. Có kỹ năng thực hiện các hoạt động quan hệ công chúng, giao tiếp, PR phục vụ doanh nghiệp.	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
17.	Quản trị rủi ro	<p>Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về rủi ro, quản trị rủi ro, các phương pháp xác định rủi ro, giá trị rủi ro và ứng dụng lý thuyết quản trị rủi ro vào thực tiễn.</p> <p>Hiểu rõ các chức năng và hoạt động cốt yếu trong quản trị rủi ro để điều hành một doanh nghiệp; những nhân tố ảnh hưởng và căn cứ cơ sở để ra các quyết định có ý nghĩa then chốt của các chủ thể tham gia quản trị doanh nghiệp trong điều kiện thiếu hụt các thông tin chắc chắn và đáng tin cậy.</p> <p>Có kỹ năng phân tích các hoạt động quản trị rủi ro tài chính, rủi ro thẩm định, và quản trị dự án, tỉ giá, và rủi ro trong đầu tư.</p>	2	HK3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
18.	Tinh thần doanh nghiệp	<p>Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến điều hành và thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ phát triển nằm trong chuỗi tuần hoàn của sáng tạo tại Việt Nam.</p> <p>Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy liên quan đến phát triển doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh bất định Việt Nam.</p>	2	HK3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
19.	Quản trị công nghệ	<p>Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị khoa học và công nghệ của cơ quan, của doanh nghiệp.</p> <p>Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy liên quan đến lựa chọn các giải pháp phù hợp để phát triển năng lực công nghệ và duy trì khả năng cạnh tranh bền vững.</p>	3	HK2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
20.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	<p>Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế cạnh tranh và toàn cầu hóa.</p>	2	HK3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có kỹ năng phân tích, đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, thiết lập và triển khai các chính sách và tiêu chuẩn liên quan đến trách nhiệm xã hội.			Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
21.	Quản trị dự án	Hiểu bản chất về quản trị dự án; các nội dung của quản trị dự án và phương pháp thực hiện dự án; hình thành kỹ năng làm việc nhóm.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
22.	Quản trị thương hiệu	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp. Có kỹ năng phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án thiết kế và bảo vệ thương hiệu; quảng bá và khai thác thương hiệu, xử lý những tình huống thương hiệu tại doanh nghiệp.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
23.	Hành vi tổ chức nâng cao	Về kiến thức và năng lực nghiên cứu Học viên được cung cấp những kiến thức về các vấn đề liên quan đến hành vi trong tổ chức bao gồm những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức. Có kỹ năng phân tích, đánh giá những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong doanh nghiệp. .	2	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
24.	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, phân tích và luận giải các vấn đề kinh doanh quốc tế thông qua kiến thức nền tảng của khối ngành. - Tổng hợp và phân tích yếu tố vĩ mô, vi mô, bên trong và bên ngoài ảnh hưởng tới các hoạt động kinh doanh quốc tế. - Hiểu biết có hệ thống và nâng cao về bản chất, xu thế phát triển và các nguyên nhân tăng trưởng của kinh doanh quốc tế. Đặc biệt, các quy trình hoạch định và thực hiện các chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty được đặt trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, với các yếu tố cấu thành môi trường kinh doanh quốc gia và môi trường kinh doanh quốc tế gắn với bối cảnh toàn cầu hóa. - Vận dụng các kiến thức về lý thuyết cũng như thực tiễn về Kinh doanh quốc tế để triển khai và thực hiện các nghiên cứu về thị trường quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế..., đưa ra giải pháp và kiến nghị. <p>Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh doanh quốc tế để đánh giá về những thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty. - Thông qua các nghiên cứu tình huống xây dựng kỹ năng xử lý các tình huống trong hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty. - Khả năng làm việc độc lập và ra quyết định kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế biến động. 	3	Học phần chưa chọn lựa	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25.	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp người học hiểu các lý thuyết phân tích thương mại điện tử và vận dụng các mô hình thương mại điện tử hiện nay vào kinh doanh toàn cầu để giúp cho người học có cái nhìn toàn diện về kinh doanh trực tuyến. - Trang bị cho người học các công cụ E-marketing được sử dụng trong thương mại điện tử hiệu quả nhất. - Vận dụng các công cụ thanh toán trực tuyến đang hiện hành. - Trang bị cho người học kiến thức về các hệ thống G2B đang hiện hành tại Việt nam (Hệ thống Hải quan điện tử, Kế khai thuế trực tuyến...) <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan tới thương mại điện tử bao gồm nhận biết và phân tích vấn đề giúp đưa ra các kiến nghị và giải pháp cho từng trường hợp cụ thể. - Tự nghiên cứu và thực hành kiến thức được học thông qua việc xem tài liệu in và tài liệu trực tuyến, tìm tòi, thu thập, phân tích và xử lý thông tin/dữ liệu liên quan. - Ứng dụng có hệ thống, toàn diện, tìm ra các vấn đề trong thương mại điện tử và sự tương tác giữa chúng. - Ứng dụng một số các hệ thống hỗ trợ thương mại điện tử trong doanh nghiệp. 	2	Học phần chưa chọn lựa	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
26.	Quản trị tài chính quốc tế	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu sâu hơn về thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái. - Nắm rõ các hệ thống tỷ giá hối đoái, các mô hình dự báo tỷ giá hối đoái. - Hiểu và giải thích được ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến tình hình hoạt động của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và các công ty đa quốc gia. - Hiểu được các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái. - Hiểu được phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ thương mại quốc tế. - Có khả năng phân tích quản trị dòng tiền, các kỹ thuật để tối ưu hóa dòng tiền. <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết những cơ hội và rủi ro mà các công ty hoạt động trên thị trường quốc tế có thể gặp phải. - Biết áp dụng những chiến lược để dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá. - Biết sự khác biệt giữa các phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế để sử dụng các phương tiện, phương thức thanh toán phù hợp với từng thương vụ cụ thể trong thương mại quốc tế. - Biết kỹ năng quản trị để tối ưu hóa dòng tiền cho doanh nghiệp hoạt động trên thị trường quốc tế. 	3	Học phần chưa chọn lựa	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
27.	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu thấu đáo về các yếu tố cấu thành nền tảng của các quyết định đầu tư, đặc biệt là quyết định chiến lược danh mục đầu tư; - Nắm chắc quy trình quản trị danh mục đầu tư và các phương pháp đánh giá hoạt động của danh mục. 	3	Học phần chưa chọn lựa	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Thành thạo các phép tính lợi suất, giá cả, rủi ro của từng công cụ riêng lẻ và của danh mục đầu tư. - Vận dụng được quy trình đánh giá hoạt động của danh mục đầu tư, từ đó có thể điều chỉnh danh mục để đạt được những mục tiêu đầu tư. 			
28.	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và giải thích được ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến tình hình hoạt động của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và các công ty đa quốc gia. - Hiểu được các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái. - Hiểu được phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ thương mại quốc tế. 	2	Học phần chưa chọn lựa	
29.	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Học phần học trang bị cho người học các kiến thức hệ thống và nâng cao về sự tương tác giữa Nhà nước - thị trường và ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với mức độ, phạm vi và quyền hạn của Nhà nước đối với các quá trình làm chính sách và các công cụ mà qua đó chính sách công được thực thi. Học phần cũng giúp người học tìm hiểu về những lực lượng đang thúc đẩy sự biến đổi mối quan hệ Nhà nước - Thị trường, sự phân phối quyền lực trong hệ thống quốc tế và những hệ quả của nó đối với quản trị quốc tế và năng lực nhà nước; từ đó góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận và tư duy quản lý ở tầm vĩ mô.	3	Học phần chưa chọn lựa	
IV	Luận văn thạc sĩ		9		

2.2. Chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng nghiên cứu

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	Khối kiến thức chung		8		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.				
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		41		
II.1	Các học phần bắt buộc		21		
1.	Thiết kế và nghiên cứu luận văn	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu của học phần là trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng viết và sử dụng các nguồn tài liệu, giúp cho học viên hoàn thành luận văn thạc sĩ. - Thông qua học phần viên nắm được mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh. Nắm vững vai trò cũng như các công cụ khác nhau của kinh tế lượng trong công tác nghiên cứu phân tích và dự báo cũng như kiểm định các lý thuyết kinh tế. - Hiểu biết sâu về bản chất cũng như nội hàm của các giả thiết của mô hình hồi quy cổ điển, các hệ quả đối với các ước lượng tham số, các phương pháp kiểm định các giả thiết cũng như một số trường hợp mở rộng mô hình hồi quy cơ bản thường gặp. 	3	HK2	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ : 20% Bài thi hết học phần: 60%
2.	Các lý thuyết quản trị hiện đại	Học viên hiểu rõ các học thuyết quản trị hiện đại phương Tây và những tư tưởng quản trị phương Đông; những yêu cầu và thách thức đối với công tác quản trị và lãnh đạo trong thế kỷ 21. Học viên có khả năng vận dụng lý thuyết quản trị hiện đại vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
3.	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK1	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4.	Quản trị Marketing nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HK2	
5.	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	3	HK2	
6.	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng.	3	HK1	
7.	Lãnh đạo trong tổ chức	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	3	HK2	
II.2	Các học phần tự chọn		20/40		
8.	Tinh thần doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	2	HK3	
9.	Quản trị sản xuất và tác nghiệp nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	3	HK1	
10.	Ra quyết định quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	2	HK2	
11.	Kinh tế học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	2	Học phần chưa chọn lựa	
12.	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	3	HK3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13.	Các thị trường và định chế tài chính	<i>Kiến thức:</i> Học viên nắm được những kiến thức về các vấn đề liên quan đến thị trường tài chính và các khái niệm về các định chế tài chính. <i>Kỹ năng:</i> Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin về thị trường tài chính và cấu trúc của hệ thống tài chính, phân tích và nhận định được các cơ hội đầu tư.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
14.	Kế toán quản trị nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	2	Học phần chưa chọn lựa	
15.	Quản trị công ty nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán.	3	Học phần chưa chọn lựa	
16.	Chiến lược cạnh tranh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	3	HK3	
17.	Quan hệ công chúng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	2	HK1	
18.	Quản trị rủi ro	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán.	2	HK3	
19.	Quản trị công nghệ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	3	HK2	
20.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế cạnh tranh và toàn cầu hóa.	3	HK3	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có kỹ năng phân tích, đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, thiết lập và triển khai các chính sách và tiêu chuẩn liên quan đến trách nhiệm xã hội.			Bài thi hết học phần: 60%
21.	Quản trị dự án	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	2	HK2	
22.	Quản trị thương hiệu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	2	HK3	
23.	Hành vi tổ chức nâng cao	<i>Kiến thức:</i> Học viên nắm được những kiến thức về các vấn đề liên quan đến hành vi trong tổ chức bao gồm những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức. <i>Kỹ năng:</i> Có kỹ năng phân tích, đánh giá những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi hết học phần: 60%
III	Luận văn		15		

3. Tiến sĩ Quản trị kinh doanh

3.1. Tiến sĩ Quản trị kinh doanh (Áp dụng cho NCS chưa có bằng thạc sĩ)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG					
I	Khôi kiến thức chung		4		
1.	Triết học	Học phần theo quy định chung của ĐHQGHN.	4	HK 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thi cuối kỳ: 60%
I.2.	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47		
I.2.1.	Các học phần bắt buộc		25		
1.	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3		
2.	Quản trị Marketing nâng cao	<p>Hiểu được các vấn đề cốt lõi của quản trị marketing như các khái niệm, các hoạt động chính của marketing và công tác quản trị marketing.</p> <p>Ứng dụng các nội dung của hoạt động marketing và quản trị hoạt động marketing trong tổ chức nhất định.</p> <p>Phát triển các kỹ năng cần có để có thể lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện hoạt động marketing thông qua quá trình phân tích các tình huống, thảo luận nhóm và thuyết trình, hình thành thái độ tự tin, cởi mở trong công việc.</p>	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
3.	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	<p>Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp như tuyển dụng, đào tạo, chế độ lương thưởng, điều kiện làm việc và quan hệ lao động.</p> <p>Có kỹ năng phân tích và hoạch định chiến lược nhân lực, tuyển dụng, bố trí, sử dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân sự, đãi ngộ trong doanh nghiệp, hình thành thái độ tự tin, cởi mở trong công việc.</p>	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4.	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, phát triển kinh doanh bền vững và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế. Có kỹ năng phân tích phát triển kinh doanh bền vững và đạo đức trong kinh doanh, áp dụng kiến thức văn hóa doanh nghiệp vào thực.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
5.	Lãnh đạo trong tổ chức	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến lãnh đạo, phong cách lãnh đạo, năng lực lãnh đạo... Có kỹ năng phân tích, thuyết trình, thuyết phục và lãnh đạo phục vụ cho việc điều hành và quản trị doanh nghiệp.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
6.	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Học phần là trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng viết và sử dụng các nguồn tài liệu, giúp cho học viên hoàn thành luận văn thạc sĩ. Hiểu rõ mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh; vai trò cũng như các công cụ khác nhau của kinh tế lượng trong công tác nghiên cứu phân tích và dự báo cũng như kiểm định các lý thuyết kinh tế. Hiểu biết sâu về bản chất cũng như nội hàm của các giả thiết của mô hình hồi quy cổ điển, các hệ quả đối với các ước lượng tham số, các	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10%, Bài kiểm tra giữa kỳ lần 1: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ lần 2: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>phương pháp kiểm định các giả thiết cũng như một số trường hợp mở rộng mô hình hồi quy cơ bản thường gặp.</p> <p>Phát triển các kỹ năng nghiên cứu các vấn đề kinh tế, xã hội và kinh doanh; kỹ năng tổng hợp, phân tích và ra quyết định; kỹ năng thiết lập đề cương nghiên cứu khoa học ứng dụng trong kinh tế.</p> <p>Áp dụng các kiến thức thống kê để hình thành các phương pháp tính toán; Thiết lập câu hỏi điều tra; Kỹ năng thu thập dữ liệu; Kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu.</p>			
7.	Quản trị sản xuất và tác nghiệp nâng cao	<p>Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị sản xuất và điều hành như phân tích hoạt động sản xuất, quản trị dự án, quản trị hàng tồn kho...</p> <p>Có kỹ năng phân tích các hoạt động sản xuất và tác nghiệp trong điều kiện thực tiễn doanh nghiệp Việt Nam.</p>	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
8.	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	<p>Học viên có thể phân tích các hoạt động tài chính doanh nghiệp và nghiên cứu các lý thuyết tài chính, thực tế về quản lý tài chính trong môi trường hoạt động của các công ty. Các phương pháp đánh giá cơ hội đầu tư và hoạt động tài chính cũng được thảo luận trên lớp.</p> <p>Học viên có khả năng phân tích các hoạt động tài chính doanh nghiệp, đánh giá cơ hội đầu tư trong doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.</p>	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9.	Quản trị công ty nâng cao	Học viên được cung cấp những kiến thức về các vấn đề liên quan đến quản trị công ty hiện đại như vai trò của hội đồng quản trị, phát hành cổ phiếu, quyền cổ đông.... Phân biệt được quản trị công ty với quản trị kinh doanh; Nắm vững các khía cạnh pháp lý liên quan đến sự vận hành của hội đồng quản trị; Hiểu rõ các quyền cơ bản của cổ đông Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin phục vụ hội đồng quản trị, các kỹ năng truyền thông, công bố thông tin của doanh nghiệp.	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
I.2.2.	Các học phần tự chọn		22/46		
10	Các lý thuyết quản trị hiện đại	Hiểu rõ các học thuyết quản trị hiện đại phương Tây và những tư tưởng quản trị phương Đông. Hiểu rõ những yêu cầu và thách thức đối với công tác quản trị và lãnh đạo trong thế kỷ 21. Học viên có khả năng vận dụng lý thuyết quản trị hiện đại vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
11	Kinh tế học quản lý	Hiểu rõ các nguyên lý kinh tế học vi mô như: phân tích cung cầu thị trường, phân tích hàm sản xuất và chi phí, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư , ... Học viên có khả năng phân tích và vận dụng các nguyên lý kinh tế học vi mô vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Các thị trường và định chế tài chính	Học viên được cung cấp những kiến thức về các vấn đề liên quan đến thị trường tài chính và các khái niệm về các định chế tài chính. Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin về thị trường tài chính và cấu trúc của hệ thống tài chính, phân tích và nhận định được các cơ hội đầu tư.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
13	Kế toán quản trị nâng cao	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến kế toán quản trị, bao gồm: đối tượng, chức năng và các phương pháp dùng trong kế toán quản trị, phân loại chi phí và các phương pháp xác định chi phí. Có kỹ năng phân tích về chi phí, giá bán, hòa vốn, kết cấu mặt hàng, dự toán ngân sách.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
14	Ra quyết định quản trị	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác ra quyết định quản trị như phát hiện vấn đề, các bước giải quyết vấn đề, mô hình ra quyết định... Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin cũng như đánh giá để đưa ra các quyết định nhanh chóng và chính xác trong môi trường kinh doanh bất định.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Chiến lược cạnh tranh	<p>Hiểu rõ khung phân tích về ngành kinh doanh và đối thủ cạnh tranh, để định vị chiến lược cạnh tranh cho doanh nghiệp.</p> <p>Có kỹ năng thu thập, phân tích và tổng hợp thông tin cũng như đánh giá để chỉ ra những nhân tố quyết định hay những lực lượng cạnh tranh ẩn giấu trong ngành kinh doanh</p>	3	HK3	<p>Chuyên cần:10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm:10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
16	Quan hệ công chúng	<p>Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến quan hệ công chúng, giao tiếp trong PR, và hoạt động quan hệ công chúng của doanh nghiệp.</p> <p>Có kỹ năng thực hiện các hoạt động quan hệ công chúng, giao tiếp, PR phục vụ doanh nghiệp.</p>	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Chuyên cần:10%</p> <p>Thảo luận, Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ : 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
17	Quản trị rủi ro	<p>Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về rủi ro, quản trị rủi ro, các phương pháp xác định rủi ro, giá trị rủi ro và ứng dụng lý thuyết quản trị rủi ro vào thực tiễn.</p> <p>Cung cấp cho người học hiểu rõ các chức năng và hoạt động cốt yếu trong quản trị rủi ro để điều hành một doanh nghiệp; những nhân tố ảnh hưởng và căn cứ cơ sở để ra các quyết định có ý nghĩa then chốt của các chủ thể tham gia quản trị doanh nghiệp trong điều kiện thiếu hụt các thông tin chắc chắn và đáng tin cậy.</p> <p>Có kỹ năng phân tích các hoạt động quản trị rủi ro tài chính, rủi ro thẩm định, và quản trị dự án, tỉ giá, và rủi ro trong đầu tư.</p>	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ : 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
18	Tinh thần doanh nghiệp	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến điều hành và thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ phát triển nằm trong chuỗi tuần hoàn của sáng tạo tại Việt Nam.	2	Học phần được giảng dạy trong	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy liên quan đến phát triển doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh bất định Việt Nam.		15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
19	Quản trị công nghệ	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị khoa học và công nghệ của cơ quan, của doanh nghiệp. Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy liên quan đến lựa chọn các giải pháp phù hợp để phát triển năng lực công nghệ và duy trì khả năng cạnh tranh bền vững.	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
20	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế cạnh tranh và toàn cầu hóa. Có kỹ năng phân tích, đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, thiết lập và triển khai các chính sách và tiêu chuẩn liên quan đến trách nhiệm xã hội.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ : 20% Bài thi hết học phần: 60%
21	Quản trị dự án	Hiểu bản chất về quản trị dự án; Nắm được các nội dung của quản trị dự án và phương pháp thực hiện dự án; <i>Kỹ năng và thái độ cá nhân, nghề nghiệp</i> Kỹ năng làm việc nhóm;	2	HK2	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ : 20%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nhận thức được tầm quan trọng của quản trị dự án cũng như tính chất phức tạp, khó khăn của quản trị dự án trong thực tiễn; Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của quản trị dự án. <i>Kỹ năng và thái độ xã hội</i> Tôn trọng lợi ích và quan tâm của các bên liên quan đến dự án.			Bài thi hết học phần: 60%
22	Quản trị thương hiệu	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp. Có kỹ năng phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án thiết kế và bảo vệ thương hiệu; quảng bá và khai thác thương hiệu, xử lý những tình huống thương hiệu tại doanh nghiệp	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
23	Hành vi tổ chức nâng cao	<i>Kiến thức:</i> Học viên nắm được những kiến thức về các vấn đề liên quan đến hành vi trong tổ chức bao gồm những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức. <i>Kỹ năng:</i> Có kỹ năng phân tích, đánh giá những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ : 15% Bài thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
24	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, phân tích và luận giải các vấn đề kinh doanh quốc tế thông qua kiến thức nền tảng của khối ngành. - Tổng hợp và phân tích yếu tố vĩ mô, vi mô, bên trong và bên ngoài ảnh hưởng tới các hoạt động kinh doanh quốc tế. - Hiểu biết có hệ thống và nâng cao về bản chất, xu thế phát triển và các nguyên nhân tăng trưởng của kinh doanh quốc tế. Đặc biệt, các quy trình hoạch định và thực hiện các chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty được đặt trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, với các yếu tố cấu thành môi trường kinh doanh quốc gia và môi trường kinh doanh quốc tế gắn với bối cảnh toàn cầu hóa. - Vận dụng các kiến thức về lý thuyết cũng như thực tiễn về Kinh doanh quốc tế để triển khai và thực hiện các nghiên cứu về thị trường quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế..., đưa ra giải pháp và kiến nghị. <p>Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh doanh quốc tế để đánh giá về những thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty. - Thông qua các nghiên cứu tình huống xây dựng kỹ năng xử lý các tình huống trong hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty. - Khả năng làm việc độc lập và ra quyết định kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế biến động. 	3	Học phần chưa chọn lựa	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp người học hiểu các lý thuyết phân tích thương mại điện tử và vận dụng các mô hình thương mại điện tử hiện nay vào kinh doanh toàn cầu để giúp cho người học có cái nhìn toàn diện về kinh doanh trực tuyến. - Trang bị cho người học các công cụ E-marketing được sử dụng trong thương mại điện tử hiệu quả nhất. - Vận dụng các công cụ thanh toán trực tuyến đang hiện hành. - Trang bị cho người học kiến thức về các hệ thống G2B đang hiện hành tại Việt nam (Hệ thống Hải quan điện tử, Kê khai thuế trực tuyến...). <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan tới thương mại điện tử bao gồm nhận biết và phân tích vấn đề giúp đưa ra các kiến nghị và giải pháp cho từng trường hợp cụ thể. - Tự nghiên cứu và thực hành kiến thức được học thông qua việc xem tài liệu in và tài liệu trực tuyến, tìm tòi, thu thập, phân tích và xử lý thông tin/dữ liệu liên quan. - Ứng dụng có hệ thống, toàn diện, tìm ra các vấn đề trong thương mại điện tử và sự tương tác giữa chúng. - Ứng dụng một số các hệ thống hỗ trợ thương mại điện tử trong doanh nghiệp. 	2	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
26	Quản trị tài chính quốc tế	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu sâu hơn về thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái - Nắm rõ các hệ thống tỷ giá hối đoái, các mô hình dự báo tỷ giá hối đoái 	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và giải thích được ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến tình hình hoạt động của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và các công ty đa quốc gia. - Hiểu được các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái. - Hiểu được phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ thương mại quốc tế. - Có khả năng phân tích quản trị dòng tiền, các kỹ thuật để tối ưu hóa dòng tiền. <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết những cơ hội và rủi ro mà các công ty hoạt động trên thị trường quốc tế có thể gặp phải. - Biết áp dụng những chiến lược để dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá. - Biết sự khác biệt giữa các phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế để sử dụng các phương tiện, phương thức thanh toán phù hợp với từng thương vụ cụ thể trong thương mại quốc tế. - Biết kỹ năng quản trị để tối ưu hóa dòng tiền cho doanh nghiệp hoạt động trên thị trường quốc tế. 			<p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
27	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu thấu đáo về các yếu tố cấu thành nền tảng của các quyết định đầu tư, đặc biệt là quyết định chiến lược danh mục đầu tư; - Nắm chắc quy trình quản trị danh mục đầu tư và các phương pháp đánh giá hoạt động của danh mục. - Thành thạo các phép tính lợi suất, giá cả, rủi ro của từng công cụ riêng lẻ và của danh mục đầu tư. 	3	Học phần chưa chọn lựa	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng được quy trình đánh giá hoạt động của danh mục đầu tư, từ đó có thể điều chỉnh danh mục để đạt được những mục tiêu đầu tư.			
28	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	- Hiểu và giải thích được ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến tình hình hoạt động của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và các công ty đa quốc gia. - Hiểu được các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái. - Hiểu được phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ thương mại quốc tế.	2	Học phần chưa chọn lựa	
29	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Học phần học trang bị cho người học các kiến thức hệ thống và nâng cao về sự tương tác giữa Nhà nước - thị trường và ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với mức độ, phạm vi và quyền hạn của Nhà nước đối với các quá trình làm chính sách và các công cụ mà qua đó chính sách công được thực thi. Học phần cũng giúp người học tìm hiểu về những lực lượng đang thúc đẩy sự biến đổi mối quan hệ Nhà nước – Thị trường, sự phân phối quyền lực trong hệ thống quốc tế và những hệ quả của nó đối với quản trị quốc tế và năng lực nhà nước; từ đó góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận và tư duy quản lý ở tầm vĩ mô.	3	Học phần chưa chọn lựa	
II	PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN				
II.1.	Các học phần NCS		12		
II.1.1	I.1. Các học phần bắt buộc		6		
31	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh tế và kinh doanh. NCS có thể vận dụng kiến thức được học vào hoạt động nghiên cứu (từ cách thiết kế nghiên cứu, soạn	2	Học phần được giảng	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bộ câu hỏi để thực hiện phân tích tương quan và hồi qui, phương pháp phân tích đa biến, viết báo cáo đánh giá ...)		day trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	
32	Quản trị tri thức	<p>Học viên được cung cấp các kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu bản chất của quản trị tri thức; Nhận thức được tầm quan trọng của tri thức, của quản trị tri thức; - Có những kiến thức cập nhật nhất về quản trị tri thức trong tổ chức về những đặc điểm của tri thức, mô hình tạo ra tri thức; - Có thể Phân tích, đánh giá được bối cảnh tổ chức để có thể đề ra cách thức tổ chức quản trị tri thức phù hợp. - Sử dụng một cách thành thục các công cụ phương tiện lưu trữ, truyền bá tri thức - Có thể áp dụng các phương pháp và công cụ quản trị tri thức trong các loại hình tổ chức khác nhau như doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ. 	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Điểm thi cuối kỳ: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh	<p>Học viên được cung cấp các kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - hiểu rõ bản chất của đổi mới, sáng tạo trong kinh doanh và doanh nghiệp gắn với môi trường bất định. - Hiểu rõ các nội dung đổi mới, sáng tạo cũng như quy trình đổi mới trong kinh doanh và nắm chắc các cách thức đổi mới, sáng tạo cũng như các chủ thể thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. - Hiểu sâu về môi trường và văn hóa kinh doanh liên quan đến đổi mới sáng tạo trong kinh doanh ở Việt Nam cũng như một số ví dụ điển hình về các trường hợp đổi mới thành công trong thực tiễn. <p>Hình thành kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng các kỹ năng duy trì sự đổi mới, sáng tạo trong một lĩnh vực cụ thể, duy trì khả năng phân tích và áp dụng các ý tưởng và khái niệm được giới thiệu trong khóa học. - phát triển các kỹ năng mềm khác như quản lý thời gian, quản lý nguồn lực, khả năng học và tự học, thuyết trình; kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp ... 	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Điểm thi cuối kỳ: 60%</p>
I.2. Các học phần tự chọn			6/9		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
34.	Nền tảng phát triển doanh nghiệp	<p>Kết thúc học phần, học viên phải đạt được:</p> <p>Kiến thức: Học viên nắm vững được những kiến thức và nội dung cơ bản về nền tảng phát triển doanh nghiệp, chiến lược và nguồn lực phát triển doanh nghiệp, cấu thành và biểu hiện đặc trưng tinh thần doanh nghiệp, các nguyên tắc, chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; Hiểu rõ môi trường và thể chế liên quan đến nền tảng phát triển doanh nghiệp.</p> <p>Kỹ năng Học viên biết phân tích các yếu tố nền tảng phát triển doanh nghiệp; Gắn kết các yếu tố nền tảng phát triển doanh nghiệp trong một chỉnh thể thống nhất để tạo nên cốt cách của doanh nghiệp; Liên tưởng được các tri thức về nền tảng phát triển doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Bên cạnh đó, học viên cũng được rèn luyện thêm các kỹ năng như: thuyết trình, thuyết phục, làm việc nhóm, sưu tầm tư liệu và tổ chức các cuộc họp.</p>	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Tham gia học trên lớp: 10% Bài tập nhóm (có thảo luận): 15% Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 15% Điểm thi hết học phần: 60%
35.	Lãnh đạo cá nhân	<p>Kết thúc học phần, học viên phải đạt được:</p> <p>* Kiến thức: - Hiểu được ý nghĩa cao quý của cuộc đời, các thành phần của con người tổng thể và các nguồn gốc sức mạnh của bản thân; - Nắm được các kiến thức và kỹ thuật sáng tạo, các năng lực tri thức</p> <p>* Kỹ năng: - Nắm vững kiến thức và ứng dụng hiệu quả để hình thành những thói quen xuất sắc, định hướng phát triển bản thân và tạo dựng cuộc đời có ý nghĩa.</p>	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Điểm chuyên cần: 15% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 25% Điểm thi kết thúc học phần: 60%
36.	Quản trị thay đổi trong tổ chức		3		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
II.3	Chuyên đề NCS		6		
37.	BSA 8003	Chuyên đề 1	2		
38.	BSA 8004	Chuyên đề 2	2		
39.	BSA 8005	Chuyên đề 3	2		
III. Tiểu luận tổng quan					
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC					
<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo NCKH tại các seminar cấp Bộ học phần/Viện; - Tham gia tối thiểu 02 hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; - Công bố sản phẩm NCKH: (i) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; hoặc (ii) 02 báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc (iii) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài. 					
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN HỌC PHẦN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO					
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên học phần tổ chức, quy định; - Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập; - Hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức. 					
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ					
40	BSA 9001	Luận án tiến sĩ	70		

3.2. Tiến sĩ Quản trị kinh doanh (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG			8		
I.1	Bắt buộc		5		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3		
2.	Các lý thuyết quản trị hiện đại	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	2		
I.2	Các học phần tự chọn		3/9		
	Giáo viên hướng dẫn chọn 01 học phần trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường ĐHKT - ĐHQGHN.		3		
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN					
I. Các học phần NCS					
I.1. Các học phần bắt buộc					
1	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh tế và kinh doanh. NCS có thể vận dụng kiến thức được học vào hoạt động nghiên cứu (từ cách thiết kế nghiên cứu, soạn bộ câu hỏi đến thực hiện phân tích tương quan và hồi qui, phương pháp phân tích đa biến, viết báo cáo đánh giá ...)	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Quản trị tri thức	Sau khi kết thúc học phần, học viên: - Hiểu bản chất của quản trị tri thức; - Nhận thức được tầm quan trọng của tri thức, của quản trị tri thức;	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ những kiến thức cập nhật nhất về quản trị tri thức trong tổ chức về những đặc điểm của tri thức, mô hình tạo ra tri thức; - Phân tích, đánh giá được bối cảnh tổ chức để có thể đề ra cách thức tổ chức quản trị tri thức phù hợp. - Sử dụng một cách thành thục các công cụ phương tiện lưu trữ, truyền bá tri thức - Có thể áp dụng các phương pháp và công cụ quản trị tri thức trong các loại hình tổ chức khác nhau như doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ. 		các giờ lý thuyết và thảo luận	
3	Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh	<p>Học viên được cung cấp các kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - bản chất của đổi mới, sáng tạo trong kinh doanh và doanh nghiệp gắn với môi trường bất định. - Hiểu rõ các nội dung đổi mới, sáng tạo cũng như quy trình đổi mới trong kinh doanh và nắm chắc các cách thức đổi mới, sáng tạo cũng như các chủ thể thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. - Hiểu sâu về môi trường và văn hóa kinh doanh liên quan đến đổi mới sáng tạo trong kinh doanh ở Việt Nam cũng như một số ví dụ điển hình về các trường hợp đổi mới thành công trong thực tiễn. - Áp dụng các kỹ năng duy trì sự đổi mới, sáng tạo trong một lĩnh vực cụ thể, duy trì khả năng phân tích và áp dụng các ý tưởng và khái niệm được giới thiệu trong khóa học. - phát triển các kỹ năng mềm khác như quản lý thời gian, quản lý nguồn lực, khả năng học và tự học, thuyết trình; phân tích tình huống và thuyết trình, học viên được phát triển các kỹ năng khác như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp ... 	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Điểm thi cuối kỳ: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I.2. Các học phần tự chọn			6/9		
4	Học phần tự chọn	Theo quy định về Đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường ĐHKT - ĐHQGHN.			
II.2	Ngoại ngữ học thuật nâng cao				
5	Tiếng Anh học thuật nâng cao	Theo quy định về Đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHQGHN.	4		
III.3	Các chuyên đề tiến sĩ				
6	BSA 8003	Chuyên đề tự chọn 1	2		
7	BSA 8004	Chuyên đề tự chọn 2	2		
8	BSA 8005	Chuyên đề tự chọn 3	2		
II.4	Tiểu luận tổng quan				
III.	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn).				
IV.	LUẬN ÁN TIẾN SĨ				
	Luận án tiến sĩ		70		

3.3. Tiến sĩ Quản trị kinh doanh (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sỹ ngành đúng hoặc phù hợp)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN					

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Các học phần NCS			12		
I.1. Các học phần bắt buộc			6		
1.	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh tế và kinh doanh. NCS có thể vận dụng kiến thức được học vào hoạt động nghiên cứu (từ cách thiết kế nghiên cứu, soạn bộ câu hỏi đến thực hiện phân tích tương quan và hồi qui, phương pháp phân tích đa biến, viết báo cáo đánh giá ...).	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2.	Quản trị tri thức	Sau khi kết thúc học phần, học viên: <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu bản chất của quản trị tri thức; - Nhận thức được tầm quan trọng của tri thức, của quản trị tri thức; - Hiểu rõ những kiến thức cập nhật nhất về quản trị tri thức trong tổ chức về những đặc điểm của tri thức, mô hình tạo ra tri thức; - Phân tích, đánh giá được bối cảnh tổ chức để có thể đề ra cách thức tổ chức quản trị tri thức phù hợp. - Sử dụng một cách thành thục các công cụ phương tiện lưu trữ, truyền bá tri thức Có thể áp dụng các phương pháp và công cụ quản trị tri thức trong các loại hình tổ chức khác nhau như doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3.	Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh	<p>Học viên được cung cấp các kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - bản chất của đổi mới, sáng tạo trong kinh doanh và doanh nghiệp gắn với môi trường bất định. - Hiểu rõ các nội dung đổi mới, sáng tạo cũng như quy trình đổi mới trong kinh doanh và nắm chắc các cách thức đổi mới, sáng tạo cũng như các chủ thể thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. - Hiểu sâu về môi trường và văn hóa kinh doanh liên quan đến đổi mới sáng tạo trong kinh doanh ở Việt Nam cũng như một số ví dụ điển hình về các trường hợp đổi mới thành công trong thực tiễn. - Áp dụng các kỹ năng duy trì sự đổi mới, sáng tạo trong một lĩnh vực cụ thể, duy trì khả năng phân tích và áp dụng các ý tưởng và khái niệm được giới thiệu trong khóa học. <p>phát triển các kỹ năng mềm khác như quản lý thời gian, quản lý nguồn lực, khả năng học và tự học, thuyết trình; phân tích tình huống và thuyết trình, học viên được phát triển các kỹ năng khác như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp ...</p>	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Điểm thi cuối kỳ: 60%</p>
I.2. Các học phần tự chọn			6/9		
	Giáo viên hướng dẫn chọn 01 học phần trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường ĐHKHT- ĐHQGHN.				
Chuyên đề NCS			6		
4.	BSA 8003	Chuyên đề 1	2		
5.	BSA 8004	Chuyên đề 2	2		
6.	BSA 8005	Chuyên đề 3	2		
III. Tiểu luận tổng quan					

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC					
<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo NCKH tại các seminar cấp Bộ học phần/Viện; - Tham gia tối thiểu 02 hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; - Công bố sản phẩm NCKH: (i) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; hoặc (ii) 02 báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc (iii) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài. 					
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN HỌC PHẦN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO					
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên học phần tổ chức, quy định; - Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập; - Hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức. 					
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ					
	Luận án tiến sĩ		70		

D. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ GIÁO TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO CƠ SỞ GIÁO DỤC TỔ CHỨC BIÊN SOẠN

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	SCK Quy hoạch không gian tổng hợp quản lý xung đột môi trường vùng bờ - Tiếp cận phân tích địa lý và chính sách	2021	
2	SCK Kinh tế và quản lý an ninh nguồn nước lưu vực sông	2021	
3	SCK Quản trị dịch vụ thương mại điện tử - Cơ sở lý luận và một số kinh nghiệm thực tế tại Việt Nam	2021	
4	Giáo trình Tài chính công	2021	
5	SCK Khu hợp tác kinh tế qua biên giới: Điều kiện hình thành và phát triển	2021	
6	SCK Quản lý an ninh kinh tế	2021	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
7	SCK Xác định giá giao dịch liên kết cho mục đích thuế thu thập doanh nghiệp	2021	
8	SCK Chia sẻ tri thức và đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp Việt Nam	2021	
9	SCK Quản trị chất lượng chuỗi cung ứng	2021	
10	SCK Quản lý xung đột môi trường cảnh quan ven biển	2021	
11	SCK Củng cố điểm tựa tài khóa cho phát triển/Báo cáo Kinh tế thường niên 2020 (Tiếng Việt)	2021	
12	SCK Phát triển nguồn nhân lực các ngân hàng thương mại Việt Nam	2021	
13	SCK Quản trị chất lượng chuỗi cung ứng: Cơ sở lý luận và một số kinh nghiệm thực tế tại Việt Nam	2021	
44	SCK Hệ thống tin địa lý (GIS) ứng dụng trong khoa học xã hội và nhân văn	2021	
15	SCK Quan hệ kinh tế - thương mại - đầu tư Việt Nam và Vương quốc Anh: phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi toàn cầu	2021	
16	GT Thanh toán quốc tế (tái bản)	2021	
17	SCK Báo cáo Thường niên kinh tế Việt Nam 2021 tiếng Việt	2022	Giáo trình Quản trị tác nghiệp trong chuỗi cung ứng toàn cầu
18	SCK Nghiên cứu quản trị kinh doanh: Kinh nghiệm quốc tế và thực tế tại Việt Nam	2022	GT Thực hành Kinh tế lượng
19	Giáo trình Thuế	2022	Lý thuyết và ứng dụng của mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn
20	SCK Ứng dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển logistics trong ngành hải sản Việt Nam	2022	Nợ công bền vững: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách đối với Việt Nam

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
21	Giáo trình Thanh toán quốc tế	2022	SCK Báo cáo Thường niên kinh tế Việt Nam 2021, tiếng Anh
22	SCK Hệ thống tin địa lý (GIS) ứng dụng trong khoa học xã hội và nhân văn	2022	SGT Quản lý tổng hợp tài nguyên đất
23	SCK Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2020, tiếng Việt	2022	SCK Đổi mới giảng dạy đại học sử dụng trò chơi mô phỏng: Gamification in Higher Education
24	SCK Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp bur chính Việt Nam trong hội nhập quốc tế	2022	SCK Các mô hình ra quyết định
25	SCK Chuỗi giá trị và thương mại ngành hàng nông lâm sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khủng hoảng sinh thái	2022	Giáo trình Chính sách tăng trưởng xanh
26	Sách bài tập Bài tập nguyên lý thống kê Kinh tế	2022	Lý thuyết phân tích và điều khiển nhân tố trong khoa học tự nhiên và xã hội
27	Kỷ yếu International Trade and Investment towards Green and Digital Transformation (tiếng Anh)	2022	Giáo trình Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư
28	Giáo trình Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2022	Tổ chức lãnh thổ liên vùng phát triển chuỗi giá trị nông sản
29	SCK Tâm lý hành vi của nhà đầu tư: Trường hợp thị trường chứng khoán Việt Nam	2022	SCK Quản trị tinh gọn đại học tại Việt Nam
30	GT Nông nghiệp, nông dân và nông thôn	2022	GT Quản trị nhân tài
31	SCK Thuận lợi hoá thương mại và đầu tư quốc tế	2022	Quản trị chiến lược căn bản
32	SCK Vietnam an the United Kingdom: Economic-Trade Relations Toward a Low-Carbon Economy and Sustainable Development (tiếng Anh)	2022	Kế toán trách nhiệm xã hội tại Việt Nam
33	SCK Quản trị nguồn nhân lực và tình huống thực tiễn	2022	GT Tài chính cá nhân
34	SCK Phát triển kinh tế vùng Đồng bằng Sông Cửu Long trong bối cảnh mới	2022	SGT Thực hành phân tích năng suất và hiệu quả

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
35		2023	Kiểm toán nội bộ khu vực công
36		2023	Nợ công bền vững: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách đối với Việt Nam
37		2023	Xây dựng văn hoá doanh nghiệp trong thời đại số
38		2023	Quản trị đổi mới sáng tạo
39		2023	Thu hút FDI cho phát triển công nghiệp hỗ trợ
40		2023	Kế toán thuế
41		2023	Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng
42		2023	Tổ chức lãnh thổ phục vụ phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững
43		2023	SCK Báo cáo Thường niên kinh tế Việt Nam 2021, tiếng Anh
44		2023	Cẩm nang nghiên cứu đánh giá tác động thương mại của các Hiệp định thương mại tự do
45		2023	Kinh tế môi trường
46		2023	Kế toán các ngành đặc thù
47		2023	Logistics
48		2023	GT Kiểm toán nội bộ
49		2023	Giáo trình Kế toán thuế
50		2023	Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng
51		2023	Tổ chức lãnh thổ phục vụ phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững
52		2023	SCK Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2020, tiếng Anh

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
53		2023	Mô hình chuyển đổi tổ chức phi chính phủ thành doanh nghiệp xã hội và bài học cho Việt Nam
54		2023	30 năm thu hút và sử dụng vốn viện trợ phát triển chính thức ở Việt Nam
55		2023	Động lực của Hội nhập khu vực: Lý thuyết và thực tiễn ở Châu Phi
56		2023	Giáo trình Kinh tế vĩ mô
57		2023	Bài tập Kinh tế vĩ mô
58		2023	Mô hình trường Đại học Xanh- Từ lý luận đến thực tiễn
59		2023	Đánh giá tác động xã hội ở doanh nghiệp nhỏ tại Việt Nam: Từ lý luận đến thực tiễn
60		2023	Marketing số
61		2023	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh
62		2023	Kinh tế học đại cương
63		2023	Thẩm định tài chính dự án
64		2023	Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2022: Chuyển đổi số trong ngành dịch vụ
65		2023	Cải cách thể chế nâng cao năng lực cạnh tranh và đổi mới mô hình tăng trưởng của Việt nam
66		2023	Mô hình chuyển đổi tổ chức phi chính phủ thành doanh nghiệp xã hội và bài học cho Việt Nam
67		2023	30 năm thu hút và sử dụng vốn viện trợ phát triển chính thức ở Việt Nam
68		2023	Động lực của Hội nhập khu vực: Lý thuyết và thực tiễn ở Châu Phi

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
69		2023	Giáo trình Kinh tế vĩ mô
70		2023	Mô hình trường Đại học Xanh - Từ lý luận đến thực tiễn
71		2023	Đánh giá tác động xã hội ở doanh nghiệp nhỏ tại Việt Nam: Từ lý luận đến thực tiễn
72		2023	Marketing số
73		2023	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh
74		2023	Kinh tế học đại cương
75		2023	Thẩm định tài chính dự án
76		2023	Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2022: Chuyển đổi số trong ngành dịch vụ
77		2023	Cải cách thể chế nâng cao năng lực cạnh tranh và đổi mới mô hình tăng trưởng của Việt Nam
78		2023	Tận dụng lợi thế của các Hiệp định thương mại tự do để đẩy mạnh thương mại nông sản giữa Việt Nam và Australia
79		2023	Các vấn đề đương đại trong quản lý và quản trị kinh doanh
80		2023	Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) với phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam - Từ lý luận đến thực tiễn

E. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỒ ÁN, KHÓA LUẬN, LUẬN VĂN, LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1. Đại học					
2.	Đại học	Hành vi chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình tại nội thành thành phố Hải Phòng	Đỗ Thu Quyên	Nguyễn Đức Bảo	Hành vi chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình tại nội thành thành phố Hải Phòng
3.	Đại học	Sử dụng phương pháp tiếp cận sinh kế bền vững để đánh giá thực trạng nghèo đa chiều tại tỉnh Hà Giang	Phan Thị Hào	Nguyễn Anh Tuấn	Sử dụng phương pháp tiếp cận sinh kế bền vững để đánh giá thực trạng nghèo đa chiều tại tỉnh Hà Giang
4.	Đại học	Mua hàng trực tuyến của dân cư Hà Nội trong đại dịch Covid-19: nghiên cứu trường hợp khách hàng hộ gia đình thông qua hệ thống Vinmart	Nguyễn Thị Việt Hà	Nguyễn Thị Hương Lan	Mua hàng trực tuyến của dân cư Hà Nội trong đại dịch Covid-19: nghiên cứu trường hợp khách hàng hộ gia đình thông qua hệ thống Vinmart
5.	Đại học	Các yếu tố tác động đến xuất khẩu gạo tại Việt Nam trong thời gian thực thi hiệp định EVFTA	Tăng Minh Anh	TS. Lò Thị Hồng Vân	Các yếu tố tác động đến xuất khẩu gạo tại Việt Nam trong thời gian thực thi hiệp định EVFTA
6.	Đại học	Tác động của Toàn cầu hóa và Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến Chất lượng môi trường các quốc gia Châu Á	Nguyễn Thị Linh Chi	TS. Nguyễn Bích Diệp	Tác động của Toàn cầu hóa và Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến Chất lượng môi trường các quốc gia Châu Á
7.	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất và hiệu quả năng lượng của các quốc gia bằng mô hình DEA hai giai đoạn mở rộng	Nguyễn Thị Duyên	TS. Nguyễn Thị Vĩnh Hà	Phân tích hiệu quả sản xuất và hiệu quả năng lượng của các quốc gia bằng mô hình DEA hai giai đoạn mở rộng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
8.	Đại học	Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ năng lượng tái tạo của Việt Nam	Phạm Hồng Hạnh	TS. Nguyễn Đình Tiến	Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ năng lượng tái tạo của Việt Nam
9.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh của người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội	Nguyễn Đức Hậu	TS. Nguyễn Đình Tiến	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh của người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội
10.	Đại học	Analyzing multidimensional poverty of local households in Da Bac district, Hoa Binh province, Vietnam with Bayesian Networks	Vũ Minh Hoàng	PGS.TS. Lê Đình Hải	Analyzing multidimensional poverty of local households in Da Bac district, Hoa Binh province, Vietnam with Bayesian Networks
11.	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế khu Kinh tế Nghi Sơn giai đoạn 2015-2021	Lê Thị Mỹ Linh	TS. Đào Thị Bích Thủy	Phân tích các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế khu Kinh tế Nghi Sơn giai đoạn 2015-2021
12.	Đại học	Đánh giá thực trạng thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (FLEGT) của Việt Nam hướng đến phát triển rừng bền vững	Trần Yến Ly	TS. Nguyễn Đình Tiến	Đánh giá thực trạng thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (FLEGT) của Việt Nam hướng đến phát triển rừng bền vững
13.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia của hộ gia đình vào chương trình REDD+: Nghiên cứu điểm tỉnh Lào Cai và Điện Biên	Lương Thị Khánh Ly	PGS.TS. Lê Đình Hải	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia của hộ gia đình vào chương trình REDD+: Nghiên cứu điểm tỉnh Lào Cai và Điện Biên
14.	Đại học	Phát triển thương mại điện tử tại VN giai đoạn 2016-2020	Nguyễn Yến Nhi	TS. Đào Thị Thu Trang	Phát triển thương mại điện tử tại VN giai đoạn 2016-2020

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
15.	Đại học	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của nhận thức và hành vi tiêu dùng đến dòng phát sinh rác thải nhựa tại huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Trần Thị Hồng Nhung	TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của nhận thức và hành vi tiêu dùng đến dòng phát sinh rác thải nhựa tại huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
16.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về biến đổi khí hậu của giới trẻ sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	ThS. Đỗ Thị Minh Huệ	Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về biến đổi khí hậu của giới trẻ sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội
17.	Đại học	Ứng dụng mô hình Bayesian Networks (BNs) để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng nghèo đa chiều của hộ gia đình tại Xã Lương Thượng, Huyện Na Rì, Tỉnh Bắc Kạn	Đào Duy Tấn	PGS.TS. Lê Đình Hải	Ứng dụng mô hình Bayesian Networks (BNs) để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng nghèo đa chiều của hộ gia đình tại Xã Lương Thượng, Huyện Na Rì, Tỉnh Bắc Kạn
18.	Đại học	Nghiên cứu về quá trình xây dựng và triển khai Cơ chế thử nghiệm trong hoạt động Fintech tại Việt Nam	Trần Quốc Thành	ThS. Nguyễn Thị Phan Thu	Nghiên cứu về quá trình xây dựng và triển khai Cơ chế thử nghiệm trong hoạt động Fintech tại Việt Nam
19.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định quay trở lại của khách du lịch nội địa tại địa điểm biển Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Cao Phương Thúy	TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định quay trở lại của khách du lịch nội địa tại địa điểm biển Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
20.	Đại học	Xây dựng chiến lược tiếp thị xã hội trong phát triển hình ảnh điểm đến du lịch xanh Tây Bắc	Trương Thu Trang	TS Lê Duy Anh	Xây dựng chiến lược tiếp thị xã hội trong phát triển hình ảnh điểm đến du lịch xanh Tây Bắc
21.	Đại học	Phân tích năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2011 - 2018: Trường hợp ngành Thực phẩm	Đỗ Khánh Vân	TS. Nguyễn Quốc Việt	Phân tích năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2011 - 2018: Trường hợp ngành Thực phẩm
22.	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa đối với khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái FLC Hạ Long	Hoàng Ngọc Phượng	PGS.TS. Nguyễn An Thịnh	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa đối với khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái FLC Hạ Long
23.	Đại học	Những nhân tố ảnh hưởng đến ý định tiêu dùng thực phẩm hữu cơ của giới trẻ trên địa bàn Hà Nội	Dương Thị Hải Yến	TS. Đào Thị Thu Trang	Những nhân tố ảnh hưởng đến ý định tiêu dùng thực phẩm hữu cơ của giới trẻ trên địa bàn Hà Nội
24.	Đại học	Sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu ngành điện tử Việt Nam giai đoạn 2016-2020	Nguyễn Thị Thanh Phương	TS. Nguyễn Tiến Minh	Sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu ngành điện tử Việt Nam giai đoạn 2016-2020
25.	Đại học	Dòng vốn FDI vào Việt Nam dưới tác động của đại dịch Covid 19	Trần Lam Hải	ThS. Lê Minh Tuấn	Dòng vốn FDI vào Việt Nam dưới tác động của đại dịch Covid 19
26.	Đại học	Hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch Việt Nam giai đoạn 2015-2020: Thực trạng và giải pháp.	Dương Huyền Mai	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch Việt Nam giai đoạn 2015-2020: Thực trạng và giải pháp.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
27.	Đại học	Hiệp định CPTPP và cơ hội mở rộng thị trường Châu Mỹ cho hàng xuất khẩu Việt Nam	Bùi Thị Ngọc	ThS. Trần Thu Thủy	Hiệp định CPTPP và cơ hội mở rộng thị trường Châu Mỹ cho hàng xuất khẩu Việt Nam
28.	Đại học	Ngành dệt may Việt Nam trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu: Thực trạng và giải pháp	Nguyễn Minh Long	TS. Trần Việt Dung	Ngành dệt may Việt Nam trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu: Thực trạng và giải pháp
29.	Đại học	Thương hiệu và bảo hộ thương hiệu hàng hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập hội nhập kinh tế quốc tế	Lê Vũ Thị Vân Anh	TS. Nguyễn Thị Minh Phương	Thương hiệu và bảo hộ thương hiệu hàng hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập hội nhập kinh tế quốc tế
30.	Đại học	Tác động của Covid-19 đến chuỗi cung ứng toàn cầu của Nike- Cơ hội và thách thức cho Việt Nam	Nguyễn Hải Quỳnh	TS. Trần Việt Dung	Tác động của Covid-19 đến chuỗi cung ứng toàn cầu của Nike- Cơ hội và thách thức cho Việt Nam
31.	Đại học	Thúc đẩy xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Trần Thị Huyền	ThS. Lê Minh Tuấn	Thúc đẩy xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế
32.	Đại học	Tác động của dịch bệnh Covid-19 đến chuỗi giá trị xuất khẩu dệt may Việt Nam	Nguyễn Thị Phương Thảo	TS. Nguyễn Lan Anh	Tác động của dịch bệnh Covid-19 đến chuỗi giá trị xuất khẩu dệt may Việt Nam
33.	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA đến xuất khẩu mặt hàng giày dép của Việt Nam sang thị trường EU	Lưu Thị Huyền	TS. Nguyễn Thị Minh Phương	Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA đến xuất khẩu mặt hàng giày dép của Việt Nam sang thị trường EU

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
34.	Đại học	Giải pháp truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng nông sản xuất khẩu của Việt Nam sang EU	Phạm Anh Đào	ThS. Phạm Thị Phương	Giải pháp truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng nông sản xuất khẩu của Việt Nam sang EU
35.	Đại học	Ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ -Trung tới nền kinh tế Việt Nam, phân tích dưới mô hình SWOT	Nguyễn Thị Lệ Quyên	TS. Bùi Hồng Cường	Ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ-Trung tới nền kinh tế Việt Nam, phân tích dưới mô hình SWOT
36.	Đại học	Đánh giá tính bền vững của nợ công tại Việt Nam	Vũ Trần Phương Lan	ThS. Tống Thị Minh Phương	Đánh giá tính bền vững của nợ công tại Việt Nam
37.	Đại học	Thu hút vốn đầu tư FDI vào ngành kinh tế số Việt Nam: thực trạng và giải pháp	Trương Thị Khánh Chi	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Thu hút vốn đầu tư FDI vào ngành kinh tế số Việt Nam: thực trạng và giải pháp
38.	Đại học	Nhãn sinh thái MSC, ASC và cơ hội xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Châu Âu	Nguyễn Thế Minh	TS. Bùi Hồng Cường	Nhãn sinh thái MSC, ASC và cơ hội xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Châu Âu
39.	Đại học	Xuất khẩu gạo Việt Nam giữa đại dịch Covid	Nguyễn Thị Lâm Anh	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Xuất khẩu gạo Việt Nam giữa đại dịch Covid
40.	Đại học	Ngành điện tử Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu từ khi gia nhập WTO	Nguyễn Thị Huyền Trang	TS. Nguyễn Lan Anh	Ngành điện tử Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu từ khi gia nhập WTO
41.	Đại học	Sự tham gia của Việt Nam trong chuỗi giá trị nông nghiệp toàn cầu	Phạm Thị Mai Linh	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Sự tham gia của Việt Nam trong chuỗi giá trị nông nghiệp toàn cầu
42.	Đại học	Đánh giá tác động của UKVFTA đến xuất khẩu ngành dệt may Việt Nam	Ngô Nhật Ánh	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh	Đánh giá tác động của UKVFTA đến xuất khẩu ngành dệt may Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
43.	Đại học	Tác động của EVFTA đến xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU	Mai Hoàng Huy	TS. Vũ Thanh Hương	Tác động của EVFTA đến xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU
44.	Đại học	Tác động của EVFTA đến nguồn vốn FDI từ EU vào Việt Nam	Vũ Thị Quỳnh Châu	TS. Vũ Thanh Hương	Tác động của EVFTA đến nguồn vốn FDI từ EU vào Việt Nam
45.	Đại học	Tình trạng thu hút và sử dụng ODA Nhật Bản tại Việt Nam	Trần Hoài Hương	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Tình trạng thu hút và sử dụng ODA Nhật Bản tại Việt Nam
46.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ví điện tử moca trên ứng dụng grab	Phạm Thị Thùy Linh	ThS Đinh Văn Hoàng	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ví điện tử moca trên ứng dụng grab
47.	Đại học	Phân tích giá chứng khoán của công ty chứng khoán SSI	Trần Diệu Linh	TS. Phạm Thu Phương	Phân tích giá chứng khoán của công ty chứng khoán SSI
48.	Đại học	Ảnh hưởng của FDI đến môi trường tự nhiên Việt Nam	Nguyễn Anh Dũng	TS. Nguyễn Tiến Minh	Ảnh hưởng của FDI đến môi trường tự nhiên Việt Nam
49.	Đại học	Tác động của FDI tới ô nhiễm môi trường tại các nước phát triển	Đỗ Ngọc Hân	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi	Tác động của FDI tới ô nhiễm môi trường tại các nước phát triển
50.	Đại học	Ảnh hưởng quá trình chuyển đổi số tới đầu tư trực tiếp nước ngoài của các công ty đa quốc gia	Doãn Bảo Long	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh	Ảnh hưởng quá trình chuyển đổi số tới đầu tư trực tiếp nước ngoài của các công ty đa quốc gia
51.	Đại học	Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến thu hút FDI tại Việt Nam	Nguyễn Đức Quang	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi	Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến thu hút FDI tại Việt Nam
52.	Đại học	Nâng cao hiệu quả xuất khẩu chè của Việt Nam ra thị trường thế giới. Nghiên cứu trường hợp công ty TNHH Chè Mộc Sương	Trần Hồng Anh	TS. Phạm Thu Phương	Nâng cao hiệu quả xuất khẩu chè của Việt Nam ra thị trường thế giới. Nghiên cứu trường hợp công ty TNHH Chè Mộc Sương

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
53.	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA tới xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường EU	Nguyễn Cẩm Nhung	PGS.TS. Hà Văn Hội	Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA tới xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường EU
54.	Đại học	Công tác đào tạo nguồn nhân lực tại công ty cổ phần dược phẩm quốc tế Việt Mỹ	Nguyễn Trí Dũng	TS. Đặng Thị Hương	Công tác đào tạo nguồn nhân lực tại công ty cổ phần dược phẩm quốc tế Việt Mỹ
55.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh tại Công ty TNHH GL ELECTRONICS VINA	Lường Thị Trang	TS. Nguyễn Ngọc Quý	Hoạch định chiến lược kinh doanh tại Công ty TNHH GL ELECTRONICS VINA
56.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trên sàn thương mại điện tử Shopee của sinh viên tại Hà Nội	Hồ Nhật Linh	TS. Nguyễn Thu Hà	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trên sàn thương mại điện tử Shopee của sinh viên tại Hà Nội
57.	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nguồn nhân lực tại công ty TNHH Vận tải Hoàng Long	Mai Hải Nam	TS. Trương Minh Đức	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nguồn nhân lực tại công ty TNHH Vận tải Hoàng Long
58.	Đại học	Các yếu tố tác động đến hành vi chấp nhận sử dụng dịch vụ ngân hàng số của người tiêu dùng Hà Nội trong thời kỳ dịch bệnh COVID 19	Phạm Minh Đạt	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	Các yếu tố tác động đến hành vi chấp nhận sử dụng dịch vụ ngân hàng số của người tiêu dùng Hà Nội trong thời kỳ dịch bệnh COVID 19
59.	Đại học	Quản trị nguồn nhân lực tại công ty Thành Bắc	Nguyễn Thị Hằng	TS. Đỗ Xuân Trường	Quản trị nguồn nhân lực tại công ty Thành Bắc

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
60.	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cơ khí Viễn thông VINATECH	Lưu Hải Nam	TS. Phạm Vũ Thắng	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cơ khí Viễn thông VINATECH
61.	Đại học	Một số giải pháp nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tâm Phát	Lê Hoàng Yến Nhi	TS. Đào Cẩm Thủy	Một số giải pháp nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tâm Phát
62.	Đại học	Hoạt động tiêu thụ sản phẩm tại Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang	Nguyễn Thị Thiện	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Hoạt động tiêu thụ sản phẩm tại Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang
63.	Đại học	Phát triển nguồn nhân lực tại CTCP Dụng cụ thể thao Delta	Nguyễn Thị Lê Thảo	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	Phát triển nguồn nhân lực tại CTCP Dụng cụ thể thao Delta
64.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn cổ phiếu của các nhà đầu tư F0	Lê Thị Hồng Nhung	TS. Tô Lan Phương	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn cổ phiếu của các nhà đầu tư F0
65.	Đại học	Đánh giá sự hiệu quả của thị trường chứng khoán Việt Nam trước thông tin trả cổ tức và công bố lợi nhuận	Lương Hồng Nhung	TS. Vũ Thị Loan	Đánh giá sự hiệu quả của thị trường chứng khoán Việt Nam trước thông tin trả cổ tức và công bố lợi nhuận
66.	Đại học	Working capital management - at Rang Dong Light source and vacuum Flask joint stock company: Analysis and recommendations	Phạm Anh Tuấn	ThS. Phạm Thế Thành	Working capital management - at Rang Dong Light source and vacuum Flask joint stock company: Analysis and recommendations

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
67.	Đại học	Credit risk management at joint stock commercial bank for foreign trade of Vietnam	Trương Thị Trang	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	Credit risk management at joint stock commercial bank for foreign trade of Vietnam
68.	Đại học	Hoạt động cho vay ngang hàng (P2P Lending) - Kinh nghiệm phát triển trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	Vương Thị Hương Ly	ThS. Nguyễn Hải Tùng	Hoạt động cho vay ngang hàng (P2P Lending) - Kinh nghiệm phát triển trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam
69.	Đại học	Developing E-banking services at joint stock commercial bank for investment and development - Thanh Do branch	Trịnh Thị Thanh Phúc	TS. Nguyễn Phú Hà	Developing E-banking services at joint stock commercial bank for investment and development - Thanh Do branch
70.	Đại học	Tác động của vốn con người đến ngành dệt may tại Việt Nam	Bùi Thu Hoài	ThS. Đỗ Hoàng Phương	Tác động của vốn con người đến ngành dệt may tại Việt Nam
71.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục ở huyện miền núi Con Cuông, tỉnh Nghệ An"	Đỗ Huyền Trang	TS. Nguyễn Thị Lan Hương	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục ở huyện miền núi Con Cuông, tỉnh Nghệ An"
72.	Đại học	Giải pháp hoàn thiện chiến lược Marketing tại công ty Cổ phần Thương mại 7 Chữ số	Đinh Thị Thu Huyền	TS. Nguyễn Văn Phương	Giải pháp hoàn thiện chiến lược Marketing tại công ty Cổ phần Thương mại 7 Chữ số
73.	Đại học	Phân tích tác động Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) đến xuất khẩu rau quả Việt Nam"	Nguyễn Thị Nguyệt Hằng	ThS. Nguyễn Anh Tuấn	Phân tích tác động Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) đến xuất khẩu rau quả Việt Nam"

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
74.	Đại học	Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Lotes Việt Nam	Bùi Mai Phương Thảo	ThS. Nguyễn Thị Phương Anh	Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Lotes Việt Nam
75.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Bùi Phương Nga	TS. Phạm Ngọc Quang	Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam
76.	Đại học	Kế toán tiền lương tại Công ty TNHH nhựa Tating	Phạm Thanh Xuân	ThS. Nguyễn Hoàng Thái	Kế toán tiền lương tại Công ty TNHH nhựa Tating
77.	Đại học	Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH đầu tư và xây dựng thương mại Xuân Thắng	Trần Thị Duyên	TS. Trần Thế Nữ	Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH đầu tư và xây dựng thương mại Xuân Thắng
78.	Đại học	Phân tích tình hình tài chính tại Công ty cổ phần thép Nam Kim	Phan Thị Thanh Uyên	TS. Phạm Ngọc Quang	Phân tích tình hình tài chính tại Công ty cổ phần thép Nam Kim
79.	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Korea Rental Vina	Thái Thị Huyền	TS. Trần Thế Nữ	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Korea Rental Vina
80.	Đại học	Ảnh hưởng của ý kiến kiểm toán lên giá cổ phiếu: Trường hợp các doanh nghiệp ngành xây dựng và bất động sản niêm yết tại Việt Nam	Hà Thị Việt Anh	ThS. Nguyễn Thị Phương Anh	Ảnh hưởng của ý kiến kiểm toán lên giá cổ phiếu: Trường hợp các doanh nghiệp ngành xây dựng và bất động sản niêm yết tại Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
81.	Đại học	Kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH thương mại dịch vụ và xây dựng Đức Hà	Bùi Thu Hằng	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH thương mại dịch vụ và xây dựng Đức Hà
82.	Đại học	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Phúc Tiến	Lưu Đại Nghĩa	TS. Trần Thế Nữ	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Phúc Tiến
83.	Đại học	Kế toán hàng tồn kho tại Chi nhánh Luvín Gourmet - Công ty TNHH Lunet General	Phạm Thị Hồng Anh	ThS. Nguyễn Thị Phương Anh	Kế toán hàng tồn kho tại Chi nhánh Luvín Gourmet - Công ty TNHH Lunet General
84.	Đại học	Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Lunet Galaxy	Hoàng Vân Anh	ThS. Nguyễn Thị Phương Anh	Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Lunet Galaxy
85.	Đại học	Phân tích và dự báo tài chính tại Công ty cổ phần Vang Thăng Long	Nguyễn Thị Hoài Thương	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Phân tích và dự báo tài chính tại Công ty cổ phần Vang Thăng Long
86.	Đại học	Kế toán công nợ và phân tích tình hình công nợ tại công ty TNHH dịch vụ thương mại Vinh Chi	Phạm Thị Ngọc Anh	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Kế toán công nợ và phân tích tình hình công nợ tại công ty TNHH dịch vụ thương mại Vinh Chi
87.	Đại học	Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần bánh kẹo Hải Châu	Nguyễn Thị Mai Anh	TS. Trần Thế Nữ	Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần bánh kẹo Hải Châu
88.	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	Dương Thị Thơm	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư nhà và thương mại Hưng Ngân

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		cổ phần đầu tư nhà và thương mại Hưng Ngân			
89.	Đại học	Tác động của việc ứng dụng phần mềm kế toán vào hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TP Hà Nội	Nguyễn Thị Hương Giang	TS. Trần Thế Nữ	Tác động của việc ứng dụng phần mềm kế toán vào hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TP Hà Nội
90.	Đại học	Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trường An	Lê Thị Diệu Linh	ThS. Nguyễn Hoàng Thái	Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trường An
91.	Đại học	Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH POONGSHIN VINA	Lê Kim Huyền	TS. Bùi Phương Chi	Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH POONGSHIN VINA
92.	Đại học	Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Quan Sơn	Hoàng Minh Anh	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Quan Sơn
93.	Đại học	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH G.E.S Việt Nam	Lê Thị Hoa	ThS. Đỗ Quỳnh Chi	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH G.E.S Việt Nam
94.	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần PIN Hà Nội	Đỗ Thanh Hiền	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Phân tích hoạt động kinh doanh và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần PIN Hà Nội

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
95.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến làm việc trái ngành của sinh viên Kế toán tại Hà Nội	Lê Thị Minh Hương	ThS. Nguyễn Hoàng Thái	Các nhân tố ảnh hưởng đến làm việc trái ngành của sinh viên Kế toán tại Hà Nội
96.	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Vương Thị Như Quỳnh	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	Phân tích hiệu quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet
97.	Đại học	Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán quá trình bán hàng tại công ty TNHH Sơn Đồng	Nguyễn Thị Linh	ThS. Nguyễn Thị Phương Anh	Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán quá trình bán hàng tại công ty TNHH Sơn Đồng
98.	Đại học	Kiểm soát nội bộ quy trình tín dụng tại ngân hàng Liên Việt - LienVietPostBank - chi nhánh Điện Biên	Trần Thị Phương Dung	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy	Kiểm soát nội bộ quy trình tín dụng tại ngân hàng Liên Việt - LienVietPostBank - chi nhánh Điện Biên
99.	Đại học	Đánh giá hiệu quả tài chính sau M&A của các doanh nghiệp ngành thủy sản Việt Nam	Bùi Thị Linh Anh	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	Đánh giá hiệu quả tài chính sau M&A của các doanh nghiệp ngành thủy sản Việt Nam
100.	Đại học	Hoàn thiện công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Samdo Việt Nam	Đặng Thị Trang	ThS. Nguyễn Thị Phương Anh	Hoàn thiện công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Samdo Việt Nam
101.	Đại học	Hoàn thiện quy trình kiểm soát và quyết toán chi phí quảng cáo tại Công ty Cổ phần Butaba	Vũ Thị Thu Thủy	ThS. Đỗ Quỳnh Chi	Hoàn thiện quy trình kiểm soát và quyết toán chi phí quảng cáo tại Công ty Cổ phần Butaba
102.	Đại học	Kiểm toán khoản mục chi phí trả trước trong quy trình kiểm toán báo	Đào Anh Như	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	Kiểm toán khoản mục chi phí trả trước trong quy trình kiểm toán báo cáo tài chính của công ty TNHH KPMG

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		cáo tài chính của công ty TNHH KPMG			
103.	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngôi sao Hoàng gia.	Đoàn Thị Thúy Nga	ThS. Đỗ Quỳnh Chi	Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngôi sao Hoàng gia.
104.	Đại học	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục phải thu khách hàng trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế	Nguyễn Thị Lan Anh	TS. Phạm Ngọc Quang	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục phải thu khách hàng trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế
105.	Đại học	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và đầu tư LHC Việt Nam	Đới Thị Thúy Hằng	ThS. Nguyễn Thị Phương Anh	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và đầu tư LHC Việt Nam
106.	Đại học	Nhân tố ảnh hưởng đến hành vi nộp thuế TNCN của người bán hàng online	Đoàn Minh Trang	ThS. Nguyễn Hoàng Thái	Nhân tố ảnh hưởng đến hành vi nộp thuế TNCN của người bán hàng online
107.	Đại học	Thực trạng kế toán bán hàng tại Công ty TNHH Vinh Toàn Thắng	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. Nguyễn Hoàng Thái	Thực trạng kế toán bán hàng tại Công ty TNHH Vinh Toàn Thắng
108.	Đại học	Mối quan hệ giữa quy mô và hiệu quả hoạt động tại các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp Việt Nam trong giai đoạn Covid -19	Phạm Thị Anh Thư	ThS. Nguyễn Nam Trung	Mối quan hệ giữa quy mô và hiệu quả hoạt động tại các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp Việt Nam trong giai đoạn Covid -19

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
109.	Đại học	Quản lý chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Phát triển và đầu tư Thiên Phú.	Phạm Thị Kim Phượng	ThS. Nguyễn Nam Trung	Quản lý chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Phát triển và đầu tư Thiên Phú.
110.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến tính kịp thời trong công bố báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Đỗ Hoàng Lan	TS. Nguyễn Thị Hồng Thuý	Các nhân tố ảnh hưởng đến tính kịp thời trong công bố báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam
111.	Đại học	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Công nghệ môi trường Kang Rui De Việt Nam	Hoàng Thị Thu Quỳnh	ThS. Đỗ Quỳnh Chi	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Công nghệ môi trường Kang Rui De Việt Nam
112.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính các công ty ngành dịch vụ niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam.	Hoàng Thị Dừng	ThS. Nguyễn Nam Trung	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính các công ty ngành dịch vụ niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam.
113.	Đại học	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Quảng Ninh	Nguyễn Anh Quân	TS. Đỗ Kiều Oanh	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Quảng Ninh
114.	Đại học	Mối quan hệ giữa đặc điểm tổng giám đốc điều hành và sự tăng trưởng của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam	Nguyễn Thị Hồng	ThS. Nguyễn Hoàng Thái	Mối quan hệ giữa đặc điểm tổng giám đốc điều hành và sự tăng trưởng của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
115.	Đại học	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA thực hiện	Trần Thị Hằng	ThS. Đỗ Quỳnh Chi	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA thực hiện
116.	Đại học	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định trong kiểm toán BCTC tại chi nhánh công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Bình An tại Hà Nội thực hiện.	Hồ Ngọc Ánh	ThS. Đỗ Quỳnh Chi	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định trong kiểm toán BCTC tại chi nhánh công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Bình An tại Hà Nội thực hiện.
117.	Đại học	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả định doanh tại công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Châu Hoàng giai đoạn 2018-2022	Tống Khánh Linh	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả định doanh tại công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Châu Hoàng giai đoạn 2018-2022
118.	Đại học	Phân tích và hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần HYPERGATE TECHNOLOGY (HGTEC)	Lê Việt Anh	ThS. Nguyễn Thị Phương Anh	Phân tích và hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần HYPERGATE TECHNOLOGY (HGTEC)
119.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến việc công bố thông tin kế toán môi trường của các doanh nghiệp ngành	Trần Thuỳ Dương	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	Các nhân tố ảnh hưởng đến việc công bố thông tin kế toán môi trường của các doanh nghiệp ngành sản xuất thực phẩm niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		sản xuất thực phẩm niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam			
120.	Đại học	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp trong kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Đại Việt thực hiện	Trần Thu Hà	TS. Phạm Ngọc Quang	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp trong kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Đại Việt thực hiện
121.	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh doanh công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Hà Châu	Đặng Thị Nhật Linh	TS. Phạm Ngọc Quang	Phân tích hiệu quả kinh doanh công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Hà Châu
122.	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của chất lượng thu nhập đến lượng tiền mặt nắm giữ của các công ty niêm yết tại Việt Nam.	Ngô Thị Thu Hà	TS. Nguyễn Thị Hồng Thuý	Nghiên cứu ảnh hưởng của chất lượng thu nhập đến lượng tiền mặt nắm giữ của các công ty niêm yết tại Việt Nam.
123.	Đại học	Hoàn thiện quy trình KSNB kế toán doanh thu của công ty TNHH MTV Sức Sống Xanh	Trần Diệu Linh	ThS. Đỗ Quỳnh Chi	Hoàn thiện quy trình KSNB kế toán doanh thu của công ty TNHH MTV Sức Sống Xanh
124.	Đại học	Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thiết bị Kim Thái	Đỗ Phương Thảo	ThS. Đỗ Quỳnh Chi	Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thiết bị Kim Thái
125.	Đại học	Trách nhiệm của Kiểm toán viên, doanh nghiệp kiểm toán độc lập đối với gian lận Báo cáo tài chính.	Phạm Thuý Dung	ThS. Khiếu Hữu Bình	Trách nhiệm của Kiểm toán viên, doanh nghiệp kiểm toán độc lập đối với gian lận Báo cáo tài chính.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
126.	Đại học	Kế toán nguyên vật liệu tại công ty xây dựng TNHH Nhật Minh Yên Bái	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	ThS. Khiếu Hữu Bình	Kế toán nguyên vật liệu tại công ty xây dựng TNHH Nhật Minh Yên Bái
127.	Đại học	Chất lượng và trách nhiệm pháp lý của kiểm toán viên, doanh nghiệp kiểm toán độc lập đối với báo cáo kiểm toán	Trịnh Kim Chi	TS. Phạm Ngọc Quang	Chất lượng và trách nhiệm pháp lý của kiểm toán viên, doanh nghiệp kiểm toán độc lập đối với báo cáo kiểm toán
128.	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Ngọc Thiên global	Đàm Thị Ngọc Hân	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Ngọc Thiên global
129.	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị giao thông vận tải Việt Nam - Vietravel	Đỗ Mai Phương	TS. Nguyễn Thị Hồng Thuý	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị giao thông vận tải Việt Nam - Vietravel
130.	Đại học	Hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty Hàng không Việt Nam dưới tác động của đại dịch Covid	Phạm Khánh Linh	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	Hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty Hàng không Việt Nam dưới tác động của đại dịch Covid
131.	Đại học	Tiền lương và chính sách đãi ngộ đối với người lao động tại công ty TNHH cơ khí thiết bị viễn thông Vinasun	Triệu Phương Thảo	ThS. Nguyễn Nam Trung	Tiền lương và chính sách đãi ngộ đối với người lao động tại công ty TNHH cơ khí thiết bị viễn thông Vinasun
132.	Đại học	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế GTGT tại Việt Nam	Phạm Thị Khánh Chi	TS. Trần Thế Nữ	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế GTGT tại Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
133.	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Một thành viên SX và TM Bùi Đức	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	TS. Trần Thế Nữ	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Một thành viên SX và TM Bùi Đức
134.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi quản trị lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Đinh Thị Thu Thủy	ThS. Nguyễn Hoàng Thái	Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi quản trị lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam
135.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiện tượng hủy niêm yết: Bằng chứng từ các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Đỗ Ngọc Phương	ThS. Nguyễn Hoàng Thái	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiện tượng hủy niêm yết: Bằng chứng từ các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam
136.	Đại học	Ảnh hưởng của việc giảm thuế giá trị gia tăng đến nền kinh tế Việt Nam.	Trần Thị Phương Liên	ThS. Khiếu Hữu Bình	Ảnh hưởng của việc giảm thuế giá trị gia tăng đến nền kinh tế Việt Nam.
137.	Đại học	Kế toán quản trị trong kiểm soát chi phí và dòng tiền của doanh nghiệp	Đào Thùy Linh	ThS. Khiếu Hữu Bình	Kế toán quản trị trong kiểm soát chi phí và dòng tiền của doanh nghiệp
138.	Đại học	Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH AVUS Việt Nam	Trịnh Hoài Anh	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy	Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH AVUS Việt Nam
139.	Đại học	Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam	Hồ Thị Thanh Huyền	TS. Bùi Phương Chi	Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam.
140.	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TZ Hitec	Nguyễn Thị Hằng	TS. Đỗ Kiều Oanh	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TZ Hitec

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
141.	Đại học	Tác động của quản trị doanh nghiệp đến quyết định lựa chọn công ty kiểm toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam	Bùi Thị Thu Phương	TS. Bùi Phương Chi	Tác động của quản trị doanh nghiệp đến quyết định lựa chọn công ty kiểm toán tại các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam.
142.	Đại học	Giải pháp ứng dụng hoá đơn điện tử tại công ty cổ phần công nghệ EKOIOS	Trần Thị Lan Anh	ThS. Nguyễn Nam Trung	Giải pháp ứng dụng hoá đơn điện tử tại công ty cổ phần công nghệ EKOIOS
143.	Đại học	Thực trạng việc chuyển đổi sử dụng hoá đơn điện tử của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Nghệ An	Ngô Thúy Quỳnh	TS. Đỗ Kiều Oanh	Thực trạng việc chuyển đổi sử dụng hoá đơn điện tử của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Nghệ An
144.	Đại học	Thực trạng sử dụng hóa đơn điện tử tại Công ty cổ phần Công nghệ Rivernet Việt Nam	Trịnh Kim Chi	ThS. Nguyễn Nam Trung	Thực trạng sử dụng hóa đơn điện tử tại Công ty cổ phần Công nghệ Rivernet Việt Nam
145.	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam CDC	Phạm Thị Mai Anh	TS. Đỗ Kiều Oanh	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam CDC
146.	Đại học	Phân tích và dự báo báo cáo tài chính của Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Lê Nguyễn Thành Tú	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy	Phân tích và dự báo báo cáo tài chính của Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
147.	Đại học	Kế toán phần hành nhập khẩu hàng hoá tại Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ MHK	Phương Hải Yến	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Kế toán phần hành nhập khẩu hàng hoá tại Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ MHK

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
148.	Đại học	Công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng của Công ty CP đầu tư dược phẩm Sum trước và sau thời kì giãn cách xã hội.	Nguyễn Phương Anh	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng của Công ty CP đầu tư dược phẩm Sum trước và sau thời kì giãn cách xã hội.
149.	Đại học	Kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Giấy Hòa Bình	Trần Thị Thu Hiền	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Giấy Hòa Bình
150.	Đại học	Nghiên cứu việc sử dụng phần mềm kế toán đám mây trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại TP. Hà Nội	Nguyễn Như Quỳnh	TS. Đỗ Kiều Oanh	Nghiên cứu việc sử dụng phần mềm kế toán đám mây trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại TP. Hà Nội
151.	Đại học	Những vấn đề đặt ra đối với các doanh nghiệp Việt trong việc áp dụng hóa đơn điện tử	Nguyễn Huệ Giang	ThS. Nguyễn Thị Phương Anh	Những vấn đề đặt ra đối với các doanh nghiệp Việt trong việc áp dụng hóa đơn điện tử
152.	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Hesman Việt Nam	Tạ Thị Phương Thảo	TS. Trần Thế Nữ	Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Hesman Việt Nam
153.	Đại học	Nghiên cứu sai phạm BCTC của các công ty y tế niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Đinh Lê Thanh	TS. Đỗ Kiều Oanh	Nghiên cứu sai phạm BCTC của các công ty y tế niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam
154.	Đại học	Thực trạng sự hài hoà của kế toán trong hợp nhất kinh doanh tại Việt Nam hiện nay.	Nguyễn Thành Tiến	TS. Đỗ Kiều Oanh	Thực trạng sự hài hoà của kế toán trong hợp nhất kinh doanh tại Việt Nam hiện nay.
155.	Đại học	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Nguyễn Thị Hằng	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
156.	Đại học	Đặc điểm của Quản trị doanh nghiệp và mối quan hệ với cấu trúc vốn	Đặng Linh Đan	TS. Bùi Phương Chi	Đặc điểm của Quản trị doanh nghiệp và mối quan hệ với cấu trúc vốn
157.	Đại học	Đại dịch Covid-19 và Biến động thị trường chứng khoán Việt Nam	Cao Thanh Trà	TS. Bùi Phương Chi	Đại dịch Covid-19 và Biến động thị trường chứng khoán Việt Nam
158.	Đại học	Sử dụng mô hình M-score đánh giá khả năng gian lận báo cáo tài chính trước kiểm toán của các doanh nghiệp ngành bất động sản niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam năm 2021	Phạm Thị Ngọc Ánh	TS. Trần Thế Nữ	Sử dụng mô hình M-score đánh giá khả năng gian lận báo cáo tài chính trước kiểm toán của các doanh nghiệp ngành bất động sản niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam năm 2021
159.	Đại học	Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hiệu quả hoạt động tài chính của công ty TNHH Vạn Lợi	Trịnh Thị Lan Anh	TS. Bùi Phương Chi	Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hiệu quả hoạt động tài chính của công ty TNHH Vạn Lợi
160.	Đại học	Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần thương mại & dịch vụ trang trí GEE	Phạm Thị Thục Quyên	ThS. Khiếu Hữu Bình	Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần thương mại & dịch vụ trang trí GEE
161.	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty cổ phần thương mại sản xuất và xuất nhập khẩu Hưng Thịnh	Lưu Thị Hồng Oanh	TS. Bùi Phương Chi	Kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty cổ phần thương mại sản xuất và xuất nhập khẩu Hưng Thịnh
162.	Đại học	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH An ninh số	Nguyễn Thị Thúy Mai	ThS. Khiếu Hữu Bình	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH An ninh số

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
163.	Đại học	Phân tích báo cáo tài chính tại công ty cổ phần bánh kẹo Hải Hà	Nguyễn Thảo My	TS. Phạm Ngọc Quang	Phân tích báo cáo tài chính tại công ty cổ phần bánh kẹo Hải Hà
164.	Đại học	Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến khả năng thu thập dữ liệu bằng chứng kiểm toán của kiểm toán viên	Nguyễn Thị Thùy Trang	TS. Bùi Phương Chi	Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến khả năng thu thập dữ liệu bằng chứng kiểm toán của kiểm toán viên
165.	Đại học	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam thực hiện	Trần Đức Tài	TS. Phạm Ngọc Quang	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam thực hiện
166.	Đại học	Hoàn thiện tổ chức kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương ở Công ty Cổ phần du lịch Thành Công.	Phùng Thị Thu Giang	ThS. Nguyễn Nam Trung	Hoàn thiện tổ chức kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương ở Công ty Cổ phần du lịch Thành Công.
167.	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty CP xi măng Bim Sơn.	Nguyễn Thị Hoàng Giang	TS. Đỗ Kiều Oanh	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty CP xi măng Bim Sơn.
168.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu quần áo và hàng may mặc phụ trợ ở Việt Nam	Nguyễn Văn Anh	ThS. Đỗ Thị Minh Huệ	Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu quần áo và hàng may mặc phụ trợ ở Việt Nam
169.	Đại học	Sử dụng mô hình hedonic (phương pháp định giá thụ hưởng) để đánh giá tác động của yếu tố xanh đến giá của bất động sản	Nguyễn Thị Lan Anh	TS. Nguyễn Đình Tiến	Sử dụng mô hình hedonic (phương pháp định giá thụ hưởng) để đánh giá tác động của yếu tố xanh đến giá của bất động sản

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
170.	Đại học	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hoá đến 2020	Lê Thị Mỹ Linh	PGS.TS. Lê Đình Hải	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hoá đến 2020
171.	Đại học	Cơ hội và thách thức đối với kinh tế Việt nam trước chính sách gia tăng lãi suất của Fed	Trần Hoàng Minh	ThS. Đàm Thị Phương Thảo	Cơ hội và thách thức đối với kinh tế Việt nam trước chính sách gia tăng lãi suất của Fed
172.	Đại học	Xuất khẩu dịch vụ giáo dục Đại học của Australia - Kinh nghiệm phát triển và bài học cho Việt Nam	Lê Phương Thảo	ThS. Lê Minh Tuấn	Xuất khẩu dịch vụ giáo dục Đại học của Australia - Kinh nghiệm phát triển và bài học cho Việt Nam
173.	Đại học	Mua bán và sáp nhập (M&A) trong lĩnh vực Logistics tại Việt Nam	Chu Thị Thu Xanh	PGS.TS. Hà Văn Hội	Mua bán và sáp nhập (M&A) trong lĩnh vực Logistics tại Việt Nam
174.	Đại học	Rào cản thương mại đối với hàng thủy sản Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ	Trần Đặng Kiều Anh	PGS.TS. Hà Văn Hội	Rào cản thương mại đối với hàng thủy sản Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ
175.	Đại học	Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA	Nguyễn Thanh Bình	PGS.TS. Hà Văn Hội	Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA
176.	Đại học	Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh EVFTA được ký kết	Dương Ngọc Quỳnh	PGS.TS. Hà Văn Hội	Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh EVFTA được ký kết
177.	Đại học	Ảnh hưởng của rào cản kỹ thuật trong thương mại của EU đối với xuất khẩu thủy sản của Việt Nam	Lê Huy Dũng	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Ảnh hưởng của rào cản kỹ thuật trong thương mại của EU đối với xuất khẩu thủy sản của Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
178.	Đại học	Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh thực hiện nền kinh tế số tại Trung Quốc và một số hàm ý cho Việt Nam	Trần Thủy Tiên	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh thực hiện nền kinh tế số tại Trung Quốc và một số hàm ý cho Việt Nam
179.	Đại học	Ảnh hưởng của hiệp định Thương Mại tự do Việt Nam - Liên Minh Châu Âu(EVFTA) đến xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam	Phùng Thị Thảo Yên	PGS.TS. Hà Văn Hội	Ảnh hưởng của hiệp định Thương Mại tự do Việt Nam -Liên Minh Châu Âu (EVFTA) đến xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam
180.	Đại học	Cơ hội và thách thức cho ngành dệt may Việt Nam khi tham gia vào chuỗi giá trị dệt may toàn cầu	Vũ Thị Lan Anh	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi	Cơ hội và thách thức cho ngành dệt may Việt Nam khi tham gia vào chuỗi giá trị dệt may toàn cầu
181.	Đại học	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp FDI tại nước chủ nhà: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam	Trần Thị Thu Thảo	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp FDI tại nước chủ nhà: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam
182.	Đại học	Thực trạng hoạt động mua bán - sáp nhập doanh nghiệp tại Việt Nam giai đoạn 2016-2021	Nguyễn Bảo Linh	ThS. Lê Thị Bích Ngọc	Thực trạng hoạt động mua bán - sáp nhập doanh nghiệp tại Việt Nam giai đoạn 2016-2021
183.	Đại học	Hoạt động thu hút FDI tại Việt Nam thông qua hình thức mua lại và sáp nhập (M&A)	Phan Thu Huệ	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Hoạt động thu hút FDI tại Việt Nam thông qua hình thức mua lại và sáp nhập (M&A)
184.	Đại học	Các thay đổi trong chính sách FDI của Trung Quốc trong giai đoạn CoVid-19 và hàm ý cho Việt Nam	Bùi Thị Diệu	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Các thay đổi trong chính sách FDI của Trung Quốc trong giai đoạn CoVid-19 và hàm ý cho Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
185.	Đại học	Tác động của FDI từ Singapore tới phát triển kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2013-2021	Tô Khánh Linh	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Tác động của FDI từ Singapore tới phát triển kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2013-2021
186.	Đại học	Thực trạng của ngành hàng tiêu dùng nhanh và xu hướng trong bối cảnh "bình thường mới" tại Việt Nam	Trần Quốc Bình	ThS. Lê Thị Bích Ngọc	Thực trạng của ngành hàng tiêu dùng nhanh và xu hướng trong bối cảnh "bình thường mới" tại Việt Nam
187.	Đại học	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu gạo Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19	Đỗ Thị Trang	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu gạo Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19
188.	Đại học	Tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đến xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường EU	Phạm Thị Thanh Huyền	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi	Tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đến xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường EU
189.	Đại học	Phương thức thâm nhập thị trường và hoạt động đầu tư nước ngoài của các MNC Trung Quốc giai đoạn 2019-2021 và bài học cho Việt Nam	Hoàng Vũ Linh	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi	Phương thức thâm nhập thị trường và hoạt động đầu tư nước ngoài của các MNC Trung Quốc giai đoạn 2019-2021 và bài học cho Việt Nam
190.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng tới thu hút FDI trong lĩnh vực bất động sản ở Việt Nam	Trần Hoàng Thái Dương	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi	Các yếu tố ảnh hưởng tới thu hút FDI trong lĩnh vực bất động sản ở Việt Nam
191.	Đại học	Xu hướng và giải pháp phát triển du lịch quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid - 19	Bùi Thanh Thảo	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi	Xu hướng và giải pháp phát triển du lịch quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid - 19

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
192.	Đại học	Thực trạng dòng vốn FDI tại Việt Nam giai đoạn đại dịch Covid -19	Nguyễn Thị Ngọc Hà	PGS.TS. Phạm Thái Quốc	Thực trạng dòng vốn FDI tại Việt Nam giai đoạn đại dịch Covid -19
193.	Đại học	ODA và câu chuyện "bẫy nợ" của Trung Quốc và bài học rút ra cho Việt Nam	Hồ Thiên Anh	PGS.TS. Phạm Thái Quốc	ODA và câu chuyện "bẫy nợ" của Trung Quốc và bài học rút ra cho Việt Nam
194.	Đại học	Thực trạng thu hút vốn dòng vốn FDI từ EU vào Việt Nam sau khi hiệp định EVFTA có hiệu lực	Nguyễn Công Trung	PGS.TS. Phạm Thái Quốc	Thực trạng thu hút vốn dòng vốn FDI từ EU vào Việt Nam sau khi hiệp định EVFTA có hiệu lực
195.	Đại học	Rào cản kỹ thuật của EU đối với mặt hàng thanh long xuất khẩu của Việt Nam	Vũ Thị Quỳnh	ThS. Cao Thùy Linh	Rào cản kỹ thuật của EU đối với mặt hàng thanh long xuất khẩu của Việt Nam
196.	Đại học	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Nhật Bản	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	ThS. Vũ Lê Thùy Trang	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Nhật Bản
197.	Đại học	Đánh giá tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đến xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam	Nguyễn Văn Dư	ThS. Cao Thùy Linh	Đánh giá tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đến xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam
198.	Đại học	Hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong điều kiện thực thi hiệp định CPTPP	Trịnh Thị Ngọc Ánh	ThS. Đàm Thị Phương Thảo	Hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong điều kiện thực thi hiệp định CPTPP
199.	Đại học	Tác động của tự do hóa thương mại đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực vận tải biển tại Hải Phòng	Nguyễn Thùy Dương	ThS. Đàm Thị Phương Thảo	Tác động của tự do hóa thương mại đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực vận tải biển tại Hải Phòng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
200.	Đại học	Tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) tới xuất khẩu sản phẩm điện tử của Việt Nam sang thị trường Châu Âu	Vũ Thị Bắc	ThS. Đàm Thị Phương Thảo	Tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) tới xuất khẩu sản phẩm điện tử của Việt Nam sang thị trường Châu Âu
201.	Đại học	Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Malaysia - Kinh nghiệm và khả năng áp dụng cho Việt Nam	Trương Cảnh Huy	ThS. Đàm Thị Phương Thảo	Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Malaysia - Kinh nghiệm và khả năng áp dụng cho Việt Nam
202.	Đại học	Ảnh hưởng của biến động giá nhiên liệu thế giới tới cước vận tải biển	Trần Đức Mạnh	ThS. Đàm Thị Phương Thảo	Ảnh hưởng của biến động giá nhiên liệu thế giới tới cước vận tải biển
203.	Đại học	Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng Bắc bộ	Vũ Phạm Đại Lâm	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng Bắc bộ
204.	Đại học	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy hoạt động xuất khẩu gốm sứ sang thị trường Nhật Bản	Phạm Thị Huyền Trang	ThS. Lê Minh Tuấn	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy hoạt động xuất khẩu gốm sứ sang thị trường Nhật Bản
205.	Đại học	Nâng cao năng lực cạnh tranh của thủy sản Việt Nam trong bối cảnh EVFTA có hiệu lực	Trịnh Minh Hằng	ThS. Lê Minh Tuấn	Nâng cao năng lực cạnh tranh của thủy sản Việt Nam trong bối cảnh EVFTA có hiệu lực
206.	Đại học	Thương mại điện tử trong bối cảnh CoVid-19. Thực trạng phát triển trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	Nguyễn Thiên Hạnh Trang	ThS. Lê Minh Tuấn	Thương mại điện tử trong bối cảnh CoVid-19. Thực trạng phát triển trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
207.	Đại học	Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Nhật Bản vào Việt Nam sau khi Việt Nam gia nhập WTO: Thực trạng và giải pháp	Lê Huyền Trang	TS. Trần Việt Dung	Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Nhật Bản vào Việt Nam sau khi Việt Nam gia nhập WTO: Thực trạng và giải pháp
208.	Đại học	Phân tích thương mại nội ngành giữa Việt Nam và Trung Quốc trong ngành dệt may	Phạm Thu Trang	TS. Vũ Thanh Hương	Phân tích thương mại nội ngành giữa Việt Nam và Trung Quốc trong ngành dệt may
209.	Đại học	Tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU đến hoạt động nhập khẩu dược phẩm từ thị trường EU về đến Việt Nam	Phạm Hoàng Anh	ThS. Lê Minh Tuấn	Tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU đến hoạt động nhập khẩu dược phẩm từ thị trường EU về đến Việt Nam
210.	Đại học	Những nhân tố tác động đến thị trường xuất khẩu sản phẩm điện tử của Việt Nam trong bối cảnh Covid-19	Nguyễn Thế Anh	ThS. Lê Minh Tuấn	Những nhân tố tác động đến thị trường xuất khẩu sản phẩm điện tử của Việt Nam trong bối cảnh Covid-19
211.	Đại học	Nghiên cứu xu hướng xây dựng phương pháp quản trị chuỗi cung ứng xanh của các doanh nghiệp trên thế giới và ứng dụng cho Việt Nam	Trương Diễm Trang Vi	ThS. Lê Minh Tuấn	Nghiên cứu xu hướng xây dựng phương pháp quản trị chuỗi cung ứng xanh của các doanh nghiệp trên thế giới và ứng dụng cho Việt Nam
212.	Đại học	Tổng quan tình hình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam từ năm 2012-2022	Vương Thị Kim Tuyền	ThS. Lê Thị Bích Ngọc	Tổng quan tình hình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam từ năm 2012-2022
213.	Đại học	Đánh giá tác động của Covid-19 đến các sản phẩm thương mại điện tử tại Việt Nam giai đoạn 2020-2021	Nguyễn Quốc Huy	ThS. Lê Thị Bích Ngọc	Đánh giá tác động của Covid-19 đến các sản phẩm thương mại điện tử tại Việt Nam giai đoạn 2020-2021

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
214.	Đại học	Tác động Hiệp định EVFTA đến việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ EU vào Việt Nam	Đỗ Phương Thảo	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh	Tác động Hiệp định EVFTA đến việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ EU vào Việt Nam
215.	Đại học	Tác động của Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) tới hoạt động nhập khẩu ô tô của Việt Nam	Trần Đình Khiêm	TS. Trần Nguyễn Ngọc Cương	Tác động của Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) tới hoạt động nhập khẩu ô tô của Việt Nam
216.	Đại học	Tác động của công nghiệp văn hóa đến du lịch Inbound: Trường hợp của Nhật Bản và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	Nguyễn Thu Trang	ThS. Vũ Lê Thùy Trang	Tác động của công nghiệp văn hóa đến du lịch Inbound: Trường hợp của Nhật Bản và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam
217.	Đại học	Thực trạng thu hút FDI của Việt Nam trong bối cảnh biến động toàn cầu	Lê Khánh Tâm	TS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Thực trạng thu hút FDI của Việt Nam trong bối cảnh biến động toàn cầu
218.	Đại học	Đánh giá thực trạng quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ giai đoạn 2010-2021	Đỗ Phương Anh	ThS. Mai Thị Thanh Mai	Đánh giá thực trạng quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ giai đoạn 2010-2021
219.	Đại học	Đánh giá tình hình xuất khẩu da giày Việt Nam sang EU dưới tác động của EVFTA	Phạm Thương Thảo	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh	Đánh giá tình hình xuất khẩu da giày Việt Nam sang EU dưới tác động của EVFTA
220.	Đại học	Đánh giá thực trạng đầu tư trực tiếp Nhật Bản vào Việt Nam giai đoạn 2011-2021	Vũ Thị Hồng Nhung	ThS. Mai Thị Thanh Mai	Đánh giá thực trạng đầu tư trực tiếp Nhật Bản vào Việt Nam giai đoạn 2011-2021

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
221.	Đại học	Tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đến hoạt động xuất khẩu ngành điện tử của Việt Nam sang EU	Nguyễn Tuấn Minh	TS. Nguyễn Lan Anh	Tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đến hoạt động xuất khẩu ngành điện tử của Việt Nam sang EU
222.	Đại học	Rào cản kỹ thuật của EU đối với mặt hàng hạt điều Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU	Vương Vũ Ngọc Liên	TS. Nguyễn Lan Anh	Rào cản kỹ thuật của EU đối với mặt hàng hạt điều Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU
223.	Đại học	Ảnh hưởng của đại dịch CoVid-19 đến chuỗi giá trị toàn cầu và một số hàm ý cho Việt Nam	Vũ Thùy Linh	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh	Ảnh hưởng của đại dịch CoVid-19 đến chuỗi giá trị toàn cầu và một số hàm ý cho Việt Nam
224.	Đại học	Phát triển chuỗi cung ứng lạnh nông sản tại Việt Nam	Vũ Phương Thảo	TS. Nguyễn Lan Anh	Phát triển chuỗi cung ứng lạnh nông sản tại Việt Nam
225.	Đại học	Các rào cản thương mại đối với hàng dệt may xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ	Nguyễn Thị Phương	TS. Nguyễn Lan Anh	Các rào cản thương mại đối với hàng dệt may xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ
226.	Đại học	Thực trạng thu hút vốn đầu tư FDI vào Việt Nam trong giai đoạn 2015-2022	Đỗ Thị Thúy Vân	TS. Nguyễn Lan Anh	Thực trạng thu hút vốn đầu tư FDI vào Việt Nam trong giai đoạn 2015-2022
227.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang các nước EU	Phạm Ngọc Tân	TS. Trần Việt Dung	Các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang các nước EU
228.	Đại học	Đầu tư của các công ty xuyên quốc gia Nhật Bản tại Việt Nam	Trần Thu Hiền	TS. Nguyễn Lan Anh	Đầu tư của các công ty xuyên quốc gia Nhật Bản tại Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
229.	Đại học	Những cơ hội và thách thức đối với cà phê Việt Nam sau khi ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) và giải pháp khắc phục khó khăn trong bối cảnh Covid-19	Lê Thị Thảo	ThS. Phạm Thị Phương	Những cơ hội và thách thức đối với cà phê Việt Nam sau khi ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) và giải pháp khắc phục khó khăn trong bối cảnh Covid-19
230.	Đại học	Tác động của CoVid-19 đến thu hút FDI của Việt Nam	Hoàng Mai Hồng	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh	Tác động của CoVid-19 đến thu hút FDI của Việt Nam
231.	Đại học	Tác động của UKVFTA đến xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang Anh	Dương Thị Thanh Loan	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh	Tác động của UKVFTA đến xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang Anh
232.	Đại học	Sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu ngành thủy sản	Nguyễn Hằng Nga	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh	Sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu ngành thủy sản
233.	Đại học	Tác động của rào cản kỹ thuật tới xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam vào thị trường EU	Nguyễn Thị Thu Hà	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh	Tác động của rào cản kỹ thuật tới xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam vào thị trường EU
234.	Đại học	Sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu ngành công nghiệp ô tô	Vũ Hải Anh	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh	Sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu ngành công nghiệp ô tô
235.	Đại học	Các rào cản kỹ thuật của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU đối với rau quả Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Hương	TS. Bùi Hồng Cường	Các rào cản kỹ thuật của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU đối với rau quả Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
236.	Đại học	Kinh nghiệm quốc tế về phát triển Logistics đô thị và hàm ý cho Việt Nam	Nguyễn Trần Huệ Anh	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Kinh nghiệm quốc tế về phát triển Logistics đô thị và hàm ý cho Việt Nam
237.	Đại học	Thực trạng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU dưới tác động của của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)	Nguyễn Thiện Quang	ThS. Phạm Thị Phụng	Thực trạng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU dưới tác động của của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)
238.	Đại học	Phân tích thương mại nội ngành Việt Nam-Hoa Kỳ trong ngành gỗ, sản phẩm gỗ và một số hàm ý chính sách	Nguyễn Thị Phương Thảo	TS. Vũ Thanh Hương	Phân tích thương mại nội ngành Việt Nam-Hoa Kỳ trong ngành gỗ, sản phẩm gỗ và một số hàm ý chính sách
239.	Đại học	Xuất, nhập khẩu sắt thép của Việt Nam trong bối cảnh thực thi Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA)	Lê Tử Quốc Khánh	PGS.TS. Hà Văn Hội	Xuất, nhập khẩu sắt thép của Việt Nam trong bối cảnh thực thi Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA)
240.	Đại học	Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Australia trong bối cảnh thực hiện RCEP	Lưu Thị Hồng Nhung	TS. Vũ Thanh Hương	Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Australia trong bối cảnh thực hiện RCEP
241.	Đại học	Quan hệ thương mại Việt Nam - Nga trong ngành nông sản	Lê Tuấn Ngọc	ThS. Phạm Thị Phụng	Quan hệ thương mại Việt Nam - Nga trong ngành nông sản
242.	Đại học	Đánh giá tác động của EVFTA đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU	Hoàng Thị Nguyệt	TS. Bùi Hồng Cường	Đánh giá tác động của EVFTA đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
243.	Đại học	Tác động của Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) tới xuất khẩu nông sản Việt Nam sang Australia	Đoàn Bình Dương	TS. Trần Việt Dung	Tác động của Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) tới xuất khẩu nông sản Việt Nam sang Australia
244.	Đại học	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ logistics của công ty giao nhận vận tải 4GS trong bối cảnh hội nhập kinh tế	Nguyễn Quỳnh Trang	ThS. Phạm Thị Phụng	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ logistics của công ty giao nhận vận tải 4GS trong bối cảnh hội nhập kinh tế
245.	Đại học	Tác động của hiệp định CPTPP đối với xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản	Phạm Huyền Trang	ThS. Trần Hương Linh	Tác động của hiệp định CPTPP đối với xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản
246.	Đại học	Cơ hội, thách thức và giải pháp của xuất khẩu thủy sản từ Việt Nam sang thị trường Châu Mỹ trong bối cảnh thực thi Hiệp định CPTPP	Bùi Phương Thảo	PGS.TS. Hà Văn Hội	Cơ hội, thách thức và giải pháp của xuất khẩu thủy sản từ Việt Nam sang thị trường Châu Mỹ trong bối cảnh thực thi Hiệp định CPTPP
247.	Đại học	Tác động của CoVid-19 tới dòng vốn FDI của Nhật Bản vào Việt Nam	Đặng Huy Hiệu	ThS. Trần Hương Linh	Tác động của CoVid-19 tới dòng vốn FDI của Nhật Bản vào Việt Nam
248.	Đại học	Sự phát triển của kinh tế tuần hoàn tại Đức và liên hệ tới Việt Nam	Nguyễn Nam Đan	ThS. Trần Thu Thủy	Sự phát triển của kinh tế tuần hoàn tại Đức và liên hệ tới Việt Nam
249.	Đại học	Tác động của Hiệp định EVFTA đến hoạt động xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam	Nguyễn Thị Hải Yến	ThS. Trần Thu Thủy	Tác động của Hiệp định EVFTA đến hoạt động xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
250.	Đại học	Tác động của đại dịch CoVid-19 đến ngành thương mại điện tử, thực trạng và giả pháp cho Việt Nam	Nguyễn Hoàng Long	TS. Nguyễn Tiến Minh	Tác động của đại dịch CoVid-19 đến ngành thương mại điện tử, thực trạng và giả pháp cho Việt Nam
251.	Đại học	Tác động của Hiệp định EVFTA đến xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang EU	Trần Phương Thảo	ThS. Trần Thu Thủy	Tác động của Hiệp định EVFTA đến xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang EU
252.	Đại học	Sự phát triển của các Chaebol Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam	Lê Trung Hiếu	ThS. Trần Thu Thủy	Sự phát triển của các Chaebol Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam
253.	Đại học	Xuất khẩu gạo của Việt Nam vào thị trường EU trong điều kiện EVFTA thực thi	Phạm Lê Hà Phương	TS. Phạm Thu Phương	Xuất khẩu gạo của Việt Nam vào thị trường EU trong điều kiện EVFTA thực thi
254.	Đại học	Sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu ngành nông sản trong bối cảnh CoVid-19	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. Trần Thu Thủy	Sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu ngành nông sản trong bối cảnh CoVid-19
255.	Đại học	Rào cản phi thuế quan của EU đối với thương mại Việt Nam và một số gợi ý chính sách.	Lữ Huyền Trâm	ThS. Vũ Thiện Bách	Rào cản phi thuế quan của EU đối với thương mại Việt Nam và một số gợi ý chính sách.
256.	Đại học	Tác động của hiệp định VKFTA đến hoạt động xuất nhập khẩu Việt Nam - Hàn Quốc	Đỗ Quang Dũng	ThS. Vũ Thiện Bách	Tác động của hiệp định VKFTA đến hoạt động xuất nhập khẩu Việt Nam – Hàn Quốc
257.	Đại học	Hoạt động nhập khẩu của Trung Quốc trong đại dịch covid19: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam	Trần Đức Mạnh	ThS. Vũ Thiện Bách	Hoạt động nhập khẩu của Trung Quốc trong đại dịch covid19: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
258.	Đại học	Những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển dịch vụ Logistics ở Việt Nam	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển dịch vụ Logistics ở Việt Nam
259.	Đại học	Tác động của công nghiệp văn hóa tới xuất khẩu mỹ phẩm Hàn Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	Nguyễn Thảo Ly	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh	Tác động của công nghiệp văn hóa tới xuất khẩu mỹ phẩm Hàn Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam
260.	Đại học	Kinh nghiệm quốc tế trong quản lý tiền mã hóa	Phạm Phương Anh	ThS. Lê Minh Tuấn	Kinh nghiệm quốc tế trong quản lý tiền mã hóa
261.	Đại học	Tác động của đại dịch CoVid-19 đến hoạt động ngành Logistics tại Việt Nam	Nguyễn Thị Phương Thảo	PGS.TS. Hà Văn Hội	Tác động của đại dịch CoVid-19 đến hoạt động ngành Logistics tại Việt Nam
262.	Đại học	Đánh giá tác động của Hiệp định thương mại tự do EVFTA đến hoạt động xuất khẩu nông sản Việt Nam sang thị trường EU	Trần Hoàng Đạt	TS. Trần Nguyễn Ngọc Cương	Đánh giá tác động của Hiệp định thương mại tự do EVFTA đến hoạt động xuất khẩu nông sản Việt Nam sang thị trường EU
263.	Đại học	Năng lực cạnh tranh của ngành giày dép Việt Nam trên thị trường CPTPP	Nguyễn Thị Thu Thủy	TS. Bùi Hồng Cường	Năng lực cạnh tranh của ngành giày dép Việt Nam trên thị trường CPTPP
264.	Đại học	Tác động EVFTA đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Châu Âu	Nguyễn Minh Hoàng Dũng	TS. Trần Nguyễn Ngọc Cương	Tác động EVFTA đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Châu Âu
265.	Đại học	Tác động của đại dịch COVID-19 đến ngành logistics Việt Nam	Nguyễn Quỳnh Anh	TS. Bùi Hồng Cường	Tác động của đại dịch COVID-19 đến ngành logistics Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
266.	Đại học	Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA	Phạm Thị Hương	PGS.TS. Hà Văn Hội	Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA
267.	Đại học	Thực trạng xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường EU dưới tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) trong bối cảnh COVID-19	Nguyễn Nhật Phương	ThS. Phạm Thị Phụng	Thực trạng xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường EU dưới tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) trong bối cảnh COVID-19
268.	Đại học	Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường Châu Âu (EU)	Đình Lê Công Hiếu	TS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường Châu Âu (EU)
269.	Đại học	Quan hệ Thương mại - Đầu tư giữa Việt Nam và Hà Lan	Lê Ngọc Ánh	TS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Quan hệ Thương mại - Đầu tư giữa Việt Nam và Hà Lan
270.	Đại học	Tác động của hiệp định EVFTA đến xuất khẩu sản phẩm gạo sang Châu Âu	Đỗ Tuấn Anh	TS. Trần Thị Mai Thành	Tác động của hiệp định EVFTA đến xuất khẩu sản phẩm gạo sang Châu Âu
271.	Đại học	Cộng đồng kinh tế ASEAN và những tác động xuất khẩu gạo của Việt Nam	Dương Thùy Linh	TS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Cộng đồng kinh tế ASEAN và những tác động xuất khẩu gạo của Việt Nam
272.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ Logistics của các doanh nghiệp chuyển phát nhanh ở Hà Nội	Hoàng Thị Thu Thủy	ThS. Cao Thùy Linh	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ Logistics của các doanh nghiệp chuyển phát nhanh ở Hà Nội

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
273.	Đại học	Mối liên kết giữa vận tải, logistics, đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	TS. Nguyễn Lan Anh	Mối liên kết giữa vận tải, logistics, đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế
274.	Đại học	Phân tích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của trung tâm Logistics và ảnh hưởng đến Việt Nam	Nguyễn Phương Trang	ThS. Phạm Thị Phụng	Phân tích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của trung tâm Logistics và ảnh hưởng đến Việt Nam
275.	Đại học	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy thương mại điện tử của Việt Nam trong đại dịch CoVid-19	Vũ Thị Nhật Minh	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy thương mại điện tử của Việt Nam trong đại dịch CoVid-19
276.	Đại học	Thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam	Trịnh Anh Sơn	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam
277.	Đại học	Đánh giá tác động của thực trạng thiếu hụt nguồn nhân lực tới năng lực cạnh tranh ngành logistics Việt Nam trong khu vực Asean	Nguyễn Đỗ Thu Phương	ThS. Phạm Thị Phụng	Đánh giá tác động của thực trạng thiếu hụt nguồn nhân lực tới năng lực cạnh tranh ngành logistics Việt Nam trong khu vực Asean
278.	Đại học	Kinh nghiệm quốc tế về phát triển cơ sở hạ tầng Logistics và hàm ý cho Việt Nam	Phan Hoàng Tùng	TS. Nguyễn Tiến Minh	Kinh nghiệm quốc tế về phát triển cơ sở hạ tầng Logistics và hàm ý cho Việt Nam
279.	Đại học	Logistics xanh trong bối cảnh phát triển kinh tế bền vững tại Việt Nam	Nguyễn Thị Phương Thảo	TS. Bùi Hồng Cường	Logistics xanh trong bối cảnh phát triển kinh tế bền vững tại Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
280.	Đại học	Xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19	Trương Thị Trâm	TS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19
281.	Đại học	Phát triển Logistics ngược trong chuỗi cung ứng sản phẩm nhựa Việt Nam	Bùi Thị Hằng	TS. Bùi Hồng Cường	Phát triển Logistics ngược trong chuỗi cung ứng sản phẩm nhựa Việt Nam
282.	Đại học	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) và tác động tới xuất khẩu nông sản của thị trường Việt Nam sang thị trường EU	Lê Thị Thuý	TS. Trần Thị Mai Thành	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) và tác động tới xuất khẩu nông sản của thị trường Việt Nam sang thị trường EU
283.	Đại học	Tác động của hiệp định EVFTA tới xuất khẩu dệt may Việt Nam sang thị trường EU	Lưu Thị Thu Thủy	TS. Trần Nguyễn Ngọc Cương	Tác động của hiệp định EVFTA tới xuất khẩu dệt may Việt Nam sang thị trường EU
284.	Đại học	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng thực phẩm chế biến của Việt Nam tại thị trường Hàn Quốc	Vi Hải Việt	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng thực phẩm chế biến của Việt Nam tại thị trường Hàn Quốc
285.	Đại học	Đánh giá tác động của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam	Lê Thị Thu Huyền	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Đánh giá tác động của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam
286.	Đại học	Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam sang thị trường Mỹ	Thang Thị Tâm	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam sang thị trường Mỹ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
287.	Đại học	Hiệp định CPTPP - Cơ hội và thách thức cho xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Châu Mỹ	Ngô Thùy Dương	TS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Hiệp định CPTPP - Cơ hội và thách thức cho xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Châu Mỹ
288.	Đại học	Thực trạng và giải pháp vượt rào cản kỹ thuật của Mỹ đối với tôm và cá da trơn xuất khẩu của Việt Nam	Trần Thị Ngọc Ánh	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Thực trạng và giải pháp vượt rào cản kỹ thuật của Mỹ đối với tôm và cá da trơn xuất khẩu của Việt Nam
289.	Đại học	Xu hướng chuyển đổi số trong việc phát triển Logistics xanh tại Việt Nam	Trần Thị Kim Anh	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Xu hướng chuyển đổi số trong việc phát triển Logistics xanh tại Việt Nam
290.	Đại học	Chuỗi giá trị toàn cầu của ngành dệt may Việt trong và sau đại dịch CoVid -19. Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam	Nguyễn Thị Thùy Linh	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Chuỗi giá trị toàn cầu của ngành dệt may Việt trong và sau đại dịch CoVid -19. Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam
291.	Đại học	Chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	Nguyễn Thị Hương	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam
292.	Đại học	Giao hàng chặng đầu trong ngành E-Logistics tại Việt Nam: Nghiên cứu tình huống tại công ty Lazada Logistics Việt Nam	Nghiêm Phan Đức	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Giao hàng chặng đầu trong ngành E-Logistics tại Việt Nam: Nghiên cứu tình huống tại công ty Lazada Logistics Việt Nam
293.	Đại học	Phát triển thương mại điện tử Việt Nam trong tiến trình hiện thực hóa AEC (Cộng đồng kinh tế ASEAN)	Nguyễn Thủy Ngọc	TS. Nguyễn Tiến Minh	Phát triển thương mại điện tử Việt Nam trong tiến trình hiện thực hóa AEC (Cộng đồng kinh tế ASEAN)

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
294.	Đại học	Ảnh hưởng của đại dịch CoVid 19 tới hoạt động thương mại điện tử Việt Nam: Cơ hội và Thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam	Trương Trần Minh Khôi	TS. Nguyễn Tiến Minh	Ảnh hưởng của đại dịch CoVid 19 tới hoạt động thương mại điện tử Việt Nam: Cơ hội và Thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam
295.	Đại học	Đánh giá tác động của đại dịch CoVid-19 tới sự tham gia chuỗi giá trị dệt may toàn cầu của Việt Nam	Trịnh Vũ Vi Linh	TS. Trần Việt Dung	Đánh giá tác động của đại dịch CoVid-19 tới sự tham gia chuỗi giá trị dệt may toàn cầu của Việt Nam
296.	Đại học	Ảnh hưởng của covid-19 lên thương mại điện tử xuyên biên giới: Nghiên cứu trong trường hợp của Alibaba	Lê Khánh Linh	TS. Nguyễn Tiến Minh	Ảnh hưởng của covid-19 lên thương mại điện tử xuyên biên giới: Nghiên cứu trong trường hợp của Alibaba
297.	Đại học	Mô hình thương mại điện tử của Alibaba và Amazon từ đó đưa ra bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp tại Việt Nam	Nguyễn Khánh Linh	TS. Nguyễn Tiến Minh	Mô hình thương mại điện tử của Alibaba và Amazon từ đó đưa ra bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp tại Việt Nam
298.	Đại học	Năng lực cạnh tranh của mặt hàng cà phê Việt Nam xuất khẩu sang thị trường liên minh Châu Âu	Trần Thùy Linh	TS. Trần Thị Mai Thành	Năng lực cạnh tranh của mặt hàng cà phê Việt Nam xuất khẩu sang thị trường liên minh Châu Âu
299.	Đại học	Ứng dụng công nghệ RFID vào quản lý logistics cảng Container nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các cảng biển tại Việt Nam	Nguyễn Thụy Khanh	TS. Nguyễn Tiến Minh	Ứng dụng công nghệ RFID vào quản lý logistics cảng Container nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các cảng biển tại Việt Nam
300.	Đại học	Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến bất bình đẳng thu nhập:	Phạm Thị Thu	TS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến bất bình đẳng thu nhập: Bằng chứng thực nghiệm từ Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Bằng chứng thực nghiệm từ Việt Nam			
301.	Đại học	Thương mại của Nhật Bản trong đại dịch Covid-19 và hàm ý cho Việt Nam	Đỗ Minh Long	TS. Vũ Thanh Hương	Thương mại của Nhật Bản trong đại dịch Covid-19 và hàm ý cho Việt Nam
302.	Đại học	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu giày dép Việt Nam trong bối cảnh thực thi Hiệp định CPTPP	Trương Thị Hằng	TS. Nguyễn Lan Anh	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu giày dép Việt Nam trong bối cảnh thực thi Hiệp định CPTPP
303.	Đại học	Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU trong điều kiện EVFTA thực thi	Nguyễn Minh Phương	TS. Phạm Thu Phương	Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU trong điều kiện EVFTA thực thi
304.	Đại học	Tác động của Hiệp định thương mại tự do UKVFTA tới hoạt động xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam sang Vương Quốc Anh	Trần Hương Ly	ThS. Mai Thị Thanh Mai	Tác động của Hiệp định thương mại tự do UKVFTA tới hoạt động xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam sang Vương Quốc Anh
305.	Đại học	Tác động của Hiệp định Thương mại tự do EVFTA đối với xuất khẩu thủy sản	Cung Trang Nhung	ThS. Trần Hương Linh	Tác động của Hiệp định Thương mại tự do EVFTA đối với xuất khẩu thủy sản
306.	Đại học	Đo lường mối quan hệ giữa tham nhũng và đầu tư trực tiếp nước ngoài tại khu vực Châu Á và hàm ý chính sách cho Việt Nam	Nguyễn Thanh Hậu	TS. Phạm Thu Phương	Đo lường mối quan hệ giữa tham nhũng và đầu tư trực tiếp nước ngoài tại khu vực Châu Á và hàm ý chính sách cho Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
307.	Đại học	Tác động của hiệp định Thương Mại Tự Do (EVFTA) đến tình hình xuất khẩu nông sản Việt Nam sang thị trường EU	Nguyễn Ánh Hồng	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Tác động của hiệp định Thương Mại Tự Do (EVFTA) đến tình hình xuất khẩu nông sản Việt Nam sang thị trường EU
308.	Đại học	Tác động của hiệp định EVFTA đối với xuất khẩu gạo từ Việt Nam sang thị trường EU	Vũ Công Đức	TS. Phạm Thu Phương	Tác động của hiệp định EVFTA đối với xuất khẩu gạo từ Việt Nam sang thị trường EU
309.	Đại học	Tác động của FDI Hàn Quốc vào Việt Nam trong bối cảnh mới	Vũ Thị Phương Thảo	TS. Phạm Thu Phương	Tác động của FDI Hàn Quốc vào Việt Nam trong bối cảnh mới
310.	Đại học	Cơ hội và thách thức cho xuất khẩu ngành thủy sản của Việt Nam khi tham gia EVFTA	Nguyễn Thị Hải Yến	TS. Trần Nguyễn Ngọc Cương	Cơ hội và thách thức cho xuất khẩu ngành thủy sản của Việt Nam khi tham gia EVFTA
311.	Đại học	Đánh giá năng lực cạnh tranh của ngành cà phê Việt Nam trên thị trường RCEP	Bùi Trà My	TS. Trần Nguyễn Ngọc Cương	Đánh giá năng lực cạnh tranh của ngành cà phê Việt Nam trên thị trường RCEP
312.	Đại học	Tác động của hiệp định thương mại tự do EVFTA đối với hoạt động xuất khẩu da giày Việt Nam sang thị trường EU	Bùi Phạm Tiến Phong	TS. Trần Nguyễn Ngọc Cương	Tác động của hiệp định thương mại tự do EVFTA đối với hoạt động xuất khẩu da giày Việt Nam sang thị trường EU
313.	Đại học	Tác động của hiệp định EVFTA tới hoạt động xuất khẩu cà phê sang thị trường EU dưới sự vận dụng mô hình SMART	Nguyễn Thị Hương Giang	ThS. Trần Thu Thủy	Tác động của hiệp định EVFTA tới hoạt động xuất khẩu cà phê sang thị trường EU dưới sự vận dụng mô hình SMART

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
314.	Đại học	Mô hình quản lý chuỗi cung ứng bền vững: Phân tích trường hợp của Dell và bài học cho các doanh nghiệp điện tử Việt Nam	Phạm Thị Khánh Ly	TS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Mô hình quản lý chuỗi cung ứng bền vững: Phân tích trường hợp của Dell và bài học cho các doanh nghiệp điện tử Việt Nam
315.	Đại học	Tác động của hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU đối với xuất khẩu giày dép Việt Nam sang thị trường EU	Trần Thị Ngọc Mỹ	TS. Phạm Thu Phương	Tác động của hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU đối với xuất khẩu giày dép Việt Nam sang thị trường EU
316.	Đại học	Đánh giá tác động của Hiệp định EVFTA đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam	Phạm Thị Thu Hằng	ThS. Trần Thu Thủy	Đánh giá tác động của Hiệp định EVFTA đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam
317.	Đại học	Đánh giá tác động của Hiệp định thương mại tự do Châu Âu - Việt Nam (EVFTA) đến xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU	Thân Thị Vân Anh	TS. Trần Thị Mai Thành	Đánh giá tác động của Hiệp định thương mại tự do Châu Âu - Việt Nam (EVFTA) đến xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU
318.	Đại học	Xu hướng dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI vào Singapore và bài học cho Việt Nam	Phan Hải Yến	TS. Trần Thị Mai Thành	Xu hướng dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI vào Singapore và bài học cho Việt Nam
319.	Đại học	Cơ hội và thách thức đối với Xuất khẩu thủy sản từ Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi hiệp định EVFTA.	Nguyễn Phạm Hồng Nhung	TS. Phạm Thu Phương	Cơ hội và thách thức đối với Xuất khẩu thủy sản từ Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi hiệp định EVFTA.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
320.	Đại học	Chính sách nhập khẩu của Hòa Kỳ và giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ	Bùi Vân Anh	TS. Trần Thị Mai Thành	Chính sách nhập khẩu của Hòa Kỳ và giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ
321.	Đại học	Đánh giá tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đến xuất khẩu rau quả của Việt Nam	Đặng Mai Phương	TS. Bùi Hồng Cường	Đánh giá tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đến xuất khẩu rau quả của Việt Nam
322.	Đại học	Thực trạng thương mại điện tử ở Việt Nam và các nhân tố ảnh hưởng đến việc phát triển thương mại điện tử	Nguyễn Quốc Khánh	TS. Trần Thị Mai Thành	Thực trạng thương mại điện tử ở Việt Nam và các nhân tố ảnh hưởng đến việc phát triển thương mại điện tử
323.	Đại học	Kinh nghiệm phát triển dịch vụ Logistics tại một số nước Asean và bài học đối với Việt Nam	Đỗ Duy Hùng	TS. Bùi Hồng Cường	Kinh nghiệm phát triển dịch vụ Logistics tại một số nước Asean và bài học đối với Việt Nam
324.	Đại học	Các nhân tố tác động tới quyết định đầu tư trực tiếp nước ngoài của EU sang các nước đang phát triển và hàm ý chính sách cho Việt Nam	Nguyễn Thị Hương	TS. Phạm Thu Phương	Các nhân tố tác động tới quyết định đầu tư trực tiếp nước ngoài của EU sang các nước đang phát triển và hàm ý chính sách cho Việt Nam
325.	Đại học	Rào cản chống bán phá giá trên thị trường Mỹ và gợi ý cho hàng xuất khẩu Việt Nam	Nguyễn Minh Châu	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Rào cản chống bán phá giá trên thị trường Mỹ và gợi ý cho hàng xuất khẩu Việt Nam
326.	Đại học	Tác động của Hiệp định EVFTA đến hoạt động xuất khẩu nông sản của Việt Nam	Nguyễn Công Tú	TS. Trần Việt Dung	Tác động của Hiệp định EVFTA đến hoạt động xuất khẩu nông sản của Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
327.	Đại học	Tác động của tham nhũng tới thu hút FDI tại các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và hàm ý chính sách cho Việt Nam	Nguyễn Khánh Hoà	TS. Phạm Thu Phương	Tác động của tham nhũng tới thu hút FDI tại các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và hàm ý chính sách cho Việt Nam
328.	Đại học	Tác động của Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và liên hiệp Vương Quốc Anh và Bắc Ireland (UKVFTA) tới xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam	Nguyễn Phương Thảo	TS. Trần Việt Dung	Tác động của Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và liên hiệp Vương Quốc Anh và Bắc Ireland (UKVFTA) tới xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam
329.	Đại học	Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Hàn Quốc vào Việt Nam: Thực trạng và hàm ý chính sách	Nguyễn Thị Ngà	TS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Hàn Quốc vào Việt Nam: Thực trạng và hàm ý chính sách
330.	Đại học	Tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU đối với xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường EU	Hoàng Phương Thảo	TS. Trần Việt Dung	Tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU đối với xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường EU
331.	Đại học	Ảnh hưởng của đại dịch CoVid-19 đến dòng FDI toàn cầu và các vấn đề chính sách đối với Việt Nam	Lê Thùy Dung	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Ảnh hưởng của đại dịch CoVid-19 đến dòng FDI toàn cầu và các vấn đề chính sách đối với Việt Nam
332.	Đại học	Phân tích và đánh giá sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu ngành công nghiệp ô tô	Trần Thị Thu Hà	TS. Trần Việt Dung	Phân tích và đánh giá sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu ngành công nghiệp ô tô
333.	Đại học	Phân tích sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu	Trần Ngọc Anh	TS. Trần Việt Dung	Phân tích sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu ngành dệt may và một số hàm ý chính sách

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		ngành dệt may và một số hàm ý chính sách			
334.	Đại học	Thực trạng hoạt động mua bán và sáp nhập trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống tại Việt Nam	Nguyễn Minh Thu	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Thực trạng hoạt động mua bán và sáp nhập trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống tại Việt Nam
335.	Đại học	Tác động của Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Australia	Nguyễn Thị Phương Ly	TS. Vũ Thanh Hương	Tác động của Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Australia
336.	Đại học	Tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đối với xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang thị trường EU	Tạ Thị Vân Anh	TS. Vũ Thanh Hương	Tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đối với xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang thị trường EU
337.	Đại học	Tạo thuận lợi thương mại số của Việt Nam và tác động đến thương mại Việt Nam - EU	Lâm Thị Thúy Hạnh	TS. Vũ Thanh Hương	Tạo thuận lợi thương mại số của Việt Nam và tác động đến thương mại Việt Nam - EU
338.	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của CoVid - 19 tới xuất khẩu của Việt Nam	Nguyễn Thị Tuyết	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Phân tích ảnh hưởng của CoVid - 19 tới xuất khẩu của Việt Nam
339.	Đại học	Mối liên hệ giữa Blockchain - Metaverse - Crypto và Tương lai của nền kinh tế kỹ thuật số	Nguyễn Cao Việt Hưng	TS. Nguyễn Tiến Minh	Mối liên hệ giữa Blockchain - Metaverse - Crypto và Tương lai của nền kinh tế kỹ thuật số

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
340.	Đại học	Nghiên cứu hình thức thâm nhập thị trường quốc tế của các Công ty xuyên quốc gia (TNCs): Bài học quốc tế và kinh nghiệm cho doanh nghiệp Việt Nam	Hoàng Hà Vi	TS. Trần Thị Mai Thành	Nghiên cứu hình thức thâm nhập thị trường quốc tế của các Công ty xuyên quốc gia (TNCs): Bài học quốc tế và kinh nghiệm cho doanh nghiệp Việt Nam
341.	Đại học	Đánh giá tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVTA) đến xuất khẩu hàng điện tử của Việt Nam	Nguyễn Hữu Chuyên	TS. Vũ Thanh Hương	Đánh giá tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVTA) đến xuất khẩu hàng điện tử của Việt Nam
342.	Đại học	Cơ hội và thách thức của các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia hiệp định thương mại CPTPP	Vũ Hải Yến	TS. Trần Thị Mai Thành	Cơ hội và thách thức của các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia hiệp định thương mại CPTPP
343.	Đại học	Đánh giá vị thế Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu ngành dệt may và hàm ý một số chính sách	Lê Minh Thảo	TS. Vũ Thanh Hương	Đánh giá vị thế Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu ngành dệt may và hàm ý một số chính sách
344.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn bó của nhân viên với tổ chức tại công ty TNHH Hòa Bình	Trần Khánh Linh	TS. Đặng Thị Hương	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn bó của nhân viên với tổ chức tại công ty TNHH Hòa Bình
345.	Đại học	Hoàn thiện chiến lược kinh doanh thời kì hậu dịch bệnh Covid-19 của công ty TNHH Tiên Phát	Nguyễn Thị Lan Anh	TS. Phùng Thế Vinh	Hoàn thiện chiến lược kinh doanh thời kì hậu dịch bệnh Covid-19 của công ty TNHH Tiên Phát
346.	Đại học	Hoàn thiện công tác Tuyển dụng nhân sự tại Công ty TNHH Savor Việt Nam	Nguyễn Thị Tuyết Anh	TS. Cao Tú Oanh	Hoàn thiện công tác Tuyển dụng nhân sự tại Công ty TNHH Savor Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
347.	Đại học	Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân lực tại Công ty Cổ phần Grand Nutrition	Phạm Thị Vân Anh	ThS. Trần Thị Nhung	Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân lực tại Công ty Cổ phần Grand Nutrition
348.	Đại học	Hoàn thiện công tác đãi ngộ nhân sự tại công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Thành Sen	Nguyễn Hà Anh	TS. Đào Thị Hà Anh	Hoàn thiện công tác đãi ngộ nhân sự tại công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Thành Sen
349.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng ví điện tử Momo của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội.	Nguyễn Ngọc Ánh	TS. Hoàng Xuân Vinh	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng ví điện tử Momo của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội.
350.	Đại học	Tác động của người có ảnh hưởng trên mạng xã hội đến ý định mua hàng trực tuyến của người tiêu dùng tại Thành phố Hà Nội	Tô Thị Bình	TS. Đào Cẩm Thuý	Tác động của người có ảnh hưởng trên mạng xã hội đến ý định mua hàng trực tuyến của người tiêu dùng tại Thành phố Hà Nội
351.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức thương hiệu K-Render của khách hàng Việt Nam.	Nguyễn Thùy Dương	ThS. Hoàng Đàm Lương Thuý	Các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức thương hiệu K-Render của khách hàng Việt Nam.
352.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua hàng trên ứng dụng Lazada của người tiêu dùng Việt Nam: Nghiên cứu tại thị trường Hà Nội.	Nguyễn Thị Thanh Hậu	ThS. Nguyễn Khánh Huy	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua hàng trên ứng dụng Lazada của người tiêu dùng Việt Nam: Nghiên cứu tại thị trường Hà Nội.
353.	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân lực tại Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bắc Giang.	Ngô Quang Huy	TS. Phạm Việt Thắng	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân lực tại Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bắc Giang.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
354.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sắm trực tuyến trên ứng dụng di động: Nghiên cứu trường hợp điển hình của Shopee.	Doãn Thị Thùy Linh	ThS. Hoàng Trọng Trường	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sắm trực tuyến trên ứng dụng di động: Nghiên cứu trường hợp điển hình của Shopee.
355.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng tới sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của công ty Kinh doanh Thương mại điện tử VNE (Khu vực Việt Nam)	Ngô Thị Diệu Linh	TS. Đào Cẩm Thủy	Các nhân tố ảnh hưởng tới sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của công ty Kinh doanh Thương mại điện tử VNE (Khu vực Việt Nam)
356.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ chuyển phát nhanh của công ty TNHH MTV Thuận Phong (J&T Express).	Tổng Thị Hải Ly	TS. Lưu Hữu Văn	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ chuyển phát nhanh của công ty TNHH MTV Thuận Phong (J&T Express).
357.	Đại học	Quản trị Nhân lực tại công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam	Vũ Thị Mai	TS. Đặng Thị Hương	Quản trị Nhân lực tại công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam.
358.	Đại học	Xây dựng và phát triển thương hiệu Minh Chiến của Công ty TNHH dược phẩm Minh Chiến.	Kiều Thị Trà My	TS. Hoàng Thị Bảo Thoa	Xây dựng và phát triển thương hiệu Minh Chiến của Công ty TNHH dược phẩm Minh Chiến.
359.	Đại học	Digital Marketing tại Công ty cổ phần giải pháp nội thất Flexhome.	Hoàng Mai Ngân	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Digital Marketing tại Công ty cổ phần giải pháp nội thất Flexhome.
360.	Đại học	Nghiên cứu về sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ bán	Nguyễn Yên Ngọc	ThS. Phạm Nhật Linh	Nghiên cứu về sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ bán hàng tại công ty in ấn và quảng cáo Inchi Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		hàng tại công ty in ấn và quảng cáo Inchi Việt Nam			
361.	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nguồn nhân lực của Công ty TNHH Thương mại Đoàn Xuân - Xe khách Oho.	Phạm Hoài Ngọc	ThS. Trần Thị Nhung	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nguồn nhân lực của Công ty TNHH Thương mại Đoàn Xuân - Xe khách Oho.
362.	Đại học	Phân tích chiến lược Marketing dịch vụ Internet của Công ty FPT chi nhánh Sơn Tây	Nguyễn Thị Nhung	ThS. Hoàng Trọng Trường	Phân tích chiến lược Marketing dịch vụ Internet của Công ty FPT chi nhánh Sơn Tây
363.	Đại học	Ảnh hưởng của niềm tin và các yếu tố tới hành vi mua sắm trực tuyến của sinh viên tại Hà Nội.	Nguyễn Thị Thanh Phương	TS. Nguyễn Thị Phi Nga	Ảnh hưởng của niềm tin và các yếu tố tới hành vi mua sắm trực tuyến của sinh viên tại Hà Nội.
364.	Đại học	Các yếu tố tác động đến hành vi mua hàng thủ công mỹ nghệ của du khách nước ngoài tại Hà Nội.	Vũ Hà Thu	ThS. Hoàng Đàm Lương Thúy	Các yếu tố tác động đến hành vi mua hàng thủ công mỹ nghệ của du khách nước ngoài tại Hà Nội.
365.	Đại học	Tác động của đại dịch Covid-19 đến hoạt động đào tạo nhân sự: Nghiên cứu tại Công ty bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam	Lê Thu Thúy	ThS. Đinh Phương Hoa	Tác động của đại dịch Covid-19 đến hoạt động đào tạo nhân sự: Nghiên cứu tại Công ty bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam
366.	Đại học	Nghiên cứu hành vi tiêu dùng rau sạch của người dân tại các siêu thị trên địa bàn Hà Nội	Mai Nguyễn Thanh Thủy	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	Nghiên cứu hành vi tiêu dùng rau sạch của người dân tại các siêu thị trên địa bàn Hà Nội
367.	Đại học	Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị bán hàng ở Công ty TNHH thực phẩm Mạnh Yến.	Đinh Hoàng Hạnh Trang	ThS. Lê Thanh Hương	Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị bán hàng ở Công ty TNHH thực phẩm Mạnh Yến.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
368.	Đại học	Giải pháp hoàn thiện chính sách marketing hỗn hợp cho công ty bảo hiểm nhân thọ Daiichi Life Việt Nam.	Lưu Quỳnh Trang	ThS. Hoàng Trọng Trường	Giải pháp hoàn thiện chính sách marketing hỗn hợp cho công ty bảo hiểm nhân thọ Daiichi Life Việt Nam.
369.	Đại học	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại Tập đoàn HBR Holdings.	Mai Thị Kiều Trang	TS. Đào Thị Hà Anh	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại Tập đoàn HBR Holdings.
370.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh tại công ty cổ phần nhóm Việt Pháp Shal năm 2030.	Nguyễn Thị Yên	TS. Nguyễn Đức Xuân	Hoạch định chiến lược kinh doanh tại công ty cổ phần nhóm Việt Pháp Shal năm 2030.
371.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng sách nói của sinh viên trên địa bàn Hà Nội.	Hoàng Thị Vân Anh	TS. Đào Cẩm Thủy	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng sách nói của sinh viên trên địa bàn Hà Nội.
372.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi sử dụng ứng dụng thư viện điện tử của sinh viên trên địa bàn Hà Nội	Nguyễn Tùng Anh	ThS. Nguyễn Thu Thảo	Các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi sử dụng ứng dụng thư viện điện tử của sinh viên trên địa bàn Hà Nội
373.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điện thoại thông minh cho sinh viên trường UEB	Nguyễn Việt Anh	TS. Lưu Hữu Văn	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điện thoại thông minh cho sinh viên trường UEB
374.	Đại học	Tác động của chiến lược Marketing Mix đến hành vi tiêu dùng sản phẩm sữa non Boca Sure của khách hàng tại công ty TNHH một thành viên Alifaco.	Trần Vương Tú Anh	ThS. Hoàng Đàm Lương Thúy	Tác động của chiến lược Marketing Mix đến hành vi tiêu dùng sản phẩm sữa non Boca Sure của khách hàng tại công ty TNHH một thành viên Alifaco.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
375.	Đại học	Trách nhiệm xã hội tại công ty cổ phần sữa Việt Nam Vinamilk: Phân tích thông tin từ báo cáo phát triển bền vững.	Đào Ngọc Chuyên	TS. Trần Thị Hiền	Trách nhiệm xã hội tại công ty cổ phần sữa Việt Nam Vinamilk: Phân tích thông tin từ báo cáo phát triển bền vững.
376.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng Tiktok	Nguyễn Thị Ngọc Dung	ThS. Nguyễn Thu Thảo	Các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng Tiktok
377.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi mua sắm trực tuyến trên các trang thương mại điện tử của khách hàng tỉnh Thái Nguyên trong đại dịch COVID 19.	Đinh Trà Giang	ThS. Hoàng Đàm Lương Thúy	Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi mua sắm trực tuyến trên các trang thương mại điện tử của khách hàng tỉnh Thái Nguyên trong đại dịch COVID 19.
378.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng tới việc lựa chọn website bán hàng online	Nguyễn Thanh Giang	TS. Lưu Hữu Văn	Các yếu tố ảnh hưởng tới việc lựa chọn website bán hàng online
379.	Đại học	Ảnh hưởng lối sống và yếu tố đến quyết định mua laptop của sinh viên Trường Đại học Kinh tế-ĐHQGHN	Vũ Trường Giang	TS. Nguyễn Thị Phi Nga	Ảnh hưởng lối sống và yếu tố đến quyết định mua laptop của sinh viên Trường Đại học Kinh tế-ĐHQGHN
380.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm của giới trẻ tại Hà Nội trên nền tảng mạng xã hội Tiktok	Nguyễn Thị Huệ	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm của giới trẻ tại Hà Nội trên nền tảng mạng xã hội Tiktok
381.	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn dịch vụ di động của sinh viên	Tạ Thị Thu Huệ	TS. Phùng Thế Vinh	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn dịch vụ di động của sinh viên

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
382.	Đại học	Sự yêu thích đối với thương hiệu Nike của giới trẻ trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Hoàng Mai Hương	TS. Đỗ Xuân Trường	Sự yêu thích đối với thương hiệu Nike của giới trẻ trên địa bàn Thành phố Hà Nội
383.	Đại học	Thực trạng hoạt động Digital Marketing của công ty TNHH đầu tư Namek	Bùi Thị Hương	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Thực trạng hoạt động Digital Marketing của công ty TNHH đầu tư Namek
384.	Đại học	Ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định mua hàng trên sàn TMĐT Lazada của giới trẻ tại Hà Nội	Ngô Thị Khánh Huyền	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định mua hàng trên sàn TMĐT Lazada của giới trẻ tại Hà Nội
385.	Đại học	Tác động của người có ảnh hưởng và các nhân tố đến hành vi lựa chọn thương hiệu hóa mỹ phẩm của giới trẻ Hà Nội	Trịnh Hồng Lê	TS. Nguyễn Thị Phi Nga	Tác động của người có ảnh hưởng và các nhân tố đến hành vi lựa chọn thương hiệu hóa mỹ phẩm của giới trẻ Hà Nội
386.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến việc quyết định mua hàng trên sàn TMĐT Shopee của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Mai Thị Thùy Linh	TS. Cao Tú Oanh	Các yếu tố ảnh hưởng đến việc quyết định mua hàng trên sàn TMĐT Shopee của sinh viên Đại học Kinh tế ĐHQGHN
387.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến trải nghiệm của khách hàng khi mua hàng tại cửa hàng Mogi trên địa bàn Hà Nội.	Ngô Khánh Linh	TS. Nguyễn Thu Hà	Các yếu tố ảnh hưởng đến trải nghiệm của khách hàng khi mua hàng tại cửa hàng Mogi trên địa bàn Hà Nội.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
388.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trên mạng xã hội Instagram của người tiêu dùng tại Thành phố Hà Nội.	Nguyễn Trúc Linh	TS. Nguyễn Anh Tuấn	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trên mạng xã hội Instagram của người tiêu dùng tại Thành phố Hà Nội.
389.	Đại học	Tác động của người ảnh hưởng đến quyết định mua sắm sản phẩm thời trang của khách hàng thế hệ Z tại Hà Nội.	Nguyễn Minh Lý	ThS. Hoàng Đàm Lương Thúy	Tác động của người ảnh hưởng đến quyết định mua sắm sản phẩm thời trang của khách hàng thế hệ Z tại Hà Nội.
390.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi người dùng trong việc quyết định lựa chọn và duy trì nền tảng dịch vụ xem phim trực tuyến Netflix tại TP. Hà Nội.	Nguyễn Tiến Mạnh	ThS. Lê Thanh Hương	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi người dùng trong việc quyết định lựa chọn và duy trì nền tảng dịch vụ xem phim trực tuyến Netflix tại TP. Hà Nội.
391.	Đại học	Hoàn thiện hoạt động đào tạo tại Công ty TNHH Logigo.	Nguyễn Tuấn Minh	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	Hoàn thiện hoạt động đào tạo tại Công ty TNHH Logigo.
392.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến của khách du lịch: Trường hợp Làng gốm cổ truyền Bát Tràng	Lê Thị Bảo Ngọc	TS. Lưu Hữu Văn	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến của khách du lịch: Trường hợp Làng gốm cổ truyền Bát Tràng
393.	Đại học	Hành vi người tiêu dùng	Trần Minh Nhi	ThS. Lê Thanh Hương	Hành vi người tiêu dùng
394.	Đại học	Hoàn thiện hoạt động tuyển dụng nhân sự tại Công ty TNHH một thành viên công nghệ nhựa Đông Húc.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TS. Nguyễn Đức Xuân	Hoàn thiện hoạt động tuyển dụng nhân sự tại Công ty TNHH một thành viên công nghệ nhựa Đông Húc.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
395.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên Trường ĐHKT - ĐHQGHN	Nguyễn Thị Phương	TS. Phùng Thế Vinh	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên Trường ĐHKT - ĐHQGHN
396.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh trong doanh nghiệp	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	TS. Nguyễn Ngọc Quý	Hoạch định chiến lược kinh doanh trong doanh nghiệp
397.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chọn mua các sản phẩm thời trang qua mạng xã hội Tiktok	Chu Đỗ Hoàng Sơn	TS. Nguyễn Thu Hà	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chọn mua các sản phẩm thời trang qua mạng xã hội Tiktok
398.	Đại học	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty bảo hiểm nhân thọ Daiichi Việt Nam	Nguyễn Thị Thanh Thùy	TS. Đỗ Xuân Trường	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty bảo hiểm nhân thọ Daiichi Việt Nam
399.	Đại học	Hành vi người tiêu dùng	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	ThS. Hoàng Trọng Trường	Hành vi người tiêu dùng
400.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định mua sách qua sàn TMĐT Tiki của học sinh, sinh viên địa bàn TP. HN	Nguyễn Anh Tú	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định mua sách qua sàn TMĐT Tiki của học sinh, sinh viên địa bàn TP. HN
401.	Đại học	Quản trị nguồn nhân lực	Bùi Quỳnh Trang	TS. Đỗ Xuân Trường	Quản trị nguồn nhân lực
402.	Đại học	Phân tích chính sách đãi ngộ nhân lực của công ty Edupia	Phạm Kim Oanh	TS. Đặng Thị Hương	Phân tích chính sách đãi ngộ nhân lực của công ty Edupia
403.	Đại học	Trải nghiệm khách hàng trên sàn thương mại điện tử Shopee trong thời Covid tại Hà Nội	Nguyễn Thị Thanh Vân	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Trải nghiệm khách hàng trên sàn thương mại điện tử Shopee trong thời Covid tại Hà Nội

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
404.	Đại học	Phát triển chất lượng nguồn nhân lực tại một số Khu Công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Nguyễn Thị Loan	ThS. Đinh Phương Hoa	Phát triển chất lượng nguồn nhân lực tại một số Khu Công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
405.	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của mạng xã hội Tiktok đến hoạt động marketing của các doanh nghiệp tại Việt Nam	Vũ Huyền Anh	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Nghiên cứu ảnh hưởng của mạng xã hội Tiktok đến hoạt động marketing của các doanh nghiệp tại Việt Nam
406.	Đại học	Tạo động lực cho người lao động tại Công ty TNHH Giáo dục WeGrow Việt Nam	Nguyễn Ngọc Anh	TS. Nguyễn Ngọc Quý	Tạo động lực cho người lao động tại Công ty TNHH Giáo dục WeGrow Việt Nam
407.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng với chất lượng dịch vụ tại các chuỗi thời trang trên địa bàn Hà Nội.	Nguyễn Vũ Minh Thu	ThS. Trần Thị Thu Hải	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng với chất lượng dịch vụ tại các chuỗi thời trang trên địa bàn Hà Nội
408.	Đại học	Các yếu tố tạo nên sự thành công của thương hiệu thời trang nội địa Môi Điền	Vũ Thị Quỳnh Anh	ThS. Phạm Nhật Linh	Các yếu tố tạo nên sự thành công của thương hiệu thời trang nội địa Môi Điền
409.	Đại học	Lý thuyết trò chơi - Kinh nghiệm và bài học cho các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam	Trần Đức Bình	TS. Nguyễn Anh Tuấn	Lý thuyết trò chơi - Kinh nghiệm và bài học cho các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam
410.	Đại học	Nghiên cứu chiến lược phát triển thị phần của Shopee tại Việt Nam	Bùi Trần Công Lực	TS. Nguyễn Anh Tuấn	Nghiên cứu chiến lược phát triển thị phần của Shopee tại Việt Nam
411.	Đại học	Hoàn thiện chất lượng dịch vụ tại công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ Ngọc Vượng	Giáp Ngọc Ánh	PGS.TS. Phan Chí Anh	Hoàn thiện chất lượng dịch vụ tại công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ Ngọc Vượng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
412.	Đại học	Nghiên cứu về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với người lao động tại Công ty TNHH Tâm Phát - Hà Nội	Lê Đức Dũng	TS. Cao Tú Oanh	Nghiên cứu về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với người lao động tại Công ty TNHH Tâm Phát - Hà Nội
413.	Đại học	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại Công ty cổ phần phát triển công nghệ Pantado	Nguyễn Thị Chung	TS. Bùi Thị Quyên	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại Công ty cổ phần phát triển công nghệ Pantado
414.	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh của sinh viên trên địa bàn Hà Nội	Đào Thị Phương	TS. Hoàng Thị Bảo Thoa	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh của sinh viên trên địa bàn Hà Nội
415.	Đại học	Nghiên cứu văn hóa doanh nghiệp trong ngành cafe: Trường hợp điển hình tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Cát Quế.	Trần Thị Thu Quyên	TS. Trần Thị Hiền	Nghiên cứu văn hóa doanh nghiệp trong ngành cafe: Trường hợp điển hình tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Cát Quế
416.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng nhân viên tại Công ty TNHH công nghệ y tế Việt Nam TMSC.	Trương Thế Long	ThS. Nguyễn Khánh Huy	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng nhân viên tại Công ty TNHH công nghệ y tế Việt Nam TMSC
417.	Đại học	Thực trạng trách nhiệm xã hội đối với người lao động tại Công ty cổ phần Đô Lương.	Ninh Văn Sơn	ThS. Trần Thị Thu Hải	Thực trạng trách nhiệm xã hội đối với người lao động tại Công ty cổ phần Đô Lương
418.	Đại học	Công tác tuyển dụng nhân lực tại Công ty cổ phần Gofast.	Phạm Thị Thu Thủy	TS. Nguyễn Ngọc Quý	Công tác tuyển dụng nhân lực tại Công ty cổ phần Gofast
419.	Đại học	Nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng của gen Z qua trang mạng xã hội	Nguyễn Thị Mai	ThS. Lê Thanh Hương	Nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng của gen Z qua trang mạng xã hội Facebook trong ngành hàng đồ gia dụng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Facebook trong ngành hàng đồ gia dụng.			
420.	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng ví điện tử ZaloPay của sinh viên trên địa bàn Hà Nội	Nguyễn Thị Phương Thảo	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng ví điện tử ZaloPay của sinh viên trên địa bàn Hà Nội
421.	Đại học	Văn hóa doanh nghiệp tại Công ty Z Management.	Trần Thái An	TS. Trần Thị Hiền	Văn hóa doanh nghiệp tại Công ty Z Management
422.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng tới sự hài lòng của khách hàng đối với chuỗi nhà hàng thức ăn nhanh Jollibee trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Phạm Văn Bình	ThS. Trần Thị Thu Hải	Các nhân tố ảnh hưởng tới sự hài lòng của khách hàng đối với chuỗi nhà hàng thức ăn nhanh Jollibee trên địa bàn Thành phố Hà Nội
423.	Đại học	Nghiên cứu về hành vi mua sản phẩm nhựa gia dụng của khách hàng trên địa bàn Hà Nội	Nguyễn Lê Phương Anh	TS. Trần Thị Hiền	Nghiên cứu về hành vi mua sản phẩm nhựa gia dụng của khách hàng trên địa bàn Hà Nội
424.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa đối với điểm đến KDL Tam Đảo sau đại dịch Covid	Nguyễn Phương Anh	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa đối với điểm đến KDL Tam Đảo sau đại dịch Covid
425.	Đại học	Công tác quản lý rủi ro tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Tuyên Quang	Hoàng Thị Quỳnh Trang	TS. Cao Tú Oanh	Công tác quản lý rủi ro tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Tuyên Quang
426.	Đại học	Nghiên cứu hoạt động tuyển dụng nhân sự tại công ty cổ phần công nghệ Bota	Đinh Thị Mai	TS. Hoàng Xuân Vinh	Nghiên cứu hoạt động tuyển dụng nhân sự tại công ty cổ phần công nghệ Bota

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
427.	Đại học	Công tác đào tạo nhân lực tại Công ty cổ phần Gofast	Vũ Kim Chi	TS. Nguyễn Ngọc Quý	Công tác đào tạo nhân lực tại Công ty cổ phần Gofast
428.	Đại học	Nghiên cứu về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với người lao động tại công ty TNHH TPT Thương mại & Dịch vụ	Nguyễn Hương Nhi	TS. Bùi Thị Quyên	Nghiên cứu về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với người lao động tại công ty TNHH TPT Thương mại & Dịch vụ
429.	Đại học	Sở hữu trí tuệ trong hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường ĐHKT - ĐHQGHN	Phạm Thùy Linh	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	Sở hữu trí tuệ trong hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường ĐHKT - ĐHQGHN
430.	Đại học	Áp dụng mô hình 7S của McKinsey trong Công ty Espace Coworking nhằm đánh giá hiệu quả của tổ chức	Đào Hoàng Duy	TS. Phạm Vũ Thăng	Áp dụng mô hình 7S của McKinsey trong Công ty Espace Coworking nhằm đánh giá hiệu quả của tổ chức
431.	Đại học	Hiệu quả công tác tuyển dụng và đào tạo phát triển nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Huyndai KEFICO.	Phạm Duy Anh	ThS. Đinh Phương Hoa	Hiệu quả công tác tuyển dụng và đào tạo phát triển nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Huyndai KEFICO.
432.	Đại học	Nâng cao công tác tuyển dụng nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Vân Giang	Hà Quỳnh Anh	ThS. Đinh Phương Hoa	Nâng cao công tác tuyển dụng nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Vân Giang.
433.	Đại học	Hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh	Mai Thị Ngọc Ánh	ThS. Trần Thị Nhung	Hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
434.	Đại học	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nguồn nhân lực tại công ty truyền thông và giải trí Vietnamshow	Hoàng Khánh Đạt	TS. Đào Thị Hà Anh	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nguồn nhân lực tại công ty truyền thông và giải trí Vietnamshow
435.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi lựa chọn mua điện thoại thông minh của sinh viên Trường ĐHKHT - ĐHQGHN.	Phan Đình Đức	TS. Hoàng Xuân Vinh	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi lựa chọn mua điện thoại thông minh của sinh viên Trường ĐHKHT - ĐHQGHN.
436.	Đại học	Hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực tại Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Đặng Long Giang	ThS. Nguyễn Thu Thảo	Hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực tại Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam
437.	Đại học	Hoàn thiện hoạt động phân phối xe máy Honda tại Công ty TNHH Nhung Hồng	Bùi Thị Hồng Hà	ThS. Phạm Nhật Linh	Hoàn thiện hoạt động phân phối xe máy Honda tại Công ty TNHH Nhung Hồng
438.	Đại học	Ứng dụng mô hình Topsis trong nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chọn địa điểm mua hàng của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.	Vũ Ngọc Hà	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	Ứng dụng mô hình Topsis trong nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chọn địa điểm mua hàng của sinh viên trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.
439.	Đại học	Tác động của xây dựng hương hiệu cá nhân đến cơ hội tìm kiếm việc làm của sinh viên trên địa bàn Hà Nội.	Đỗ Ngọc Huy	TS. Đào Cẩm Thủy	Tác động của xây dựng hương hiệu cá nhân đến cơ hội tìm kiếm việc làm của sinh viên trên địa bàn Hà Nội.
440.	Đại học	Hành vi tiêu dùng của nhóm khách hàng hộ gia đình huyện Đan Phượng	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	TS. Hoàng Xuân Vinh	Hành vi tiêu dùng của nhóm khách hàng hộ gia đình huyện Đan Phượng thành phố Hà Nội trong tình hình hiện nay.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Phượng thành phố Hà Nội trong tình hình hiện nay.			
441.	Đại học	Hoàn thiện công tác tuyển dụng tại công ty cổ phần cáp quang Việt Nam VINA-OFC	Trần Việt Kết	TS. Đỗ Xuân Trường	Hoàn thiện công tác tuyển dụng tại công ty cổ phần cáp quang Việt Nam VINA-OFC
442.	Đại học	Hoàn thiện công tác Marketing cho thương hiệu của Công ty cổ phần nội thất Phú Mỹ	Nguyễn Tuấn Khang	ThS. Hoàng Trọng Trường	Hoàn thiện công tác Marketing cho thương hiệu của Công ty cổ phần nội thất Phú Mỹ
443.	Đại học	Hoàn thiện công tác bán hàng tại Công ty Cổ phần Truyền thông Địa điểm Việt	Trịnh Khánh Linh	ThS. Phạm Nhật Linh	Hoàn thiện công tác bán hàng tại Công ty Cổ phần Truyền thông Địa điểm Việt
444.	Đại học	Áp dụng mô hình TOPSIS trong nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng tới quyết định mua hàng online của sinh viên trường đại học Kinh tế	Vũ Thùy Linh	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	Áp dụng mô hình TOPSIS trong nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng tới quyết định mua hàng online của sinh viên trường đại học Kinh tế
445.	Đại học	Hoàn thiện công tác Quản trị hệ thống kênh phân phối tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hoàng Long	Hoàng Ngọc Long	ThS. Trần Thị Thu Hải	Hoàn thiện công tác Quản trị hệ thống kênh phân phối tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hoàng Long
446.	Đại học	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Phạm Kim Long	TS. Bùi Thị Quyên	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
447.	Đại học	Hoàn thiện hoạt động bán hàng tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội	Vũ Quốc Long	TS. Hoàng Thị Bảo Thoa	Hoàn thiện hoạt động bán hàng tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội
448.	Đại học	Hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Solar Việt Nam	Đoàn Thúy Mai	Ths. Trần Thị Nhung	Hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Solar Việt Nam
449.	Đại học	Những yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn màu sắc trang phục của sinh viên tại Hà Nội	Lê Yến Nhi	TS. Nguyễn Thị Phi Nga	Những yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn màu sắc trang phục của sinh viên tại Hà Nội
450.	Đại học	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty cổ phần Truyền thông Địa Điểm Việt	Bùi Thị Hồng Phúc	TS. Nguyễn Anh Tuấn	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty cổ phần Truyền thông Địa Điểm Việt
451.	Đại học	Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng tại CTCP VACOM	Nguyễn Trọng Tấn	ThS. Nguyễn Khánh Huy	Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng tại CTCP VACOM
452.	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác đãi ngộ nguồn nhân lực tại công ty cổ phần dược phẩm TW2	Lương Thanh Thảo	ThS. Đinh Phương Hoa	Nâng cao hiệu quả công tác đãi ngộ nguồn nhân lực tại công ty cổ phần dược phẩm TW2
453.	Đại học	Hoàn thiện công tác tuyển dụng và đào tạo nhân lực tại Học viện đào tạo FPT Software Hà Nội	Kim Minh Trang	TS. Bùi Thị Quyên	Hoàn thiện công tác tuyển dụng và đào tạo nhân lực tại Học viện đào tạo FPT Software Hà Nội
454.	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng tại CTCP dược phẩm TW2	Lê Minh Trang	ThS. Nguyễn Thu Thảo	Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng tại CTCP dược phẩm TW2
455.	Đại học	Hoàn thiện công tác bán hàng tại công ty cổ phần cáp quang Việt Nam VINA - OFC	Trần Hạnh Trang	TS. Nguyễn Đức Xuân	Hoàn thiện công tác bán hàng tại công ty cổ phần cáp quang Việt Nam VINA - OFC

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
456.	Đại học	Hoàn thiện công tác đào tạo nội bộ tại Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Trần Đức Trung	TS. Phạm Việt Thắng	Hoàn thiện công tác đào tạo nội bộ tại Tổng công ty Bảo hiểm PVI
457.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư chứng khoán của sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội	Lê Thị Thu Uyên	PGS.TS. Phan Chí Anh	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư chứng khoán của sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội
458.	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố tác động tới quyết định sử dụng ví điện tử Viettel Money của sinh viên Trường ĐHKT - ĐHQGHN	Lê Minh Vũ	TS. Hoàng Thị Bảo Thoa	Nghiên cứu các yếu tố tác động tới quyết định sử dụng ví điện tử Viettel Money của sinh viên Trường ĐHKT - ĐHQGHN
459.	Đại học	Chất lượng nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Tập đoàn TONMAT	Bùi Đức Hoàng	TS. Đặng Thị Hương	Chất lượng nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Tập đoàn TONMAT
460.	Đại học	Văn hóa doanh nghiệp của Công ty cổ phần Logistics ASG	Đinh Bảo Duy	TS. Đặng Thị Quyên	Văn hóa doanh nghiệp của Công ty cổ phần Logistics ASG
461.	Đại học	Đánh giá hoạt động truyền thông marketing qua mạng xã hội facebook của công ty cổ phần xây dựng Tâm An	Đinh Huyền My	TS. Nguyễn Thu Hà	Đánh giá hoạt động truyền thông marketing qua mạng xã hội facebook của công ty cổ phần xây dựng Tâm An
462.	Đại học	Công tác đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần VNE ECOMMERCE.	Phạm Đoàn Trà My	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Công tác đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần VNE ECOMMERCE
463.	Đại học	Công tác tuyển dụng nguồn nhân lực tại Công ty TNHH thiết bị điện Ban Mai	Trịnh Thị Tuyết	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Công tác tuyển dụng nguồn nhân lực tại Công ty TNHH thiết bị điện Ban Mai

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
464.	Đại học	Fiscal policy measures for macroeconomic stabilization in Vietnam in the context of rising oil prices	Nguyễn Thị Hà Giang	ThS. Lê Thị Phương Thảo	Fiscal policy measures for macroeconomic stabilization in Vietnam in the context of rising oil prices
465.	Đại học	Behavioural heuristics in stock investing of students in Ha Noi	Ngô Quỳnh Anh	TS. Vũ Thị Loan	Behavioural heuristics in stock investing of students in Ha Noi
466.	Đại học	The impact of information & communication technology on credit growth of Vietnam's commercial banks in the period 2010-2020	Nguyễn Khánh Linh	ThS. Phạm Thế Thành	The impact of information & communication technology on credit growth of Vietnam's commercial banks in the period 2010-2020
467.	Đại học	Factors affecting the intention's users to use financial services through blockchain technology	Hoàng Ngọc Dương	ThS. Phùng Thị Thu Hương	Factors affecting the intention's users to use financial services through blockchain technology
468.	Đại học	Factors affecting profitability of commercial banks in Vietnam	Vũ Minh Châu	ThS. Nguyễn Hải Tùng	Factors affecting profitability of commercial banks in Vietnam
469.	Đại học	The determinants of financial capacity in Vietnamese joint stock commercial banks: Camel model approach	Cao Thị Thuỳ Trang	ThS. Nguyễn Hải Tùng	The determinants of financial capacity in Vietnamese joint stock commercial banks: Camel model approach
470.	Đại học	Peer-to-peer lending in Vietnam and experience from other countries	Trần Nam Anh	ThS. Nguyễn Hải Tùng	Peer-to-peer lending in Vietnam and experience from other countries

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
471.	Đại học	Improving the mergers and acquisitions (M&A) efficiency of commercial banks in Vietnam	Phạm Ngọc Khánh Linh	ThS. Nguyễn Hải Tùng	Improving the mergers and acquisitions (M&A) efficiency of commercial banks in Vietnam
472.	Đại học	Current situation and potential of mobile money development in Vietnam	Đinh Diệu Linh	ThS. Nguyễn Hải Tùng	Current situation and potential of mobile money development in Vietnam
473.	Đại học	The impact of capital structure on the financial performance of the non-financial firms listed on Ho Chi Minh stock exchange	Nghiêm Chí Thành	ThS. Lưu Hạnh Nguyên	The impact of capital structure on the financial performance of the non-financial firms listed on Ho Chi Minh stock exchange
474.	Đại học	Exploring the factors impacting to the usage of E-wallets in Vietnam	Ngô Tiến Đức	ThS. Nguyễn Hải Tùng	Exploring the factors impacting to the usage of E-wallets in Vietnam
475.	Đại học	Service satisfaction for consumer online lending in Viet Nam	Nguyễn Mạnh Trường	ThS. Phùng Thị Thu Hương	Service satisfaction for consumer online lending in Viet Nam
476.	Đại học	Covid-19 and uncertainty spillovers in Vietnam's stock market	Nguyễn Bảo Linh	TS. Lê Hồng Thái	Covid-19 and uncertainty spillovers in Vietnam's stock market
477.	Đại học	Testing the trade-off theory and the pecking order theory in capital structure: experimental evidence in Vietnamese construction industry enterprises	Hoàng Kim Chi	TS. Vũ Thị Loan	Testing the trade-off theory and the pecking order theory in capital structure: experimental evidence in Vietnamese construction industry enterprises
478.	Đại học	Financial performance analysis of Vinaconex trading & manpower joint stock company	Trần Công Minh	ThS. Giang Thị Minh Thảo	Financial performance analysis of Vinaconex trading & manpower joint stock company

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
479.	Đại học	The role of foreign direct investment in Vietnam's Economy	Trần Lê Minh	TS. Trần Thị Vân Anh	The role of foreign direct investment in Vietnam's Economy
480.	Đại học	Public finance / Personal Finance	Nguyễn Đăng Thanh Long	TS. Trần Thị Vân Anh	Public finance / Personal Finance
481.	Đại học	Factors affecting the efficiency of financial management of students in Hanoi	Lê Minh Ngọc	TS. Nguyễn Thị Nhung	Factors affecting the efficiency of financial management of students in Hanoi
482.	Đại học	Deep learning application: The case of anomaly detection in the crypto currency market	Vũ Hoàng Lan	TS. Lê Hồng Thái	Deep learning application: The case of anomaly detection in the crypto currency market
483.	Đại học	Determinants influencing students' decision to use fintech payment services in Vietnam	Trần Thị Thu Trang	ThS. Lương Trâm Anh	Determinants influencing students' decision to use fintech payment services in Vietnam
484.	Đại học	Impact of the COVID-19 pandemic on commercial banking operations	Phạm Hoàng Minh Châu	ThS. Đỗ Đình Đình	Impact of the COVID-19 pandemic on commercial banking operations
485.	Đại học	Factors affecting bad debts management at Vietnamese commercial banks	Vũ Trang Nhung	ThS. Đỗ Đình Đình	Factors affecting bad debts management at Vietnamese commercial banks
486.	Đại học	Informal money transfer system – implications for the banking system in Vietnam	Vương Thị Hương Ly	ThS. Lê Thị Phương Thảo	Informal money transfer system – implications for the banking system in Vietnam
487.	Đại học	Factors affecting credit activities at military commercial joint stock bank (My Dinh branch)	Nguyễn Thị Thùy Linh	ThS. Lương Trâm Anh	Factors affecting credit activities at military commercial joint stock bank (My Dinh branch)

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
488.	Đại học	Sustainable development of circular economy in Vietnam	Tô Hoàng Nam	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	Sustainable development of circular economy in Vietnam
489.	Đại học	Liquidity risk management in Vietnamese commercial banks	Trịnh Đình Đức	TS. Trịnh Thị Phan Lan	Liquidity risk management in Vietnamese commercial banks
490.	Đại học	Analysis of factors affecting customers' decision to use Momo E-wallet	Nguyễn Trung Kiên	TS. Trịnh Thị Phan Lan	Analysis of factors affecting customers' decision to use Momo E-wallet
491.	Đại học	Development of e-banking services in Vietnam: reviews and recommendations	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	ThS. Phạm Thế Thành	Development of e-banking services in Vietnam: reviews and recommendations
492.	Đại học	Đo lường năng lực tài chính cho các doanh nghiệp ngành năng lượng tái tạo niêm yết trên thị trường Việt Nam	Lê Thị Hồng Nhung	TS. Tô Lan Phương	Đo lường năng lực tài chính cho các doanh nghiệp ngành năng lượng tái tạo niêm yết trên thị trường Việt Nam
493.	Đại học	Behavior factors affecting investment decisions of individual investors in stock market in Vietnam	Nguyễn Quang Hiếu	ThS. Lưu Hạnh Nguyên	Behavior factors affecting investment decisions of individual investors in stock market in Vietnam
494.	Đại học	Analysis and valuation of refrigeration electrical engineering coporation - REE	Trịnh Thị Phương Nhi	ThS. Phạm Thế Thành	Analysis and valuation of refrigeration electrical engineering coporation - REE
495.	Đại học	Portfolio Management	Lương Hồng Nhung	TS. Vũ Thị Loan	Portfolio Management

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
496.	Đại học	Assessment of the development of electronic banking services at joint stock commercial bank for investment and development of Viet Nam	Lê Minh Hương	ThS. Phùng Thị Thu Hương	Assessment of the development of electronic banking services at joint stock commercial bank for investment and development of Viet Nam
497.	Đại học	The bond market at banks in Vietnam: Current situation and development solutions	Nguyễn Phương Anh	ThS. Hồ Xuân Việt	The bond market at banks in Vietnam: Current situation and development solutions
498.	Đại học	Impact of social media sentiment on returns and volatility of Vietnam stock market	Nguyễn Minh Trang	TS. Lê Hồng Thái	Impact of social media sentiment on returns and volatility of Vietnam stock market
499.	Đại học	Efficiency measures of the Vietnam commercial banks using a two - stage dea during 2014-2020	Nguyễn Ngọc Minh	ThS. Nguyễn Hồng Minh	Efficiency measures of the Vietnam commercial banks using a two - stage dea during 2014-2020
500.	Đại học	Solutions to improve the quality of e-banking services at Tien Phong commercial joint stock bank - TP Bank	Nguyễn Hà My	ThS. Phạm Thế Thành	Solutions to improve the quality of e-banking services at Tien Phong commercial joint stock bank - TP Bank
501.	Đại học	Improving the quality of audit services of financial statements and quality control system of AASC auditing firm company limited	Lê Đức Phong	ThS. Hồ Xuân Việt	Improving the quality of audit services of financial statements and quality control system of AASC auditing firm company limited

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
502.	Đại học	assessment of the effect of psychological factor on profit of stocks returns during covid-19	Nguyễn Tùng Dương	TS. Tô Lan Phương	assessment of the effect of psychological factor on profit of stocks returns during covid-19
503.	Đại học	Analysis on factors affecting stock prices of commercial banks listed on Vietnam stock market	Nguyễn Thế Quang	ThS. Đỗ Đình Đình	Analysis on factors affecting stock prices of commercial banks listed on Vietnam stock market
504.	Đại học	Building an option pricing model on the vietnamese stock market	Nguyễn Thị Chuyên	TS. Tô Lan Phương	Building an option pricing model on the vietnamese stock market
505.	Đại học	Factors influencing Vietnam's export to Eurasia market based on gravity model.	Trịnh Thục An	ThS. Đỗ Đình Đình	Factors influencing Vietnam's export to Eurasia market based on gravity model.
506.	Đại học	Research on customer satisfaction in using digital banking services in Vietnam - Examination of the case of MB- My Dinh branch	Nguyễn Thanh Huyền	ThS. Cù Nguyễn Hà Trang	Research on customer satisfaction in using digital banking services in Vietnam - Examination of the case of MB- My Dinh branch
507.	Đại học	Behavioral factors influencing cryptocurrency investment intention of Vietnamese individual investors	Trịnh Xuân Phong	ThS. Lưu Hạnh Nguyên	Behavioral factors influencing cryptocurrency investment intention of Vietnamese individual investors
508.	Đại học	Factors affecting the use of internet banking of customers at Vietnam commercial banking	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	ThS. Đỗ Đình Đình	Factors affecting the use of internet banking of customers at Vietnam commercial banking
509.	Đại học	Diversifying types of banking services in Vietnam	Lê Hoàng Linh Chi	ThS. Cù Nguyễn Hà Trang	Diversifying types of banking services in Vietnam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
510.	Đại học	A test of the Fama-French three-factor model in the Vietnamese stock market	Dương Thị Yến Linh	ThS. Lương Trâm Anh	A test of the Fama-French three-factor model in the Vietnamese stock market
511.	Đại học	Factors affecting consumers' adoption of E-wallet payment in Viet Nam	Nguyễn Yên Trang	ThS. Nguyễn Hải Tùng	Factors affecting consumers' adoption of E-wallet payment in Viet Nam
512.	Đại học	Research on the herd behavior in Vietnam stock market	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	TS. Vũ Thị Loan	Research on the herd behavior in Vietnam stock market
513.	Đại học	Factors affecting the trend of using savings deposit service of individual customers at Asia commercial joint stock bank, My Dinh branch	Đinh Thị Tăng	ThS. Cù Nguyễn Hà Trang	Factors affecting the trend of using savings deposit service of individual customers at Asia commercial joint stock bank, My Dinh branch
514.	Đại học	The Impacts of the Covid-19 pandemic on credit activities in Lien Viet post bank - Thang Long branch	Nguyễn Thảo Nguyên	ThS. Lương Trâm Anh	The Impacts of the Covid-19 pandemic on credit activities in Lien Viet post bank- Thang Long branch
515.	Đại học	An analysis of Phu Nhuan Jewelry joint stock company's working capital efficiency from 2019 to 2021 and enhancement solutions	Đặng Tùng Lâm	ThS. Nguyễn Hồng Minh	An analysis of Phu Nhuan Jewelry joint stock company's working capital efficiency from 2019 to 2021 and enhancement solutions
516.	Đại học	The effect of diversification on the performance of commercial banks in Viet Nam	Nguyễn Thị Yến	TS. Lưu Ngọc Hiệp	The effect of diversification on the performance of commercial banks in Viet Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
517.	Đại học	Current development situation of digital currency and some policy proposes in Vietnam	Nguyễn Thị Khánh Hoà	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	Current development situation of digital currency and some policy proposes in Vietnam
518.	Đại học	Factors affecting online service quality for personal customers at joint stock commercial bank for foreign trade of Vietnam (Vietcombank) Hoang Mai branch	Nguyễn Hương Giang	ThS. Cù Nguyễn Hà Trang	Factors affecting online service quality for personal customers at joint stock commercial bank for foreign trade of Vietnam (Vietcombank) Hoang Mai branch
519.	Đại học	impact of inflation on VN-Index of Vietnamese stock market in 2015-2021	Phạm Huy Hoàng	TS. Tô Lan Phương	impact of inflation on VN-Index of Vietnamese stock market in 2015-2021
520.	Đại học	Improving personal loans' quality at BIDV commercial joint stock bank - Transaction center 1 branch	Trần Việt Bảo	ThS. Cù Nguyễn Hà Trang	Improving personal loans' quality at BIDV commercial joint stock bank - Transaction center 1 branch
521.	Đại học	Would information & communication technology apoption enable bank to take on more risk?	Nguyễn Thị Thảo	ThS. Nguyễn Hải Tùng	Would information & communication technology apoption enable bank to take on more risk?
522.	Đại học	Current status of credit risk management at Vietcombank recording to Basel II standards. Proposing some solutions to complete and improve the quality	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	ThS. Hồ Xuân Việt	Current status of credit risk management at Vietcombank recording to Basel II standards. Proposing some solutions to complete and improve the quality of credit risk management for banks

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		of credit risk management for banks			
523.	Đại học	Opportunities and challenges for insurtech in Vietnam	Nguyễn Thu Trang	ThS. Phùng Thị Thu Hương	Opportunities and challenges for insurtech in Vietnam
524.	Đại học	the determinants affecting bank efficiency: case of Vietcombank in Vietnam	Kiều Quang Huy	ThS. Nguyễn Hồng Minh	the determinants affecting bank efficiency: case of Vietcombank in Vietnam
525.	Đại học	Bad debt handling of joint stock commercial bank for foreign trade of vietnam (vietcombank) in 2021	Khổng Gia Tường	ThS. Phạm Thế Thành	Bad debt handling of joint stock commercial bank for foreign trade of vietnam (vietcombank) in 2021
526.	Đại học	Improving business performance at Viet Nam inspections and valuation service joint stock company VVI	Tào Lê Yến Nhi	ThS. Giang Thị Minh Thảo	Improving business performance at Viet Nam inspections and valuation service joint stock company VVI
527.	Đại học	Would information & communication technology apoption enable bank to take on more risk?	Nguyễn Thị Phương Thảo	TS. Lưu Ngọc Hiệp	Would information & communication technology apoption enable bank to take on more risk?
528.	Đại học	graduation thesis credit quality at agribank - Hanoi branch 1	Phạm Bảo Châm	TS. Nguyễn Phú Hà	graduation thesis credit quality at agribank - Hanoi branch 1
529.	Đại học	Development of Vietnam digital banking	Mai Quỳnh Nhi	ThS. Giang Thị Minh Thảo	Development of Vietnam digital banking
530.	Đại học	Valuation of Vinhomes Joint stock company	Phạm Ngọc Vân Anh	TS. Trần Thị Vân Anh	Valuation of Vinhomes Joint stock company

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
531.	Đại học	Application status of electronic banking products (E-Banking) at Vietnam prosperity joint stock commercial bank - VP Bank	Ngô Thị Thuý Sinh	ThS. Giang Thị Minh Thảo	Application status of electronic banking products (E-Banking) at Vietnam prosperity joint stock commercial bank - VP Bank
532.	Đại học	Impact of information and communication technologies index on profitability of commercial banks in Vietnam	Nguyễn Phan Đình Long	ThS. Phạm Thế Thành	Impact of information and communication technologies index on profitability of commercial banks in Vietnam
533.	Đại học	Factor affecting stock prices of listed companies in mining sectors in Vietnam	Lại Minh Anh	ThS. Lê Thị Phương Thảo	Factor affecting stock prices of listed companies in mining sectors in Vietnam
534.	Đại học	Impact of foreign investors' trading on the Vietnam stock market	Tạ Thị Phương Trang	TS. Nguyễn Thị Nhung	Impact of foreign investors' trading on the Vietnam stock market
535.	Đại học	Peer to peer lending: International experience and applicability in Vietnam	Đào Thị Linh Chi	ThS. Nguyễn Hồng Minh	Peer to peer lending: International experience and applicability in Vietnam
536.	Đại học	factor affecting the business performance of listed pharmaceutical companies in Vietnam	Đinh Thị An	ThS. Lê Thị Phương Thảo	factor affecting the business performance of listed pharmaceutical companies in Vietnam
537.	Đại học	Opportunities and challenges for electronic wallet in Vietnam	Đinh Hà Trang	ThS. Cù Nguyễn Hà Trang	Opportunities and challenges for electronic wallet in Vietnam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
538.	Đại học	Appraisal of loan investment projects at development bank of Vietnam	Nguyễn Thuý Linh	TS. Trần Thị Vân Anh	Appraisal of loan investment projects at development bank of Vietnam
539.	Đại học	Evaluating the effectiveness of M&A activities among enterprises in the food industry in Vietnam	Nguyễn Thị Du Mỹ	TS. Nguyễn Thị Nhung	Evaluating the effectiveness of M&A activities among enterprises in the food industry in Vietnam
540.	Đại học	Impact of historical accounting data on stock price of listed food and beverage industry companies on vietnamese stock market	Trịnh Đức Thành	ThS. Đỗ Đình Đình	Impact of historical accounting data on stock price of listed food and beverage industry companies on vietnamese stock market
541.	Đại học	Measuring the satisfaction of individual customers about ATM card services at Vietnam Investment and Development joint stock commercial bank Cao Bang Branch under the influence of Covid-19	Đào Thị Hải Yến	ThS. Hồ Xuân Việt	Measuring the satisfaction of individual customers about ATM card services at Vietnam Investment and Development joint stock commercial bank Cao Bang Branch under the influence of Covid-19
542.	Đại học	Individual investor behavior in the trading shares of listed banks in vietnamese stock market	Trần Phương Chi	TS. Nguyễn Phú Hà	Individual investor behavior in the trading shares of listed banks in vietnamese stock market
543.	Đại học	Impact of information and communication technology on bank income diversification -	Hồ Thị Huệ	ThS. Phạm Thế Thành	Impact of information and communication technology on bank income diversification - suggesting development trends fintech - banking in Vietnam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		suggesting development trends fintech - banking in Vietnam			
544.	Đại học	Solutions to improve financial capacity in wall street securities company (WSS)	Vũ Phương Thảo	ThS. Nguyễn Hải Tùng	Solutions to improve financial capacity in wall street securities company (WSS)
545.	Đại học	The impact of foreign direct investment on high - technology exports	Cao Gia Bách	TS. Lưu Ngọc Hiệp	The impact of foreign direct investment on high - technology exports
546.	Đại học	Central bank digital currency: international experiences and applicability in Vietnam	Đào Thị Quỳnh Anh	ThS. Nguyễn Hồng Minh	Central bank digital currency: international experiences and applicability in Vietnam
547.	Đại học	Attracting foreign direct investment capital into Vietnam and lesson learned from some other countries	Nguyễn Thị Diệu Hương	TS. Trần Thị Vân Anh	Attracting foreign direct investment capital into Vietnam and lesson learned from some other countries
548.	Đại học	Analysis of retail lending activities at Shinhan Finance	Trần Thị Ánh Ngọc	ThS. Lê Thị Phương Thảo	Analysis of retail lending activities at Shinhan Finance
549.	Đại học	The current reality and solutions for coporate capital rasing - Vietinbank Ha Tinh branch	Nguyễn Quỳnh Mai	ThS. Hồ Xuân Việt	The current reality and solutions for coporate capital rasing - Vietinbank Ha Tinh branch
550.	Đại học	Improving the quality of card services at Asia Commercial Joint Stock Bank - Trung Van Transaction Office	Phạm Kim Yên	ThS. Phùng Thị Thu Hương	Improving the quality of card services at Asia Commercial Joint Stock Bank - Trung Van Transaction Office

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
551.	Đại học	Completing the management of unsecured consumer lending activities at Tien Phong commercial joint stock bank	Bùi Thị Thu Hiền	TS. Trịnh Thị Phan Lan	Completing the management of unsecured consumer lending activities at Tien Phong commercial joint stock bank
552.	Đại học	Retail banking services at Saigon Thuong Tin commercial joint stock bank	Trần Thu Trang	ThS. Lê Thị Phương Thảo	Retail banking services at Saigon Thuong Tin commercial joint stock bank
553.	Đại học	Developing consumer lending at Vietnam international commercial joint stock bank Hong Bang Hai Phong	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	ThS. Lương Trâm Anh	Developing consumer lending at Vietnam international commercial joint stock bank Hong Bang Hai Phong
554.	Đại học	Analysis of the financial performance of the Vietnam's steel industry	Nguyễn Thị Hoa Mai	ThS. Lưu Hạnh Nguyên	Analysis of the financial performance of the Vietnam's steel industry
555.	Đại học	Z-score model application in credit scoring for real estate businesses listed on the stock market of Vietnam	Vũ Thùy Linh	TS. Tô Lan Phương	Z-score model application in credit scoring for real estate businesses listed on the stock market of Vietnam
556.	Đại học	The development of digital economy in Vietnam	Lê Ngọc Thủy	TS. Lê Hồng Thái	The development of digital economy in Vietnam
557.	Đại học	research of the relationship between foreign investor's transactions and Vietnam stock market	Nguyễn Thị Hiền	TS. Vũ Thị Loan	research of the relationship between foreign investor's transactions and Vietnam stock market

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
558.	Đại học	Analysis of the situation of middle-income traps in the context of covid-19-international experiences and lessons for Vietnam	Nguyễn Khánh Chi	TS. Lê Hồng Thái	Analysis of the situation of middle-income traps in the context of covid-19-international experiences and lessons for Vietnam
559.	Đại học	The role of dividend announcements in predicting stock prices of consumer good companies	Nguyễn Tố Nga	TS. Vũ Thị Loan	The role of dividend announcements in predicting stock prices of consumer good companies
560.	Đại học	Liquidity of Vietnam's bond market	Ngô Thị Ánh	TS. Nguyễn Thị Nhung	Liquidity of Vietnam's bond market
561.	Đại học	Analyzing business and improving performance of vndirect securities jsc	Phạm Thành Đạt	ThS. Hồ Xuân Việt	Analyzing business and improving performance of vndirect securities jsc
562.	Đại học	Improving the quality of loan activities to personal customers at military joint stock commercial bank MB bank- Dong Da branch	Lê Thị Châm Anh	ThS. Nguyễn Hồng Minh	Improving the quality of loan activities to personal customers at military joint stock commercial bank MB bank- Dong Da branch
563.	Đại học	Consumer behavior throughout Covid-19 in Vietnam	Đình Hoàng Linh	ThS. Phùng Thị Thu Hương	Consumer behavior throughout Covid-19 in Vietnam
2. Thạc sĩ					
1.	Thạc sĩ	Tác động của chính sách mở cửa các mạng xã hội nước ngoài đối với cơ hội việc làm của sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2010-2020	Đỗ Thị Thiết	TS. Nguyễn Quốc Việt	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
2.	Thạc sĩ	Đánh giá công tác thực thi chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại miền núi Tây Nghệ An	Nguyễn Thị Thùy Linh	TS. Ngô Xuân Nam	
3.	Thạc sĩ	Tác động của truyền thông đến chương trình tiêm chủng mở rộng tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Ngô Hà My	PGS.TS. Nguyễn An Thịnh	
4.	Thạc sĩ	Vốn xã hội trong hoạt động cứu trợ xã hội tại vùng thiên tai tỉnh Nghệ An	Nguyễn Thị Phương	TS. Nguyễn Quốc Việt	
5.	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo các tỉnh phía Bắc	Nguyễn Văn Triều	PGS.TS Nguyễn An Thịnh	
6.	Thạc sĩ	Đánh giá năng lực tài chính đơn vị tham gia đấu thầu tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp & Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Hiền	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	
7.	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Nguyễn Tuệ Lâm	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
8.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính theo cơ chế tự chủ tại Trường Trung cấp nghề Giao Thông Vận Tải Thăng Long	Lê Thị Bích Phượng	TS. Phạm Ngọc Quang	
9.	Thạc sĩ	Kế toán quản trị chi phí Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18.3	Nguyễn Thị Huyền Trang	TS. Nguyễn Thị Diệu Thu	
10.	Thạc sĩ	Quản lý kênh phân phối sản phẩm tại Tổng công ty cổ phần bưu chính Viettel	Nguyễn Tuấn Anh	PGS.TS Lê Danh Tồn	
11.	Thạc sĩ	Quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Tổng Xuân Duy	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp	
12.	Thạc sĩ	Quản lý doanh nghiệp chế xuất tại Chi cục Hải quan quản lý các khu công nghiệp Yên Phong	Lê Tiến Đạt	PGS.TS Lê Trung Thành	
13.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Nguyễn Hoàng Hải	TS. Nguyễn Thùy Anh	
14.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực giảng viên tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Lê Thu Hiền	TS. Lê Thị Hồng Điệp	
15.	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động kinh doanh tại Trung tâm kinh doanh VNPT Hà Nội	Lê Quý Hiệu	TS. Lê Thị Hồng Điệp	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
16.	Thạc sĩ	Quản lý đội ngũ công chức hành chính tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Nguyễn Hữu Hùng	TS. Lưu Quốc Đạt	
17.	Thạc sĩ	Quản lý chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng cá nhân tại Trung tâm kinh doanh VNPT Hà Nội	Nguyễn Hòa Huy	PGS.TS Lê Đình Hải	
18.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại công ty cổ phần tập đoàn công nghệ Thiên Sơn	Nguyễn Thị Thu Hương	TS. Phạm Thu Phương	
19.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về quy hoạch vùng ở Việt Nam	Nguyễn Thị Linh	TS. Đàm Sơn Toại	
20.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	Phạm Thị Hồng Nhung	TS. Nguyễn Thuỳ Anh	
21.	Thạc sĩ	Phát triển nghề dệt nhuộm vải thủ công truyền thống tại khu vực tây bắc tỉnh Thanh Hóa	Lê Thị Kim Oanh	TS. Nguyễn Thế Kiên	
22.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần truyền thông VMG	Lê Hồng Sơn	TS. Hoàng Triều Hoa	
23.	Thạc sĩ	Phát triển nhân lực tại Tổng Công ty Dịch vụ viễn thông	Nguyễn Minh Tuấn	PGS.TS Phí Mạnh Hồng	
24.	Thạc sĩ	Quản lý vốn đầu tư xây dựng tại công ty cổ phần LICOGI 16	Nguyễn Trung Thành	GS.TS Phan Huy Đường	
25.	Thạc sĩ	Quản lý kinh doanh dịch vụ công nghệ thông tin tại VNPT Vinaphone	Phạm Tiến Thành	TS. Lê Thị Hồng Điệp	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
26.	Thạc sĩ	Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo tại quận Cầu giấy, thành phố Hà Nội	Trần Thị Thơm	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu	
27.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước đối với lao động nước ngoài làm việc tại Hà Nội	Đình Hoàng Việt	TS. Hoàng Khắc Lịch	
28.	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động xúc tiến thương mại tại Trung tâm xúc tiến thương mại nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Bùi Thị Yên	PGS.TS Phạm Văn Dũng	
29.	Thạc sĩ	Chiến lược Marketing của Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội	Nguyễn Hữu Lương	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	
30.	Thạc sĩ	Quản trị Nguồn nhân lực tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	Hoàng Minh Thông	PGS.TS. Phan Chí Anh	
31.	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực bán hàng tại Công ty Cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	Bùi Hoài Anh	TS. Trương Minh Đức	
32.	Thạc sĩ	Quản trị tinh gọn tại Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Trần Ngọc Anh	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
33.	Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực tại Công ty TNHH MTV Hãng phim Tài liệu và Khoa học Trung ương	Nguyễn Kiều Chi	TS. Đặng Thị Hương	
34.	Thạc sĩ	Hiệu quả kinh doanh của công ty cổ phần Tập đoàn Hưng Hải	Vũ Việt Dương	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	
35.	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động Digital Marketing sản phẩm "Nhà thông minh" tại Công ty TNHH Xây dựng và Nội thất 24h	Trần Nhật Đức	TS. Bùi Quang Tuyên	
36.	Thạc sĩ	Quản trị hoạt động chi bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hà Nội	Lê Hồng Hà	PGS.TS. Phan Chí Anh	
37.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho người lao động tại Công ty Cổ phần Fecon	Nguyễn Trung Hiếu	TS. Đặng Thị Hương	
38.	Thạc sĩ	Chiến lược kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư TXT	Bùi Thị Thanh Hoa	TS. Nguyễn Ngọc Quý	
39.	Thạc sĩ	Chiến lược kinh doanh của Công ty TNHH Công Nghệ ezCloud Toàn cầu	Võ Thị Thanh Hoa	PGS.TS. Trần Anh Tài	
40.	Thạc sĩ	Chiến lược kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hoàng Phúc giai đoạn 2021 - 2026	Nhâm Xuân Huy	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	
41.	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát	Ứng Thị Ngọc Huyền	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		triển Việt Nam - Chi nhánh Từ Liêm			
42.	Thạc sĩ	Quản trị dự án đầu tư xây dựng tại Công ty Điện lực Ba Vì	Nguyễn Thị Thùy Linh	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	
43.	Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực tại Tổng cục Hải quan	Trần Thị Khánh Linh	TS. Nguyễn Trọng Đăng	
44.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Lý Thanh Mai	TS. Nguyễn Thu Hà	
45.	Thạc sĩ	Chất lượng nguồn nhân lực tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	Thái Hoàng Minh	TS. Nguyễn Xuân Đông	
46.	Thạc sĩ	Sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại hệ thống phòng tập Everest Fitness	Nguyễn Thị Nhung	TS. Vũ Thị Minh Hiền	
47.	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến hiệu quả công việc của người lao động tại Công ty Bảo Việt Nhân thọ Hà Nội	Khúc Bá Phong	TS. Trương Đức Thao	
48.	Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Nhựa Bình Minh	Nguyễn Thị Minh Phượng	TS. Đỗ Xuân Trường	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
49.	Thạc sĩ	Đào tạo nguồn nhân lực tại Ngân hàng TMCP Quân đội	Phạm Thế Quyền	TS. Trương Minh Đức	
50.	Thạc sĩ	Phát triển sản phẩm mới tại Công ty Cổ phần chứng khoán KB Việt Nam	Phạm Thanh Thùy	TS. Nguyễn Thu Hà	
51.	Thạc sĩ	Năng lực nhà quản trị cấp phòng tại Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam	Nguyễn Văn Úc	TS. Đỗ Vũ Phương Anh	
52.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho giảng viên trẻ tại Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Cần Thị Hồng Vân	TS. Đỗ Xuân Trường	
53.	Thạc sĩ	Áp dụng mô hình quản lý vốn trong hoạt động giám sát tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm tại Việt Nam	Doãn Thanh Tuấn	TS. Trương Minh Đức	
54.	Thạc sĩ	Tạo động lực lao động cho nhân viên của Trung tâm Hội nghị Quốc gia	Trần Thị Việt Anh	TS. Trương Minh Đức	
55.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ ngân hàng số tại Ngân hàng TMCP Quân đội	Lê Lan Anh	PGS.TS. Lê Trung Thành	
56.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ thẻ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Vũ Hùng Cường	PGS.TS. Lê Trung Thành	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
57.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Thăng Long	Phạm Văn Chinh	TS. Trần Thị Vân Anh	
58.	Thạc sĩ	Tăng trưởng tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	Cao Thùy Dung	PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú	
59.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng vỡ nợ của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	An Thị Phan Hà	PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú	
60.	Thạc sĩ	Phân tích tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	Trần Ngọc Hải	TS. Trần Thế Nữ	
61.	Thạc sĩ	Hoạt động thanh tra tại chỗ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các Ngân hàng thương mại Nhà nước	Chu Thị Hoàng	TS. Nguyễn Anh Thái	
62.	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động cho vay qua tổ vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Nam Định	Trịnh Huy Hoàng	TS. Trần Thị Vân Anh	
63.	Thạc sĩ	Hoạt động môi giới chứng khoán tại công ty TNHH Chứng khoán	Nguyễn Lệ Hường	PGS.TS. Lê Hoàng Nga	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCBS)			
64.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ bán lẻ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam	Lê Phúc Lộc	TS. Lê Hồng Hạnh	
65.	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro trong phát hành và thanh toán thẻ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	Nguyễn Hoài Phương	TS. Vũ Thị Loan	
66.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	Bùi Thị Mai Quỳnh	TS. Nguyễn Thị Hoài Phương	
67.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Lê Huy Toàn	PGS.TS. Lê Trung Thành	
68.	Thạc sĩ	Chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Phạm Minh Tuấn	TS. Nguyễn Thế Hùng	
69.	Thạc sĩ	Cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	Lê Xuân Thành	TS. Nguyễn Thị Nhung	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
70.	Thạc sĩ	Quản lý ngân sách Nhà nước tại huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Nguyễn Phương Thảo	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	
71.	Thạc sĩ	Cơ chế tự chủ tài chính tại Viện Nghiên cứu Cơ khí	Trần Thị Thoa	TS. Nguyễn Hữu Đồng	
72.	Thạc sĩ	Hoạt động tài trợ xuất nhập khẩu tại Ngân hàng TMCP Quân đội	Đinh Thu Trang	TS. Trịnh Thị Phan Lan	
73.	Thạc sĩ	Hiệu quả sử dụng tài sản tại công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ thương mại Trung Thành	Phùng Thị Huyền Trang	TS. Nguyễn Thế Hùng	
74.	Thạc sĩ	Tín dụng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Bùi Anh Trung	TS. Đặng Thị Thu Hằng	
75.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC	Đỗ Duy Trung	TS. Trịnh Mai Vân	
76.	Thạc sĩ	Chất lượng tín dụng khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Nam Định	Nguyễn Mạnh Trường	TS. Hoàng Việt Trung	
77.	Thạc sĩ	Dự báo giá bằng công cụ Bollinger Band : Trường hợp thị trường tương lai hàng hóa nông sản	Nguyễn Hà Uyên	TS. Nguyễn Thị Nhung	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
78.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Minh Khai	Nguyễn Thị Vân	TS. Trịnh Mai Vân	
79.	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với sản phẩm dịch vụ của ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu ACB - Chi nhánh Hoàng Cầu	Trương Sơn Anh	TS. Nguyễn Anh Thái	
80.	Thạc sĩ	Chính sách quản lý trị giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu	Phạm Thị Hồng Phúc	TS. Đào Thị Thu Trang	
81.	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá chính sách phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2015-2020	Ngô Thanh Tuyền	TS Đào Thị Thu Trang	
82.	Thạc sĩ	Quản lý tài sản công tại Kiểm toán nhà nước	Đỗ Thị Mai Dung	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
83.	Thạc sĩ	Kế toán hoạt động thu - chi ngân sách tại các trường THPT huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	Dương Quốc Dũng	TS. Đỗ Kiều Oanh	
84.	Thạc sĩ	Kế toán hoạt động thu - chi tại Trường Đại học Hà Nội	Ngô Thị Thu Hà	TS. Đỗ Kiều Oanh	
85.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	Nguyễn Thị Hòa	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
86.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng GDC Hà Nội	Đào Thị Hoài	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	
87.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính Công ty cổ phần tập đoàn FLC	Lưu Thanh Huyền	TS. Phạm Ngọc Quang	
88.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính Công ty Cổ phần Phát triển Đại dương	Nguyễn Thị Cẩm Lệ	TS. Trần Thế Nữ	
89.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính Công ty Cổ phần Thủy điện Leader Nam Tiến	Đỗ Thị Trang Linh	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	
90.	Thạc sĩ	Kiểm soát nội bộ hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	Dương Thị Ngát	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
91.	Thạc sĩ	Công tác kế toán theo định hướng tự chủ tài chính tại Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN	Nguyễn Thị Quỳnh	TS. Đỗ Kiều Oanh	
92.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính tại Công ty Cổ phần kỹ thuật xây dựng và cơ điện Phương Bắc	Trần Đức Thắng	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	
93.	Thạc sĩ	Kế toán quản trị tại công ty cổ phần vận tải dầu khí Đông Dương	Lê Thị Kiều Trâm	TS. Trần Thế Nữ	
94.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính Công ty Cổ phần Texo Tư vấn và Đầu tư	Trần Thu Trang	TS. Nguyễn Thị Diệu Thu	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
95.	Thạc sĩ	Kiểm soát nội bộ quy trình bán hàng - thu tiền của Công ty Cổ phần Soya Garden	Lương Anh Tuấn	TS. Phạm Ngọc Quang	
96.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính Tổng công ty Viglacera	Hoàng Thị Vân	TS. Nguyễn Hữu Hiếu	
97.	Thạc sĩ	Kiểm toán nội bộ theo định hướng rủi ro tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Ngô Thị Hải Yến	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
98.	Thạc sĩ	Quản lý chi tiêu công góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Nguyễn Thị Hải Yến	TS. Phạm Ngọc Quang	
99.	Thạc sĩ	Huy động các nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Hoàng Xuân Bách	PGS.TS Lê Danh Tồn	
100.	Thạc sĩ	Giảm nghèo hộ gia đình tại khu vực nông thôn Hà Nội	Trần Anh Duy	TS. Vũ Văn Hùng	
101.	Thạc sĩ	Quản lý tiến độ các dự án của Công ty 36.62 thuộc Tổng công ty 36 - Bộ Quốc Phòng	Đặng Quốc Anh	TS. Phạm Minh Tuấn	
102.	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Chi nhánh Cầu Giấy	Nguyễn Minh Anh	TS. Nguyễn Thị Lan Hương	
103.	Thạc sĩ	Quản lý môi trường làng nghề trên địa bàn huyện Thanh Oai, Hà Nội	Nguyễn Phan Hiền Anh	TS. Lê Đình Thăng	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
104.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Sở Công thương tỉnh Hòa Bình	Đào Thị Ánh	TS. Lưu Quốc Đạt	
105.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Nông Hải Âu	TS .Hoàng Thị Hương	
106.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	Đình Văn Cường	PGS.TS. Lê Trung Thành	
107.	Thạc sĩ	Quản lý đấu thầu mua sắm hàng hóa tập trung tại Cục Tài vụ - Quản trị, Tổng cục Hải quan	Vũ Kim Cương	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	
108.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Xuất nhập khẩu Thiên Minh	Lê Văn Cường	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	
109.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần đầu tư địa ốc BigHomes	Lại Ngọc Linh Đa	PGS.TS Lê Văn Chiến	
110.	Thạc sĩ	Quản lý tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Vũ Ngọc Đạt	PGS.TS Phan Thế Công	
111.	Thạc sĩ	Chất lượng nhân lực môi giới bất động sản tại Công ty cổ phần bất động sản Tuấn 123	Nguyễn Khắc Doanh	PGS.TS Phạm Văn Dũng	
112.	Thạc sĩ	Quản lý chi cho Khoa học và Công nghệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội	Nguyễn Thị Dung	TS. Nguyễn Xuân Đông	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
113.	Thạc sĩ	Quản lý thu tài chính tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam	Nguyễn Khắc Dũng	PGS.TS Lê Danh Tôn	
114.	Thạc sĩ	Quản lý đất đai tại các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Hà Giang	GS.TS Phan Huy Đường	
115.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội	Đình Chí Giáp	PGS.TS Lê Danh Tôn	
116.	Thạc sĩ	Phát triển nhân lực cơ quan Khoa học nhà nước Trung Ương theo vị trí việc làm	Đặng Thị Việt Hà	PGS.TS Phạm Văn Dũng	
117.	Thạc sĩ	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	Đặng Văn Hà	PGS.TS Lê Danh Tôn	
118.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại và xây dựng giao thông I	Nguyễn Thị Hoài	PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp	
119.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Huệ	TS. Hoàng Thị Hương	
120.	Thạc sĩ	Phát triển du lịch trên địa bàn huyện Đông Văn, tỉnh Hà Giang	Ly Việt Hùng	PGS.TS Lê Danh Tôn	
121.	Thạc sĩ	Quản lý thu thuế giá trị gia tăng tại Chi cục Thuế quận Hà Đông - Cục thuế thành phố Hà Nội	Đào Thị Lan Hương	PGS.TS Trần Đức Hiệp	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
122.	Thạc sĩ	Quản lý tài sản công trên địa bàn thành phố Hà Nội	Hoàng Thị Thu Lan	GS.TS Phan Huy Đường	
123.	Thạc sĩ	Quản lý bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Ngọc Lan	TS. Hoàng Thị Hương	
124.	Thạc sĩ	Quản lý thu thuế giá trị gia tăng của Chi cục Thuế huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Luyện Diệu Linh	GS.TS Phan Huy Đường	
125.	Thạc sĩ	Quản lý dự án đầu tư xây dựng của huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	Đỗ Ngọc Long	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	
126.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty Bảo Minh Đông Đô	Đặng Xuân Miên	PGS.TS Phạm Văn Dũng	
127.	Thạc sĩ	Phát triển một số sản phẩm mới cho thị trường trái phiếu Việt Nam	Vũ Tuấn Nam	TS. Lê Minh Nghĩa	
128.	Thạc sĩ	Quản lý đào tạo nhân lực tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam	Phạm Thị Thanh Nga	TS. Đỗ Anh Đức	
129.	Thạc sĩ	Quản lý du lịch bền vững tại Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Vũ Đức Ngọc	TS. Nguyễn Đình Tiến	
130.	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Thăng Long	Đỗ Quang Phương	TS. Phạm Minh Tuấn	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
131.	Thạc sĩ	Quản lý chất lượng hàng hóa từ các nhà cung cấp tại Công ty TNHH NETCORP Việt Nam	Đặng Thị Phụng	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	
132.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho giảng viên Trường Đại học Thái Bình	Phạm Duy Quang	TS. Hoàng Khắc Lịch	
133.	Thạc sĩ	Quản lý chi thường xuyên đối với các đơn vị sử dụng ngân sách địa phương của Văn phòng Kho bạc nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc	Vũ Văn Quang	PGS.TS Lê Văn Chiến	
134.	Thạc sĩ	Quản lý cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở chính	Hoàng Thị Quỳnh	TS. Hoàng Triều Hoa	
135.	Thạc sĩ	Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	Đỗ Thanh Sơn	TS. Nguyễn Anh Thái	
136.	Thạc sĩ	Ứng dụng dịch vụ công trực tuyến tại các cơ quan hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội	Phùng Ngọc Sơn	TS. Lê Thị Hồng Điệp	
137.	Thạc sĩ	Quản lý môi trường trên địa bàn huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	Hoàng Văn Sướng	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh	
138.	Thạc sĩ	Quản lý cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Trương Công Thành	PGS.TS Lê Thị Anh Vân	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
139.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty viễn thông quốc tế - Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông Việt Nam	Hà Thị Minh Thu	TS. Nguyễn Tiến Minh	
140.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Trung tâm dữ liệu Nhà nước Hà Nội	Nguyễn Thu Thủy	TS. Lê Thị Hồng Điệp	
141.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Ngọc Điệp	Dương Thị Tuyết	PGS.TS. Hà Văn Hội	
142.	Thạc sĩ	Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố Hà Nội	Hạ Thị Tuyết	PGS.TS Phạm Văn Dũng	
143.	Thạc sĩ	Dịch vụ Ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	Phạm Xuân An	TS. Phạm Việt Thắng	
144.	Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực tại Ban Quản lý dự án 3 - Tổng cục Đường bộ Việt Nam	Đào Thị Ngọc Anh	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	
145.	Thạc sĩ	Đào tạo nguồn nhân lực Công ty TNHH Hyundai Kefico Việt Nam	Dương Thị Lan Anh	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	
146.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho đội ngũ đại lý tại công ty Bảo Việt Đông Đô	Màu Hoàng Anh	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	
147.	Thạc sĩ	Chính sách marketing 4ps của công ty cổ phần thiết bị y tế ATM	Phạm Gia Bách	TS. Nguyễn Ngọc Quý	
148.	Thạc sĩ	Đào tạo nhân viên bán hàng khối khách hàng Tổ chức - Doanh	Nguyễn Văn Chinh	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		nghiệp tại Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông			
149.	Thạc sĩ	Hoạt động marketing tại Công ty CP kinh doanh LPG Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bộ trên địa bàn Hà Nội	Trịnh Trọng Chung	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	
150.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ lưu trú tại khách sạn Hà Nội Daewoo	Nguyễn Phương Dung	TS. Nguyễn Thu Hà	
151.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ thẻ ở Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	Vũ Thị Bích Hiền	PGS.TS. Phan Chí Anh	
152.	Thạc sĩ	Chiến lược kinh doanh của xí nghiệp In - Nhà máy Z176 - Tổng cục công nghiệp quốc phòng	Đặng Hữu Hưng	TS. Đỗ Xuân Trường	
153.	Thạc sĩ	Đãi ngộ nhân sự tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Đình Việt Hưng	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	
154.	Thạc sĩ	Quản trị tinh gọn tại Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng chuyên ngành của Tổng cục Hải quan	Nguyễn Quang Hưng	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	
155.	Thạc sĩ	Chiến lược chuyển đổi số tại Tổng Công ty Viễn thông Viettel giai đoạn 2021-2025	Nguyễn Quốc Hưng	PGS.TS. Trần Anh Tài	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
156.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho người lao động tại Công ty TNHH MTV Ứng dụng Kỹ thuật và Sản xuất	Trần Thu Hương	TS. Đinh Văn Toàn	
157.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho người lao động tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Phòng giao dịch Đường Thành	Đỗ Quang Khánh	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	
158.	Thạc sĩ	Đào tạo nguồn nhân lực của Công Ty CP Parosy	Nguyễn Thị Tú Lộc	TS. Trương Minh Đức	
159.	Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực công ty CP Công nghệ Teko Việt Nam	Nguyễn Hà My	TS. Đỗ Xuân Trường	
160.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho người lao động tại Công ty Cổ phần Traphaco	Nguyễn Bích Ngọc	TS. Trương Minh Đức	
161.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho người lao động tại Công ty TNHH Khí công nghiệp Hạ Long	Trần Thanh Ngọc	PGS.TS. Phan Chí Anh	
162.	Thạc sĩ	Chất lượng nguồn nhân lực tại Công ty TNHH phát triển T.Q - Ánh Việt	Nguyễn Thị Nhân	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	
163.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho nhân viên tại Công ty TNHH MTV Ứng dụng Kỹ thuật và Sản xuất - Bộ Quốc Phòng	Đỗ Thành Quang	TS. Trương Minh Đức	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
164.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho người lao động tại Công ty cổ phần đầu tư - xây dựng ECON	Nguyễn Quảng	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	
165.	Thạc sĩ	Digital marketing tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Hoàng Linh Sơn	TS. Vũ Thị Minh Hiền	
166.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ hỗ trợ đời sống sinh viên tại Trung tâm hỗ trợ sinh viên, ĐHQGHN	Nguyễn Đại Thắng	TS. Đỗ Xuân Trường	
167.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho cán bộ nhân viên tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu	Lê Thị Thùy	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	
168.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho người lao động tại Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà	Phan Huyền Trang	PGS.TS. Phan Chí Anh	
169.	Thạc sĩ	Dịch vụ thẻ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô, Hà Nội	Phan Thị Quỳnh Trang	PGS.TS. Trần Anh Tài	
170.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội	Tạ Thị Minh Trang	TS. Nguyễn Ngọc Quý	
171.	Thạc sĩ	Thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ tại ĐHQGHN	Nguyễn Thành Trung	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
172.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ khách hàng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	Nguyễn Hữu Tuấn	TS. Lưu Hữu Văn	
173.	Thạc sĩ	Đào tạo nguồn nhân lực bán hàng tại công ty điện tử Samsung Việt Nam khu vực phía Bắc	Phạm Thanh Tùng	TS. Đặng Thị Hương	
174.	Thạc sĩ	Đào tạo nguồn nhân lực tại công ty TNHH Lavie Việt Nam	Nguyễn Mạnh Tường	PGS.TS. Trần Anh Tài	
175.	Thạc sĩ	Truyền thông Marketing tích hợp tại Công ty Cổ phần Tập đoàn TIMA	Trần Hải Vân	TS. Vũ Thị Minh Hiền	
176.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	Đào Thanh Xuân	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	
177.	Thạc sĩ	Quản trị quan hệ khách hàng của Công ty Tek Experts Vietnam	Phạm Hải Yến	TS. Đinh Văn Toàn	
178.	Thạc sĩ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty cổ phần công nghệ DSS Việt Nam	Chu Kim Chi	TS. Nguyễn Thị Nhung	
179.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng tới sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư	Ngô Thị Ngân Hà	TS. Trần Thị Vân Anh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tràng An			
180.	Thạc sĩ	Chất lượng hoạt động tài trợ thương mại tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV	Nguyễn Ngân Hạnh	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	
181.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	Ngô Thị Thu Hiền	TS. Lê Hồng Hạnh	
182.	Thạc sĩ	Chất lượng cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội	Nguyễn Thị Hoa	TS. Vũ Thị Loan	
183.	Thạc sĩ	Cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	Hoàng Quốc Hưng	PGS.TS. Trịnh Thị Hoa Mai	
184.	Thạc sĩ	Cấu trúc vốn các doanh nghiệp nhóm ngành hàng không niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn Mai Linh	TS. Trịnh Thị Phan Lan	
185.	Thạc sĩ	Rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố	Nguyễn Nhật Linh	TS. Vũ Thị Loan	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Hà Nội trong bối cảnh đại dịch Covid-19			
186.	Thạc sĩ	Phát triển cho vay tiêu dùng tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trần Phú	Đào Thị Tuyết Mai	TS. Nguyễn Thế Hùng	
187.	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động Bancassurance tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Thăng Long	Hà Thảo My	TS. Trịnh Mai Vân	
188.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ ngân hàng số tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Nguyễn Thị Hằng Nga	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	
189.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ thẻ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	Quảng Thị Thu Nga	TS. Phạm Minh Tuấn	
190.	Thạc sĩ	Chất lượng tín dụng khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Điện Biên	Đình Thanh Quang	TS. Lê Hồng Hạnh	
191.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Woori Việt Nam	Vũ Thị Hương Quỳnh	TS. Vũ Thị Loan	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
192.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hà Nội	Phạm Minh Tâm	TS. Trịnh Thị Phan Lan	
193.	Thạc sĩ	Hiệu quả huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - SHB, Chi nhánh Hàn Thuyên	Nguyễn Thị Bích Thảo	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	
194.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Vũ Thị Tình	TS. Đinh Thị Thanh Vân	
195.	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động cho vay nông nghiệp nông thôn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Tổng Minh Trang	TS. Nguyễn Thị Nhung	
196.	Thạc sĩ	Huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Lê Thành Trung	TS. Đinh Thị Thanh Vân	
197.	Thạc sĩ	Phát triển tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	Đinh Tuấn	TS. Phạm Bảo Khánh	
198.	Thạc sĩ	Quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Lê Nguyên Tùng	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	
199.	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động tín dụng tại Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn	Nguyễn Duy Tùng	TS. Nguyễn Thế Hùng	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nhã Nam, huyện Tân Yên - Bắc Giang			
200.	Thạc sĩ	Phát triển sản phẩm thẻ ngân hàng tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Nguyễn Thanh Tuynh	TS. Nguyễn Phú Hà	
201.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro hoạt động tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	Đỗ Hải Yên	TS. Phạm Minh Tú	
202.	Thạc sĩ	Quản lý vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới tại phòng tài chính huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Trần Lê Quang	TS. Trịnh Thị Phan Lan	
203.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 1 - Tập đoàn điện lực Việt Nam	Tạ Quốc Định	TS. Trần Đức Vui	
204.	Thạc sĩ	Vai trò Nhà nước trong phát triển dịch vụ du lịch tại thành phố Hà Long	Đặng Thị Phương Thảo	TS. Nguyễn Thùy Anh	
205.	Thạc sĩ	Đánh giá hoạt động kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa	Nguyễn Thị Huệ	TS. Đào Thị Thu Trang	
206.	Thạc sĩ	Quản lý hải quan đối với loại hình chế xuất của Chi cục hải quan Bắc Ninh	Đình Minh Đức Tâm	TS. Đỗ Đức Quân	
207.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần thiết bị VMT Việt Nam	Trương Hải Hiếu	TS. Hoàng Triều Hoa	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
208.	Thạc sĩ	Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Hòa Bình	Võ Thị Anh Mỹ	TS. Nguyễn Đình Tiến	
209.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Tổng công ty Hoá chất và Dịch vụ Dầu khí	Tạ Mạnh Cường	GS.TS Phan Huy Đường	
210.	Thạc sĩ	Thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại thành phố Hà Nội	Nguyễn Khắc Tuấn	PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn	
211.	Thạc sĩ	Năng lực phòng vệ thương mại của Việt Nam trong bối cảnh tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	Đặng Văn Thực	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp	
212.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính nội bộ của Vụ tài vụ quản trị, Kho bạc Nhà nước	Lê Hồng Quân	PGS.TS Lê Văn Chiến	
213.	Thạc sĩ	Quản lý huy động vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phù Ninh - Phú Thọ II	Phạm Thị Kiều Oanh	GS.TS Phan Huy Đường	
214.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực của Công ty cổ phần đầu tư GNT	Lê Quang Linh	PGS.TS Trần Đức Hiệp	
215.	Thạc sĩ	Chất lượng cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thanh Oai	Phan Huyền Trang	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	
216.	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Bùi Diệu Hương	TS. Nguyễn Thế Hùng	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
217.	Thạc sĩ	Chiến lược phát triển của Tổng công ty Du lịch Hà Nội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	Nguyễn Văn Dũng	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	
218.	Thạc sĩ	Kênh phân phối sản phẩm tại Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và dịch vụ thương mại Âu Việt	Hà Diệu Linh	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	
219.	Thạc sĩ	Tuyển dụng, đào tạo nguồn chuyên gia y tế tại Trung tâm Hợp tác Chuyên gia và Nhân lực Y tế với Nước ngoài - Bộ Y tế	Đoàn Vinh Quang	TS. Đặng Thị Hương	
220.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên: Trường hợp sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN	Đặng Thành Đạt	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu	
221.	Thạc sĩ	Quản trị chất lượng dịch vụ hành chính công tại Ủy ban Nhân dân Huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	Đỗ Quang Huy	PGS.TS. Trần Đức Hiệp	
222.	Thạc sĩ	Đào tạo nguồn nhân lực tại Cơ quan Thanh tra Chính phủ	Đỗ Đức Toàn	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	
223.	Thạc sĩ	Tái cơ cấu doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh: Nghiên cứu điển hình tại Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD	Nguyễn Việt Hùng	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
224.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho Công ty Cổ phần Công nghệ mạng viễn thông C- Link	Lê Thị Thúy Thanh	TS. Nguyễn Tiến Minh	
225.	Thạc sĩ	Kiểm soát chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Phạm Hồng Quang	TS. Phạm Minh Tuấn	
226.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho người lao động tại công ty dịch vụ Mobifone khu vực 1	Vũ Xuân Phong	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	
227.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	Nguyễn Quốc Điền	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	
228.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược phát triển của trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025	Nguyễn Xuân Sang	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	
229.	Thạc sĩ	Chất lượng nguồn nhân lực tại Trung tâm Dạy nghề, đào tạo và sát hạch lái xe Học viện Cảnh sát Nhân dân	Phạm Tuyết Mai	PGS.TS. Nguyễn An Thịnh	
230.	Thạc sĩ	Năng lực quản trị của cán bộ cấp phòng tại Thanh tra Chính phủ	Trần Quốc Dũng	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	
231.	Thạc sĩ	Năng lực lãnh đạo đội ngũ lãnh đạo cấp trung tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Trần Thu Huyền	PGS.TS. Lê Trung Thành	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
232.	Thạc sĩ	Kiểm soát nội bộ tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	Nguyễn Đình Vinh	PGS.TS. Lê Trung Thành	
233.	Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng TMCP Quân đội	Bùi Thế Cường	TS. Nguyễn Duy Việt	
234.	Thạc sĩ	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc	Phạm Văn Quyết	TS. Nguyễn Thu Hà	
235.	Thạc sĩ	Quản trị công ty tại công ty cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam	Nguyễn Văn Ngọc	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	
236.	Thạc sĩ	Năng lực lãnh đạo đội ngũ lãnh đạo cấp trung tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Trần Thu Huyền	PGS.TS. Lê Trung Thành	
237.	Thạc sĩ	Kiểm soát nội bộ tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	Nguyễn Đình Vinh	PGS.TS. Lê Trung Thành	
238.	Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng TMCP Quân đội	Bùi Thế Cường	TS. Nguyễn Duy Việt	
239.	Thạc sĩ	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Nông	Phạm Văn Quyết	TS. Nguyễn Thu Hà	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		ngiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc			
240.	Thạc sĩ	Quản trị công ty tại công ty cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam	Nguyễn Văn Ngọc	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	
241.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ thẻ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hưng Yên	Trần Chiến Thắng	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	
242.	Thạc sĩ	#N/A	Vũ Viết Dương	#N/A	
243.	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Tháp đôi Hà Nội	Trần Văn Thành	TS. Nguyễn Ngọc Quý	
244.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Nam Sài Gòn	Trương Mạnh Tuấn	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	
245.	Thạc sĩ	Quản trị chất lượng tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn MKTP	Nguyễn Ngọc Huy	TS. Đỗ Xuân Trường	
246.	Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực tại Ban giám định bồi thường xe cơ giới Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt	Đình Việt Dũng	TS. Đặng Thị Hương	
247.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất	Phạm Hoàng Hải	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		lượng dịch vụ của khách sạn Victoria Cần Thơ			
248.	Thạc sĩ	Năng lực cạnh tranh của Công ty Cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị	Nguyễn Đăng Quang	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	
249.	Thạc sĩ	Phát triển thuê bao khách hàng cá nhân tại Công ty Dịch vụ Mobifone Khu vực 8	Trần Thanh Phúc	TS. Đinh Văn Toàn	
250.	Thạc sĩ	Quản trị tri thức trong các dự án phi lợi nhuận ở Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp điển hình Dự án thông tin thị trường lao động	Nguyễn Thị Lê Vân	TS. Bùi Quang Tuyền	
251.	Thạc sĩ	Chiến lược kinh doanh của Bảo Việt Nhân Thọ	Đào Đình Thi	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	
252.	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp tới lòng trung thành của khách hàng tại Công ty cổ phần dệt 10/10	Dương Thúy Nga	TS. Đỗ Vũ Phương Anh	
253.	Thạc sĩ	Quản trị chi phí đầu giá tài sản tại Công ty Đấu giá hợp danh Tân Đại Phát	Cao Kim Ngân	TS. Hoàng Khắc Lịch	
254.	Thạc sĩ	Kiểm soát thu thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Cửa Việt - Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị	Lê Mai Anh	TS. Nguyễn Hồng Chinh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
255.	Thạc sĩ	Mô hình vườn ươm khởi nghiệp trong trường đại học: Thực tiễn ở Đại học Quốc Gia Hà Nội	Vương Quốc Thắng	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	
256.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến tạo động lực cho nhân viên tại Công ty Cổ phần Novas Việt Nam	Nguyễn Thị Kim Dung	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	
257.	Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực tại Cục thuế thành phố Hà Nội	Trần Thị Hưng Bình	TS. Nguyễn Thu Hà	
258.	Thạc sĩ	Công tác kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Trần Thị Quỳnh Anh	TS. Trương Đức Thao	
259.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển doanh nghiệp ô tô tại Việt Nam	Nguyễn Đức Bảo Long	TS. Lưu Quốc Đạt	
260.	Thạc sĩ	Quản trị tài chính tại Đài truyền hình Việt Nam	Nguyễn Thu Hiền	TS. Phạm Minh Tuấn	
261.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Dương	Trần Văn Tuấn	TS. Nguyễn Thùy Dung	
262.	Thạc sĩ	Kiểm soát tiến độ thực hiện các dự án tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Nguyễn Việt Phương	PGS.TS Lê Trung Thành	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
263.	Thạc sĩ	Quản trị tinh gọn bộ phận bán hàng tại Văn phòng Kinh doanh Nam Hà Nội, Tập đoàn Phan Vũ	Lương Anh Kiên	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	
264.	Thạc sĩ	Kiểm soát hoạt động nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục Thuế quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Nguyễn Đình Trường	PGS.TS Lê Trung Thành	
265.	Thạc sĩ	Chất lượng nguồn nhân lực của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Hoàng	TS. Phạm Minh Tuấn	
266.	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần Dược phẩm và Dịch vụ Y tế Khánh Hội	Lê Nguyễn Nhật Bình	TS. Lê Thị Việt Hà	
267.	Thạc sĩ	Tăng trưởng tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	Nguyễn Thùy Linh	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu	
268.	Thạc sĩ	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực của chuyên viên làm công tác quản trị hệ thống tại Trung tâm Công nghệ thông tin - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Lê Phạm Hòa Hợp	TS. Nguyễn Ngọc Quý	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
269.	Thạc sĩ	Quản trị chi phí tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Hà Nội	Nguyễn Thị Minh Hiền	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu	
270.	Thạc sĩ	Xây dựng thương hiệu hệ thống giáo dục Times School tại Hà Nội	Đỗ Thị Phúc	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi	
271.	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thạch Bàn	Hoàng Mạnh Cường	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi	
272.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng tại Agribank - Chi nhánh Đông Hà Nội	Lê Văn Huỳnh	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi	
273.	Thạc sĩ	Xây dựng chiến lược kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc	Nguyễn Đắc Lộc	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	
274.	Thạc sĩ	Quản trị sản xuất tinh gọn tại nhà máy thiết bị điện cao thế của Công ty TNHH ABB Việt Nam	Lương Huy Đoàn	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	
275.	Thạc sĩ	Quản trị tài chính theo tinh thần doanh nghiệp ở các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế Hà Nội	Nguyễn Việt Hà	PGS.TS Lê Trung Thành	
276.	Thạc sĩ	Quản trị thu bảo hiểm xã hội của bảo hiểm xã hội Việt Nam	Chu Mạnh Sinh	GS.TS. Lê Quân	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
277.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ y tế chất lượng cao tại Bệnh viện Nhi Trung Ương	Trịnh Ngọc Hải	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê	
278.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho người lao động tại Công ty Cổ phần Thép Minh Phú	Đình Thị Vân	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	
279.	Thạc sĩ	Sự hài lòng của khách hàng tại Công ty Dịch vụ Mobifone khu vực 8	Nguyễn Thanh Lâm	TS. Nguyễn Thu Hà	
280.	Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Yên Bái	Nguyễn Thị Bích Huệ	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	
281.	Thạc sĩ	Kiểm soát thuế Thu nhập cá nhân tại Chi cục thuế Khu vực Thanh Oai, Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội	Hoàng Thanh Nam	GS.TS. Lê Quân	
282.	Thạc sĩ	Chiến lược phát triển của doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam đến năm 2025 - Nghiên cứu trường hợp Hợp tác xã Thủ công Mỹ nghệ Trái Tim Hồng	Phạm Thị Hương	TS. Phạm Vũ Thắng	
283.	Thạc sĩ	Năng lực lãnh đạo, quản lý của phụ nữ tại công ty OIA Global	Lê Thị Thanh Bình	PGS.TS. Nguyễn An Thịnh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
284.	Thạc sĩ	Quản trị dự án vay vốn tín dụng đầu tư của nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Nguyễn Bích Hà	TS. Đinh Thị Thanh Vân	
285.	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của văn hóa xã hội đến sự hài lòng trong công việc của các kế toán viên làm việc tại thành phố Hà Nội	Đinh Thị Thanh Hải	TS. Hoàng Khắc Lịch	
286.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội	Trần Văn Đại	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	
287.	Thạc sĩ	Chất lượng thanh toán quốc tế tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)- Chi nhánh Thanh Xuân	Nguyễn Khánh Duy	TS. Vũ Thị Loan	
288.	Thạc sĩ	Tái cơ cấu tài chính doanh nghiệp ngành vận tải biển thông qua hoạt động mua bán nợ tại Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam	Hoàng Thị Duyên	TS. Đỗ Hồng Nhung	
289.	Thạc sĩ	Phát triển cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng thương mại TNHH MTV Dầu khí toàn cầu - Chi nhánh Thăng Long	Trần Mạnh Chung	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	
290.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng thương mại	Vũ Thị Hồng Nhung	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		TNHH Một thành viên Dầu khí toàn cầu			
291.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ thẻ tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Nam Hà Nội	Đinh Thùy Linh	TS. Đinh Thị Thanh Vân	
292.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu - GPBank	Nguyễn Thị Phương Anh	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	
293.	Thạc sĩ	Phân tích tình hình cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	Lê Thị Đoan	TS. Đinh Thị Thanh Vân	
294.	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lào Cai	Trần Diệu Linh	TS. Nguyễn Phú Hà	
295.	Thạc sĩ	Nâng cao hiểu biết của người gửi tiền về chính sách bảo hiểm tiền gửi	Phạm Hương Mai	TS. Vũ Văn Long	
296.	Thạc sĩ	Tín dụng bán lẻ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	Vũ Thị Anh Vân	TS. Nguyễn Đức Tú	
297.	Thạc sĩ	Quản lý sử dụng vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Trần Việt Sơn	TS. Nguyễn Thế Kiên	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
298.	Thạc sĩ	Tác động của Hiệp định CPTTP đến nhập khẩu mặt hàng thịt của Việt Nam	Bùi Thị Vân	TS. Trần Việt Dung	
299.	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ tại Công ty bảo hiểm BIDV Hải Dương	Phạm Văn Huân	TS. Nguyễn Thùy Anh	
300.	Thạc sĩ	Quản lý tín dụng nông nghiệp, nông thôn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	Nguyễn Minh Đức	TS. Phạm Minh Tuấn	
301.	Thạc sĩ	Đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana	Nguyễn Hoài Anh	TS. Đặng Thị Hương	
302.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho người lao động tại Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Nguyễn Tiến Dũng	TS. Đặng Thị Hương	
303.	Thạc sĩ	Xây dựng thương hiệu dịch vụ bay du lịch cho Công ty Trực thăng Miền Bắc	Phạm Văn Dũng	TS. Vũ Thị Minh Hiền	
304.	Thạc sĩ	Xây dựng thương hiệu Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Chè Tam Đường	Trịnh Thùy Dương	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	
305.	Thạc sĩ	Đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty TNHH MTV Ứng dụng Kỹ thuật và Sản xuất - Bộ Quốc phòng	Nguyễn Ngọc Thành	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
306.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi tiêu dùng đối với thực phẩm hữu cơ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tâm Đạt	Nguyễn Tiến Đạt	TS. Nguyễn Thị Phi Nga	
307.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ thẻ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng long	Đặng Thu Hương	PGS.TS. Trịnh Thị Hoa Mai	
308.	Thạc sĩ	Đánh giá sự sẵn sàng của Việt Nam trong việc thực hiện tạo thuận lợi thương mại số	Nguyễn Thị Nhung	TS Vũ Thanh Hương	
309.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Dương Văn Phiến	TS. Trần Thị Vân Anh	
310.	Thạc sĩ	Cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Phùng Văn Thủy	PGS.TS. Trần Thị Thái Hà	
311.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn	Chu Thị Hồng Thúy	PGS.TS. Lư Thị Hương	
312.	Thạc sĩ	Phát triển du lịch trên địa bàn huyện Đông Văn, tỉnh Hà Giang	Ly Việt Hùng	PGS.TS Lê Danh Tôn	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
313.	Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Tiên Hưng	Trần Đức Anh	PGS.TS. Trần Anh Tài	
314.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tỷ giá trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Bùi Thị Ngọc Tâm	TS. Nguyễn Thị Nhung	
315.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty Cổ phần Công nghệ Chatbot Việt Nam	Lê Anh Tiên	TS. Nguyễn Thị Lan Hương	
316.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần giải pháp công nghệ VOTC	Nguyễn Hữu Chí	TS. Lê Thị Hồng Điệp	
317.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Vân	PGS.TS Hà Văn Hội	
318.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Học viện Chính trị - Bộ Quốc Phòng	Phạm Văn Hiếu	PGS.TS Trần Đức Hiệp	
319.	Thạc sĩ	Quản lý Quỹ nghiên cứu cơ bản về Khoa học tự nhiên và kỹ thuật ở Việt Nam	Phạm Tuấn Anh	PGS.TS Trần Đức Hiệp	
320.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính Công ty cổ phần thủy điện Nậm Mu	Trần Hải Nam	PGS.TS. Trần Thị Kim Anh	
321.	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động đấu giá tại Công ty đấu giá Hợp Danh Nam Bắc	Hoàng Ngọc Anh	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
322.	Thạc sĩ	Chiến lược phát triển Công ty cho thuê Tài chính - ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Nguyễn Mai Phương	TS. Phạm Minh Tuấn	
323.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty đầu tư xây dựng và Thương mại dịch vụ PKT Hà Nội	Đỗ Hồng Ngọc	PGS.TS. Vũ Đức Thanh	
324.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh	Mai Kim Dân	PGS.TS Vũ Đức Thanh	
325.	Thạc sĩ	Huy động vốn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Nguyễn Thị Hoa	TS. Đỗ Xuân Trường	
326.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại công ty TNHH Đông Á 68	Đông Bá Đức	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	
327.	Thạc sĩ	Cho vay khách hàng doanh nghiệp FDI tại Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	Trần Tô Loan	PGS.TS. Lê Trung Thành	
328.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính của Kho bạc nhà nước Quận Hoàng Mai	Nguyễn Thị Hòa	TS. Lê Đình Thăng	
329.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực công chức tại cơ quan Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương	Hoàng Thị Minh Thu	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
330.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Công ty TNHH Star Concord Việt Nam	Phạm Thị Mỹ Hạnh	PGS.TS. Phan Chí Anh	
331.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Công ty TNHH TM PT & Dịch vụ Du lịch Thiên Thanh	Lê Thị Yến	TS. Nguyễn Ngọc Quý	
332.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho giảng viên tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Đinh Thị Thu Hà	TS. Đào Cẩm Thủy	
333.	Thạc sĩ	Quản lý đấu thầu mua sắm tập trung các thiết bị văn phòng tại Cục Trang bị và Kho vận - Bộ Công an	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	GS.TS Phan Huy Đờng	
334.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro dịch vụ ví điện tử tại Trung tâm Dịch vụ Tài chính số VNPT - Tổng công ty Truyền thông	Nguyễn Thị Bảo Yến	PGS.TS. Trịnh Thị Hoa Mai	
335.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động tại Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina	Mai Thị Thùy Linh	TS. Cao Tú Oanh	
336.	Thạc sĩ	Chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển	Nguyễn Đức Sơn	TS. Lưu Hữu Văn	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình			
337.	Thạc sĩ	Quản lý cho vay khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Nguyễn Thị Hoa	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	
338.	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Giang	Nguyễn Thị Hạnh Đơn	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	
339.	Thạc sĩ	Hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex	Đình Hữu Nhân	TS Nguyễn Thế Hùng	
340.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 507	Lương Hiền Thúy	TS. Hoàng Thị Hương	
341.	Thạc sĩ	Hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	Đặng Thị Gấm	TS Trần Thị Vân Anh	
342.	Thạc sĩ	Thẩm định tài chính trong hoạt động cho vay dự án đầu tư tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây	Phan Văn Ngọc	TS. Trịnh Thị Phan Lan	
343.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực của Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng thuộc Tổng	Nguyễn Thị Thoa	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình			
344.	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam	Từ Thị Khánh Lê	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	
345.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Công ty Cổ phần Alla Việt Nam	Đỗ Tiến Quân	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	
346.	Thạc sĩ	Quản lý nợ xấu trong hoạt động cho vay tiêu dùng của Công ty Tài chính TNHH HD SaiSon - Chi nhánh Hà Nội	Hồ Thu Trang	TS Phạm Thu Phương	
347.	Thạc sĩ	Quản trị sản xuất tinh gọn tại Công ty TNHH Denso Việt Nam	Trần Thị Thu Thủy	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	
348.	Thạc sĩ	Giải quyết việc làm cho phụ nữ trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Hằng	PGS.TS. Lê Danh Tồn	
349.	Thạc sĩ	Quản lý thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần của Cục thuế Thành phố Hà Nội	Vũ Thị Quỳnh Nga	PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp	
350.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Ban quản lý Dự án Điện - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Trần Hải Anh	TS. Hoàng Triều Hoa	
351.	Thạc sĩ	Kinh doanh du lịch văn hóa tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Ma Xuân Khánh	TS. Lê Thị Việt Hà	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
352.	Thạc sĩ	Kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH xuất nhập khẩu Liên Phong	Đinh Thị Mai Linh	TS Đỗ Kiều Oanh	
353.	Thạc sĩ	Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Bùi Thị Chuyên	TS. Nguyễn Thùy Anh	
354.	Thạc sĩ	Giải quyết việc làm cho người dân bị thu hồi đất ở quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Trần Thị Ngọc Lan	PGS.TS Lê Trung Thành	
355.	Thạc sĩ	Quản lý chi ngân sách Nhà nước tại Sở Y tế tỉnh Hải Dương	Trần Đức Huy	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu	
356.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho nhân viên tại Khách sạn An Vista Nha Trang	Nguyễn Thị Phương Loan	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	
357.	Thạc sĩ	Kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần Công nghệ Tuổi Tô Gia	Vũ Thị Lệ	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
358.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính tại Công ty cổ phần thiết bị xử lý nước Setfil	Nguyễn Thu Hằng	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	
359.	Thạc sĩ	Kiểm soát nội bộ hoạt động thu - chi tại các trường cao đẳng khu vực phía Bắc trực thuộc Bộ xây dựng	Trần Thanh Xuân	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
360.	Thạc sĩ	Vận dụng phương pháp tài sản trong xác định giá trị doanh nghiệp sản xuất để cổ phần hóa ở Việt Nam	Đỗ Trần Trung Kiên	TS Phạm Ngọc Quang	
361.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, chi nhánh Hàn Thuyên	Đình Hồng Minh	TS. Trương Minh Đức	
362.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc tại Công ty TNHH Cung cấp Giải pháp Dịch vụ Giá trị gia tăng VIVAS	Đậu Thanh Hải	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	
363.	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Cung cấp Giải pháp Dịch vụ Giá trị gia tăng VIVAS	Nguyễn Văn Học	TS. Đỗ Xuân Trường	
364.	Thạc sĩ	Đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Valqua Việt Nam	Vũ Trọng Quyết	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	
365.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho nhân viên tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	Nguyễn Anh Tùng	TS. Vũ Thị Minh Hiền	
366.	Thạc sĩ	Năng suất lao động tại khối văn phòng công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng	Trần Văn Suốt	TS. Đặng Thị Hương	
367.	Thạc sĩ	Năng lực cạnh tranh của Tổng công ty Xi măng Việt Nam	Phạm Bá Tuấn	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
368.	Thạc sĩ	Hiệu quả hoạt động tài trợ nhập khẩu cho doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - SeABank	Phạm Hải Linh	PGS.TS. Trịnh Thị Hoa Mai	
369.	Thạc sĩ	Định vị thương hiệu tại Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Nguyễn Văn Tam	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	
370.	Thạc sĩ	Kiểm soát nội bộ hoạt động thu chi Bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc Phòng	Đỗ Khánh Linh	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	
371.	Thạc sĩ	Kiểm soát nội bộ hàng tồn kho tại Công ty TNHH Minh Long	Nguyễn Thị Tuất	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
372.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Tổng công ty Viễn thông Toàn cầu	Trần Văn Tùng	TS. Lưu Hữu Văn	
373.	Thạc sĩ	Quản trị theo mục tiêu và kết quả then chốt (OKR) tại Công ty Cổ phần FPT	Phạm Thị Hương	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	
374.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Công ty Cổ phần chứng khoán MB	Lê Thu Trang	PGS.TS. Phan Chí Anh	
375.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	Bùi Hải Yên	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
376.	Thạc sĩ	Kiểm soát hoạt động thu chi ngân sách các trung tâm tin học thống kê thuộc Tổng cục Thống kê	Nguyễn Thị Thu	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	
377.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính theo cơ chế tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Phạm Hồng Nhung	TS. Hoàng Triều Hoa	
378.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng tới lòng trung thành của khách hàng đối với sản phẩm bảo hiểm nhân thọ tại công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Aviva Việt Nam	Trương Bảo Anh	TS. Luyện Văn Thủy	
379.	Thạc sĩ	Kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng Tân Thành	Lưu Thị Xuân	TS Phạm Ngọc Quang	
380.	Thạc sĩ	Kế toán Quản trị chi phí tại Công ty Dịch vụ kỹ thuật truyền tải điện	Nguyễn Hoàng Yên	TS. Trần Thế Nữ	
381.	Thạc sĩ	Quản lý tài sản công tại Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ	Trần Thị Vân Anh	PGS.TS. Trần Anh Tài	
382.	Thạc sĩ	Hoạt động bán chéo sản phẩm cho khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên	Phùng Văn Long	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	
383.	Thạc sĩ	Quản trị sản xuất tại Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương	Nguyễn Bá Quyết	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
384.	Thạc sĩ	Chất lượng nguồn nhân lực tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Lê Bích Ngọc	TS. Hoàng Khắc Lịch	
385.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính dự án đầu tư xây dựng tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc	Tông Văn Nam	PGS.TS Lê Trung Thành	
386.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần Copom thương mại và công nghệ	Dương Thị Hà	GS.TS Phan Huy Đường	
3. Tiến sĩ					
1.	Tiến sĩ	Tác động của vốn tri thức đến đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp ở Việt Nam	Lê Anh Hưng	PGS.TS. Nhâm Phong Tuân	
2.	Tiến sĩ	Quản trị công cấp tính đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam	Đỗ Xuân Bách	PSG.TS. Nguyễn Ngọc Thanh, PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	
3.	Tiến sĩ	Vai trò của nhà nước trong việc đảm bảo an sinh xã hội ở Việt Nam	Nguyễn Thị Nhung	PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp, TS. Lê Thị Hồng Điệp	
4.	Tiến sĩ	Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	PGS.TS. Phạm Thị Túy, PGS.TS. Đinh Văn Thông	
5.	Tiến sĩ	Trách nhiệm xã hội trong kinh doanh khách sạn: Nghiên cứu	Tô Quang Long	PGS.TS. Trần Thị Minh Hòa	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		điển hình các khách sạn 4-5 sao tại Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh			
6.	Tiến sĩ	Xây dựng đặc khu kinh tế tại Việt Nam	Nguyễn Quang Tùng	PGS.TS Lê Xuân Bá	
7.	Tiến sĩ	Sự tham gia của doanh nghiệp Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu: Nghiên cứu trường hợp ngành nông nghiệp	Phan Thị Thanh Huyền	PGS.TS Nguyễn Việt Khôi	
8.	Tiến sĩ	Những nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn địa điểm đầu tư của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam	Nguyễn Thị Thanh Mai	PGS.TS Nguyễn Hồng Sơn, TS. Nguyễn Cẩm Nhung	
9.	Tiến sĩ	Tác động của Quản trị dòng tiền tới giá trị cổ đông của các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam	Tô Lan Phương	PGS.TS Nguyễn Thị Minh Huệ, TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy	
10.	Tiến sĩ	Trách nhiệm xã hội của Tổng công ty nhà nước ở Việt Nam: Nghiên cứu điển hình Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Vũ Văn Hoàn	PGS.TS Hoàng Văn Hải, TS. Đào Văn Tuấn	
11.	Tiến sĩ	Phát triển Du lịch di sản văn hóa theo hướng bền vững: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý đối với Việt Nam	Nguyễn Phúc Lưu	PGS.TS Hà Văn Hội, TS. Nguyễn Tiến Minh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
12.	Tiến sĩ	Chính sách phát triển nguồn nhân lực giảng viên Đại học Sư phạm của Việt Nam	Nguyễn Nhật Tân	PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp	
13.	Tiến sĩ	Thuận lợi hóa thương mại: tác động đến thương mại hàng hóa của ASEAN và hàm ý cho Việt Nam	Trần Thị Mai Thành	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu	
14.	Tiến sĩ	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của phương thức xử lý khủng hoảng thương hiệu từ phía doanh nghiệp đến hành vi người tiêu dùng trong ngành sản xuất thực phẩm tiêu dùng nhanh	Đỗ Ngọc Bích	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	
15.	Tiến sĩ	Nghiên cứu nhân tố tác động đến lượng tiền gửi tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	Vũ Thị Phương Thảo	PGS.TS. Lê Trung Thành	
16.	Tiến sĩ	Vai trò của nhà nước đối với phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam	Vũ Thị Thu Hương	PGS.TS. Phạm Văn Dũng	
17.	Tiến sĩ	Quản lý nhà nước về an ninh năng lượng Điện tại Việt Nam	Nguyễn Đức Lâm	PGS.TS. Lê Quốc Hội, TS. Lưu Quốc Đạt	
18.	Tiến sĩ	Quản lý vốn vay nước ngoài cho phát triển sinh kế hộ gia đình dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai	Nguyễn Thành Luân	PGS.TS. Vũ Thanh Sơn, TS. Trần Quang Tuyên	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
19.	Tiến sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của marketing xã hội tới thái độ và hành vi tham gia giao thông đường bộ của người dân tại Hà Nội	Ngô Thị Hồng Nhung	PGS.TS. Vũ Trí Dũng, TS. Hồ Chí Dũng	
20.	Tiến sĩ	Các nhân tố quản trị ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên tại ĐHQGHN	Trương Thị Huệ	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn, TS. Vũ Văn Hưởng	
21.	Tiến sĩ	Tác động của chiến lược và định hướng thị trường đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam	Nguyễn Đức Xuân	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	

G. CÔNG KHAI THÔNG TIN ĐÀO TẠO THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG CỦA NHÀ NƯỚC, ĐỊA PHƯƠNG VÀ DOANH NGHIỆP: Không có.

H. CÔNG KHAI HỘI NGHỊ, HỘI THẢO KHOA HỌC DO CƠ SỞ GIÁO DỤC TỔ CHỨC

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Thương mại và đầu tư hướng tới chuyển đổi số và chuyển đổi xanh	26/11/2021	Trường ĐHKT	150
2	Hội thảo công bố Báo cáo thường niên Kinh tế Việt nam 2021	29/07/2021	Trường ĐHKT	200
3	Hội thảo Quản trị chất lượng quá trình và chuyển đổi số doanh nghiệp tại Việt Nam	16/12/2021	Trường ĐHKT	100
4	Hội thảo Phát triển chuỗi giá trị nông sản hướng tới nông nghiệp bền vững trong bối cảnh hội nhập tại Đông Nam Á	10/9/2021	Trường ĐHKT	100
5	Hội thảo Năng lực và hành vi giao dịch của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán Việt Nam	29/11/2021	Trường ĐHKT	80
6	Diễn đàn Kinh tế và Thương mại Việt - Anh 2021	21/10/2021	Trường ĐHKT	300
7	Hội thảo trực tuyến Báo cáo đánh giá một năm thực hiện EVFTA	3/11/2021	Trường ĐHKT	80
8	Hội thảo quốc tế lần thứ 9: Cùng doanh nghiệp vượt qua thách thức - ICECH 2021	5/11/2021	Ninh Bình	200
9	Hội thảo quốc tế dành cho các nhà khoa học trẻ khối kinh tế và kinh doanh (ICYREB) lần thứ 7	21/12/2021	Học viện Ngân hàng	200
10	Công bố Báo cáo thường niên Kinh tế Việt Nam năm 2022	20/5/2022	Khách sạn Sheraton	200

I. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ, SẢN XUẤT THỬ VÀ TƯ VẤN

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Luận giải cơ sở lý thuyết về chính sách thúc đẩy CNH, HĐH	PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp	Ban Kinh tế Trung ương	12/2021 - 12/2022	40	Báo cáo chuyên đề
2	Các nhân tố ảnh hưởng đến xác định mô hình và chính sách công nghiệp hoá hiện đại hoá	TS. Đào Thị Thu Trang	Ban Kinh tế Trung ương	12/2021 - 12/2022	40	Báo cáo chuyên đề
3	Báo cáo thường niên Kinh tế Việt Nam 2020: Chính sách tài khóa phục vụ phát triển bền vững” Mã số: QG.20.49	TS. Nguyễn Quốc Việt PGS.TS. Nguyễn Đức Thành PGS.TS. Phạm Thế Anh PGS.TS. Vũ Sỹ Cường ThS. Hoàng Thị Chinh Thon ThS. Phạm Văn Long ThS. Bùi Hà Linh CN. Hà Thị Dịu CN. Nguyễn Hoàng Oanh CN. Phạm Thị Ngọc Quỳnh		2020 - 2022	500	Thư viện ĐHQGHN 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus 02 sách chuyên khảo
4	Phát triển lý thuyết về đánh giá tác động xã hội doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam Mã số: QG.20.50	TS. Phạm Vũ Thắng TS. Cao Tú Oanh TS. Nguyễn Thế Kiên TS. Trần Thu Phương ThS. Lê Hồng Việt ThS. Trần Thị Thu Hải		2020 - 2022	280	Thư viện ĐHQGHN 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
5	Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2021: Xác định lại vị thế cạnh tranh của Việt Nam trong bối cảnh biến động toàn cầu” Mã số: QG.21.46	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà TS. Nguyễn Quốc Việt PGS.TS Nguyễn Anh Thu NCS .Trần Thị Mai Thành TS. Vũ Thanh Hương TS.Nguyễn Thị Thanh Mai TS. Nguyễn Thị Minh Phương PGS.TS. Trần Đức Hiệp TS. Tô Thế Nguyên ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Nương		2021 - 2023	500	Thư viện ĐHQGHN 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus 02 sách chuyên khảo
6	Tạo thuận lợi thương mại số ở Việt Nam Mã số: QG.21.47	TS. Vũ Thanh Hương TS. Nguyễn Hà Phương TS. Nguyễn Thị Minh Phương ThS. Đàm Thị Phương Phảo ThS. Phạm Thị Phụng		2021 - 2023	320	Thư viện ĐHQGHN 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus 01 tư vấn chính sách
7	Biến động giá cổ phiếu ngân hàng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Giải pháp cho nhà đầu tư cá nhân trong bối cảnh khủng hoảng SARS-COV-2 Mã số: QG.21.4	TS. Nguyễn Phú Hà TS. Nguyễn Thị Nhung ThS.Phùng Thị Thu Hương ThS. Nguyễn Khánh Tín ThS. Lương Trâm Anh		2021 - 2023	320	Thư viện ĐHQGHN 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus 02 bài báo trong nước

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
8	Phân tích sự ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19 đến hành vi đầu tư tại Việt Nam Mã số: KT.20.01	TS. Lê Hồng Hạnh		2020 - 2022	40	Thư viện ĐHQGHN 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
9	Phân tích sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hành vi tiêu dùng và tiết kiệm tại Việt Nam Mã số: KT.20.02	TS. Đào Cẩm Thủy		2020 - 2022	40	Thư viện ĐHQGHN 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
10	Nâng cao sự hài lòng của khách hàng trong dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại các ngân hàng TMCP của Việt Nam Mã số: KT.20.03	TS. Lê Duy Anh		2020 - 2022	50	Thư viện ĐHQGHN 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
11	Đánh giá kiến thức hành vi sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần tại khu vực Đà Nẵng Mã số: KT.20.04	TS. Bùi Phương Chi		2020 - 2022	40	Thư viện ĐHQGHN 1 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
12	Xu hướng cấu trúc vốn của doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trước và sau Covid - 19 Mã số: KT.20.05	TS. Nguyễn Thị Minh Phương		2020 - 2022	40	Thư viện ĐHQGHN 1 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
13	Sự chuyển dịch dòng vốn FDI dưới sự tác động của EVFTA và đại dịch Covid -19 Mã số: KT.20.06	TS. Nguyễn Thị Lan Hương		2020 - 2022	40	Thư viện ĐHQGHN 1 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
14	Tác động môi trường đến hiệu quả kinh tế: Trường hợp của các nông hộ ở Việt Nam Mã số: KT.20.07	TS. Nguyễn Thế Kiên		2020 - 2022	10	Thư viện ĐHQGHN 1 báo cáo tư vấn
15	Quản trị nhân tài tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong Mã số: KT.20.11	TS. Lê Hồng Hạnh		2020 - 2022	40	Thư viện ĐHQGH 1 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
16	Phân tích sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hành vi đầu tư tại Việt Nam Mã số: KT.20.01	ThS. Nguyễn Khánh Tín		2020 - 2022	40	Thư viện ĐHQGHN 1 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus

K. CÔNG KHAI THÔNG TIN KIỂM ĐỊNH CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á (CTĐT ngành Kinh tế quốc tế chất lượng cao)	2011	4,67	AP23VNUHNDEC10	Công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL các trường ĐH Đông Nam Á	08/01/2011	07/01/2015
2	Mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á (CTĐT ngành Quản trị kinh doanh)	2015	4,2	AP67VNUHNMAY14	Công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL các trường ĐH Đông Nam Á	29/01/2015	28/01/2019

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
3	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục	2016	86,89%	Số 03/NQ-HĐKĐCLGD ngày 18/7/2016	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	09/9/2016	09/9/2021
4	CTĐT chất lượng cao trình độ đại học ngành Tài chính - ngân hàng	2018	48/50 (96%)	Số 08/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27/4/2018	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	02/7/2018	02/7/2023
5	CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Kế toán	2018	43/50 (86%)	Số 09/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27/4/2018	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	05/9/2018	05/9/2023
6	CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Kinh tế	2019	92%	Số 11/NQ-HĐKĐCLGD ngày 18/3/2020	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	27/4/2020	27/4/2025
7	CTĐT chất lượng cao trình độ đại học ngành Kinh tế phát triển	2020	90%	Số 13/2020/NQ-HĐKĐCLGD ngày 30/12/2020	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	07/02/2021	07/02/2026
8	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục	2021	93%	Số 35/NQ-HĐKĐCLGD ngày 12/4/2022	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	12/5/2022	12/5/2027
9	CTĐT chất lượng cao trình độ đại học ngành Kinh tế quốc tế	2022	90%	Số 112/2022/NQ-HĐKĐCLV ngày 22/6/2022	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	29/7/2022	29/7/2027

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
10	CTĐT chất lượng cao trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh	2022	90%	Số 113/2022/NQ-HĐKĐCLV ngày 22/6/2022	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	29/7/2022	29/7/2027

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn